

## **TỜ TRÌNH**

**Đề nghị thông qua dự án Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.**

Kính gửi: Hội đồng Nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về quản lý Vật liệu xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/ND-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 1469/QĐ-TTg ngày 22/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng, UBND tỉnh trình Hội đồng Nhân dân tỉnh thông qua dự án Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, với nội dung chính như sau:

### **I. Sự cần thiết của việc lập quy hoạch.**

Theo Quyết định số 3350/QĐ-UBND ngày 05/11/2007 của UBND tỉnh Thanh Hóa về phê duyệt Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi lòng sông tỉnh Thanh Hóa đến năm 2015; và Quyết định số 2182/QĐ-UBND ngày 13/7/2012 về điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 3350/QĐ-UBND ngày 05/11/2007 của UBND tỉnh Thanh Hóa, đã xác định được 105 mỏ và 108 bãi tập kết cát sỏi làm vật liệu xây dựng. Tuy nhiên, đến nay Quy hoạch tại Quyết định số 3350/QĐ-UBND ngày 05/11/2007 đã hết hiệu lực thi hành; mặt khác cả 02 quy hoạch trên chưa xác định, khoanh định cụ thể về vị trí, diện tích, chưa đáp ứng được quy định tại Điểm đ, Khoản 4, Điều 11, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

Theo quy định tại Điều 10, Điều 53 của Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12, trong đó, các dự án khai thác khoáng sản phải phù hợp với quy hoạch được duyệt. Để việc cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản cát, sỏi làm vật liệu xây dựng đảm bảo theo quy định; đáp ứng đủ nhu cầu vật liệu xây dựng cho các công trình tại các địa phương; tránh lãng phí tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường, nhằm sử dụng tài nguyên có hiệu quả, đúng mục đích, phát triển bền vững ngành công nghiệp vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa. Ngoài ra làm cơ sở pháp lý cho các ngành, các cấp, các địa phương quản lý tốt hoạt động khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh. Vì vậy, việc lập “Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030” là cần thiết.

## **II. Về Quy trình thực hiện.**

UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 14/01/2016 về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, trong đó giao Sở Xây dựng là cơ quan lập quy hoạch.

Sở Xây dựng đã tổ chức lập, xin ý kiến đầy đủ các đơn vị: Bộ Xây dựng; Bộ Tài nguyên & Môi trường; Bộ Công Thương; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các ngành chức năng có liên quan; Hội đồng thẩm định dự án đã tổ chức hội nghị thẩm định (lần 1 ngày 04/4/2018, lần 2 ngày 14/8/2018) và thống nhất thông qua; Đã báo cáo xin ý kiến các ủy viên UBND tỉnh tại hội nghị thường kỳ UBND tỉnh tháng 10/2018; Ngày 08/11/2018 Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh đã báo cáo Thường vụ Tỉnh ủy. Trên cơ sở ý kiến kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, bổ sung, hoàn chỉnh lại Quy hoạch, đảm bảo điều kiện để phê duyệt.

## **III. Nội dung dự án.**

**1. Tên dự án:** Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

### **2. Mục tiêu quy hoạch.**

Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, phù hợp với chiến lược khoáng sản, quy hoạch khoáng sản quy định của Chính phủ; Phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp tỉnh; Bảo đảm an ninh, quốc phòng trên địa bàn. Khai thác, sử dụng khoáng sản cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả phục vụ nhu cầu hiện tại, đồng thời có tính đến sự phát triển khoa học, công nghệ và nhu cầu vật liệu xây

dụng trong tương lai. Xác định phương hướng, mục tiêu thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản cát, sỏi trong kỳ quy hoạch. Khoanh định chi tiết khu vực mỏ cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường cần đầu tư thăm dò, khai thác để bổ sung, điều chỉnh vào quy hoạch, theo các quy định hiện hành.

### **3. Định hướng quy hoạch:**

Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa vừa đáp ứng được mục tiêu cụ thể nêu trên, vừa phải đáp ứng nhu cầu cho phát triển khai thác giai đoạn sau. Do đó, trong quá trình thực hiện luôn cần có sự bổ sung, điều chỉnh, cập nhật, hoàn thiện cho từng giai đoạn.

### **4. Đối tượng quy hoạch:**

Khoáng sản cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường theo quy định tại Điều 64 của Luật Khoáng sản.

### **5. Phạm vi quy hoạch:**

Các vị trí mỏ, bãi tập kết cát, sỏi có đủ điều kiện quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng trên phạm vi toàn tỉnh Thanh Hóa, cụ thể:

- Các mỏ cát thuộc khu vực lòng sông, các bãi bồi trong đê hoặc khu vực ngoài đê;
- Nạo vét thông dòng đường thủy nội địa;
- Khu vực bờ biển, cửa sông, cửa biển (cát nhiễm mặn).

### **6. Dự báo nhu cầu sử dụng:**

Tổng nhu cầu sử dụng cát, sỏi làm VLXD giai đoạn 2018 - 2030 khoảng 51,38 triệu m<sup>3</sup>, cụ thể:

- Giai đoạn: 2018 - 2025, tổng nhu cầu khoảng 26,79 triệu m<sup>3</sup>;
- Giai đoạn: 2026 - 2030, nhu cầu khoảng 25,04 triệu m<sup>3</sup>.

### **7. Hiện trạng cấp phép, khai thác và sử dụng tài nguyên cát:**

Hiện nay, UBND tỉnh đã cấp phép khai thác 33 mỏ trên các tuyến sông; trong đó:

- + Tổng diện tích cấp phép khoảng 279,05 ha, tổng trữ lượng khoảng 7,85 triệu m<sup>3</sup>, tổng công suất đã cấp phép đạt 666,45 nghìn m<sup>3</sup>/năm;
- + Hiện nay đã khai thác 3,12 triệu m<sup>3</sup>;
- + Còn lại 4,73 triệu m<sup>3</sup>;

UBND đã cấp phép cho thuê 58 bãi tập kết cát, với tổng diện tích khoảng 48,066 ha.

## **8. Nội dung quy hoạch:**

### **8.1. Khu vực lòng sông các hệ thống sông chính, các bãi bồi trong đê, ngoài đê.**

Tổng số vị trí mỏ, bãi tập kết cát, sỏi thuộc khu vực lòng sông, suối trên địa bàn tỉnh là 191 vị trí được phân bố dọc các tuyến sông, suối (sông Mã, sông Chu, sông Lò, sông Luông, sông Bưởi, sông Âm, sông Đăn, sông Hón Cày, suối Sim, suối Ngâm, khe Hao Hao) thuộc địa bàn 21 huyện, thị xã, thành phố, gồm 95 mỏ cát, sỏi và 96 bãi tập kết cát, cụ thể:

- Có 95 mỏ cát, sỏi có đủ điều kiện quy hoạch:
- + Tổng diện tích quy hoạch khoảng 487,73 ha;
- + Tổng trữ lượng và tài nguyên dự báo khoảng 12,095 triệu m<sup>3</sup> cát (trong đó trữ lượng sỏi tại 21 mỏ là 0,77 triệu m<sup>3</sup>);
- + Trữ lượng khoáng sản cát đã khai thác khoảng 3,12 triệu m<sup>3</sup>;
- + Trữ lượng còn lại để đưa vào khai thác khoảng 9,745 triệu m<sup>3</sup>.
- Có 96 vị trí bãi tập kết cát đủ điều kiện quy hoạch, tổng diện tích khoảng 87,881 ha;

*(Chi tiết tại Phụ lục: 01, 02).*

### **8.2. Khu vực nạo vét đường thủy nội địa.**

Có 04 khu vực trên các tuyến sông cần nạo vét, thông dòng, với tổng chiều dài khoảng 5,9 km, tổng trữ lượng cát nạo vét làm vật liệu xây dựng công trình khoảng 0,565 triệu m<sup>3</sup> (*Chi tiết theo phụ lục số 03*).

### **8.3. Khu vực nạo vét cửa sông, cửa biển (cát nhiễm mặn).**

Có 04 khu vực tại các cửa sông cần nạo vét, với tổng chiều dài nạo vét khoảng 13 km, tổng trữ lượng cát nhiễm mặn làm vật liệu san lấp khoảng 1,465 triệu m<sup>3</sup> (*Chi tiết theo phụ lục số 03*).

### **8.4. Dự báo trữ lượng bồi lắng hàng năm.**

Dự kiến giai đoạn 2018-2030, tổng trữ lượng bồi lắng cát, sỏi trên địa bàn tỉnh khoảng 11,7 triệu m<sup>3</sup> (*Trữ lượng bồi lắng đã tính toán giảm trừ phần bị lắng đọng tại các lòng hồ thủy điện*), trong đó:

- Bồi lắng khu vực các hệ thống sông chính và khu vực đường thủy nội địa khoảng 0,9 triệu m<sup>3</sup>/năm, tổng trữ lượng bồi lắng đến năm 2030 khoảng 10,8 triệu m<sup>3</sup>;
- Bồi lắng khu vực cửa sông, cửa biển khoảng 0,075 triệu m<sup>3</sup>/năm, tổng trữ lượng bồi lắng đến năm 2030 khoảng 0,9 triệu m<sup>3</sup>.

### 8.5. Tổng hợp kết quả quy hoạch theo mục đích sử dụng.

a) Cát, sỏi làm vật liệu xây dựng công trình.

Tổng số các mỏ cát, sỏi làm vật liệu xây dựng công trình là 99 mỏ, với tổng trữ lượng có thể khai thác là 21,11 triệu m<sup>3</sup>, cụ thể:

- 95 mỏ cát, sỏi thuộc phạm vi các hệ thống sông, suối, bãi bồi trong đê, ngoài đê với diện tích khoảng 487,73 ha, trữ lượng có thể khai thác khoảng 8,975 triệu m<sup>3</sup> cát và 0,77 triệu m<sup>3</sup> sỏi;

- 04 khu vực nạo vét, khơi thông luồng đường thủy nội địa, với tổng trữ lượng dự báo khoảng 0,565 triệu m<sup>3</sup>;

- Trữ lượng bồi lắng đến năm 2030 đạt 10,8 triệu m<sup>3</sup>;

b) Cát làm vật liệu san lấp (cát nhiễm mặn).

- 04 khu vực nạo vét tại các cửa sông, cửa biển, tổng trữ lượng dự báo khoảng 1,465 triệu m<sup>3</sup>;

- Trữ lượng bồi lắng khu vực cửa sông đến 2030 đạt 0,9 triệu m<sup>3</sup>.

c) Bãi tập kết cát, sỏi: Có 96 vị trí bãi tập kết cát, sỏi với tổng diện tích khoảng 87,881 ha.

### 9. Kế hoạch khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng.

Tổng trữ lượng cát, sỏi quy hoạch kỳ này đạt khoảng 23,475 triệu m<sup>3</sup>, trong đó có 2,365 triệu m<sup>3</sup> là cát nhiễm mặn (chỉ được dùng làm vật liệu san lấp tại những khu vực nhất định) không thích hợp làm vật liệu xây dựng công trình. Như vậy, tổng trữ lượng cát, sỏi làm vật liệu xây dựng công trình tính toán cho kế hoạch thăm dò, khai thác từ nay đến năm 2030 đạt khoảng 21,11 triệu m<sup>3</sup>.

Kế hoạch khai thác, sử dụng cát làm vật liệu xây dựng được chia làm 02 giai đoạn:

- Giai đoạn từ nay đến năm 2025:

Mục tiêu: Đáp ứng nhu cầu khoảng 26,79 triệu m<sup>3</sup>:

+ Cấp phép mới cát, sỏi tự nhiên đạt tổng trữ lượng khai thác đến năm 2025 đạt khoảng 11 triệu m<sup>3</sup>, công suất cấp phép mỗi dự án khai thác mới không nhỏ hơn 10.000 m<sup>3</sup>/năm (áp dụng đối với các mỏ có trữ lượng  $\geq 20.000$  m<sup>3</sup>, thời gian cấp phép tối thiểu là 02 năm; còn với các mỏ còn lại thì cấp theo dự án).

+ Phần nhu cầu cát còn thiếu được bù đắp từ việc phát triển các dự án sản xuất cát nghiền từ đá tại các khu vực có sẵn nguồn nguyên liệu, để cung cấp cho thị trường. Tổng trữ lượng cát nghiền từ đá và các loại vật liệu thay thế đảm bảo ít nhất khoảng 16 triệu m<sup>3</sup>.

+ Tổ chức nạo vét định kỳ khu vực cửa sông, cửa biển, đường thủy nội địa định kỳ 3-5 năm/lần nhằm phục vụ tốt nhu cầu giao thông đường thủy.

+ Cấp phép thăm dò, tận thu một phần ở các lòng hồ thủy điện (nếu có dự án nạo vét).

- Giai đoạn 2026 - 2030:

Mục tiêu: đáp ứng đủ nhu cầu: 25,04 triệu m<sup>3</sup>:

+ Tiếp tục khai thác các mỏ đã được cấp trước năm 2025, cấp phép thăm dò, khai thác các mỏ mới đạt tổng trữ lượng khai thác giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 10 triệu m<sup>3</sup>, công suất cấp phép mỗi dự án khai thác mới không nhỏ hơn 10.000 m<sup>3</sup>/năm (*áp dụng đối với các mỏ có trữ lượng  $\geq 20.000$  m<sup>3</sup>, thời gian cấp phép tối thiểu là 02 năm; còn với các mỏ còn lại thì cấp theo dự án*).

+ Tiếp tục đầu tư nâng công suất các nhà máy sản xuất cát nghiền hiện có; đồng thời, bổ sung một số dây chuyền sản xuất mới ở các huyện miền núi và trung du. Tổng trữ lượng cát nghiền và các loại vật liệu thay thế phải đạt ít nhất 16 triệu m<sup>3</sup>;

+ Tổ chức nạo vét định kỳ 3-5 năm/lần các khu vực cửa sông, đường thủy nội địa.

+ Tăng cường phát triển cát nghiền và các loại vật liệu thay thế như tro, xỉ tại các nhà máy nhiệt điện.

Như vậy với quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi trên đến hết năm 2030, tổng trữ lượng cát, sỏi trong kỳ quy hoạch cơ bản đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

## **10. Tổ chức thực hiện:**

### **10.1. Sở Xây dựng.**

- Quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch thăm dò, khai thác tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng đã được phê duyệt trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật;

- Chủ trì thực hiện các hoạt động thăm định, đánh giá về: Thiết kế cơ sở, thiết kế mỏ, công nghệ khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng; công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng; chất lượng sản phẩm vật liệu xây dựng;

- Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật, các quy định về an toàn, vệ sinh lao động trong các hoạt động: Khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng; sản xuất vật liệu xây dựng;

- Định kỳ tổ chức kiểm tra các cơ sở khai thác, sản xuất khoáng sản làm vật liệu xây dựng, qua đó nhắc nhở, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất xử lý các tổ chức hoạt động chưa theo quy hoạch, không chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về hoạt động khai thác khoáng sản;

- Định kỳ rà soát, trình UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung quy hoạch theo quy định để phù hợp với thực tế, tình hình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Theo dõi, tổng hợp tình hình đầu tư khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng, tình hình sản xuất vật liệu xây dựng của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh;

### ***10.2. Sở Tài Nguyên và Môi trường.***

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động điều tra, thăm dò khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh;

- Tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện việc cấp Giấy phép hoạt động khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch được duyệt;

- Phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng;

- Chủ trì phối hợp với các ngành có liên quan, với UBND cấp huyện, cấp xã trong việc thực hiện các nội dung về chú trọng quyền lợi của người dân sống trong vùng có hoạt động khoáng sản làm vật liệu xây dựng.

### ***10.3. Sở Giao thông vận tải.***

- Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn các ngành, địa phương thực hiện công tác quản lý nhà nước về giao thông vận tải trên địa bàn các địa phương có hoạt động khai thác khoáng sản;

- Phối hợp cùng các ngành, các địa phương, các doanh nghiệp trong việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư nâng cấp và xây mới các tuyến đường giao thông tới các khu công nghiệp, các nhà máy sản xuất và các khu vực khai thác mỏ khoáng sản làm VLXD, tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển nguyên nhiên liệu, vật tư cho sản xuất và lưu thông sản phẩm đi tiêu thụ.

### ***10.4. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.***

Phối hợp với các ngành có chức năng quản lý nhà nước về hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản trong việc cấp phép thăm dò khai thác các mỏ khoáng sản làm VLXD, đảm bảo không ảnh hưởng đến cầu cống, đê điều ... và các nội dung công việc có liên quan khác.

### ***10.5. Sở Tài chính.***

Chủ trì trong việc tham mưu cho UBND tỉnh cân đối kịp thời kinh phí để lập mới; điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng.

### ***10.6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.***

Phối hợp, thông báo các khu vực mới bổ sung vào khu vực quản lý di tích văn hóa, bảo vệ cảnh quan di tích để Sở Xây dựng kịp thời điều chỉnh khu vực quy hoạch đảm bảo theo quy định của pháp luật.

### **10.7. Trách nhiệm của Công an tỉnh.**

Công an tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Xây dựng, UBND cấp huyện có liên quan, thường xuyên kiểm tra, giám sát xử lý các vi phạm trong hoạt động thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng.

### **10.8. UBND các huyện, thị xã, thành phố và các xã, phường có điểm mỏ hoặc bãi tập kết.**

- Thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ tài nguyên, môi trường, an toàn lao động trong các hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng, đảm bảo an ninh, trật tự, xã hội tại khu vực mỏ trên địa bàn quản lý.

- Giải quyết theo thẩm quyền các thủ tục giao đất, cho thuê đất, sử dụng cơ sở hạ tầng và các vấn đề khác có liên quan cho tổ chức, cá nhân được cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại địa phương theo quy định của pháp luật.

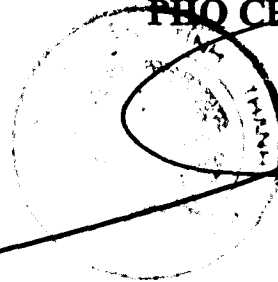
- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về khoáng sản; xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trên đây là nội dung Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Sở Xây dựng;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Quyền**



**Phụ lục 01**

**Tổng hợp chi tiết danh sách các mỏ cát, sỏi thuộc khu vực lòng sông, suối đưa vào quy khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tại nguyên cát, sỏi làm VLXD tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030**

*(Kèm theo Tờ trình số: 159 /TTr-UBND ngày 04/12/2018 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

STT	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	Đã cấp phép (ha)	Trữ lượng cát (m <sup>3</sup> )	Trữ lượng sỏi (m <sup>3</sup> )	Độ dày cát (m)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc lưu vực	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Huyện Mường Lát</b>		<b>4,29</b>	<b>-</b>	<b>71.000</b>	<b>-</b>				
1	161	Mỏ cát bán Mong, xã Quang Chiểu	1,69		25.000		1,48	Mỏ giữa dòng, Suối Sim; Tọa độ: (X - Y: 22 67 487 - 4 44 829; 22 67 542 - 4 44 940; 22 67 547 - 4 45 029; 22 67 532 - 4 45 116; 22 67 525 - 4 45 224; 22 67 492 - 4 45 404; 22 67 467 - 4 45 399; 22 67 493 - 4 45 209; 22 67 506 - 4 45 095; 22 67 521 - 4 45 017; 22 67 509 - 4 44 945; 22 67 463 - 4 44 839)	Suối Sim	Bổ sung QH
2	162	Mỏ cát bán Xim, xã Quang Chiểu	2,2		40.000		1,82	Mỏ giữa dòng, Suối Sim; Tọa độ: (X - Y: 22 65 981 - 4 44 537; 22 65 948 - 4 44 566; 22 65 902 - 4 44 480; 22 65 831 - 4 44 367; 22 65 727 - 4 44 193; 22 65 730 - 4 44 125; 22 65 780 - 4 44 111; 22 65 822 - 4 44 204; 22 65 816 - 4 44 285; 22 65 844 - 4 44 343; 22 65 911 - 4 44 397; 22 65 925 - 4 44 466)	Suối Sim	Bổ sung QH
3	164	Mỏ cát bán Sộp Sim, xã Tén Tằn	0,4		6.000		1,50	Mỏ giữa dòng, Suối Sim; Tọa độ: (X - Y: 22 69 559 - 4 46 950; 22 69 550 - 4 46 974; 22 69 490 - 4 46 943; 22 69 438 - 4 46 870; 22 69 462 - 4 46 858; 22 69 510 - 4 46 920)	Suối Sim	Bổ sung QH
<b>II</b>	<b>Huyện Quan Hóa</b>		<b>17,93</b>	<b>-</b>	<b>294.339</b>	<b>48.000</b>				
4	160	Mỏ cát số 160: làng Chăm, xã Xuân Phú	2,15		51.000	42.000	4,33	Bên Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 52 797 - 5 15 668; 22 52 747 - 5 15 789; 22 52 638 - 5 15 851; 22 52 538 - 5 15 819; 22 52 547 - 5 15 791; 22 52 583 - 5 15 791; 22 52 663 - 5 15 742; 22 52 747 - 5 15 640)	Sông Mã	QH-3350
5	160a	Mỏ cát bán Cối, xã Xuân Phú	1,35		45.000	4.500	3,67	Bên Hữu sông Mã; Tọa độ (X - Y: 22 53 539 - 5 13 373; 22 53 512 - 5 13 491; 22 53 457 - 5	Nt	Bổ sung

STT	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	Đã cấp phép (ha)	Trữ lượng cát (m <sup>3</sup> )	Trữ lượng sỏi (m <sup>3</sup> )	Độ dày cát (m)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc lưu vực	Ghi chú
								13 486; 22 53 474 - 5 13 374; 22 53 516 - 5 13 262; 22 53 462 - 5 13 258)		QH
6	160b	Mỏ cát bản Ken II, xã Nam Tiến	0,87		33.000		3,79	Mỏ giữa dòng, sông Luông; Tọa độ: (X - Y: 22 53 872 - 4 99 494; 22 53 813 - 4 99 593; 22 53 805 - 4 99 655; 22 53 825 - 4 99 702; 22 53 784 - 4 99 727; 22 53 767 - 4 99 629; 22 53 839 - 4 99 473)	Sông Luông	Bổ sung QH
7	160c	Mỏ cát sông Luông, xã Hồi Xuân	3,7		105.000		2,84	Mỏ giữa dòng, ngã ba sông Mã, sông Luông; Tọa độ: (X - Y: 22 56 783 - 5 08 124; 22 56 639 - 5 08 213; 22 56 553 - 5 08 129; 22 56 623 - 5 08 031; 22 56 590 - 5 07 944; 22 56 538 - 5 07 881; 22 56 618 - 5 07 851; 22 56 640 - 5 07 953; 22 56 688 - 5 08 020; 22 56 743 - 5 08 011)	Nt	Bổ sung QH
8	160d	Mỏ cát bản Khảm, xã Hồi Xuân	9,56		49.339		0,52	Mỏ giữa dòng, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 56 626 - 5 08 239; 22 56 151 - 5 08 760; 22 55 998 - 5 08 912; 22 55 933 - 5 08 848; 22 56 118 - 5 08 688; 22 56 424 - 5 08 258; 22 56 534 - 5 08 146)	Sông Mã	Bổ sung QH
9	160e	Mỏ cát bản Sại, xã Phú Lệ	0,3		11.000	1.500	4,17	Mỏ giữa dòng, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 72 344 - 5 01 774; 22 72 233 - 5 01 835; 22 72 219 - 5 01 814; 22 72 334 - 5 01 754)	Nt	Bổ sung QH
III	Huyện Quan Sơn		1,77	0,32	38.303	5.750				
10	169	Mỏ cát bản Păng, xã Sơn Lư	0,32	0,32	3.903		1,22	Bên Tả sông Lò; Tọa độ: (X - Y: 22 39 712 - 4 91 577; 22 39 710 - 4 91 598; 22 39 628 - 4 91 589; 22 39 603 - 4 91 639; 22 39 610 - 4 91 565)	Sông Lò	Cập nhật QH
11	171	Mỏ cát bản Din, xã Trung Hạ	0,4		9.500	1.750	2,81	Bên Hữu sông Lò; Tọa độ: (X - Y: 22 46 504 - 5 02 551; 22 46 480 - 5 02 574; 22 46 450 - 5 02 552; 22 46 403 - 5 02 480; 22 46 423 - 5 02 465)	Sông Lò	Bổ sung QH

STT	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	Đã cấp phép (ha)	Trữ lượng cát (m <sup>3</sup> )	Trữ lượng sỏi (m <sup>3</sup> )	Độ dày cát (m)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc lưu vực	Ghi chú
12	172	Mỏ cát bản Lâm, thị trấn Quan Sơn	0,7		15.400	2.750	2,59	Bên Tả sông Lò; Tọa độ: (X - Y: ; 22 39 652 - 4 93 792; 22 39 625 - 4 93 851; 22 39 580 - 4 93 876; 22 39 494 - 4 93 860; 22 39 498 - 4 93 825; 22 39 561 - 4 93 832; 22 39 600 - 4 93 814; 22 39 625 - 4 93 776)	Sông Lò	Bổ sung QH
13	173	Mỏ cát bản Xuân Thành, xã Sơn Thù	0,2		5.000	1.250	3,13	Bên Tả sông Luông; Tọa độ: (X - Y: 22 45 981 - 4 70 451; 22 45 964 - 4 70 465; 22 45 941 - 4 70 437; 22 45 894 - 4 70 410; 22 45 905 - 4 70 392; 22 45 956 - 4 70 421)	Sông Luông	Bổ sung QH
14	176	Mỏ cát bản 83, xã Na Mèo	0,15		4.500		3,00	Mỏ giữa dòng, sông Luông; Tọa độ: (X - Y: 22 44 302 - 4 63 329; 22 44 296 - 4 63 345; 22 44 254 - 4 63 331; 22 44 222 - 4 63 301; 22 44 229 - 4 63 291; 22 44 265 - 4 63 313)	Sông Luông	Bổ sung QH
<b>IV</b>	<b>Huyện Bá Thước</b>		<b>9,39</b>	<b>7,49</b>	<b>105.184</b>	<b>-</b>				
15	177	Mỏ cát làng Chiềng, xã Thiết Ống	1,90	-	45.000		2,37	Bên Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 44 904 - 5 18 970; 22 44 838 - 5 19 127; 22 44 851 - 5 19 197; 22 44 938 - 5 19 160; 22 44 926 - 5 19 000; 22 44 904 - 5 18 970)	Sông Mã	Bổ sung QH
16	178	Mỏ cát thôn Bá Lộc, xã Thiết Ống; xã Thiết Kế (VT1)	2,17	2,17	60.184		0,80	Mỏ giữa dòng, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 45 162 - 5 17 644; 22 45 146 - 5 17 756; 22 45 050 - 5 17 956; 22 45 025 - 5 17 949; 22 45 049 - 5 17 799; 22 45 089 - 5 17 617; 22 44 981 - 5 18 220; 22 44 982 - 5 18 345; 22 44 945 - 5 18 624; 22 44 932 - 5 18 627; 22 44 901 - 5 18 368; 22 44 907 - 5 18 217)	Nt	Cập nhật QH
17	179	Mỏ cát thôn Bá Lộc, xã Thiết Ống (VT2)	2,32	2,32				Nt	Cập nhật QH	
18	180	Mỏ cát thôn Quyết Thắng, xã Thiết Ống	3	3				Bên Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 46 188 - 5 20 906; 22 46 068 - 5 21 020; 22 45 972 - 5 20 803; 22 46 050 - 5 20 733)	Nt	Cập nhật QH
<b>V</b>	<b>Huyện Cẩm Thủy</b>		<b>53,35</b>	<b>25,55</b>	<b>581.573</b>	<b>75.500</b>				

STT	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	Đã cấp phép (ha)	Trữ lượng cát (m <sup>3</sup> )	Trữ lượng sỏi (m <sup>3</sup> )	Độ dày cát (m)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc lưu vực	Ghi chú
19	34	Mỏ cát số 34: thôn Trại Hà, xã Cẩm Tân	3,2		47.604	16.500	2,00	Bên Tả, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 24 887 - 5 58 368; 22 24 806 - 5 58 490; 22 24 782 - 5 58 348; 22 24 717 - 5 58 161; 22 24 831 - 5 58 132)	Sông Mã	QH-3350
20	47	Mỏ cát số 47: thôn Tân Tiến, xã Cẩm Tân	2,75		21.470	6.500	1,02	Bên Tả, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 24 766 - 5 57 983; 22 24 710 - 5 57 841; 22 24 627 - 5 57 816; 22 24 550 - 5 57 840; 22 24 596 - 5 57 878; 22 24 565 - 5 57 942; 22 24 643 - 5 58 021)	Nt	QH-3350
21	45	Mỏ cát số 45: làng Mới, xã Cẩm Vân	4,88		62.971	25.000	1,80	Bên Hữu, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 24 183 - 5 59 268; 22 24 023 - 5 59 317; 22 23 880 - 5 59 257; 22 23 834 - 5 59 075; 22 23 866 - 5 59 061; 22 23 989 - 5 59 154; 22 24 155 - 5 59 159)	Nt	QH-3350
22	46	Mỏ cát số 46: thôn Vân Trại, xã Cẩm Vân	4,06		43.262	12.500	1,37	Bên Hữu, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 24 483 - 5 58 944; 22 24 449 - 5 59 006; 22 24 326 - 5 59 166; 22 24 231 - 5 59 088; 22 24 424 - 5 58 796)	Nt	QH-3350
23	105	Mỏ cát số 105: làng Song, xã Cẩm Ngọc	4		56.440		1,41	Bên Tả, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 30 735 - 5 53 260; 22 30 716 - 5 53 305; 22 30 272 - 5 53 112; 22 29 958 - 5 53 128; 22 29 955 - 5 53 078; 22 30 275 - 5 53 061)	Nt	QH-3350
24	107	Mỏ cát số 107: làng Sóng, xã Cẩm Ngọc	2,77		31.000		1,12	Bên Tả, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 32 382 - 5 52 847; 22 32 199 - 5 53 183; 22 32 134 - 5 53 126; 22 32 330 - 5 52 812)	Nt	QH-3350
25	106	Mỏ cát số 106: làng Cò, xã Cẩm Yên	4		57.357		1,43	Bên Hữu, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 31 461 - 5 53 530; 22 31 457 - 5 53 586; 22 31 276 - 5 53 566; 22 31 011 - 5 53 471; 22 30 847 - 5 53 332; 22 30 849 - 5 53 269; 22 31 044 - 5 53 413; 22 31 289 - 5 53 509)	Nt	QH-3350

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	Đã cấp phép (ha)	Trữ lượng cát (m <sup>3</sup> )	Trữ lượng sỏi (m <sup>3</sup> )	Độ dày cát (m)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc Lưu vực	Ghi chú
26	108	Mỏ cát số 108: xã Cẩm Sơn; xã Cẩm Yên	2,14		29.000	15.000	2,06	Bên Hữu, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 32 996 - 5 52 081; 22 32 724 - 5 52 286; 22 32 684 - 5 52 261; 22 32 771 - 5 52 143; 22 32 971 - 5 52 057)	Nt	QH-3350
27	111A	Mỏ cát số 111A: Khu 3, Thị trấn Cẩm Thủy	3,22	3,22	27.000		0,84	Bên Hữu, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 36 850 - 5 49 558; 22 36 683 - 5 49 702; 22 36 709 - 5 49 761; 22 36 651 - 5 49 787; 22 36 629 - 5 49 727; 22 36 592 - 5 49 808; 22 36 574 - 5 49 746; 22 36 499 - 5 49 780; 22 36 481 - 5 49 708; 22 36 624 - 5 49 569; 22 36 764 - 5 49 448)	Nt	QH-3350
	111B	Mỏ cát số 111B: Khu 3, Thị trấn Cẩm Thủy	2,48	2,48	20.631		0,83			
28	112	Mỏ cát số 112: thôn Phú Lai, xã Cẩm Giang	5	5	47.718		0,95	Mỏ giữa dòng, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 36 776 - 5 46 828; 22 36 701 - 5 46 915; 22 36 530 - 5 46 971; 22 36 346 - 5 46 995; 22 36 402 - 5 46 895; 22 36 529 - 5 46 804; 22 36 745 - 5 46 776)	Nt	QH-3350
29	115	Mỏ cát số 115: thôn Bình Hòa 2, xã Cẩm Bình	7,43	7,43	49.887		0,67	Mỏ giữa dòng, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 39 345 - 5 45 191; 22 39 275 - 5 45 394; 22 39 141 - 5 45 578; 22 39 068 - 5 45 626; 22 39 020 - 5 45 551; 22 39 146 - 5 45 356; 22 39 256 - 5 45 013; 22 39 297 - 5 45 027)	Nt	QH-3350
30	121	Mỏ bãi làng Trẹn, xã Cẩm Thành	7,42	7,42	87.233		1,18	Mỏ giữa dòng, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 39 694 - 5 38 176; 22 39 487 - 5 38 472; 22 39 339 - 5 38 591; 22 39 149 - 5 38 607; 22 39 120 - 5 38 570; 22 39 319 - 5 38 426; 22 39 617 - 5 38 181; 22 39 676 - 5 38 152)	Nt	QH-3350
<b>VI</b>	<b>Huyện Lang Chánh</b>		<b>2,17</b>	<b>1,57</b>	<b>24.724</b>	<b>-</b>				
31	181	Mỏ cát làng Lọng, xã Tam Văn	0,32	0,32	4.200		1,31	Mỏ giữa dòng, sông Âm; Tọa độ: (X - Y: 22 35 376 - 5 15 005; 22 35 317 - 5 15 036; 22 35 233 - 5 15 016; 22 35 238 - 5 14 996; 22 35 319 - 5 15 010; 22 35 368 - 5 14 988)	Sông Âm	Cập nhật QH
32	182	Mỏ cát làng	0,2		2.650		1,33	Bên Tả, sông Âm; Tọa độ: (X - Y: 22 29 336 -	Nt	Bổ sung

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	Đã cấp phép (ha)	Trữ lượng cát (m <sup>3</sup> )	Trữ lượng sỏi (m <sup>3</sup> )	Độ dày cát (m)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc Lưu vực	Ghi chú
		Chiềng Ban, xã Quang Hiến (VT1)						5 23 855; 22 29 321 - 5 23 886; 22 29 316 - 5 23 928 ; 22 29 294 - 5 23 879; 22 29 318 - 5 23 843)		QH
33	183	Mỏ cát làng Chiềng Ban, xã Quang Hiến (VT2)	0,25	0,25	2.048		0,82	Bên Hữu, sông Âm; Tọa độ: (X - Y: 22 29 600-5 24 275; 22 29 644-5 24 311; 22 29 961-5 24 365; 22 29 586-5 24 349; 22 29 609-5 24 312; 22 29 586-5 24 293)	Nt	Cập nhật QH
34	184	Mỏ cát thôn Tân Thủy, xã Tân Phúc	0,4		6.000		1,50	Bên Tả, sông Âm; Tọa độ: (X - Y: ; 22 31 142 - 5 21 543; 22 31 043 - 5 21 630; 22 31 023 - 5 21 607; 22 31 122 - 5 21 521)	Nt	Bổ sung QH
35	185	Mỏ cát làng Bắc Nậm, xã Giao An	0,35	0,35	4.500		1,29	Mỏ giữa dòng, sông Hón Cày; Tọa độ: (X - Y: 22 22 911 - 5 26 929; 22 22 909 - 5 26 957; 22 22 851 - 5 26 982; 22 22 849 - 5 26 908; 22 22 886 - 5 26 909; 22 22 901 - 5 26 915)	Sông Hón Cày	Cập nhật QH
36	186	Mỏ cát thôn Tân Lập, xã Tân Phúc	0,65	0,65	5.326		0,82	Bên Tả, sông Âm; Tọa độ: (X - Y: 22 30 777-5 20 793; 22 30 748-5 20 835; 22 30 771-5 20 866; 22 30 811-5 20 896; 22 30 865-5 20 894; 22 30 872-5 20 875)	Sông Âm	Cập nhật QH
<b>VII</b>	<b>Huyện Ngọc Lặc</b>		<b>6,71</b>	<b>5,11</b>	<b>54.028</b>		-			
37	190	Mỏ cát làng Châm, xã Phùng Giáo	0,8	0,8	2.700		0,34	(Bên Hữu, sông Âm; Tọa độ: (X - Y: 22 11 860 - 5 32 426; 22 11 826 - 5 32 497; 22 11 858 - 5 32 523; 22 11 919 - 5 32 524; 22 11 959 - 5 32 515; 22 11 961 - 5 32 466; 22 11 896 - 5 32 464)	Sông Âm	Cập nhật QH (thời hạn khai thác đến hết 11/2019)
38	191	Mỏ cát làng Chu, xã Phùng Minh	0,8	0,8	2.400		0,30	Bên Tả, sông Âm; Tọa độ: (X - Y: 22 04 181 - 5 36 046; 22 04 159 - 5 36 030; 22 04 286 - 5 35 903; 22 04 434 - 5 35 969; 22 04 425 - 5 35 986; 22 04 294 - 5 35 934)	Nt	Cập nhật QH (thời hạn khai thác đến hết 11/2019)
39	192	Mỏ cát làng Thượng, xã Phùng Minh	0,8	0,8	2.700		0,34	Bên Hữu, sông Âm; Tọa độ: (X - Y: 22 07 282 - 5 33 286; 22 07 272 - 5 33 265; 22 07 439 - 5 33 187; 22 07 450 - 5 33 210; 22 07	Nt	Cập nhật QH (thời hạn khai

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	Đã cấp phép (ha)	Trữ lượng cát (m <sup>3</sup> )	Trữ lượng sỏi (m <sup>3</sup> )	Độ dày cát (m)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc Lưu vực	Ghi chú
								719 - 5 33 181; 22 07 712 - 5 33 209; 22 07 830 - 5 33 236; 22 07 836 - 5 33 208)		thác đến hết 11/2019)
40	194	Mỏ cát làng Cốc, xã Phùng Minh (VT1)	0,8	0,8	6.562		0,82	Bên Tả, sông Âm; Tọa độ: (X - Y: 22 06 094 - 5 33 551; 22 06 069 - 5 33 644; 22 06 095 - 5 33 803; 22 06 063 - 5 33 807; 22 06 039 - 5 33 638; 22 06 065 - 5 33 543)	Nt	Cập nhật QH (thời hạn khai thác đến hết 11/2020)
41	195	Mỏ cát làng Cốc, xã Phùng Minh (VT2)	0,93	0,93	7.628		0,82	Bên Tả, sông Âm; Tọa độ: (X - Y: 22 05 774 - 5 34 560; 22 05 796 - 5 34 570; 22 05 776 - 5 34 617; 22 05 757 - 5 34 716; 22 05 731 - 5 34 812; 22 05 700 - 5 34 808; 22 05 716 - 5 34 686)	Nt	Cập nhật QH (thời hạn khai thác đến hết 11/2020)
42	195a	Mỏ cát làng Miêng, xã Phúc Thịnh	0,98	0,98	8.038		0,82	Bên Tả, sông Âm; Tọa độ: (X - Y: 22 04 067 - 5 37 439; 22 04 066 - 5 37 368; 22 04 091 - 5 37 365; 22 04 189 - 5 37 594; 22 04 164 - 5 37 604)	Nt	Cập nhật QH (thời hạn khai thác đến hết 11/2020)
43	195b	Mỏ cát làng Âm, xã Vân Am	0,8		12.000		1,50	Bên Tả, sông Âm; Tọa độ: (X - Y: 22 16 310 - 5 31 249; 22 16 322 - 5 31 193; 22 16 299 - 5 31 183; 22 16 262 - 5 31 178; 22 16 213 - 5 31 193; 22 16 175 - 5 31 211; 22 16 202 - 5 31 262; 22 16 288 - 5 31 235)	Nt	Bổ sung QH
44	195c	Mỏ cát làng Đám, xã Vân Am	0,8		12.000		1,50	Bên Hữu, sông Âm; Tọa độ: (X - Y: 22 17 87 - 5 31 064; 22 17 888 - 5 31 037; 22 17 695 - 5 30 942; 22 17 681 - 5 30 968; 22 17 747 - 5 31 017)	Nt	Bổ sung QH
<b>VIII</b>	<b>Huyện Vĩnh Lộc</b>		<b>56,55</b>	<b>13,45</b>	<b>1.389.651</b>	<b>631.500</b>				
45	13	Mỏ cát số 13 xã Vĩnh Minh	4,6		75.000	95.000	3,70	Bên Tả, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 12 330 - 5 73 219; 22 12 261 - 5 73 554; 22 12 128 - 5 73 523; 22 12 208 - 5 73 178)	Sông Mã	QH-3350

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	Đã cấp phép (ha)	Trữ lượng cát (m <sup>3</sup> )	Trữ lượng sỏi (m <sup>3</sup> )	Độ dày cát (m)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc Lưu vực	Ghi chú
46	18	Mỏ cát số 18: Làng Nghĩa Kỳ, xã Vĩnh Hòa	7	7	251.236		3,59	Bên Tả, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 13 744 - 5 67 888; 22 13 654 - 5 67 923; 22 13 485 - 5 67 415; 22 13 605 - 5 67 274; 22 13 647 - 5 67 288; 22 13 623 - 5 67 436)	Nt	QH-3350
47	20	Mỏ cát số 20: Xã Vĩnh Khang, huyện Vĩnh Lộc, xã Yên Thái, huyện Yên Định	7		185.000	165.000	5,00	giữa ngã ba sông Bưởi và sông Mã (X - Y: 22 14 147 - 5 66 612; 22 14 239 - 5 65 943; 22 14 331 - 5 66 187; 22 14 222 - 5 66 228; 22 14 126 - 5 65 961; 22 14 034 - 5 65 643)	Sông Mã	QH-3350
48	21	Mỏ cát số 21: thôn 3,4,5,6 xã Vĩnh Khang	13		320.000	145.000	3,58	Bên Tả, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 14 724 - 5 64 650; 22 14 506 - 5 64 886; 22 14 409 - 5 65 179; 22 14 258 - 5 65 138; 22 14 844 - 5 64 316; 22 14 500 - 5 64 508)	Nt	QH-3350
49	25	Mỏ cát số 25: xóm Long Vân, thôn Yên Lạc 2, xã Vĩnh Ninh	4		85.500	45.000	3,26	Bên Tả, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 17 859 - 5 62 086; 22 17 720 - 5 62 567; 22 17 649 - 5 62 540; 22 17 700 - 5 62 301; 22 17 064 - 5 62 806)	Nt	QH-3350
50	26	Mỏ cát số 26 thôn Yên Lạc, xã Vĩnh Ninh; xã Quý Lộc, huyện Yên Định	11		108.000	125.000	2,12	Bên Tả, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 17 747 - 5 62 573; 22 17 623 - 5 62 048; 22 17 438 - 5 62 414; 22 17 381 - 5 63 366; 22 17 456 - 5 63 002; 22 17 672 - 5 62 549)		QH-3350
51	30	Mỏ cát số 30: thôn Yên Tôn Thượng, xã Vĩnh Yên	6,45	6,45	272.615		4,23	Bên Tả, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 20 074 - 5 59 408; 22 19 942 - 5 59 564; 22 19 806 - 5 60 081; 22 19 724 - 5 60 057; 22 19 881 - 5 59 504; 22 19 984 - 5 59 334)	Nt	QH-3350
52	32	Mỏ cát số 32 xã Vĩnh Quang	3,5		92.300	56.500	4,25	Bên Tả, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 22 337 - 5 57 896; 22 22 504 - 5 57 847; 22 22 626 - 5 57 837; 22 22 874 - 5 57 876; 22 22 886 - 5 57 817; 22 22 694 - 5 57 755; 22 22 550 - 5 57 769; 22 22 355 - 5 57 864)		QH-3350
<b>IX</b>	<b>Huyện Yên Định</b>		<b>21,20</b>	<b>21,20</b>	<b>591.635</b>	-				



Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	Đã cấp phép (ha)	Trữ lượng cát (m <sup>3</sup> )	Trữ lượng sỏi (m <sup>3</sup> )	Độ dày cát (m)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc Lưu vực	Ghi chú
53	41	Mỏ cát số 41: Bãi Bông, xã Quý Lộc	7	7	131.986		1,89	Bên Hữu, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 17 844 - 5 61 321; 22 17 930 - 5 61 287; 22 18 034 - 5 61 492; 22 18 049 - 5 61 718; 22 18 006 - 5 61 976; 22 17 904 - 5 61 958; 22 17 946 - 5 61 706; 22 17 931 - 5 61 515)	Nt	QH-3350
54	50	Mỏ cát số 50: Tam Đa, xã Yên Phong	4,2	4,2	94.552		2,25	Bên Hữu, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 15 018 - 5 63 167; 22 14 928 - 5 63 453; 22 14 821 - 5 63 425; 22 14 833 - 5 63 224; 22 14 897 - 5 63 129)	Nt	QH-3350
55	54	Mỏ cát số 54: làng Chiềng, xã Định Hải	10	10	365.097		3,65	Bên Hữu, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 13 875 - 5 68 545; 22 13 946 - 5 68 551; 22 13 998 - 5 68 772; 22 13 801 - 5 69 375; 22 13 750 - 5 69 364; 22 13 791 - 5 68 915)	Nt	QH-3350
<b>X</b>	<b>Huyện Thường Xuân</b>		<b>5,32</b>	<b>2,75</b>	<b>78.919</b>	<b>10.000</b>				
56	196	Mỏ cát thôn Quyết Tiến, xã Xuân Cao	0,3		4.500	2.500	2,33	Bên Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 21 98 507 - 5 40 754; 21 98 467 - 5 40 766; 21 98 440 - 5 40 672; 21 98 460 - 5 40 668)	Sông Chu	Bổ sung QH
57	197	Mỏ cát gần Tô Rông, xã Xuân Cao	0,4		4.800	2.500	1,83	Bên Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 21 99 837 - 5 36 099; 21 99 792 - 5 36 133; 21 99 730 - 5 36 148; 21 99 721 - 5 36 114; 21 99 817 - 5 36 072)	Nt	Bổ sung QH
58	196a	Mỏ cát Thôn Vinh Quang, xã Xuân Cao	0,4	0,4	8.840		2,21	Giữa sông Đăn; Tọa độ: (X - Y: 21 96 798 - 5 36 614; 21 96 793 - 5 36 584; 21 96 757 - 5 36 574; 21 96 710 - 5 36 608; 21 96 705 - 5 36 651; 21 96 685 - 5 36 649; 21 96 691 - 5 36 897; 21 96 753 - 5 36 552; 21 96 810 - 5 36 568; 21 96 818 - 5 36 610)	Sông Đăn	Cập nhật QH

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	Đã cấp phép (ha)	Trữ lượng cát (m <sup>3</sup> )	Trữ lượng sỏi (m <sup>3</sup> )	Độ dày cát (m)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc Lưu vực	Ghi chú
59	197a	Mỏ cát Thôn Trung Tiến, xã Xuân Cao VT1	0,43	0,43	9.503		2,21	Giữa sông Đản; Tọa độ: (X - Y: 21 97 903 - 5 37 138; 21 98 003 - 5 37 161; 21 98 020 - 5 37 205; 21 97 953 - 5 37 293; 21 97 970 - 5 37 305; 21 98 035 - 5 37 205; 21 98 035 - 5 37 205; 21 98 017 - 5 37 149; 21 97 907 - 5 37 123)	Sông Đản	Cập nhật QH
60	197b	Mỏ cát Thôn Trung Tiến, xã Xuân Cao; thôn Đông Xuân, xã Thọ Thanh	0,5	0,5	7.500		1,50	Bên Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 21 98 442 - 5 37 523; 21 98 460 - 5 37 680; 21 98 491 - 5 37 674; 21 98 482 - 5 37 572; 21 98 466 - 5 37 520)	Sông Chu	Cập nhật QH
61	198	Mỏ cát thôn Thống Nhất, xã Xuân Cao	0,5	0,5	4.824		0,96	Giữa sông Đản; Tọa độ (X - Y: 21 95 360 - 5 36 564; 21 95 369 - 5 36 591; 21 95 249 - 5 36 661; 21 95 231 - 5 36 621)	Sông Đản	Cập nhật QH
62	199	Mỏ cát thôn Thanh Long, xã Thọ Thanh, VT1	0,55		7.500	1.500	1,64	Bên Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 21 99 223 - 5 36 426; 21 99 167 - 5 36 564; 21 99 140 - 5 36 551; 21 99 165 - 5 36 489; 21 99 192 - 5 36 390)	Nt	Bổ sung QH
63	200	Mỏ cát thôn Thanh Long, xã Thọ Thanh, VT2	0,12		2.500		2,08	Bên Tả sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 21 99 975 - 5 36 086; 21 99 961 - 5 36 121; 21 99 935 - 5 36 154; 21 99 928 - 5 36 144; 21 99 952 - 5 36 087)	Nt	Bổ sung QH
64	201	Mỏ cát thôn Xuân Thành, xã Ngọc Phụng	1,2		18.000	3.500	1,79	Bên Hữu sông Âm; Tọa độ: (X - Y: 22 06 088 - 5 34 248; 22 06 082 - 5 34 326; 22 06 031 - 5 34 375; 22 05 864 - 5 34 431; 22 05 857 - 5 34 421; 22 05 993 - 5 34 359; 22 06 021 - 5 34 294; 22 06 047 - 5 34 186)	Sông Âm	Bổ sung QH
65	201a	Mỏ cát thôn Hưng Long, xã Ngọc Phụng	0,92	0,92	10.952		1,19	Bên Hữu sông Âm; Tọa độ: (X - Y: 22 04 315 - 5 37 051; 22 04 343 - 5 37 101; 22 04 325 - 5 37 113; 22 04 171 - 5 37 150; 22 04 167 - 5 37 105; 22 04 236 - 5 37 080)	Sông Âm	Cập nhật QH
<b>XI</b>	<b>Huyện Thọ Xuân</b>		<b>83,96</b>	<b>83,66</b>	<b>2.494.763</b>	-				

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	Đã cấp phép (ha)	Trữ lượng cát (m <sup>3</sup> )	Trữ lượng sỏi (m <sup>3</sup> )	Độ dày cát (m)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc Lưu vực	Ghi chú
66	10	Mỏ cát số 10: Long Linh, xã Thọ Trường	10	10	216.000		2,16	Bên Tả sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 05 395 - 5 59 989; 22 04 833 - 5 60 073; 22 04 459 - 5 60 374; 22 04 499 - 5 60 433; 22 04 874 - 5 60 184; 22 04 410 - 5 60 076)	Sông Chu	QH-3350
67	17	Mỏ cát số 17: làng Vân Lộ, xã Thọ Nguyên	15,96	15,96	726.329		4,55	Bên Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 06 595 - 5 59 521; 22 06 270 - 5 59 706; 22 06 098 - 5 59 654; 22 06 225 - 5 59 600; 22 06 408 - 5 59 442; 22 06 448 - 5 59 194; 22 06 364 - 5 58 960; 22 06 429 - 5 58 930; 22 06 582 - 5 59 161)	Nt	QH-3350
68	20	Mỏ cát số 20: Xứ Đồng xã Thọ Hải	14	14	357.184		2,55	Bên Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 07 383 - 5 49 789; 22 07 262 - 5 49 806; 22 07 195 - 5 49 457; 22 07 119 - 5 49 213; 22 06 958 - 5 48 903; 22 07 047 - 5 48 852; 22 07 265 - 5 49 142; 22 07 349 - 5 49 437)	Nt	QH-3350
69	23	Mỏ cát số 23 xã Xuân Bái	0,3		6.500		2,17	Ngã ba sông Chu, sông Âm (X - Y: 22 03 785 - 5 38 880; 22 03 844 - 5 30 906; 22 03 875 - 5 38 965; 22 03 856 - 5 38 977; 22 03 827 - 5 38 926; 22 03 775 - 5 38 903)	Sông Chu, sông Âm	QH-3350
70	25	Mỏ cát số 25: xã Thọ Lâm, xã Xuân Lam	7	7	85.736		1,22	Bên Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 04 100 - 5 44 685; 22 04 046 - 5 44 692; 22 03 998 - 5 44 246; 22 03 725 - 5 43 422; 22 03 773 - 5 43 407; 22 04 051 - 5 44 232)	Nt	QH-3350
71	28	Mỏ cát số 28: xã Thọ Lập, xã Xuân Tín	7	7	127.203		1,82	Bên Tả sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 08 261 - 5 51 567; 22 08 206 - 5 51 597; 22 08 047 - 5 51 321; 22 07 844 - 5 51 043; 22 07 918 - 5 50 982; 22 08 145 - 5 51 238)	Nt	QH-3350
72	18	Mỏ cát số 18: xã Hạnh Phúc, xã Xuân Thành	20,7	20,7	801.454		3,87	Bên Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 06 663 - 5 56 645; 22 06 548 - 5 57 070; 22 06 356 - 5 57 032; 22 06 411 - 5 56 724; 22 06 364 - 5 56 516; 22 06 188 - 5 56 312; 22 06 240 - 5 56 125)	Nt	QH-3350

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	Đã cấp phép (ha)	Trữ lượng cát (m <sup>3</sup> )	Trữ lượng sỏi (m <sup>3</sup> )	Độ dày cát (m)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc Lưu vực	Ghi chú
73	11a	Mỏ cát số 11a xã Xuân Lai	9	9	174.357		1,94	Bên Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 06 237 - 5 57 521; 22 06 029 - 5 57 876; 22 06 044 - 5 58 276; 22 06 165 - 5 58 274; 22 06 156 - 5 57 915; 22 06 312 - 5 57 569)	Nt	QH-3350
<b>XII</b>	<b>Huyện Thạch Thành</b>		<b>3,59</b>	<b>-</b>	<b>51.100</b>	<b>-</b>				
74	202	Mỏ cát thôn Vân Phú, xã Thành Mỹ	0,46		6.000		1,30	Bên Tả sông Bưởi, tọa độ (X - Y: 22 41 819 - 5 56 506; 22 41 814 - 5 56 634; 22 41 777 - 5 56 731; 22 41 778 - 5 56 607)	Sông Bưởi	Bổ sung QH
75	203	Mỏ cát thôn Vân Tiến, xã Thành Mỹ	0,33		4.600		1,38	Bên Tả sông Bưởi, tọa độ (X - Y: 22 40 470 - 5 57 744; 22 40 446 - 5 57 823; 22 40 448 - 5 57 864; 22 40 490 - 5 57 960; 22 40 481 - 5 57 964; 22 40 429 - 5 57 868; 22 40 429 - 5 57 824; 22 40 463 - 5 57 740)	Sông Bưởi	Bổ sung QH
76	204	Mỏ cát thôn Vân Nam, xã Thành Mỹ	0,32		4.500		1,41	Bên Tả sông Bưởi, tọa độ (X - Y: 22 41 193 - 5 57 081; 22 41 170 - 5 57 202; 22 41 153 - 5 57 192; 22 41 151 - 5 57 118; 22 41 175 - 5 57 073)	Sông Bưởi	Bổ sung QH
77	205	Mỏ cát thôn Quyết Thắng, xã Thành Vinh	0,60		9.000		1,50	Bên Tả sông Bưởi, tọa độ (X - Y: 22 38 139 - 5 60 141; 22 38 089 - 5 60 243; 22 38 091 - 5 60 296; 22 38 108 - 5 60 383; 22 38 090 - 5 60 388; 22 38 061 - 5 60 294; 22 38 059 - 5 60 243; 22 38 129 - 5 60 136)	Sông Bưởi	Bổ sung QH
78	207	Mỏ cát thôn Thạch Yên, Thạch Cẩm	0,74		10.000		1,35	Bên Hữu sông Bưởi, tọa độ (X - Y: 22 40 977 - 5 57 706; 22 40 878 - 5 57 761; 22 40 726 - 5 57 739; 22 40 728 - 5 57 713; 22 40 819 - 5 57 726; 22 40 887 - 5 57 717; 22 40 969 - 5 57 687)	Sông Bưởi	Bổ sung QH
79	208	Mỏ cát thôn Quảng Giang, Thạch Quảng	0,58		8.500		1,47	Bên Hữu sông Bưởi, tọa độ (X - Y: 22 45 166 - 5 55 596; 22 45 157 - 5 55 681; 22 45 163 - 5 55 743; 22 45 187 - 5 55 783; 22 45 155 - 5 55 803; 22 45 125 - 5 55 751; 22 45 135 - 5 55 681; 22 45 145 - 5 55 593)	Sông Bưởi	Bổ sung QH

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	Đã cấp phép (ha)	Trữ lượng cát (m <sup>3</sup> )	Trữ lượng sỏi (m <sup>3</sup> )	Độ dày cát (m)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc Lưu vực	Ghi chú
80	209	Mỏ cát thôn Quảng Trung, Thạch Quảng	0,55		8.500		1,54	Bên Hữu sông Bưởi, tọa độ (X - Y: 22 44 727 - 5 55 980; 22 44 737 - 5 55 996; 22 44 655 - 5 56 068 ; 22 44 555 - 5 56 077; 22 44 550 - 5 56 059; 22 44 642 - 5 56 034)	Sông Bưởi	Bổ sung QH
<b>XIII</b>	<b>Huyện Thiệu Hóa</b>		<b>141,75</b>	<b>70,80</b>	<b>3.531.230</b>	<b>-</b>				
81	2	Mỏ cát số 02 chuyển đổi: Bãi bồi sông Chu, xã Thiệu Tân	20,0	20,0	634.731		3,17	Bên Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 00 437 - 5 75 353; 22 00 285 - 5 75 685; 21 99 855 - 5 75 126; 22 00 180 - 5 75 018; 22 00 366 - 5 75 121)	Sông Chu	QH-3350
82	4	Mỏ cát số 04: Thị trấn Vạn Hà, xã Thiệu Nguyên	23,3	23,3	720.000		3,09	Bên Tả sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 21 99 177 - 5 71 465; 21 98 993 - 5 72 535; 21 98 856 - 5 72 514; 21 98 795 - 5 72 114; 21 98 997 - 5 71 439)	nt	QH-3350
83	5	Mỏ cát số 05: xã Thiệu Nguyên	21,9	21,9	705.000		3,22	Bên Tả sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 21 99 119 - 5 74 995; 21 99 105 - 5 75 086; 21 98 294 - 5 74 898; 21 98 262 - 5 74 455)	nt	QH-3350
84	8	Mỏ cát số 08: làng Lam Vỹ, xã Thiệu Vũ	5,6	5,6	53.807		0,96	Bên Tả sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 02 565 - 5 64 395; 22 02 506 - 5 64 462; 22 02 509 - 5 64 487; 22 02 306 - 5 64 662; 22 02 248 - 5 64 608; 22 02 212 - 5 64 609; 22 02 182 - 5 64 573; 22 02 334 - 5 64 414; 22 02 527 - 5 64 331)	nt	QH-3350 (thời hạn khai thác đến hết 01/2025)
85	9	Mỏ cát số 09: thôn Chấn Xuyên 2, xã Thiệu Ngọc	15		422.201		2,81	Bên Tả sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 03 215 - 5 62 427; 22 03 134 - 5 62 499; 22 02 855 - 5 62 281; 22 02 794 - 5 61 927; 22 02 923 - 5 61 670; 22 03 079 - 5 61 746; 22 02 986 - 5 61 942; 22 03 010 - 5 62 140)	nt	QH-3350
86	13	Mỏ cát số 13: làng Đồng Minh, xã Thiệu Minh	1,5		35.000		2,33	Bên Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 01 784 - 5 65 041; 22 01 722 - 5 65 298; 22 01 678 - 5 65 293; 22 01 684 - 5 65 169; 21 87 557 - 5 65 025)	nt	QH-3350

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	Đã cấp phép (ha)	Trữ lượng cát (m <sup>3</sup> )	Trữ lượng sỏi (m <sup>3</sup> )	Độ dày cát (m)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc Lưu vực	Ghi chú
87	15	Mỏ cát số 15: thôn Toán Thọ, xã Thiệu Toán	29,6		450.000		1,52	Bên Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 04 333 - 5 63 537; 22 04 277 - 5 63 962; 22 03 622 - 5 64 207; 22 03 583 - 5 64 111; 22 04 134 - 5 63 858; 22 04 162 - 5 63 554; 22 03 677 - 5 62 948; 22 03 737 - 5 62 884; 22 04 232 - 5 63 224)	nt	QH-3350
88	62	Mỏ cát số 62: Phòng Nhuệ, xã Thiệu Thịnh	15		245.365		1,64	Bên Tả sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 00 933 - 5 79 742; 22 00 920 - 5 79 873; 22 00 331 - 5 79 804; 21 99 854 - 5 79 537; 21 99 899 - 5 79 445; 22 00 361 - 5 79 652)	nt	QH-3350
89	66	Mỏ cát số 66 xã Thiệu Quang	3,65		157.126		4,30	Bên Tả sông Mã (X - Y: 22 05 243 - 5 79 820; 22 05 516 - 5 79 943; 22 05 497 - 5 80 025; 22 05 306 - 5 79 979; 22 05 134 - 5 79 880)	nt	QH-3350
90	63a	Mỏ cát thôn Quang Trung 3, xã Thiệu Tiên	6,2		108.000		1,74	Bên Tả sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 01 430 - 5 67 273; 22 01 313 - 5 67 393; 22 01 219 - 5 67 463; 22 01 112 - 5 67 512; 22 01 052 - 5 67 387; 22 01 203 - 5 67 311; 22 01 317 - 5 67 207)	nt	Bổ sung QH
<b>XIV</b>	<b>Thành phố Thanh Hóa</b>		<b>62,45</b>	<b>47,15</b>	<b>2.444.051</b>	<b>-</b>				
91	59	Mỏ cát 59: Bãi bồi xã Thiệu Dương	47,15	47,15	1.744.531		3,70	Mỏ giữa dòng, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: ; 21 98 572 - 5 80 817; 21 98 491 - 5 81 220; 21 98 433 - 5 81 309; 21 98 446 - 5 81 384; 21 97 941 - 5 81 844; 21 97 876 - 5 81 813; 21 98 063 - 5 81 014; 21 98 254 - 5 80 663)	Sông Mã	QH-3350 (thời hạn khai thác đến hết 08/2027)
92	02a	Mỏ cát 02a: thôn 3, xã Thiệu Khánh; thành phố và xã Thiệu Tân, huyện Thiệu Hóa	4,5		219.746		4,88	Bên Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 21 99 788 - 5 76 802; 21 99 536 - 5 77 295; 21 99 428 - 5 77 222; 21 99 690 - 5 76 738; 21 99 511 - 5 77 342; 21 99 368 - 5 77 6 22; 21 99 252 - 5 77 564; 21 99 396 - 5 77 251)	Sông Chu	QH-3350
		6,8		404.774		5,95				

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	Đã cấp phép (ha)	Trữ lượng cát (m <sup>3</sup> )	Trữ lượng sỏi (m <sup>3</sup> )	Độ dày cát (m)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc Lưu vực	Ghi chú
93	65a	Mỏ cát xã Hoằng Quang	4		75.000		1,88	Bên Tả sông Mã, tọa độ (X - Y: 21 90 647 - 5 85 690; 21 90 431 - 5 85 802; 21 90 272 - 5 85 725; 21 90 416 - 5 85 601; 21 90 579 - 5 85 647)	Sông Mã	Bổ sung QH
<b>XV</b>	<b>Huyện Tĩnh Gia</b>		<b>17,3</b>	<b>0</b>	<b>345.000</b>					
94	211	Mỏ cát Khe Hao Hao, xã Hùng Sơn	14,3	0	285.000		1,99	Đồi cát và lòng khe Hao Hao Tọa độ: (X - Y: 21 57 926 - 5 77 242; 21 57 659 - 5 77 399; 21 57 162 - 5 77 280; 21 57 203 - 5 77 075; 21 57 591 - 5 77 112)	Khe Hao Hao	Bổ sung QH
95	212	Mỏ cát Khe Hao Hao, xã Định Hải	3	0	60.000		2,00	Lòng khe Hao Hao; Tọa độ: (X - Y: 21 56 285 - 5 77 041; 21 56 315 - 5 78 041; 21.56 285 - 5 78 041)	Khe Hao Hao	Bổ sung QH
<b>Tổng</b>			<b>487,73</b>	<b>279,05</b>	<b>12.095.500</b>	<b>770.750</b>				

**Phụ lục 02. Tổng hợp danh sách các bãi tập kết cát, sỏi đưa vào quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm VLXD tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.**

*(Kèm theo Tờ trình số 159/TTr-UBND ngày 04/12/2018 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	DT đã cho thuê (ha)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc lưu vực	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Huyện Mường Lát</b>		<b>0,14</b>	<b>0</b>			
1	B127	Bãi tập kết cát bản Mong, xã Quang Chiêu	0,14		Bờ Hữu suối Sim; Tọa độ: (X - Y: 22 67 474 - 4 45 526; 22 67 459 - 4 45 534; 22 67 432 - 4 45 477; 22 67 463 - 4 45 471)	Sông Mã	Bổ sung QH
<b>II</b>	<b>Huyện Quan Hóa</b>		<b>0,6</b>	<b>0</b>			
2	B128	Bãi tập kết cát bản Éo, xã Thanh Xuân	0,15		Bờ Tả sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 64 157 - 5 03 627; 22 64 133 - 5 03 637; 22 64 110 - 5 03 584; 22 64 135 - 5 03 574)	Sông Mã	Bổ sung QH
3	B129	Bãi tập kết cát bản Sại, xã Phú Lệ	0,15		Bờ Tả sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 72 354 - 5 01 864; 22 72 304 - 5 01 879; 22 72 296 - 5 01 851; 22 72 346 - 5 01 837)	Nt	Bổ sung QH
4	B130	Bãi tập kết cát khu 3, thị trấn Quan Hóa, thửa số 01, tờ bản đồ 01	0,15		Bờ Tả sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 54 244 - 5 10 675; 22 54 207 - 5 10 723; 22 54 185 - 5 10 708; 22 54 221 - 5 10 663)	Nt	Bổ sung QH
5	B132	Bãi tập kết cát bản Đò, xã Phú Thanh	0,15		Bờ Tả sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 74 261 - 5 02 072; 22 74 269 - 5 02 090; 22 74 190 - 5 02 120; 22 74 185 - 5 02 104)	Nt	Bổ sung QH
<b>III</b>	<b>Huyện Bá Thước</b>		<b>3,97</b>	<b>0,22</b>			
6	B126	Bãi tập kết cát thôn Bá Lộc, xã Thiết Ống	0,36	0	Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 44 772 - 5 18 020; 22 44 816 - 5 18 040; 22 44 843 - 5 17 971; 22 44 799 - 5 17 951)	Sông Mã	Bổ sung QH
7	B125	Bãi tập kết cát B125: thôn Điền Giang, xã Điền Lư, thửa số 49, tờ bản đồ số 15	0,55		Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 47 905 - 5 32 999; 22 47 874 - 5 33 063; 22 47 816 - 5 33 032; 22 47 848 - 5 32 950; 22 47 870 - 5 32 961)	Nt	QH-3350
8	B125a	Bãi tập kết cát La Hán, xã Ban công, thửa số 105, 115, 124 tờ bản đồ số 185	0,6	0,22	Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 51 649 - 5 21 406; 22 51 656 - 5 21 428; 22 51 592 - 5 21 447; 22 51 540 - 5 21 479; 22 51 512 - 5 21 440; 22 51 549 - 5 21 400; 22 51 580 - 5 21 405)	Nt	QH-2182



Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	DT đã cho thuê (ha)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc lưu vực	Ghi chú
9	B125c	Bãi tập kết cát thôn Đầu Cà, xã Lương Ngoại, thửa số 1017, tờ bản đồ số 37, 40	0,85		Bờ Tả sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 47 952 - 5 35 115; 22 47 923 - 5 35 173; 22 47 873 - 5 35 149; 22 47 807 - 5 35 122; 22 47 838 - 5 35 058)	Nt	QH-2182
10	B125d	Bãi thôn Mí, xã Ái Thượng	1,4		Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 51 205 - 5 29 106; 22 51 205 - 5 29 306; 22 51 135 - 5 29 106; 22 51 135 - 5 21 306)	Nt	Bổ sung QH
11	B125e	Bãi thôn Trung Thủy, xã Lương Trung	0,21		Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 47 387 - 5 36 511; 22 47 387 - 5 36 481; 22 47 457 - 5 36 481; 22 47 457 - 5 36 511)	Nt	Bổ sung QH
<b>IV</b>	<b>Huyện Cẩm Thủy</b>		<b>6,016</b>	<b>3,471</b>			
12	B43	Bãi tập kết cát B43: thôn Trại Hà xã Cẩm Tân, thửa số 241, 255, tờ bản đồ số 15	1,72		Bờ Tả sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 24 669 - 5 57 553; 22 24 611 - 5 57 569; 22 24 510 - 5 57 342; 22 24 581 - 5 57 314)	Sông Mã	QH-3350
13	B60	Bãi tập kết cát B60: thôn Vân Long, xã Cẩm Vân, thửa số 04, tờ bản đồ số 22	0,4	0,4	Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 20 736 - 5 58 792; 22 20 650 - 5 58 814; 22 20 639 - 5 58 769; 22 20 724 - 5 58 747)	Nt	QH-3350
14	B62	Bãi tập kết cát B62: thôn Phác Vân, xã Cẩm Vân, thửa số 840, tờ bản đồ số 14 (điều chỉnh B62 sang)	0,96	0,96	Bờ Tả sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 24 616 - 5 59 021; 22 24 569 - 5 59 108; 22 24 524 - 5 59 085; 22 24 573 - 5 58 992; 22 24 600 - 5 59 127; 22 24 597 - 5 59 177; 22 24 537 - 5 59 177; 22 24 540 - 5 59 127)	Nt	QH-2182
15	B64	Bãi tập kết cát B64: Góc Thị, xã Cẩm Ngọc, thửa số 10 tờ bản đồ số 36; thửa số 629 tờ bản đồ số 33	0,15		Bờ Tả sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 31 029 - 5 53 628; 22 31 025 - 5 53 665; 22 30 991 - 5 53 663; 22 30 989 - 5 53 659; 22 30 997 - 5 53 646; 22 30 993 - 5 53 637; 22 30 980 - 5 53 632; 22 30 982 - 5 53 620)	Nt	QH-3350
16	B66	Bãi tập kết cát bến Mỗ, thị trấn Cẩm Thủy (điều chỉnh B66 sang)	0,3	0,055	Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 35 531 - 5 48 440; 22 35 522 - 5 48 479; 22 35 449 - 5 48 465; 22 35 458 - 5 48 424)	Nt	QH-2182 (thời hạn thuê đất đến hết 04/2063)
17	B70	Bãi tập kết cát B70: thôn Phú Lai, xã Cẩm Giang, thửa số 96a, tờ bản đồ số 20	0,676	0,676	Bờ Tả sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 35 192 - 5 48 016; 22 35 194 - 5 48 082; 22 35 142 - 5 48 110; 22 35 139 - 5 48 065; 22 35 206 - 5 48 104; 22 35 231 - 5 48 140; 22 35 171 - 5 48 177; 22 35 131 - 5 48 133)	Nt	QH-3350

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	DT đã cho thuê (ha)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc lưu vực	Ghi chú
18	B71	Bãi tập kết cát B71: thôn Bình Hòa 2, xã Cẩm Bình	1,08	1,08	Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 39 294 - 5 44 863; 22 39 204 - 5 44 936; 22 39 183 - 5 44 835; 22 39 190 - 5 44 761; 22 39 227 - 5 44 766)	Nt	QH-3350
19	B71a	Bãi tập kết làng Cò, xã Cẩm Yên	0,3	0,3	Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 31 450 - 5 53 481; 22 31 378 - 5 53 480; 22 31 377 - 5 53 498; 22 31 449 - 5 53 523)	Nt	Cập nhật QH
20	B75	Bãi tập kết cát B75: Bãi Vạc, xã Cẩm Thành, thửa số 209, tờ bản đồ số 44	0,43		Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 38 662 - 5 38 950; 22 38 616 - 5 39 021; 22 38 575 - 5 38 992; 22 38 622 - 5 38 919; 21 87 557 - 5 94 548)	Nt	QH-3350
<b>V</b>	<b>Huyện Vĩnh Lộc</b>		<b>4,75</b>	<b>2,36</b>			
21	B46a	Bãi tập kết cát thôn Sóc Sơn, xã Vĩnh Hùng, thửa 1211, tờ bản đồ số 16 (Điều chỉnh bãi B46a sang)	0,35	0,12	Bờ Tả sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 14 447 - 5 70 238; 22 14 422 - 5 70 237; 22 14 424 - 5 70 181; 22 14 444 - 5 70 182)	Sông Mã	QH-2182
22	B5	Bãi tập kết cát B5: thôn Phi Bình 2, thôn Kỳ Ngải 2, xã Vĩnh Ninh, thửa số 95, tờ bản đồ số 09	1	1	Bờ Tả sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 15 392 - 5 61 557; 22 15 382 - 5 61 611; 22 15 347 - 5 61 610; 22 15 315 - 5 61 593; 22 15 361 - 5 61 537)	Nt	QH-3350
23	B5b	Bãi tập kết cát thôn Kỳ Ngải, xã Vĩnh Ninh, thửa số 141, tờ bản đồ số 5	0,98		Bờ Tả sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 16 924 - 5 61 517; 22 16 694 - 5 61 575; 22 16 692 - 5 61 533; 22 16 908 - 5 61 475)	Nt	Bổ sung QH
24	B5c	Bãi tập kết cát thôn Phù Lưu, xã Vĩnh Yên, thửa số 40, 41, 42, 43, 60, 98, 100, 102, 109, 110, 111, 160, 161 tờ bản đồ số 14	0,9	0,9	Bờ Tả sông Mã; Tọa độ: (KV1: X - Y: 22 19 834 - 5 60 436; 22 19 833 - 5 60 493; 22 19 794 - 5 60 490; 22 19 799 - 5 60 436)	Nt	Cập nhật QH
25	B5d	Bãi tập kết cát thôn Nhật Quang, xã Vĩnh Hòa, thửa số 321, tờ bản đồ số 04	0,22	0,22	Bờ Tả sông Bưởi; Tọa độ: (X - Y: 22 17 130 - 5 66 266; 22 17 123 - 5 66 297; 22 17 060 - 5 66 287; 22 17 064 - 5 66 252)	Sông Bưởi	Cập nhật QH
26	B5e	Bãi tập kết cát thôn Cỏ Điệp, xã Vĩnh Phúc, thửa số 432, 455, 455a, 456, 474, 473, tờ bản đồ số 12	1,3	0,12	Bờ Tả sông Bưởi; Tọa độ: (X - Y: 22 19 592 - 5 66 115; 22 19 523 - 5 66 298; 22 19 445 - 5 66 227; 22 19 495 - 5 66 193; 22 19 523 - 5 66 089)	Sông Bưởi	Cập nhật QH

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	DT đã cho thuê (ha)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc lưu vực	Ghi chú
<b>VI</b>	<b>Huyện Yên Định</b>		<b>3,7</b>	<b>2,5</b>			
27	B4a	Bãi tập kết cát Bãi Bông, xã Quý Lộc, thửa số 500, 580, tờ bản đồ số 36	0,7	0,7	Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 20 259 - 5 58 890; 22 20 186 - 5 58 952; 22 20 159 - 5 58 922; 22 20 249 - 5 58 815; 22 20 259 - 5 58 818; 22 20 255 - 5 58 859)	Sông Mã	Cập nhật QH
28	B6	Bãi tập kết B6: Tam Đa, xã Yên Phong, thửa số 972, 32, 38, 39, tờ bản đồ số 07	0,5	0,5	Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 14 642 - 5 63 266; 22 14 630 - 5 63 312; 22 14 533 - 5 63 277; 22 14 547 - 5 63 232)	Nt	QH-3350
29	B6a	Bãi tập kết cát thôn Phù Hưng, xã Yên Thái, thửa số 02, tờ bản đồ số 01	1,3	0,6	Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 14 103 - 5 64 555; 22 14 012 - 5 64 727; 22 13 959 - 5 64 701; 22 14 009 - 5 64 604; 22 14 030 - 5 64 506)	Nt	QH-2182 (thời hạn thuê đất đến hết 05/2066)
30	B8	Bãi tập kết cát B8 điều chỉnh: thôn Sét, xã Định Hải, thửa số 222, tờ bản đồ số 17	0,2	0,2	Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 13 345 - 5 67 596; 22 13 320 - 5 67 629; 22 13 271 - 5 67 581; 22 13 282 - 5 67 565)	Nt	QH-3350
31	B45	Bãi tập kết cát xã Yên Thái	0,5		Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 13 929 - 5 65 953; 22 13 913 - 5 66 025; 22 13 865 - 5 65 950; 22 13 896 - 5 65 912; 22 13 917 - 5 65 877; 22 13 929 - 5 65 888)		QH-3350
32	B44	Bãi tập kết cát B44: thôn Thạc Quả 1, xã Yên Trường, thửa số 145, tờ bản đồ số 12	0,5	0,5	Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 15 456 - 5 61 079; 22 15 399 - 5 61 117; 22 15 361 - 5 61 054; 22 15 418 - 5 61 015)	Nt	QH-3350 (thời hạn thuê đất đến hết 11/2022)
<b>VII</b>	<b>Huyện Thạch Thành</b>		<b>1,5</b>	<b>1,5</b>			
33	B133	Bãi tập kết cát thôn Phú Thành, xã Thành Hưng, thửa số 285, 333, 286, 314, 260, tờ bản đồ số 11	1,5	1,5	Bờ Tả sông Bưởi; Tọa độ: (X - Y: 22 24 647 - 5 66 038; 22 24 608 - 5 66 061; 22 24 611 - 5 66 066; 22 24 598 - 5 66 078; 22 24 603 - 5 66 087; 22 24 610 - 5 66 121; 22 24 600 - 5 66 126; 22 24 487 - 5 66 007; 22 24 555 - 5 65 921; 22 24 594 - 5 65 950; 22 24 609 - 5 65 969; 22 24 560 - 5 65 988; 22 24 573 - 5 66 005; 22 24 615 - 5 65 977)	Sông Bưởi	QH-2182

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	DT đã cho thuê (ha)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc lưu vực	Ghi chú
<b>VIII</b>	<b>Huyện Thường Xuân</b>		<b>1,577</b>	<b>0,457</b>			
34	B134	Bãi tập kết cát thôn Thống Nhất, xã Xuân Cao, thửa số 215, tờ bản đồ số 28	0,12	0,12	Bờ Hữu sông Đầm; Tọa độ: (X - Y: 21 96 041 - 5 36 853; 21 96 072 - 5 36 864; 21 96 092 - 5 36 838; 21 96 042 - 5 36 826)	Sông Đầm	Cập nhật QH
35	B135	Bãi tập kết cát thôn Xuân Thành, xã Ngọc Phụng, thửa số 61, tờ bản đồ số 06	0,12		Bờ Hữu sông Âm; Tọa độ: (X - Y: 22 05 827 - 5 34 415; 22 05 811 - 5 34 433; 22 05 771 - 5 34 403; 22 05 786 - 5 34 382)	Sông Âm	Bổ sung QH
36	B136	Bãi tập kết cát thôn Quyết Tiến, xã Ngọc Phụng	0,75		Bờ Hữu sông Âm; Tọa độ: (X - Y: 22 06 298 - 5 33 442; 22 06 274 - 5 33 486; 22 06 142 - 5 33 415; 22 06 166 - 5 33 371)	Sông Âm	Bổ sung QH
37	B137	Bãi tập kết cát thôn Trung Tiến, xã Xuân Cao, thửa số 20, tờ bản đồ số 09	0,15		Bờ Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 21 98 469 - 5 38 921; 21 98 468 - 5 38 969; 21 98 437 - 5 38 968; 21 98 437 - 5 38 922)	Sông Chu	Bổ sung QH
38	B138	Bãi tập kết cát thôn Xuân Thắng, xã Xuân Cao	0,1		Bờ Tả sông Đầm; Tọa độ: (X - Y: 21 95 746 - 5 36 390; 21 95 761 - 5 36 414; 21 95 726 - 5 36 432; 21 95 714 - 5 36 414)	Sông Đầm	Bổ sung QH
39	B139	Bãi tập kết cát thôn Hưng Long, xã Ngọc Phụng	0,337	0,337	Bờ Hữu sông Âm; Tọa độ: (X - Y: 2204315 - 537051; 2204236 - 537080; 2204236 - 537051; 2204289 - 537005)	Sông Âm	Cập nhật QH
<b>IX</b>	<b>Huyện Thọ Xuân</b>		<b>7,94</b>	<b>4,96</b>			
40	B50a	Bãi tập kết cát thôn 4 xã Thọ Trường, thửa số 34, 40, tờ bản đồ số 17	0,8		Bờ Tả sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 04 959 - 5 60 279; 22 04 879 - 5 60 314; 22 04 823 - 5 60 232; 22 04 879 - 5 60 197)	Sông Chu	Bổ sung QH
41	B50	Bãi tập kết cát B50: làng Vân Lộ, xã Thọ Nguyên, thửa số 7, tờ bản đồ số 20	0,7	0,7	Bờ Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 06 210 - 5 59 519; 22 06 181 - 5 59 465; 22 06 084 - 5 59 525; 22 06 113 - 5 59 579)	Nt	QH-3350
42	B50b	Bãi tập kết cát Xứ Đồng, xã Thọ Hải, thửa số 01, tờ bản đồ số 5	0,75	0,75	Bờ Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 07 086 - 5 49 408; 22 07 163 - 5 49 408; 22 07 171 - 5 49 545; 22 07 140 - 5 49 548)	Nt	Cập nhật QH
43	B14	Bãi tập kết cát B14: xã Thọ Lâm, thửa số 03, tờ bản đồ số 05	0,82		Bờ Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 03 527 - 5 43 357; 22 03 445 - 5 43 408; 22 03 419 - 5 43 353; 22 03 396 - 5 43 253)	Nt	QH-3350

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	DT đã cho thuê (ha)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc lưu vực	Ghi chú
44	B14a	Bãi tập kết cát xã Thọ Lâm, thửa số 02, tờ bản đồ số 05	0,4	0,4	Bờ Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 04 917 - 5 46 321; 22 04 901 - 5 46 426; 22 04 862 - 5 46 418; 22 04 880 - 5 46 309)	Nt	Cập nhật QH
45	B15	Bãi tập kết cát B15: Khu 1, thị trấn Thọ Xuân, thửa số 11, 38...46, tờ bản đồ số 03	0,25	0,25	Bờ Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 05 458 - 5 54 254; 22 05 423 - 5 54 299; 22 05 404 - 5 54 279; 22 05 415 - 5 54 260; 22 05 401 - 5 54 245; 22 05 424 - 5 54 213)	Nt	QH-3350
46	B49a	Bãi tập kết cát làng Yên Trường, xã Thọ Lập, thửa số 183, tờ bản đồ số 14	0,4		Bờ Tả sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 07 949 - 5 50 805; 22 07 950 - 5 50 895; 22 07 892 - 5 50 869; 22 07 886 - 5 50 808; 22 07 916 - 5 50 814)	Nt	Bổ sung QH
47	B49b	Bãi tập kết cát thôn 4 xã Xuân Lai, thửa số 43, 44, 45, tờ bản đồ số 15	0,55	0,55	Bờ Tả sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 06 609 - 5 56 057; 22 06 551 - 5 56 126; 22 06 509 - 5 56 090; 22 06 547 - 5 56 034; 22 06 598 - 5 56 010; 22 06 607 - 5 56 016; 22 06 609 - 5 56 057)	Nt	Cập nhật QH
48	B49c	Bãi tập kết cát thôn 1, xã Xuân Bái, thửa số 40, 43, tờ bản đồ số 49	0,48		Bờ Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 21 99 012 - 5 41 214; 21 98 975 - 5 41 259; 21 98 968 - 5 41 250; 21 98 955 - 5 41 264; 21 98 920 - 5 41 281; 21 98 893 - 5 41 239; 21 98 926 - 5 41 231; 21 98 940 - 5 41 210; 21 98 974 - 5 41 208; 21 98 987 - 5 41 191)	Nt	Bổ sung QH
49	B48a	Bãi tập kết cát thôn 2, xã Xuân Thành, thửa số 01, tờ bản đồ số 10 và thửa số 02, tờ bản đồ số 11	1,28	0,8	Bờ Tả sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 06 343 - 5 56 926; 22 06 335 - 5 57 035; 22 06 287 - 5 57 122; 22 06 253 - 5 57 130; 22 06 252 - 5 57 091; 22 06 278 - 5 56 921)	Nt	Cập nhật QH
50	B48d	Bãi tập kết cát xã Thọ Minh, thửa số 277, thửa số 254, ..259, thửa số 265,..276, tờ bản đồ số 13	0,36	0,36	Bờ Tả sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 06 715 - 5 48 127; 22 06 697 - 5 48 199; 22 06 645 - 5 48 197; 22 06 676 - 5 48 117)	Nt	Cập nhật QH
51	B48e	Bãi tập kết cát xã Xuân Lam	0,75	0,75	Bờ Tả sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 04 296 - 5 40 785; 22 04 250 - 5 40 806; 22 04 188 - 5 40 669; 22 04 233 - 5 40 648)	Nt	Cập nhật QH

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	DT đã cho thuê (ha)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc lưu vực	Ghi chú
52	B48f	Bãi tập kết cát thôn 1, xã Xuân Khánh, thửa số 248, tờ bản đồ số 11	0,4	0,4	Bờ Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 03 682 - 5 60 923; 22 03 606 - 5 60 989; 22 03 585 - 5 60 964; 22 03 661 - 5 60 884)	Nt	QH-2182
<b>X</b>	<b>Huyện Hà Trung</b>		<b>1,5</b>	<b>0</b>			
53	B24b	Bãi tập kết cát thôn 4, xã Hà Ngọc	1,5		Bờ Tả sông Lèn; Tọa độ: (X - Y: 22 09 457 - 5 86 766; 22 09 390 - 5 86 815; 22 09 279 - 5 86 643; 22 09 324 - 5 86 610; 22 09 365 - 5 86 668; 22 09 390 - 5 86 653)	Sông Lèn	QH-2182
<b>XI</b>	<b>Huyện Hậu Lộc</b>		<b>6,16</b>	<b>0,77</b>			
54	B38a	Bãi tập kết cát thôn Nhân Phú, xã Đồng Lộc	1,5	0,77	Bờ Hữu sông Lèn; Tọa độ: (X - Y: 22 10 067 - 5 88 509; 22 09 972 - 5 88 480; 22 09 971 - 5 88 399; 22 09 972 - 5 88 326; 22 10 061 - 5 88 334; 22 10 065 - 5 88 423)	Sông Lèn	QH-2182
55	B38b	Bãi tập kết cát thôn Ngọc Trì, xã Đại Lộc	1,0		Bờ Hữu sông Lèn; Tọa độ: (X - Y: 22 09 941 - 5 87 689; 22 09 897 - 5 87 725; 22 09 793 - 5 87 566; 22 09 838 - 5 87 536)	Nt	QH-2182
56	B38	Bãi tập kết cát B38: thôn Quang Tân, xã Quang Lộc	0,7		Bờ Hữu sông Lèn; Tọa độ: (X - Y: 22 08 209 - 5 94 625; 22 08 145 - 5 94 695; 22 08 104 - 5 94 608; 22 08 173 - 5 94 563)	Nt	QH-3350
57	B37	Bãi tập kết cát B37: thôn Ngoài, Kỳ Sơn, xã Phong Lộc	0,5		Bờ Hữu sông Lèn; Tọa độ: (X - Y: 22 09 740 - 5 92 932; 22 09 699 - 5 92 965; 22 09 671 - 5 93 009; 22 09 629 - 5 92 981; 22 09 703 - 5 92 895)	Nt	QH-3350
58	B37a	Bãi tập kết cát thôn 8 xã Liên Lộc	1,7		Bờ Hữu sông Lèn; Tọa độ: (X - Y: 22 07 127 - 5 96 950; 22 06 877 - 5 97 017; 22 06 864 - 5 96 977; 22 06 916 - 5 96 936; 22 07 090 - 5 96 882)	Nt	QH-2182
59	B37b	Bãi tập kết cát ngoại đê Kiến Long, xã Hưng Lộc	0,76		Bờ Hữu sông Lèn; Tọa độ: (X - Y: 22 07 046 - 5 99 760; 22 07 013 - 5 99 953; 22 06 964 - 5 99 940; 22 07 021 - 5 99 756)	Nt	Bổ sung QH
<b>XII</b>	<b>Huyện Nga Sơn</b>		<b>1,66</b>	<b>1,16</b>			
60	B81b	Bãi tập kết cát thôn Báo Văn, xã Nga Lĩnh	0,81	0,81	Bờ Tả sông Hoạt; Tọa độ: (X - Y: 22 10 452 - 5 96 421; 22 10 430 - 5 96 424; 22 10 357 - 5 96 418; 22 10 265 - 5 96 360; 22 10 311 - 5 96 307; 22 10 385 - 5 96 375)	Sông Hoạt	QH-2182 (thời hạn thuê đất đến hết)

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	DT đã cho thuê (ha)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc lưu vực	Ghi chú
							01/2063)
61	B81a	Bãi tập kết cát B81a: xóm 1 Hậu Trạch, xã Nga Thạch	0,35	0,35	Bờ Tả sông Lạch Sung; Tọa độ: (X - Y: 22 07 687 - 5 99 533; 22 07 656 - 5 99 555; 22 07 587 - 5 99 498; 22 07 628 - 5 99 470)	Sông Lạch Sung	QH-3350
62	B81c	Bãi tập kết cát thôn Nhân Sơn, xã Nga Phú, thửa 3a, tờ bản đồ số 2	0,5		Bờ Hữu sông Càn; Tọa độ: (X - Y: 22 19 247 - 6 09 147; 22 19 224 - 6 09 228; 22 19 183 - 6 09 263; 22 19 181 - 6 09 151)	Sông Càn	Bổ sung QH
<b>XIII</b>	<b>Huyện Hoàng Hóa</b>		<b>5,07</b>	<b>1,4</b>			
63	B34b	Bãi tập kết cát thôn 8 xã Hoàng Khánh, thửa 242, tờ bản đồ số 18 (Điều chỉnh từ bãi B34b sang)	0,5		Bờ Tả sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 03 552 - 5 79 485; 22 03 545 - 5 79 519; 22 03 444 - 5 79 481; 22 03 474 - 5 79 422)	Sông Mã	QH-2182
64	B34a	Bãi tập kết cát thôn Nghĩa Hưng, xã Hoàng Xuân	0,35	0,35	Bờ Tả sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 02 041 - 5 79 729; 22 01 988 - 5 79 768; 22 01 963 - 5 79 723; 22 02 013 - 5 79 680)	Nt	QH-2182
65	B34c	Bãi tập kết cát thôn 03, xã Hoàng Giang	0,45	0,45	Bờ Tả sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 00 076 - 5 80 137; 22 00 058 - 5 80 201; 21 99 991 - 5 80 182; 22 00 007 - 5 80 121)	Nt	QH-2182
66	B34d	Bãi tập kết cát thôn 4, xã Hoàng Minh, thửa số 01, tờ bản đồ số 03	0,6	0,6	Bờ Tả sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 21 97 126 - 5 85 411; 21 97 147 - 5 85 530; 21 97 097 - 5 85 538; 21 97 072 - 5 85 390)	Nt	QH-2182
67	B34	Bãi tập kết cát B34: xã Hoàng Phượng	0,3		Bờ Tả sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 01 451 - 5 80 036; 22 01 392 - 5 80 049; 22 01 385 - 5 79 998; 22 01 441 - 5 79 984)	Nt	QH-3350
68	B34e	Bãi tập kết cát thôn Thanh Bình, xã Hoàng Xuyên	0,62		Bờ Tả sông Bút; Tọa độ: (X - Y: 21 98 783 - 5 88 735; 21 98 739 - 5 88 769; 21 98 677 - 5 88 748; 21 98 710 - 5 88 668; 21 98 759 - 5 88 693)	Sông Bút	Bổ sung QH
69	B34f	Bãi tập kết cát thôn 5, xã Hoàng Đức	0,7		Bờ Hữu sông Bút; Tọa độ: (X - Y: 21 98 587 - 5 88 541; 21 98 544 - 5 88 669; 21 98 493 - 5 88 661; 21 98 533 - 5 88 531)	Nt	Bổ sung QH
70	B34g	Bãi tập kết cát phổ Đức	0,5		Bờ Hữu sông Bút; Tọa độ: (X - Y: 21 98 158 - 5 89	Nt	Bổ sung

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	DT đã cho thuê (ha)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc lưu vực	Ghi chú
		Sơn, thị trấn Bút Sơn, thửa số 0 tờ bản đồ số 01; thửa số 9 tờ bản đồ số 02			326; 21 98 135 - 5 89 278; 21 98 055 - 5 89 302; 21 98 077 - 5 89 361)		QH
71	B34h	Bãi tập kết cát thôn Nhị Hà, xã Hoảng Cát, các thửa (158, 159, 337, 338, 339, 340, 342, 342) tờ bản đồ số 08	1,05		Bờ Hữu sông Tào; Tọa độ: (X - Y: 21 97 496 - 5 85 925; 21 97 450 - 5 85 957; 21 97 360 - 5 85 799; 21 97 413 - 5 85 769)	Sông Tào	Bổ sung QH
<b>XIV</b>	<b>Huyện Thiệu Hóa</b>		<b>4,85</b>	<b>4,60</b>			
72	B33	Bãi tập kết số B33: Hưng Đô, xã Thiệu Đô	1,2547	1,2547	Bờ Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 21 99 096 - 5 70 520; 21 99 040 - 5 70 691; 21 98 964 - 5 70 645; 21 99 012 - 5 70 508; 21 87 557 - 5 94 548)	Nt	QH-3350
73	B33b	Bãi tập kết cát Kiến Hưng, thị trấn Vạn Hà	0,2	0,2	Bờ Tả sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 21 99 267 - 5 71 061; 21 99 230 - 5 71 073; 21 99 214 - 5 71 021; 21 99 248 - 5 71 009)	Nt	QH-2182
74	B26	Bãi tập kết cát B26 xã Thiệu Nguyên	0,65	0,65	Bờ Tả sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 21 98 593 - 5 74 295; 21 98 514 - 5 74 317; 21 98 499 - 5 74 235; 21 98 576 - 5 74 219)	Nt	QH-3350
75	B18	Bãi tập kết cát B18: làng Đồng Minh, xã Thiệu Minh	0,75	0,5	Bờ Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 00 320 - 5 66 952; 22 00 456 - 5 67 014; 22 00 436 - 5 67 060; 22 00 299 - 5 66 997)	Nt	QH-3350
76	B18a	Bãi tập kết thôn Toán Phúc, xã Thiệu Toán	2,0	2,0	Bờ Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 02 649 - 5 61 957; 22 02 664 - 5 62 067; 22 02 625 - 5 62 077; 22 02 601 - 5 61 965; 22 02 677 - 5 62 108; 22 02 742 - 5 62 275; 22 02 800 - 5 62 361; 22 02 757 - 5 62 387; 22 02 700 - 5 62 301; 22 02 622 - 5 62 136)	Nt	QH-2182
<b>XV</b>	<b>Thành phố Thanh Hóa</b>		<b>31,733</b>	<b>20,953</b>			
77	B30a	Bãi tập kết cát thôn Sơn Vạn, phường Đông Hải, thửa số 522, tờ bản đồ số 5	3,55	3,55	Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 21 90 682 - 5 85 204; 21 90 679 - 5 85 307; 21 90 667 - 5 85 403; 21 90 619 - 5 85 392; 21 90 621 - 5 85 218; 21 90 621 - 5 85 218; 21 90 619 - 5 85 392; 21 90 416 - 5 85 358; 21 90 346 - 5 85 355; 21 90 373 - 5 85 319; 21 90 449 - 5 85 294)	Sông Mã	QH-2182



Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	DT đã cho thuê (ha)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc lưu vực	Ghi chú
78	B30b	Bãi tập kết cát Lễ Môn, phường Đông Hải, thửa số 123, tờ bản đồ số 5 (VT1)	0,8		Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 21 90 322 - 5 85 310; 21 90 318 - 5 85 351; 21 90 243 - 5 85 352; 21 90 136 - 5 85 357; 21 90 132 - 5 85 303; 21 90 254 - 5 85 312)	Nt	QH-2182
79	B30c	Bãi tập kết cát Lễ Môn, phường Đông Hải (VT2)	1	1	Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 21 89 802 - 5 85 432; 21 89 719 - 5 85 483; 21 89 658 - 5 85 448; 21 89 687 - 5 85 416; 21 89 678 - 5 85 405; 21 89 733 - 5 85 347)	Nt	QH-2182
80	B30d	Bãi tập kết cát Côn Đu, Lễ Môn, phường Đông Hải, thửa số 250, tờ bản đồ số 5	1	1	Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 21 89 872 - 5 85 402; 21 89 802 - 5 85 432; 21 89 733 - 5 85 347; 21 89 848 - 5 85 304)	Nt	QH-2182
81	B30	Bãi tập kết cát B30: thôn 10, xã Thiệu Dương, các thửa 101, 240, 241, 248, tờ bản đồ số 14	3,81	3,81	Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 21 97 031 - 5 81 867; 21 97 032 - 5 81 914; 21 96 895 - 5 81 933; 21 96 793 - 5 81 925; 21 96 787 - 5 81 861; 21 96 798 - 5 81 852; 21 96 814 - 5 81 873; 21 96 787 - 5 81 845; 21 96 787 - 5 81 939; 21 96 598 - 5 81 936; 21 96 594 - 5 81 786; 21 96 698 - 5 81 790; 21 96 698 - 5 81 836; 21 96 774 - 5 81 836)	Nt	QH-3350
82	B27b	Bãi tập kết cát B27b: xóm 2, xã Hoàng Lý	0,9	0,9	Bờ Tả sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 21 96 748 - 5 82 257; 21 96 731 - 5 82 270; 21 96 648 - 5 82 242; 21 96 594 - 5 82 281; 21 96 518 - 5 82 336; 21 96 456 - 5 82 385; 21 96 414 - 5 82 282 ; 21 96 564 - 5 82 230; 21 96 723 - 5 82 1 82 )	Nt	QH-3350
			1,36	1,36		Nt	
83	B27c	Bãi tập kết cát làng Nguyệt Viên, xã Hoàng Quang	1,76	1,76	Bờ Tả sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 21 90 883 - 5 86 012; 21 90 849 - 5 86 044; 21 90 653 - 5 85 831; 21 90 704 - 5 85 765; 21 90 779 - 5 85 884)	Nt	QH-2182 (thời hạn thuê đất đến hết 02/2024)
84	B27d	Bãi tập kết cát thôn Kiều Tiên, xã Hoàng Đại	5,7	1,05	Bờ Tả sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 21 89 996 - 5 86 015; 21 89 804 - 5 86 211; 21 89 683 - 5 86 305; 21 89 649 - 5 86 369; 21 89 578 - 5 86 323; 21 89 912 - 5 85 923)	Nt	QH-2182
85	B32	Bãi tập kết cát B32: Làng Trảnh, xã Thiệu Khánh, thửa số 217, tờ bản đồ số 02	1,07	1,07	Bờ Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 21 99 146 - 5 78 806; 21 99 108 - 5 78 925; 21 99 051 - 5 78 918; 21 99 019 - 5 78 891; 21 99 082 - 5 78 782)	Nt	QH-3350

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	DT đã cho thuê (ha)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc lưu vực	Ghi chú
86	B27 (VT1)	Bãi tập kết cát B27: Phố Phương Đình 3, TT Tào Xuyên, thửa số 199, tờ bản đồ số 7a	0,948	0,948	Bờ Tả sông Tào; Tọa độ: (X - Y: 21 96 121 - 5 835 41; 21 96 054 - 5 835 84; 21 96 023 - 5 834 91; 21 96 014 - 5 834 12; 21 96 035 - 5 834 06; 21 96 037 - 5 834 15; 21 96 078 - 5 834 93; 21 96 026 - 5 83 257; 21 96 027 - 5 83 288; 21 96 004 - 5 83 300; 21 95 999 - 5 83 231)	Sông Tào	QH-3350
87	B27 (VT2)	Bãi tập kết cát B27 VT2: Phố Phương Đình 3, phường Tào Xuyên, thửa số 15, tờ bản đồ số 06 và thửa 01 tờ bản đồ số 09	0,155	0,155	Bờ Tả sông Tào; Tọa độ: (X - Y: 21 96 087 - 5 839 54; 21 96 083 - 5 839 58; 21 96 014 - 5 838 94; 21 96 038 - 5 838 77)	Sông Tào	Cập nhật QH
88	B27a	Bãi tập kết cát B27a: thôn Giang Cao, Cột Trời, xã Hoàng Lý	7,68	2,35	Bờ Tả sông Tào; Tọa độ: (X - Y: 21 96 242 - 5 82 540; 21 96 074 - 5 82 818; 21 96 049 - 5 83067; 21 95 941 - 5 83064; 21 95 925 - 5 82 875; 21 95 941 - 5 82 803; 21 96 143 - 5 82 471; 21 96 179 - 5 82 477)	Nt	QH-3350
89	B28	Bãi tập kết cát B28: thôn 4, 6 xã Hoàng Lý	0,6	0,6	Bờ Tả sông Tào; Tọa độ: (X - Y: 21 96 273 - 5 83 905; 21 96 252 - 5 83 917; 21 96 255 - 5 83 975; 21 96 206 - 5 83 979; 21 96 200 - 5 83 923; 21 96 205 - 5 83 848; 21 96 235 - 5 83 845; 21 96 246 - 5 83 893; 21 96 268 - 5 83 898)	Nt	QH-3350
90	B28a	Bãi tập kết cát thôn Quan Nội 5, xã Hoàng Anh	0,75	0,75	Bờ Hữu sông Tào; Tọa độ: (X - Y: 21 97 038 - 5 85 228; 21 96 995 - 5 85 257; 21 96 919 - 5 85 146; 21 96 974 - 5 85 134; 21 96 971 - 5 85 129; 21 96 873 - 5 85 149; 21 96 862 - 5 85 078; 21 96 875 - 5 85 075; 21 96 874 - 5 85 040; 21 96 907 - 5 85 033)	Nt	QH-2182
			0,65	0,65			
<b>XVI</b>	<b>Thành phố Sầm Sơn</b>		<b>3,71</b>	<b>3,71</b>			
91	B134	Bãi tập kết cát khu phố Vạn Lợi, phường Quảng Tiến, thửa số 05 tờ bản đồ số 03	1,06	1,06	Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 21 87 564 - 5 94 674; 21 87 533 - 5 94 672; 21 87 471 - 5 94 678; 21 87 476 - 5 94 556; 21 87 557 - 5 94 548)	Sông Mã	QH-2182
92	B135	Bãi tập kết cát thôn Châu Giang, xã Quảng Châu, thửa số 2, 3, tờ bản đồ số 8	2,65	2,65	Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 21 87 016 - 5 92 593; 21 86 968 - 5 92 662; 21 86 898 - 5 92 617; 21 86 903 - 5 92 606; 21 86 821 - 5 92 553; 21 86 820 - 5 92 547; 21 86 835 - 5 92 520; 21 86 849 - 5 92 529; 21 86 881 - 5 92 482; 21 87 033 - 5 92 704; 21 87 028 - 5 92 757;	Nt	QH-2182

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	DT đã cho thuê (ha)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc lưu vực	Ghi chú
					21 86 865 - 5 92 686; 21 86 898 - 5 92 617)		
<b>XVII</b>	<b>Huyện Tĩnh Gia</b>		<b>1,4</b>	<b>0</b>			
93	B140	Bãi tập kết thôn Tân Hải, xã Hải Bình, thửa số (54, 55, 68, 69, 70...) tờ bản đồ số 8	1,4		Bờ Hữu sông Lạch Bạng; Tọa độ: (X - Y: ; 21 46 769 - 5 80 693; 21 46 690 - 5 80 774; 21 46 604 - 5 80 683; 21 46 653 - 5 80 623)	Sông Lạch Bạng	Bổ sung QH
94	B141	Bãi tập kết xã Phú Sơn, tại thửa số 14, tờ bản đồ số 17	2,75		Cạnh hồ Yên Mỹ; Tọa độ: (X - Y: ; 21 46 769 - 5 80 693; 21 46 690 - 5 80 774; 21 46 604 - 5 80 683; 21 46 653 - 5 80 623)		Bổ sung QH
<b>XVIII</b>	<b>Huyện Ngọc Lặc</b>		<b>1,6</b>	<b>0</b>			
95	B142	Bãi tập kết làng Âm, xã Vân Âm	0,7		Bờ Tả sông Âm; Tọa độ: (X - Y: 22 16 310 - 5 31 249; 22 16 288 - 5 31 235; 22 16 202 - 5 31 262; 22 16 237 - 5 31 327; 22 16 313 - 5 31 311)	Sông Âm	Bổ sung QH
96	B143	Bãi tập kết làng Đám, xã Vân Âm	0,9		Bờ Tả sông Âm; Tọa độ: (X - Y: ; 22 17 654 - 5 31 002; 22 17 658 - 5 31 035; 22 17 526 - 5 31 021; 22 17 475 - 5 31 025; 22 17 470 - 5 30 974; 22 17 525 - 5 30 969; 22 17 629 - 5 30 983)	Sông Âm	Bổ sung QH
<b>Tổng</b>			<b>87,881</b>	<b>48,066</b>			

**Phụ lục 03. Khu vực thu hồi, tận thu cát tại các cửa sông, cửa biển, đường thủy nội địa**  
(Kèm theo Tờ trình số 159/TTr-UBND ngày 04/12/2018 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Stt	Ký hiệu	Vị trí	Cấp kỹ thuật	Phương tiện đi lại	Bề rộng sông đoạn nhỏ nhất: B(m)	Độ sâu nước: Hct (m)	Độ sâu nạo vét: H(m)	Chiều dài nạo vét: L(m)	Trữ lượng nạo vét (m <sup>3</sup> )	Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>
1	ĐT01	Tuyến sông Lèn kv1: đoạn từ Km18+500 – Km20+300 (Bờ trái xã Nga Thạch, huyện Nga Sơn - Bờ phải xã Hưng Lộc, huyện Hậu Lộc)	IV	Tàu 30-50T	35	2,5	1,43	1800	180.000	(X - Y): 22 07 304-5 99 398; 22 07 205-5 99 396; 22 07 218-5 98 955; 22 07 138-5 98 691; 22 06 973-5 98 578; 22 06 759-5 98 592; 22 06 392-5 98 744; 22 06 357-5 98 664; 22 06 759-5 98 481; 22 06 985-5 98 483; 22 07 176-5 98 612; 22 07 284-5 98 862
2	ĐT02	Tuyến sông Lèn kv2: đoạn từ Km44+600 – Km46+800 (Bờ trái xã Hà Sơn, huyện Hà Trung - Bờ phải xã Châu Lộc, huyện Hậu Lộc)	IV	Tàu 30-50T	35	2,5	1,27	2200	195.000	(X-Y): 22 07 758-5 84 440; 22 07 654-5 84 452; 22 07 624-5 84 118; 22 07 429-5 83 409; 22 07 440-5 83 140; 22 07 393-5 82 837; 22 07 288-5 82 483; 22 07 399- 5 82 460; 22 07 505-5 82 893; 22 07 547-5 83 224; 22 07 524-5 83 389; 22 07 734-5 84 143
3	ĐT03	Tuyến sông Chu: đoạn từ Km 12+200 - Km14+00 (Bờ trái xã Thiệu Phúc - Bờ phải xã Thiệu Vận, huyện Thiệu Hóa)	IV	Tàu 30-50T	35	2,5	1,19	1800	150.000	(X-Y): 21 99 172-5 68 408; 21 98 982-5 68 867; 21 98 926-5 69 248; 21 99 100-5 69 593; 21 99 200-5 69 947; 21 99 215-5 70 183; 21 99 339-5 70 173; 21 99 305-5 69 768; 21 99 122-5 69 364; 21 99 089-5 69 057; 21 99 287-5 68 457

Stt	Ký hiệu	Vị trí	Cấp kỹ thuật	Phương tiện đi lại	Bề rộng sông đoạn nhỏ nhất: Bl(m)	Độ sâu nước: Hct (m)	Độ sâu nạo vét: H(m)	Chiều dài nạo vét: L(m)	Trữ lượng nạo vét (m <sup>3</sup> )	Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>
4	ĐT04	Tuyến sông Lạch Bạng – đảo Hòn Mê: đoạn từ Km0+290 – Km0+390 (Bờ trái xã Hải Thanh - Bờ phải xã Hải Bình, huyện Tĩnh Gia)	I	Tàu ≤1000T	100	5	2,00	100	40.000	(X-Y): 21 46 196-5 82 573; 21 46 255-5 82 496; 21 46 308-5 82 483; 21 46 299-5 82 342; 21 46 095-5 82 330
5	CS01	Cửa Lạch Bạng: đoạn cạn từ Km1+00 – Km2+00 (Bờ trái xã Hải Thanh - Bờ phải xã Hải Bình, huyện Tĩnh Gia)	I	Tàu ≤1000T	100	5	1,75	1000	350.000	(X - Y): 21 47 568 - 5 82 222; 21 47 406 - 5 82 252; 21 47 265 - 5 82 259; 21 47 075 - 5 82 245; 21 46 875 - 5 82 378; 21 46 655 - 5 82 486; 21 46 581 - 5 82 322; 21 46 785 - 5 82 195; 21 47 017 - 5 82 090; 21 47 269 - 5 82 064; 21 47 517 - 5 82 016
6	CS02	Cửa Lạch Ghép: đoạn từ Km0+00 – Km3+00 (Bờ trái xã Quảng Nham, huyện Quảng Xương - Bờ phải xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia)	IV	Tàu 30-50T	35	2,5	2,38	3000	500.000	(X - Y): 21 65 474 - 5 85 500; 21 65 315 - 5 85 314; 21 65 250 - 5 85 427; 21 65 346 - 5 85 075; 21 65 438 - 5 84 819; 21 65 608 - 5 84 5 85; 21 65 810 - 5 84 468; 21 66 027 - 5 84 538; 21 65 990 - 5 84 411; 21 65 852 - 5 84 584; 21 65 637 - 5 84 741; 21 65 498 - 5 84 972; 21 65 422 - 5 85 287

Stt	Ký hiệu	Vị trí	Cấp kỹ thuật	Phương tiện đi lại	Bề rộng sông đoạn nhỏ nhất: Bl(m)	Độ sâu nước: Hct (m)	Độ sâu nạo vét: H(m)	Chiều dài nạo vét: L(m)	Trữ lượng nạo vét (m <sup>3</sup> )	Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>
7	CS03	Cửa Lạch Sung: đoạn cạn từ Km4+00 – Km9+00 (Bờ trái xã Nga Tân, huyện Nga Sơn - Bờ phải xã Đa Lộc, huyện Hậu Lộc)	IV	Tàu 30-50T	35	2,5	1,29	5000	450.000	(X - Y): 22 09 201-6 04 686; 22 09 114-6 04 613; 22 09 225-6 04 403; 22 09 258-6 03 997; 22 09 084-6 03 463; 22 08 832-6 03 113; 22 08 279-6 02 797; 22 08 183-6 02 478; 22 08 380-6 01 725; 22 08 430-6 01 347; 22 08 399-6 01 083; 22 08 255-6 00 883; 22 07 739-6 00 632; 22 07 781-6 00 540; 22 08 171-6 00 725; 22 08 401-6 00 916; 22 08 503-6 01 201; 22 08 494-6 01 636; 22 08 295-6 02 457; 22 08 341-6 02 668; 22 08 451-6 02 777; 22 08 950-6 03 048; 22 09 287-6 03 620; 22 09 367-6 04 001; 22 09 346-6 04 390
8	CS04	Cửa Lạch Càn: đoạn cạn từ Km4+00 – Km8+00 (Bờ trái huyện Kim Sơn, Ninh Bình - Bờ phải xã Nga Tân, huyện Nga Sơn)	VI	Thuyền 10T	20	1,8	1,03	4000	165.000	(X - Y): 22 09 902-6 06 798; 22 10 360-6 06 771; 22 11 357-6 06 999; 22 11 697-6 07 160; 22 12 433-6 07 622; 22 12 706-6 07 970; 22 12 834-6 08 369; 22 12 795-6 09 173; 22 12 731-6 09 169; 22 12 757-6 08 404; 22 12 644-6 08 004; 22 12 410-6 07 664; 22 11 979-6 07 362; 22 11 442-6 07 080; 22 10 685-6 06 916; 22 09 870-6 06 898
<b>Tổng</b>									<b>2.030.000</b>	

Số: /NQ-HĐND Thanh Hoá, ngày tháng năm 2018

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thông qua Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA  
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 về quản lý Vật liệu xây dựng; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 quy định chi tiết thi hành Luật Khoáng sản của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 159/TTr-UBND ngày 04/12/2018 của UBND tỉnh về việc đề nghị thông qua Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra số /BKTNS của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Tán thành Tờ trình số 159/TTr-UBND ngày 04/12/2018 của UBND tỉnh về việc đề nghị thông qua Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, với những nội dung cụ thể sau:

**1. Tên dự án.**

Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

**2. Phạm vi quy hoạch.**

Các vị trí mỏ, bãi tập kết cát, sỏi có đủ điều kiện quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng trên phạm vi toàn tỉnh Thanh Hóa, cụ thể:

- Các mỏ cát thuộc khu vực lòng sông, các bãi bồi trong đê hoặc khu vực ngoại đê;

- Nạo vét, khơi thông một số tuyến đường thủy nội địa;

- Khu vực cửa sông, cửa biển (cát nhiễm mặn).

### **3. Thời kỳ quy hoạch.**

Thời kỳ 2018-2025, định hướng đến năm 2030.

### **4. Dự báo nhu cầu sử dụng.**

Tổng nhu cầu sử dụng cát, sỏi làm VLXD giai đoạn 2018 - 2030 khoảng 51,38 triệu m<sup>3</sup>, cụ thể:

- Giai đoạn: 2018 - 2025, nhu cầu khoảng 26,79 triệu m<sup>3</sup>;
- Giai đoạn: 2026 – 2030, nhu cầu khoảng 25,04 triệu m<sup>3</sup>.

### **5. Mục tiêu, định hướng, đối tượng quy hoạch.**

a) Mục tiêu quy hoạch.

Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, phù hợp với chiến lược khoáng sản, quy hoạch khoáng sản quy định của Chính phủ; Phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp tỉnh; Bảo đảm an ninh, quốc phòng trên địa bàn. Khai thác, sử dụng khoáng sản cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả phục vụ nhu cầu hiện tại, đồng thời có tính đến sự phát triển khoa học, công nghệ và nhu cầu vật liệu xây dựng trong tương lai. Đảm bảo theo quy định tại Khoản 4, Điều 11, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 với các nội dung sau:

- Điều tra, nghiên cứu, tổng hợp, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và thực trạng hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản trên địa bàn địa phương (*nội dung tại Phần I; II Thuyết minh quy hoạch*);

- Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch kỳ trước (*nội dung tại Mục II, Phần II Thuyết minh quy hoạch*);

- Thể hiện các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đã được phê duyệt (*nội dung tại Mục VI, Phần III Thuyết minh quy hoạch*);

- Xác định quy mô, công suất khai thác, yêu cầu về công nghệ khai thác (*nội dung tại Mục V, Phần III Thuyết minh quy hoạch*);

- Giải pháp, tiến độ tổ chức thực hiện quy hoạch (*nội dung tại Phần IV Thuyết minh quy hoạch*);

- Khoanh định chi tiết các khu vực mỏ, loại khoáng sản cần đầu tư thăm dò, khai thác và tiến độ thăm dò, khai thác. Khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm khếp góc thể hiện trên bản đồ địa hình hệ tọa độ quốc gia với tỷ lệ thích hợp (*nội dung được thể hiện bằng các bản đồ quy hoạch*);

b) Định hướng quy hoạch.

Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa vừa đáp ứng được mục tiêu cụ thể nêu trên, vừa phải đáp ứng nhu cầu cho phát triển khai thác giai đoạn sau. Do đó, trong



quá trình thực hiện luôn cần có sự bổ sung, điều chỉnh, cập nhật, hoàn thiện cho từng giai đoạn.

c) Đối tượng quy hoạch.

Khoáng sản cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường theo quy định tại Điều 64 của Luật Khoáng sản.

## **6. Nội dung quy hoạch.**

**6.1. Khu vực lòng sông các hệ thống sông chính, các bãi bồi trong đê, ngoại đê.**

Tổng số vị trí mỏ, bãi tập kết cát, sỏi thuộc khu vực lòng sông, suối trên địa bàn tỉnh là 191 vị trí được phân bố dọc các tuyến sông, suối (sông Mã, sông Chu, sông Lò, sông Luông, sông Bưởi, sông Âm, sông Đản, sông Hón Cây, suối Sim, suối Ngàm, khe Hao Hao) thuộc địa bàn 21 huyện, thị xã, thành phố, gồm 95 mỏ cát, sỏi và 96 bãi tập kết cát, cụ thể:

- Có 95 mỏ cát, sỏi có đủ điều kiện quy hoạch:
- + Tổng diện tích quy hoạch khoảng 487,73 ha;
- + Tổng trữ lượng và tài nguyên dự báo khoảng 12,095 triệu m<sup>3</sup> cát (trong đó trữ lượng sỏi tại 21 mỏ là 0,77 triệu m<sup>3</sup>);
- + Trữ lượng khoáng sản cát đã khai thác khoảng 3,12 triệu m<sup>3</sup>;
- + Trữ lượng còn lại để đưa vào khai thác khoảng 9,745 triệu m<sup>3</sup>.
- Có 96 vị trí bãi tập kết cát đủ điều kiện quy hoạch, tổng diện tích khoảng 87,881 ha;

*(Chi tiết tại phụ lục: 01, 02)*

### **6.2. Khu vực nạo vét đường thủy nội địa.**

- Có 04 mỏ tại các tuyến sông cần nạo vét thông dòng với tổng chiều dài nạo vét khoảng 5,9 km đường sông, tổng trữ lượng dự báo nạo vét làm vật liệu xây dựng công trình khoảng 0,565 triệu m<sup>3</sup> *(Chi tiết theo phụ lục số 03)*.

### **6.3. Khu vực nạo vét cửa sông, cửa biển (cát nhiễm mặn).**

- Có 04 mỏ tại các cửa sông nạo vét với tổng chiều dài nạo vét khoảng 13 km, tổng trữ lượng dự báo nạo vét cát làm vật liệu san lấp khoảng 1,465 triệu m<sup>3</sup> *(Chi tiết theo phụ lục số 03)*.

### **6.4. Dự báo trữ lượng bồi lắng hàng năm.**

Dự kiến giai đoạn 2018-2030, tổng trữ lượng bồi lắng cát, sỏi trên địa bàn tỉnh khoảng 11,7 triệu m<sup>3</sup>, trong đó:

- Bồi lắng khu vực các hệ thống sông chính và khu vực đường thủy nội địa khoảng 0,9 triệu m<sup>3</sup>/năm, tổng trữ lượng bồi lắng đến năm 2030 khoảng 10,8 triệu m<sup>3</sup>;
- Bồi lắng khu vực cửa sông, cửa biển khoảng 0,075 triệu m<sup>3</sup>/năm, tổng trữ lượng bồi lắng đến năm 2030 khoảng 0,9 triệu m<sup>3</sup>.

### **6.5. Tổng hợp kết quả quy hoạch theo mục đích sử dụng.**

a) Cát, sỏi làm vật liệu xây dựng công trình.

Tổng số các mỏ cát, sỏi làm vật liệu xây dựng công trình là 99 mỏ; với tổng trữ lượng có thể khai thác là 21,11 triệu m<sup>3</sup>, cụ thể:

- 95 mỏ cát, sỏi thuộc phạm vi các hệ thống sông, suối, bãi bồi trong đê, ngoài đê với diện tích khoảng 487,73ha, trữ lượng có thể khai thác khoảng 8,975 triệu m<sup>3</sup> cát và 0,77 triệu m<sup>3</sup> sỏi;

- 04 khu vực khai thông đường thủy nội địa; tổng trữ lượng dự báo khoảng 0,565 triệu m<sup>3</sup>;

- Trữ lượng bồi lắng đến năm 2030 đạt 10,8 triệu m<sup>3</sup>;

b) Cát làm vật liệu san lấp (cát nhiễm mặn).

- 04 khu vực nạo vét tại các cửa sông, cửa biển, tổng trữ lượng dự báo khoảng: 1,465 triệu m<sup>3</sup>;

- Trữ lượng bồi lắng khu vực cửa sông đến 2030 đạt 0,9 triệu m<sup>3</sup>.

c) Bãi tập kết cát, sỏi.

- 96 vị trí bãi tập kết cát, sỏi với tổng diện tích khoảng 87,881 ha.

### **7. Kế hoạch khai thác cát, sỏi làm VLXD.**

Tổng trữ lượng cát quy hoạch kỳ này đạt khoảng 23,475 triệu m<sup>3</sup>, trong đó có 2,365 triệu m<sup>3</sup> là cát nhiễm mặn không thích hợp làm VLXD công trình. Như vậy, tổng trữ lượng cát, sỏi tính toán cho kế hoạch thăm dò, khai thác từ nay đến năm 2030 khoảng 21,11 triệu m<sup>3</sup>.

Kế hoạch khai thác, sử dụng cát làm VLXD được chia làm 02 giai đoạn:

- Giai đoạn từ nay đến năm 2025:

Mục tiêu: đáp ứng đủ nhu cầu: 26,79 triệu m<sup>3</sup>:

+ Cấp phép mới cát, sỏi tự nhiên đạt tổng trữ lượng khai thác đến năm 2025 đạt khoảng 11 triệu m<sup>3</sup>, công suất cấp phép mỗi dự án khai thác mới không nhỏ hơn 10.000 m<sup>3</sup>/năm (*áp dụng đối với các mỏ có trữ lượng  $\geq 20.000$  m<sup>3</sup>, thời gian cấp phép tối thiểu là 02 năm; còn với các mỏ còn lại thì cấp theo dự án*).

+ Phần cát thiếu được lấy từ phát triển sản xuất cát nghiền từ đá tại các khu vực có sẵn nguồn nguyên liệu để cung cấp cho thị trường. Tổng trữ lượng cát nghiền từ đá và các loại vật liệu thay thế đảm bảo ít nhất khoảng 16 triệu m<sup>3</sup>.

+ Tổ chức nạo vét định kỳ khu vực cửa sông, cửa biển, đường thủy nội địa định kỳ 3-5 năm/lần nhằm phục vụ tốt nhu cầu giao thông đường thủy.

+ Cấp phép thăm dò, tận thu một phần ở các lòng hồ thủy điện (nếu có dự án nạo vét).

- Giai đoạn 2026 - 2030:

Mục tiêu: đáp ứng đủ nhu cầu: 25,04 triệu m<sup>3</sup>:

+ Tiếp tục khai thác các mỏ đã được cấp trước năm 2025, cấp phép thăm dò, khai thác các mỏ mới đạt tổng trữ lượng khai thác giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 10 triệu m<sup>3</sup>, công suất cấp phép mỗi dự án khai thác mới không nhỏ hơn 10.000 m<sup>3</sup>/năm (*áp dụng đối với các mỏ có trữ lượng  $\geq 20.000$  m<sup>3</sup>, thời gian cấp phép tối thiểu là 02 năm; còn với các mỏ còn lại thì cấp theo dự án*).

+ Tiếp tục đầu tư nâng công suất các nhà máy sản xuất cát nghiền hiện có đồng thời bổ sung một số dây chuyền sản xuất mới ở các huyện miền núi và trung du. Tổng trữ lượng cát nghiền và các loại vật liệu thay thế phải đạt ít nhất 16 triệu m<sup>3</sup>;

+ Tổ chức nạo vét định kỳ 3-5 năm/lần các khu vực cửa sông, đường thủy nội địa.

+ Tăng cường phát triển cát nghiền và các loại vật liệu thay thế như tro, xỉ tại các nhà máy nhiệt điện.

Như vậy với kế hoạch thăm dò, khai thác trên, đến hết năm 2030, tổng lượng cát quy hoạch vừa đủ đáp ứng đủ nhu cầu làm vật liệu xây dựng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện.**

1. Giao UBND tỉnh căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành và Nghị quyết này tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày tháng năm và có hiệu lực từ ngày tháng năm ./.*

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương, Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh,
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh,
- VP Tỉnh ủy, VP UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, TH.

**CHỦ TỊCH**

**Trịnh Văn Chiến**

**Phụ lục 01.**

**Tổng hợp chi tiết danh sách các mỏ cát, sỏi thuộc khu vực lòng sông, suối đưa vào quy khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm VLXD tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030**

*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2018 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	Đã cấp phép (ha)	Trữ lượng cát (m <sup>3</sup> )	Trữ lượng sỏi (m <sup>3</sup> )	Độ dày cát (m)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc Lưu vực	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Huyện Mường Lát</b>		<b>4,29</b>	<b>-</b>	<b>71.000</b>	<b>-</b>				
1	161	Mỏ cát bản Mong, xã Quang Chiêu	1,69		25.000		1,48	Mỏ giữa dòng, Suối Sim; Tọa độ: (X - Y: 22 67 487 - 4 44 829; 22 67 542 - 4 44 940; 22 67 547 - 4 45 029; 22 67 532 - 4 45 116; 22 67 525 - 4 45 224; 22 67 492 - 4 45 404; 22 67 467 - 4 45 399; 22 67 493 - 4 45 209; 22 67 506 - 4 45 095; 22 67 521 - 4 45 017; 22 67 509 - 4 44 945; 22 67 463 - 4 44 839)	Suối Sim	Bổ sung QH
2	162	Mỏ cát bản Xim, xã Quang Chiêu	2,2		40.000		1,82	Mỏ giữa dòng, Suối Sim; Tọa độ: (X - Y: 22 65 981 - 4 44 537; 22 65 948 - 4 44 566; 22 65 902 - 4 44 480; 22 65 831 - 4 44 367; 22 65 727 - 4 44 193; 22 65 730 - 4 44 125; 22 65 780 - 4 44 111; 22 65 822 - 4 44 204; 22 65 816 - 4 44 285; 22 65 844 - 4 44 343; 22 65 911 - 4 44 397; 22 65 925 - 4 44 466)	Suối Sim	Bổ sung QH
3	164	Mỏ cát bản Sộp Sim, xã Tén Tằn	0,4		6.000		1,50	Mỏ giữa dòng, Suối Sim; Tọa độ: (X - Y: 22 69 559 - 4 46 950; 22 69 550 - 4 46 974; 22 69 490 - 4 46 943; 22 69 438 - 4 46 870; 22 69 462 - 4 46 858; 22 69 510 - 4 46 920)	Suối Sim	Bổ sung QH
<b>II</b>	<b>Huyện Quan Hóa</b>		<b>17,93</b>	<b>-</b>	<b>294.339</b>	<b>48.000</b>				
4	160	Mỏ cát số 160: làng Châm, xã Xuân Phú	2,15		51.000	42.000	4,33	Bên Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 52 797 - 5 15 668; 22 52 747 - 5 15 789; 22 52 638 - 5 15 851; 22 52 538 - 5 15 819; 22 52 547 - 5 15 791; 22 52 583 - 5 15 791; 22 52 663 - 5 15 742; 22 52 747 - 5 15 640)	Sông Mã	QH-3350
5	160a	Mỏ cát bản Cối, xã Xuân Phú	1,35		45.000	4.500	3,67	Bên Hữu sông Mã; Tọa độ (X - Y: 22 53 539 - 5 13 373; 22 53 512 - 5 13 491; 22 53 457 - 5	Nt	Bổ sung QH

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	Đã cấp phép (ha)	Trữ lượng cát (m <sup>3</sup> )	Trữ lượng sỏi (m <sup>3</sup> )	Độ dày cát (m)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc Lưu vực	Ghi chú
								13 486; 22 53 474 - 5 13 374; 22 53 516 - 5 13 262; 22 53 462 - 5 13 258)		
6	160b	Mỏ cát bản Ken II, xã Nam Tiến	0,87		33.000		3,79	Mỏ giữa dòng, sông Luông; Tọa độ: (X - Y: 22 53 872 - 4 99 494; 22 53 813 - 4 99 593; 22 53 805 - 4 99 655; 22 53 825 - 4 99 702; 22 53 784 - 4 99 727; 22 53 767 - 4 99 629; 22 53 839 - 4 99 473)	Sông Luông	Bổ sung QH
7	160c	Mỏ cát sông Luông, xã Hội Xuân	3,7		105.000		2,84	Mỏ giữa dòng, ngã ba sông Mã, sông Luông; Tọa độ: (X - Y: 22 56 783 - 5 08 124; 22 56 639 - 5 08 213; 22 56 553 - 5 08 129; 22 56 623 - 5 08 031; 22 56 590 - 5 07 944; 22 56 538 - 5 07 881; 22 56 618 - 5 07 851; 22 56 640 - 5 07 953; 22 56 688 - 5 08 020; 22 56 743 - 5 08 011)	Nt	Bổ sung QH
8	160d	Mỏ cát bản Khảm, xã Hội Xuân	9,56		49.339		0,52	Mỏ giữa dòng, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 56 626 - 5 08 239; 22 56 151 - 5 08 760; 22 55 998 - 5 08 912; 22 55 933 - 5 08 848; 22 56 118 - 5 08 688; 22 56 424 - 5 08 258; 22 56 534 - 5 08 146)	Sông Mã	Bổ sung QH
9	160e	Mỏ cát bản Sại, xã Phú Lệ	0,3		11.000	1.500	4,17	Mỏ giữa dòng, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 72 344 - 5 01 774; 22 72 233 - 5 01 835; 22 72 219 - 5 01 814; 22 72 334 - 5 01 754)	Nt	Bổ sung QH
<b>III</b>	<b>Huyện Quan Sơn</b>		<b>1,77</b>	<b>0,32</b>	<b>38.303</b>	<b>5.750</b>				
10	169	Mỏ cát bản Păng, xã Sơn Lư	0,32	0,32	3.903		1,22	Bên Tả sông Lò; Tọa độ: (X - Y: 22 39 712 - 4 91 577; 22 39 710 - 4 91 598; 22 39 628 - 4 91 589; 22 39 603 - 4 91 639; 22 39 610 - 4 91 565)	Sông Lò	Cập nhật QH
11	171	Mỏ cát bản Din, xã Trung Hạ	0,4		9.500	1.750	2,81	Bên Hữu sông Lò; Tọa độ: (X - Y: 22 46 504 - 5 02 551; 22 46 480 - 5 02 574; 22 46 450 - 5 02 552; 22 46 403 - 5 02 480; 22 46 423 - 5 02 465)	Sông Lò	Bổ sung QH

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	Đã cấp phép (ha)	Trữ lượng cát (m <sup>3</sup> )	Trữ lượng sỏi (m <sup>3</sup> )	Độ dày cát (m)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc Lưu vực	Ghi chú
12	172	Mỏ cát bản Lám, thị trấn Quan Sơn	0,7		15.400	2.750	2,59	Bên Tả sông Lò; Tọa độ: (X - Y: ; 22 39 652 - 4 93 792; 22 39 625 - 4 93 851; 22 39 580 - 4 93 876; 22 39 494 - 4 93 860; 22 39 498 - 4 93 825; 22 39 561 - 4 93 832; 22 39 600 - 4 93 814; 22 39 625 - 4 93 776)	Sông Lò	Bổ sung QH
13	173	Mỏ cát bản Xuân Thành, xã Sơn Thủy	0,2		5.000	1.250	3,13	Bên Tả sông Luông; Tọa độ: (X - Y: 22 45 981 - 4 70 451; 22 45 964 - 4 70 465; 22 45 941 - 4 70 437; 22 45 894 - 4 70 410; 22 45 905 - 4 70 392; 22 45 956 - 4 70 421)	Sông Luông	Bổ sung QH
14	176	Mỏ cát bản 83, xã Na Mèo	0,15		4.500		3,00	Mỏ giữa dòng, sông Luông; Tọa độ: (X - Y: 22 44 302 - 4 63 329; 22 44 296 - 4 63 345; 22 44 254 - 4 63 331; 22 44 222 - 4 63 301; 22 44 229 - 4 63 291; 22 44 265 - 4 63 313)	Sông Luông	Bổ sung QH
<b>IV</b>	<b>Huyện Bá Thước</b>		<b>9,39</b>	<b>7,49</b>	<b>105.184</b>	<b>-</b>				
15	177	Mỏ cát làng Chiềng, xã Thiết Ống	1,90	-	45.000		2,37	Bên Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 44 904 - 5 18 970; 22 44 838 - 5 19 127; 22 44 851 - 5 19 197; 22 44 938 - 5 19 160; 22 44 926 - 5 19 000; 22 44 904 - 5 18 970)	Sông Mã	Bổ sung QH
16	178	Mỏ cát thôn Bá Lộc, xã Thiết Ống; xã Thiết Kế (VT1)	2,17	2,17	60.184		0,80	Mỏ giữa dòng, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 45 162 - 5 17 644; 22 45 146 - 5 17 756; 22 45 050 - 5 17 956; 22 45 025 - 5 17 949; 22 45 049 - 5 17 799; 22 45 089 - 5 17 617; 22 44 981 - 5 18 220; 22 44 982 - 5 18 345; 22 44 945 - 5 18 624; 22 44 932 - 5 18 627; 22 44 901 - 5 18 368; 22 44 907 - 5 18 217)	Nt	Cập nhật QH
17	179	Mỏ cát thôn Bá Lộc, xã Thiết Ống (VT2)	2,32	2,32				Nt	Cập nhật QH	
18	180	Mỏ cát thôn Quyết Thắng, xã Thiết Ống	3	3				Nt	Cập nhật QH	
<b>V</b>	<b>Huyện Cẩm Thủy</b>		<b>53,35</b>	<b>25,55</b>	<b>581.573</b>	<b>75.500</b>				

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	Đã cấp phép (ha)	Trữ lượng cát (m <sup>3</sup> )	Trữ lượng sỏi (m <sup>3</sup> )	Độ dày cát (m)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc Lưu vực	Ghi chú
19	34	Mỏ cát số 34: thôn Trại Hà, xã Cẩm Tân	3,2		47.604	16.500	2,00	Bên Tả, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 24 887 - 5 58 368; 22 24 806 - 5 58 490; 22 24 782 - 5 58 348; 22 24 717 - 5 58 161; 22 24 831 - 5 58 132)	Sông Mã	QH-3350
20	47	Mỏ cát số 47: thôn Tân Tiến, xã Cẩm Tân	2,75		21.470	6.500	1,02	Bên Tả, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 24 766 - 5 57 983; 22 24 710 - 5 57 841; 22 24 627 - 5 57 816; 22 24 550 - 5 57 840; 22 24 596 - 5 57 878; 22 24 565 - 5 57 942; 22 24 643 - 5 58 021)	Nt	QH-3350
21	45	Mỏ cát số 45: làng Mới, xã Cẩm Vân	4,88		62.971	25.000	1,80	Bên Hữu, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 24 183 - 5 59 268; 22 24 023 - 5 59 317; 22 23 880 - 5 59 257; 22 23 834 - 5 59 075; 22 23 866 - 5 59 061; 22 23 989 - 5 59 154; 22 24 155 - 5 59 159)	Nt	QH-3350
22	46	Mỏ cát số 46: thôn Vân Trại, xã Cẩm Vân	4,06		43.262	12.500	1,37	Bên Hữu, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 24 483 - 5 58 944; 22 24 449 - 5 59 006; 22 24 326 - 5 59 166; 22 24 231 - 5 59 088; 22 24 424 - 5 58 796)	Nt	QH-3350
23	105	Mỏ cát số 105: làng Song, xã Cẩm Ngọc	4		56.440		1,41	Bên Tả, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 30 735 - 5 53 260; 22 30 716 - 5 53 305; 22 30 272 - 5 53 112; 22 29 958 - 5 53 128; 22 29 955 - 5 53 078; 22 30 275 - 5 53 061)	Nt	QH-3350
24	107	Mỏ cát số 107: làng Sóng, xã Cẩm Ngọc	2,77		31.000		1,12	Bên Tả, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 32 382 - 5 52 847; 22 32 199 - 5 53 183; 22 32 134 - 5 53 126; 22 32 330 - 5 52 812)	Nt	QH-3350
25	106	Mỏ cát số 106: làng Cò, xã Cẩm Yên	4		57.357		1,43	Bên Hữu, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 31 461 - 5 53 530; 22 31 457 - 5 53 586; 22 31 276 - 5 53 566; 22 31 011 - 5 53 471; 22 30 847 - 5 53 332; 22 30 849 - 5 53 269; 22 31 044 - 5 53 413; 22 31 289 - 5 53 509)	Nt	QH-3350

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	Đã cấp phép (ha)	Trữ lượng cát (m <sup>3</sup> )	Trữ lượng sỏi (m <sup>3</sup> )	Độ dày cát (m)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc Lưu vực	Ghi chú
26	108	Mỏ cát số 108: xã Cẩm Sơn; xã Cẩm Yên	2,14		29.000	15.000	2,06	Bên Hữu, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 32 996 - 5 52 081; 22 32 724 - 5 52 286; 22 32 684 - 5 52 261; 22 32 771 - 5 52 143; 22 32 971 - 5 52 057)	Nt	QH-3350
27	111A	Mỏ cát số 111A: Khu 3, Thị trấn Cẩm Thủy	3,22	3,22	27.000		0,84	Bên Hữu, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 36 850 - 5 49 558; 22 36 683 - 5 49 702; 22 36 709 - 5 49 761; 22 36 651 - 5 49 787; 22 36 629 - 5 49 727; 22 36 592 - 5 49 808; 22 36 574 - 5 49 746; 22 36 499 - 5 49 780; 22 36 481 - 5 49 708; 22 36 624 - 5 49 569; 22 36 764 - 5 49 448)	Nt	QH-3350
	111B	Mỏ cát số 111B: Khu 3, Thị trấn Cẩm Thủy	2,48	2,48	20.631		0,83			
28	112	Mỏ cát số 112: thôn Phú Lai, xã Cẩm Giang	5	5	47.718		0,95	Mỏ giữa dòng, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 36 776 - 5 46 828; 22 36 701 - 5 46 915; 22 36 530 - 5 46 971; 22 36 346 - 5 46 995; 22 36 402 - 5 46 895; 22 36 529 - 5 46 804; 22 36 745 - 5 46 776)	Nt	QH-3350
29	115	Mỏ cát số 115: thôn Bình Hòa 2, xã Cẩm Bình	7,43	7,43	49.887		0,67	Mỏ giữa dòng, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 39 345 - 5 45 191; 22 39 275 - 5 45 394; 22 39 141 - 5 45 578; 22 39 068 - 5 45 626; 22 39 020 - 5 45 551; 22 39 146 - 5 45 356; 22 39 256 - 5 45 013; 22 39 297 - 5 45 027)	Nt	QH-3350
30	121	Mỏ bãi làng Trện, xã Cẩm Thành	7,42	7,42	87.233		1,18	Mỏ giữa dòng, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 39 694 - 5 38 176; 22 39 487 - 5 38 472; 22 39 339 - 5 38 591; 22 39 149 - 5 38 607; 22 39 120 - 5 38 570; 22 39 319 - 5 38 426; 22 39 617 - 5 38 181; 22 39 676 - 5 38 152)	Nt	QH-3350
<b>VI</b>	<b>Huyện Lang Chánh</b>		<b>2,17</b>	<b>1,57</b>	<b>24.724</b>	<b>-</b>				
31	181	Mỏ cát làng Lọng, xã Tam Văn	0,32	0,32	4.200		1,31	Mỏ giữa dòng, sông Âm; Tọa độ: (X - Y: 22 35 376 - 5 15 005; 22 35 317 - 5 15 036; 22 35 233 - 5 15 016; 22 35 238 - 5 14 996; 22 35 319 - 5 15 010; 22 35 368 - 5 14 988)	Sông Âm	Cập nhật QH
32	182	Mỏ cát làng	0,2		2.650		1,33	Bên Tả, sông Âm; Tọa độ: (X - Y: 22 29 336 -	Nt	Bổ sung



Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	Đã cấp phép (ha)	Trữ lượng cát (m <sup>3</sup> )	Trữ lượng sỏi (m <sup>3</sup> )	Độ dày cát (m)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc Lưu vực	Ghi chú
		Chiềng Ban, xã Quang Hiến (VT1)						5 23 855; 22 29 321 - 5 23 886; 22 29 316 - 5 23 928 ; 22 29 294 - 5 23 879; 22 29 318 - 5 23 843)		QH
33	183	Mỏ cát làng Chiềng Ban, xã Quang Hiến (VT2)	0,25	0,25	2.048		0,82	Bên Hữu, sông Âm; Tọa độ: (X - Y: 22 29 600-5 24 275; 22 29 644-5 24 311; 22 29 961-5 24 365; 22 29 586-5 24 349; 22 29 609-5 24 312; 22 29 586-5 24 293)	Nt	Cập nhật QH
34	184	Mỏ cát thôn Tân Thủy, xã Tân Phúc	0,4		6.000		1,50	Bên Tả, sông Âm; Tọa độ: (X - Y: ; 22 31 142 - 5 21 543; 22 31 043 - 5 21 630; 22 31 023 - 5 21 607; 22 31 122 - 5 21 521)	Nt	Bổ sung QH
35	185	Mỏ cát làng Bắc Nậm, xã Giao An	0,35	0,35	4.500		1,29	Mỏ giữa dòng, sông Hón Cây; Tọa độ: (X - Y: 22 22 911 - 5 26 929; 22 22 909 - 5 26 957; 22 22 851 - 5 26 982; 22 22 849 - 5 26 908; 22 22 886 - 5 26 909; 22 22 901 - 5 26 915)	Sông Hón Cây	Cập nhật QH
36	186	Mỏ cát thôn Tân Lập, xã Tân Phúc	0,65	0,65	5.326		0,82	Bên Tả, sông Âm; Tọa độ: (X - Y: 22 30 777-5 20 793; 22 30 748-5 20 835; 22 30 771-5 20 866; 22 30 811-5 20 896; 22 30 865-5 20 894; 22 30 872-5 20 875)	Sông Âm	Cập nhật QH
<b>VII</b>	<b>Huyện Ngọc Lặc</b>		<b>6,71</b>	<b>5,11</b>	<b>54.028</b>		-			
37	190	Mỏ cát làng Châm, xã Phùng Giáo	0,8	0,8	2.700		0,34	(Bên Hữu, sông Âm; Tọa độ: (X - Y: 22 11 860 - 5 32 426; 22 11 826 - 5 32 497; 22 11 858 - 5 32 523; 22 11 919 - 5 32 524; 22 11 959 - 5 32 515; 22 11 961 - 5 32 466; 22 11 896 - 5 32 464)	Sông Âm	Cập nhật QH (thời hạn khai thác đến hết 11/2019)
38	191	Mỏ cát làng Chu, xã Phùng Minh	0,8	0,8	2.400		0,30	Bên Tả, sông Âm; Tọa độ: (X - Y: 22 04 181 - 5 36 046; 22 04 159 - 5 36 030; 22 04 286 - 5 35 903; 22 04 434 - 5 35 969; 22 04 425 - 5 35 986; 22 04 294 - 5 35 934)	Nt	Cập nhật QH (thời hạn khai thác đến hết 11/2019)
39	192	Mỏ cát làng Thượng, xã Phùng Minh	0,8	0,8	2.700		0,34	Bên Hữu, sông Âm; Tọa độ: (X - Y: 22 07 282 - 5 33 286; 22 07 272 - 5 33 265; 22 07 439 - 5 33 187; 22 07 450 - 5 33 210; 22 07	Nt	Cập nhật QH (thời hạn khai

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	Đã cấp phép (ha)	Trữ lượng cát (m <sup>3</sup> )	Trữ lượng sỏi (m <sup>3</sup> )	Độ dày cát (m)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc Lưu vực	Ghi chú
								719 - 5 33 181; 22 07 712 - 5 33 209; 22 07 830 - 5 33 236; 22 07 836 - 5 33 208)		thác đến hết 11/2019)
40	194	Mỏ cát làng Cốc, xã Phùng Minh (VT1)	0,8	0,8	6.562		0,82	Bên Tả, sông Âm; Tọa độ: (X - Y: 22 06 094 - 5 33 551; 22 06 069 - 5 33 644; 22 06 095 - 5 33 803; 22 06 063 - 5 33 807; 22 06 039 - 5 33 638; 22 06 065 - 5 33 543)	Nt	Cập nhật QH (thời hạn khai thác đến hết 11/2020)
41	195	Mỏ cát làng Cốc, xã Phùng Minh (VT2)	0,93	0,93	7.628		0,82	Bên Tả, sông Âm; Tọa độ: (X - Y: 22 05 774 - 5 34 560; 22 05 796 - 5 34 570; 22 05 776 - 5 34 617; 22 05 757 - 5 34 716; 22 05 731 - 5 34 812; 22 05 700 - 5 34 808; 22 05 716 - 5 34 686)	Nt	Cập nhật QH (thời hạn khai thác đến hết 11/2020)
42	195a	Mỏ cát làng Miềng, xã Phúc Thịnh	0,98	0,98	8.038		0,82	Bên Tả, sông Âm; Tọa độ: (X - Y: 22 04 067 - 5 37 439; 22 04 066 - 5 37 368; 22 04 091 - 5 37 365; 22 04 189 - 5 37 594; 22 04 164 - 5 37 604)	Nt	Cập nhật QH (thời hạn khai thác đến hết 11/2020)
43	195b	Mỏ cát làng Âm, xã Vân Am	0,8		12.000		1,50	Bên Tả, sông Âm; Tọa độ: (X - Y: 22 16 310 - 5 31 249; 22 16 322 - 5 31 193; 22 16 299 - 5 31 183; 22 16 262 - 5 31 178; 22 16 213 - 5 31 193; 22 16 175 - 5 31 211; 22 16 202 - 5 31 262; 22 16 288 - 5 31 235)	Nt	Bổ sung QH
44	195c	Mỏ cát làng Đám, xã Vân Am	0,8		12.000		1,50	Bên Hữu, sông Âm; Tọa độ: (X - Y: 22 17 87 - 5 31 064; 22 17 888 - 5 31 037; 22 17 695 - 5 30 942; 22 17 681 - 5 30 968; 22 17 747 - 5 31 017)	Nt	Bổ sung QH
<b>VIII</b>	<b>Huyện Vĩnh Lộc</b>		<b>56,55</b>	<b>13,45</b>	<b>1.389.651</b>	<b>631.500</b>				
45	13	Mỏ cát số 13 xã Vĩnh Minh	4,6		75.000	95.000	3,70	Bên Tả, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 12 330 - 5 73 219; 22 12 261 - 5 73 554; 22 12 128 - 5 73 523; 22 12 208 - 5 73 178)	Sông Mã	QH-3350

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	Đã cấp phép (ha)	Trữ lượng cát (m <sup>3</sup> )	Trữ lượng sỏi (m <sup>3</sup> )	Độ dày cát (m)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc Lưu vực	Ghi chú
46	18	Mỏ cát số 18: Làng Nghĩa Kỳ, xã Vĩnh Hòa	7	7	251.236		3,59	Bên Tả, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 13 744 - 5 67 888; 22 13 654 - 5 67 923; 22 13 485 - 5 67 415; 22 13 605 - 5 67 274; 22 13 647 - 5 67 288; 22 13 623 - 5 67 436)	Nt	QH-3350
47	20	Mỏ cát số 20: Xã Vĩnh Khang, huyện Vĩnh Lộc, xã Yên Thái, huyện Yên Định	7		185.000	165.000	5,00	giữa ngã ba sông Bưởi và sông Mã (X - Y: 22 14 147 - 5 66 612; 22 14 239 - 5 65 943; 22 14 331 - 5 66 187; 22 14 222 - 5 66 228; 22 14 126 - 5 65 961; 22 14 034 - 5 65 643)	Sông Mã	QH-3350
48	21	Mỏ cát số 21: thôn 3,4,5,6 xã Vĩnh Khang	13		320.000	145.000	3,58	Bên Tả, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 14 724 - 5 64 650; 22 14 506 - 5 64 886; 22 14 409 - 5 65 179; 22 14 258 - 5 65 138; 22 14 844 - 5 64 316; 22 14 500 - 5 64 508)	Nt	QH-3350
49	25	Mỏ cát số 25: xóm Long Vân, thôn Yên Lạc 2, xã Vĩnh Ninh	4		85.500	45.000	3,26	Bên Tả, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 17 859 - 5 62 086; 22 17 720 - 5 62 567; 22 17 649 - 5 62 540; 22 17 700 - 5 62 301; 22 17 064 - 5 62 806)	Nt	QH-3350
50	26	Mỏ cát số 26 thôn Yên Lạc, xã Vĩnh Ninh; xã Quý Lộc, huyện Yên Định	11		108.000	125.000	2,12	Bên Tả, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 17 747 - 5 62 573; 22 17 623 - 5 62 048; 22 17 438 - 5 62 414; 22 17 381 - 5 63 366; 22 17 456 - 5 63 002; 22 17 672 - 5 62 549)		QH-3350
51	30	Mỏ cát số 30: thôn Yên Tôn Thượng, xã Vĩnh Yên	6,45	6,45	272.615		4,23	Bên Tả, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 20 074 - 5 59 408; 22 19 942 - 5 59 564; 22 19 806 - 5 60 081; 22 19 724 - 5 60 057; 22 19 881 - 5 59 504; 22 19 984 - 5 59 334)	Nt	QH-3350
52	32	Mỏ cát số 32 xã Vĩnh Quang	3,5		92.300	56.500	4,25	Bên Tả, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 22 337 - 5 57 896; 22 22 504 - 5 57 847; 22 22 626 - 5 57 837; 22 22 874 - 5 57 876; 22 22 886 - 5 57 817; 22 22 694 - 5 57 755; 22 22 550 - 5 57 769; 22 22 355 - 5 57 864)		QH-3350
<b>IX</b>	<b>Huyện Yên Định</b>		<b>21,20</b>	<b>21,20</b>	<b>591.635</b>	-				

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	Đã cấp phép (ha)	Trữ lượng cát (m <sup>3</sup> )	Trữ lượng sỏi (m <sup>3</sup> )	Độ dày cát (m)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc Lưu vực	Ghi chú
53	41	Mỏ cát số 41: Bãi Bông, xã Quý Lộc	7	7	131.986		1,89	Bên Hữu, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 17 844 - 5 61 321; 22 17 930 - 5 61 287; 22 18 034 - 5 61 492; 22 18 049 - 5 61 718; 22 18 006 - 5 61 976; 22 17 904 - 5 61 958; 22 17 946 - 5 61 706; 22 17 931 - 5 61 515)	Nt	QH-3350
54	50	Mỏ cát số 50: Tam Đa, xã Yên Phong	4,2	4,2	94.552		2,25	Bên Hữu, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 15 018 - 5 63 167; 22 14 928 - 5 63 453; 22 14 821 - 5 63 425; 22 14 833 - 5 63 224; 22 14 897 - 5 63 129)	Nt	QH-3350
55	54	Mỏ cát số 54: làng Chiềng, xã Định Hải	10	10	365.097		3,65	Bên Hữu, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 13 875 - 5 68 545; 22 13 946 - 5 68 551; 22 13 998 - 5 68 772; 22 13 801 - 5 69 375; 22 13 750 - 5 69 364; 22 13 791 - 5 68 915)	Nt	QH-3350
<b>X</b>	<b>Huyện Thường Xuân</b>		<b>5,32</b>	<b>2,75</b>	<b>78.919</b>	<b>10.000</b>				
56	196	Mỏ cát thôn Quyết Tiến, xã Xuân Cao	0,3		4.500	2.500	2,33	Bên Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 21 98 507 - 5 40 754; 21 98 467 - 5 40 766; 21 98 440 - 5 40 672; 21 98 460 - 5 40 668)	Sông Chu	Bổ sung QH
57	197	Mỏ cát gần Tổ Rồng, xã Xuân Cao	0,4		4.800	2.500	1,83	Bên Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 21 99 837 - 5 36 099; 21 99 792 - 5 36 133; 21 99 730 - 5 36 148; 21 99 721 - 5 36 114; 21 99 817 - 5 36 072)	Nt	Bổ sung QH
58	196a	Mỏ cát Thôn Vinh Quang, xã Xuân Cao	0,4	0,4	8.840		2,21	Giữa sông Đăn; Tọa độ: (X - Y: 21 96 798 - 5 36 614; 21 96 793 - 5 36 584; 21 96 757 - 5 36 574; 21 96 710 - 5 36 608; 21 96 705 - 5 36 651; 21 96 685 - 5 36 649; 21 96 691 - 5 36 897; 21 96 753 - 5 36 552; 21 96 810 - 5 36 568; 21 96 818 - 5 36 610)	Sông Đăn	Cập nhật QH

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	Đã cấp phép (ha)	Trữ lượng cát (m <sup>3</sup> )	Trữ lượng sỏi (m <sup>3</sup> )	Độ dày cát (m)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc Lưu vực	Ghi chú
59	197a	Mỏ cát Thôn Trung Tiên, xã Xuân Cao VT1	0,43	0,43	9.503		2,21	Giữa sông Đản; Tọa độ: (X - Y: 21 97 903 - 5 37 138; 21 98 003 - 5 37 161; 21 98 020 - 5 37 205; 21 97 953 - 5 37 293; 21 97 970 - 5 37 305; 21 98 035 - 5 37 205; 21 98 035 - 5 37 205; 21 98 017 - 5 37 149; 21 97 907 - 5 37 123)	Sông Đản	Cập nhật QH
60	197b	Mỏ cát Thôn Trung Tiên, xã Xuân Cao; thôn Đông Xuân, xã Thọ Thanh	0,5	0,5	7.500		1,50	Bên Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 21 98 442 - 5 37 523; 21 98 460 - 5 37 680; 21 98 491 - 5 37 674; 21 98 482 - 5 37 572; 21 98 466 - 5 37 520)	Sông Chu	Cập nhật QH
61	198	Mỏ cát thôn Thống Nhất, xã Xuân Cao	0,5	0,5	4.824		0,96	Giữa sông Đản; Tọa độ (X - Y: 21 95 360 - 5 36 564; 21 95 369 - 5 36 591; 21 95 249 - 5 36 661; 21 95 231 - 5 36 621)	Sông Đản	Cập nhật QH
62	199	Mỏ cát thôn Thanh Long, xã Thọ Thanh, VT1	0,55		7.500	1.500	1,64	Bên Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 21 99 223 - 5 36 426; 21 99 167 - 5 36 564; 21 99 140 - 5 36 551; 21 99 165 - 5 36 489; 21 99 192 - 5 36 390)	Nt	Bổ sung QH
63	200	Mỏ cát thôn Thanh Long, xã Thọ Thanh, VT2	0,12		2.500		2,08	Bên Tả sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 21 99 975 - 5 36 086; 21 99 961 - 5 36 121; 21 99 935 - 5 36 154; 21 99 928 - 5 36 144; 21 99 952 - 5 36 087)	Nt	Bổ sung QH
64	201	Mỏ cát thôn Xuân Thành, xã Ngọc Phụng	1,2		18.000	3.500	1,79	Bên Hữu sông Âm; Tọa độ: (X - Y: 22 06 088 - 5 34 248; 22 06 082 - 5 34 326; 22 06 031 - 5 34 375; 22 05 864 - 5 34 431; 22 05 857 - 5 34 421; 22 05 993 - 5 34 359; 22 06 021 - 5 34 294; 22 06 047 - 5 34 186)	Sông Âm	Bổ sung QH
65	201a	Mỏ cát thôn Hưng Long, xã Ngọc Phụng	0,92	0,92	10.952		1,19	Bên Hữu sông Âm; Tọa độ: (X - Y: 22 04 315 - 5 37 051; 22 04 343 - 5 37 101; 22 04 325 - 5 37 113; 22 04 171 - 5 37 150; 22 04 167 - 5 37 105; 22 04 236 - 5 37 080)	Sông Âm	Cập nhật QH
<b>XI</b>	<b>Huyện Thọ Xuân</b>		<b>83,96</b>	<b>83,66</b>	<b>2.494.763</b>	-				

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	Đã cấp phép (ha)	Trữ lượng cát (m <sup>3</sup> )	Trữ lượng sỏi (m <sup>3</sup> )	Độ dày cát (m)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc Lưu vực	Ghi chú
66	10	Mỏ cát số 10: Long Linh, xã Thọ Trường	10	10	216.000		2,16	Bên Tả sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 05 395 - 5 59 989; 22 04 833 - 5 60 073; 22 04 459 - 5 60 374; 22 04 499 - 5 60 433; 22 04 874 - 5 60 184; 22 04 410 - 5 60 076)	Sông Chu	QH-3350
67	17	Mỏ cát số 17: làng Vân Lộ, xã Thọ Nguyên	15,96	15,96	726.329		4,55	Bên Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 06 595 - 5 59 521; 22 06 270 - 5 59 706; 22 06 098 - 5 59 654; 22 06 225 - 5 59 600; 22 06 408 - 5 59 442; 22 06 448 - 5 59 194; 22 06 364 - 5 58 960; 22 06 429 - 5 58 930; 22 06 582 - 5 59 161)	Nt	QH-3350
68	20	Mỏ cát số 20: Xứ Đồng xã Thọ Hải	14	14	357.184		2,55	Bên Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 07 383 - 5 49 789; 22 07 262 - 5 49 806; 22 07 195 - 5 49 457; 22 07 119 - 5 49 213; 22 06 958 - 5 48 903; 22 07 047 - 5 48 852; 22 07 265 - 5 49 142; 22 07 349 - 5 49 437)	Nt	QH-3350
69	23	Mỏ cát số 23 xã Xuân Bái	0,3		6.500		2,17	Ngã ba sông Chu, sông Âm (X - Y: 22 03 785 - 5 38 880; 22 03 844 - 5 30 906; 22 03 875 - 5 38 965; 22 03 856 - 5 38 977; 22 03 827 - 5 38 926; 22 03 775 - 5 38 903)	Sông Chu, sông Âm	QH-3350
70	25	Mỏ cát số 25: xã Thọ Lâm, xã Xuân Lam	7	7	85.736		1,22	Bên Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 04 100 - 5 44 685; 22 04 046 - 5 44 692; 22 03 998 - 5 44 246; 22 03 725 - 5 43 422; 22 03 773 - 5 43 407; 22 04 051 - 5 44 232)	Nt	QH-3350
71	28	Mỏ cát số 28: xã Thọ Lập, xã Xuân Tín	7	7	127.203		1,82	Bên Tả sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 08 261 - 5 51 567; 22 08 206 - 5 51 597; 22 08 047 - 5 51 321; 22 07 844 - 5 51 043; 22 07 918 - 5 50 982; 22 08 145 - 5 51 238)	Nt	QH-3350
72	18	Mỏ cát số 18: xã Hạnh Phúc, xã Xuân Thành	20,7	20,7	801.454		3,87	Bên Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 06 663 - 5 56 645; 22 06 548 - 5 57 070; 22 06 356 - 5 57 032; 22 06 411 - 5 56 724; 22 06 364 - 5 56 516; 22 06 188 - 5 56 312; 22 06 240 - 5 56 125)	Nt	QH-3350

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	Đã cấp phép (ha)	Trữ lượng cát (m <sup>3</sup> )	Trữ lượng sỏi (m <sup>3</sup> )	Độ dày cát (m)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc Lưu vực	Ghi chú
73	11a	Mỏ cát số 11a xã Xuân Lai	9	9	174.357		1,94	Bên Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 06 237 - 5 57 521; 22 06 029 - 5 57 876; 22 06 044 - 5 58 276; 22 06 165 - 5 58 274; 22 06 156 - 5 57 915; 22 06 312 - 5 57 569)	Nt	QH-3350
<b>XII</b>	<b>Huyện Thạch Thành</b>		<b>3,59</b>	<b>-</b>	<b>51.100</b>	<b>-</b>				
74	202	Mỏ cát thôn Vân Phú, xã Thành Mỹ	0,46		6.000		1,30	Bên Tả sông Bưởi, tọa độ (X - Y: 22 41 819 - 5 56 506; 22 41 814 - 5 56 634; 22 41 777 - 5 56 731; 22 41 778 - 5 56 607)	Sông Bưởi	Bổ sung QH
75	203	Mỏ cát thôn Vân Tiến, xã Thành Mỹ	0,33		4.600		1,38	Bên Tả sông Bưởi, tọa độ (X - Y: 22 40 470 - 5 57 744; 22 40 446 - 5 57 823; 22 40 448 - 5 57 864; 22 40 490 - 5 57 960; 22 40 481 - 5 57 964; 22 40 429 - 5 57 868; 22 40 429 - 5 57 824; 22 40 463 - 5 57 740)	Sông Bưởi	Bổ sung QH
76	204	Mỏ cát thôn Vân Nam, xã Thành Mỹ	0,32		4.500		1,41	Bên Tả sông Bưởi, tọa độ (X - Y: 22 41 193 - 5 57 081; 22 41 170 - 5 57 202; 22 41 153 - 5 57 192; 22 41 151 - 5 57 118; 22 41 175 - 5 57 073)	Sông Bưởi	Bổ sung QH
77	205	Mỏ cát thôn Quyết Thắng, xã Thành Vinh	0,60		9.000		1,50	Bên Tả sông Bưởi, tọa độ (X - Y: 22 38 139 - 5 60 141; 22 38 089 - 5 60 243; 22 38 091 - 5 60 296; 22 38 108 - 5 60 383; 22 38 090 - 5 60 388; 22 38 061 - 5 60 294; 22 38 059 - 5 60 243; 22 38 129 - 5 60 136)	Sông Bưởi	Bổ sung QH
78	207	Mỏ cát thôn Thạch Yên, Thạch Cẩm	0,74		10.000		1,35	Bên Hữu sông Bưởi, tọa độ (X - Y: 22 40 977 - 5 57 706; 22 40 878 - 5 57 761; 22 40 726 - 5 57 739; 22 40 728 - 5 57 713; 22 40 819 - 5 57 726; 22 40 887 - 5 57 717; 22 40 969 - 5 57 687)	Sông Bưởi	Bổ sung QH
79	208	Mỏ cát thôn Quảng Giang, Thạch Quảng	0,58		8.500		1,47	Bên Hữu sông Bưởi, tọa độ (X - Y: 22 45 166 - 5 55 596; 22 45 157 - 5 55 681; 22 45 163 - 5 55 743; 22 45 187 - 5 55 783; 22 45 155 - 5 55 803; 22 45 125 - 5 55 751; 22 45 135 - 5 55 681; 22 45 145 - 5 55 593)	Sông Bưởi	Bổ sung QH

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	Đã cấp phép (ha)	Trữ lượng cát (m <sup>3</sup> )	Trữ lượng sỏi (m <sup>3</sup> )	Độ dày cát (m)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc Lưu vực	Ghi chú
80	209	Mỏ cát thôn Quảng Trung, Thạch Quảng	0,55		8.500		1,54	Bên Hữu sông Bưởi, tọa độ (X - Y: 22 44 727 - 5 55 980; 22 44 737 - 5 55 996; 22 44 655 - 5 56 068 ; 22 44 555 - 5 56 077; 22 44 550 - 5 56 059; 22 44 642 - 5 56 034)	Sông Bưởi	Bổ sung QH
<b>XIII</b>	<b>Huyện Thiệu Hóa</b>		<b>141,75</b>	<b>70,80</b>	<b>3.531.230</b>		-			
81	2	Mỏ cát số 02 chuyên đổi: Bãi bồi sông Chu, xã Thiệu Tân	20,0	20,0	634.731		3,17	Bên Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 00 437 - 5 75 353; 22 00 285 - 5 75 685; 21 99 855 - 5 75 126; 22 00 180 - 5 75 018; 22 00 366 - 5 75 121)	Sông Chu	QH-3350
82	4	Mỏ cát số 04: Thị trấn Vạn Hà, xã Thiệu Nguyên	23,3	23,3	720.000		3,09	Bên Tả sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 21 99 177 - 5 71 465; 21 98 993 - 5 72 535; 21 98 856 - 5 72 514; 21 98 795 - 5 72 114; 21 98 997 - 5 71 439)	nt	QH-3350
83	5	Mỏ cát số 05: xã Thiệu Nguyên	21,9	21,9	705.000		3,22	Bên Tả sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 21 99 119 - 5 74 995; 21 99 105 - 5 75 086; 21 98 294 - 5 74 898; 21 98 262 - 5 74 455)	nt	QH-3350
84	8	Mỏ cát số 08: làng Lam Vỹ, xã Thiệu Vũ	5,6	5,6	53.807		0,96	Bên Tả sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 02 565 - 5 64 395; 22 02 506 - 5 64 462; 22 02 509 - 5 64 487; 22 02 306 - 5 64 662; 22 02 248 - 5 64 608; 22 02 212 - 5 64 609; 22 02 182 - 5 64 573; 22 02 334 - 5 64 414; 22 02 527 - 5 64 331)	nt	QH-3350 (thời hạn khai thác đến hết 01/2025)
85	9	Mỏ cát số 09: thôn Chấn Xuyên 2, xã Thiệu Ngọc	15		422.201		2,81	Bên Tả sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 03 215 - 5 62 427; 22 03 134 - 5 62 499; 22 02 855 - 5 62 281; 22 02 794 - 5 61 927; 22 02 923 - 5 61 670; 22 03 079 - 5 61 746; 22 02 986 - 5 61 942; 22 03 010 - 5 62 140)	nt	QH-3350
86	13	Mỏ cát số 13: làng Đồng Minh, xã Thiệu Minh	1,5		35.000		2,33	Bên Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 01 784 - 5 65 041; 22 01 722 - 5 65 298; 22 01 678 - 5 65 293; 22 01 684 - 5 65 169; 21 87 557 - 5 65 025)	nt	QH-3350



Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	Đã cấp phép (ha)	Trữ lượng cát (m <sup>3</sup> )	Trữ lượng sỏi (m <sup>3</sup> )	Độ dày cát (m)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc Lưu vực	Ghi chú
87	15	Mỏ cát số 15: thôn Toán Thọ, xã Thiệu Toán	29,6		450.000		1,52	Bên Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 04 333 - 5 63 537; 22 04 277 - 5 63 962; 22 03 622 - 5 64 207; 22 03 583 - 5 64 111; 22 04 134 - 5 63 858; 22 04 162 - 5 63 554; 22 03 677 - 5 62 948; 22 03 737 - 5 62 884; 22 04 232 - 5 63 224)	nt	QH-3350
88	62	Mỏ cát số 62: Phông Nhuệ, xã Thiệu Thịnh	15		245.365		1,64	Bên Tả sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 00 933 - 5 79 742; 22 00 920 - 5 79 873; 22 00 331 - 5 79 804; 21 99 854 - 5 79 537; 21 99 899 - 5 79 445; 22 00 361 - 5 79 652)	nt	QH-3350
89	66	Mỏ cát số 66 xã Thiệu Quang	3,65		157.126		4,30	Bên Tả sông Mã (X - Y: 22 05 243 - 5 79 820; 22 05 516 - 5 79 943; 22 05 497 - 5 80 025; 22 05 306 - 5 79 979; 22 05 134 - 5 79 880)	nt	QH-3350
90	63a	Mỏ cát thôn Quang Trung 3, xã Thiệu Tiến	6,2		108.000		1,74	Bên Tả sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 01 430 - 5 67 273; 22 01 313 - 5 67 393; 22 01 219 - 5 67 463; 22 01 112 - 5 67 512; 22 01 052 - 5 67 387; 22 01 203 - 5 67 311; 22 01 317 - 5 67 207)	nt	Bổ sung QH
<b>XIV</b>	<b>Thành phố Thanh Hóa</b>		<b>62,45</b>	<b>47,15</b>	<b>2.444.051</b>	-				
91	59	Mỏ cát 59: Bãi bồi xã Thiệu Dương	47,15	47,15	1.744.531		3,70	Mỏ giữa dòng, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: ; 21 98 572 - 5 80 817; 21 98 491 - 5 81 220; 21 98 433 - 5 81 309; 21 98 446 - 5 81 384; 21 97 941 - 5 81 844; 21 97 876 - 5 81 813; 21 98 063 - 5 81 014; 21 98 254 - 5 80 663)	Sông Mã	QH-3350 (thời hạn khai thác đến hết 08/2027)
92	02a	Mỏ cát 02a: thôn 3, xã Thiệu Khánh; thành phố và xã Thiệu Tân, huyện Thiệu Hóa	4,5		219.746		4,88	Bên Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 21 99 788 - 5 76 802; 21 99 536 - 5 77 295; 21 99 428 - 5 77 222; 21 99 690 - 5 76 738; 21 99 511 - 5 77 342; 21 99 368 - 5 77 6 22; 21 99 252 - 5 77 564; 21 99 396 - 5 77 251)	Sông Chu	QH-3350
		6,8		404.774		5,95				

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	Đã cấp phép (ha)	Trữ lượng cát (m <sup>3</sup> )	Trữ lượng sỏi (m <sup>3</sup> )	Độ dày cát (m)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc Lưu vực	Ghi chú
93	65a	Mỏ cát xã Hoàng Quang	4		75.000		1,88	Bên Tả sông Mã, tọa độ (X - Y: 21 90 647 - 5 85 690; 21 90 431 - 5 85 802; 21 90 272 - 5 85 725; 21 90 416 - 5 85 601; 21 90 579 - 5 85 647)	Sông Mã	Bổ sung QH
<b>XV</b>	<b>Huyện Tĩnh Gia</b>		<b>17,3</b>	<b>0</b>	<b>345.000</b>					
94	211	Mỏ cát Khe Hao Hao, xã Hùng Sơn	14,3	0	285.000		1,99	Đồi cát và lòng khe Hao Hao Tọa độ: (X - Y: 21 57 926 - 5 77 242; 21 57 659 - 5 77 399; 21 57 162 - 5 77 280; 21 57 203 - 5 77 075; 21 57 591 - 5 77 112)	Khe Hao Hao	Bổ sung QH
95	212	Mỏ cát Khe Hao Hao, xã Định Hải	3	0	60.000		2,00	Lòng khe Hao Hao; Tọa độ: (X - Y: 21 56 285 - 5 77 041; 21 56 315 - 5 78 041; 21 56 285 - 5 78 041)	Khe Hao Hao	Bổ sung QH
<b>Tổng</b>			<b>487,73</b>	<b>279,05</b>	<b>12.095.500</b>	<b>770.750</b>				

**Phụ lục 02. Tổng hợp danh sách các bãi tập kết cát, sỏi đưa vào quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm VLXD tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2018 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	DT đã cho thuê (ha)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc lưu vực	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Huyện Mường Lát</b>		<b>0,14</b>	<b>0</b>			
1	B127	Bãi tập kết cát bản Mong, xã Quang Chiêu	0,14		Bờ Hữu suối Sim; Tọa độ: (X - Y: 22 67 474 - 4 45 526; 22 67 459 - 4 45 534; 22 67 432 - 4 45 477; 22 67 463 - 4 45 471)	Sông Mã	Bổ sung QH
<b>II</b>	<b>Huyện Quan Hóa</b>		<b>0,6</b>	<b>0</b>			
2	B128	Bãi tập kết cát bản Éo, xã Thanh Xuân	0,15		Bờ Tả sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 64 157 - 5 03 627; 22 64 133 - 5 03 637; 22 64 110 - 5 03 584; 22 64 135 - 5 03 574)	Sông Mã	Bổ sung QH
3	B129	Bãi tập kết cát bản Sại, xã Phú Lệ	0,15		Bờ Tả sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 72 354 - 5 01 864; 22 72 304 - 5 01 879; 22 72 296 - 5 01 851; 22 72 346 - 5 01 837)	Nt	Bổ sung QH
4	B130	Bãi tập kết cát khu 3, thị trấn Quan Hóa, thửa số 01, tờ bản đồ 01	0,15		Bờ Tả sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 54 244 - 5 10 675; 22 54 207 - 5 10 723; 22 54 185 - 5 10 708; 22 54 221 - 5 10 663)	Nt	Bổ sung QH
5	B132	Bãi tập kết cát bản Đò, xã Phú Thanh	0,15		Bờ Tả sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 74 261 - 5 02 072; 22 74 269 - 5 02 090; 22 74 190 - 5 02 120; 22 74 185 - 5 02 104)	Nt	Bổ sung QH
<b>III</b>	<b>Huyện Bá Thước</b>		<b>3,97</b>	<b>0,22</b>			
6	B126	Bãi tập kết cát thôn Bá Lộc, xã Thiết Ống	0,36	0	Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 44 772 - 5 18 020; 22 44 816 - 5 18 040; 22 44 843 - 5 17 971; 22 44 799 - 5 17 951)	Sông Mã	Bổ sung QH
7	B125	Bãi tập kết cát B125: thôn Điền Giang, xã Điền Lư, thửa số 49, tờ bản đồ số 15	0,55		Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 47 905 - 5 32 999; 22 47 874 - 5 33 063; 22 47 816 - 5 33 032; 22 47 848 - 5 32 950; 22 47 870 - 5 32 961)	Nt	QH-3350
8	B125a	Bãi tập kết cát La Hán, xã Ban công, thửa số 105, 115, 124 tờ bản đồ số 185	0,6	0,22	Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 51 649 - 5 21 406; 22 51 656 - 5 21 428; 22 51 592 - 5 21 447; 22 51 540 - 5 21 479; 22 51 512 - 5 21 440; 22 51 549 - 5 21 400; 22 51 580 - 5 21 405)	Nt	QH-2182

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	DT đã cho thuê (ha)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc lưu vực	Ghi chú
9	B125c	Bãi tập kết cát thôn Đâu Cà, xã Lương Ngoại, thửa số 1017, tờ bản đồ số 37, 40	0,85		Bờ Tả sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 47 952 - 5 35 115; 22 47 923 - 5 35 173; 22 47 873 - 5 35 149; 22 47 807 - 5 35 122; 22 47 838 - 5 35 058)	Nt	QH-2182
10	B125d	Bãi thôn Mí, xã Ái Thượng	1,4		Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 51 205 - 5 29 106; 22 51 205 - 5 29 306; 22 51 135 - 5 29 106; 22 51 135 - 5 21 306)	Nt	Bổ sung QH
11	B125e	Bãi thôn Trung Thủy, xã Lương Trung	0,21		Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 47 387 - 5 36 511; 22 47 387 - 5 36 481; 22 47 457 - 5 36 481; 22 47 457 - 5 36 511)	Nt	Bổ sung QH
<b>IV</b>	<b>Huyện Cẩm Thủy</b>		<b>6,016</b>	<b>3,471</b>			
12	B43	Bãi tập kết cát B43: thôn Trại Hà xã Cẩm Tân, thửa số 241, 255, tờ bản đồ số 15	1,72		Bờ Tả sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 24 669 - 5 57 553; 22 24 611 - 5 57 569; 22 24 510 - 5 57 342; 22 24 581 - 5 57 314)	Sông Mã	QH-3350
13	B60	Bãi tập kết cát B60: thôn Vân Long, xã Cẩm Vân, thửa số 04, tờ bản đồ số 22	0,4	0,4	Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 20 736 - 5 58 792; 22 20 650 - 5 58 814; 22 20 639 - 5 58 769; 22 20 724 - 5 58 747)	Nt	QH-3350
14	B62	Bãi tập kết cát B62: thôn Phác Vân, xã Cẩm Vân, thửa số 840, tờ bản đồ số 14 (điều chỉnh B62 sang)	0,96	0,96	Bờ Tả sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 24 616 - 5 59 021; 22 24 569 - 5 59 108; 22 24 524 - 5 59 085; 22 24 573 - 5 58 992; 22 24 600 - 5 59 127; 22 24 597 - 5 59 177; 22 24 537 - 5 59 177; 22 24 540 - 5 59 127)	Nt	QH-2182
15	B64	Bãi tập kết cát B64: Góc Thị, xã Cẩm Ngọc, thửa số 10 tờ bản đồ số 36; thửa số 629 tờ bản đồ số 33	0,15		Bờ Tả sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 31 029 - 5 53 628; 22 31 025 - 5 53 665; 22 30 991 - 5 53 663; 22 30 989 - 5 53 659; 22 30 997 - 5 53 646; 22 30 993 - 5 53 637; 22 30 980 - 5 53 632; 22 30 982 - 5 53 620)	Nt	QH-3350
16	B66	Bãi tập kết cát bến Mỗ, thị trấn Cẩm Thủy (điều chỉnh B66 sang)	0,3	0,055	Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 35 531 - 5 48 440; 22 35 522 - 5 48 479; 22 35 449 - 5 48 465; 22 35 458 - 5 48 424)	Nt	QH-2182 (thời hạn thuê đất đến hết 04/2063)
17	B70	Bãi tập kết cát B70: thôn Phú Lai, xã Cẩm Giang, thửa số 96a, tờ bản đồ số 20	0,676	0,676	Bờ Tả sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 35 192 - 5 48 016; 22 35 194 - 5 48 082; 22 35 142 - 5 48 110; 22 35 139 - 5 48 065; 22 35 206 - 5 48 104; 22 35 231 - 5 48 140; 22 35 171 - 5 48 177; 22 35 131 - 5 48 133)	Nt	QH-3350

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	DT đã cho thuê (ha)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc lưu vực	Ghi chú
18	B71	Bãi tập kết cát B71: thôn Bình Hòa 2, xã Cẩm Bình	1,08	1,08	Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 39 294 - 5 44 863; 22 39 204 - 5 44 936; 22 39 183 - 5 44 835; 22 39 190 - 5 44 761; 22 39 227 - 5 44 766)	Nt	QH-3350
19	B71a	Bãi tập kết làng Cò, xã Cẩm Yên	0,3	0,3	Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 31 450 - 5 53 481; 22 31 378 - 5 53 480; 22 31 377 - 5 53 498; 22 31 449 - 5 53 523)	Nt	Cập nhật QH
20	B75	Bãi tập kết cát B75: Bãi Vạc, xã Cẩm Thành, thửa số 209, tờ bản đồ số 44	0,43		Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 38 662 - 5 38 950; 22 38 616 - 5 39 021; 22 38 575 - 5 38 992; 22 38 622 - 5 38 919; 21 87 557 - 5 94 548)	Nt	QH-3350
<b>V</b>	<b>Huyện Vĩnh Lộc</b>		<b>4,75</b>	<b>2,36</b>			
21	B46a	Bãi tập kết cát thôn Sóc Sơn, xã Vĩnh Hùng, thửa 1211, tờ bản đồ số 16 (Điều chỉnh bãi B46a sang)	0,35	0,12	Bờ Tả sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 14 447 - 5 70 238; 22 14 422 - 5 70 237; 22 14 424 - 5 70 181; 22 14 444 - 5 70 182)	Sông Mã	QH-2182
22	B5	Bãi tập kết cát B5: thôn Phi Bình 2, thôn Kỳ Ngải 2, xã Vĩnh Ninh, thửa số 95, tờ bản đồ số 09	1	1	Bờ Tả sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 15 392 - 5 61 557; 22 15 382 - 5 61 611; 22 15 347 - 5 61 610; 22 15 315 - 5 61 593; 22 15 361 - 5 61 537)	Nt	QH-3350
23	B5b	Bãi tập kết cát thôn Kỳ Ngải, xã Vĩnh Ninh, thửa số 141, tờ bản đồ số 5	0,98		Bờ Tả sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 16 924 - 5 61 517; 22 16 694 - 5 61 575; 22 16 692 - 5 61 533; 22 16 908 - 5 61 475)	Nt	Bổ sung QH
24	B5c	Bãi tập kết cát thôn Phù Lưu, xã Vĩnh Yên, thửa số 40, 41, 42, 43, 60, 98, 100, 102, 109, 110, 111, 160, 161 tờ bản đồ số 14	0,9	0,9	Bờ Tả sông Mã; Tọa độ: (KV1: X - Y: 22 19 834 - 5 60 436; 22 19 833 - 5 60 493; 22 19 794 - 5 60 490; 22 19 799 - 5 60 436)	Nt	Cập nhật QH
25	B5d	Bãi tập kết cát thôn Nhật Quang, xã Vĩnh Hòa, thửa số 321, tờ bản đồ số 04	0,22	0,22	Bờ Tả sông Bưởi; Tọa độ: (X - Y: 22 17 130 - 5 66 266; 22 17 123 - 5 66 297; 22 17 060 - 5 66 287; 22 17 064 - 5 66 252)	Sông Bưởi	Cập nhật QH
26	B5e	Bãi tập kết cát thôn Cồ Điệp, xã Vĩnh Phúc, thửa số 432, 455, 455a, 456, 474, 473, tờ bản đồ số 12	1,3	0,12	Bờ Tả sông Bưởi; Tọa độ: (X - Y: 22 19 592 - 5 66 115; 22 19 523 - 5 66 298; 22 19 445 - 5 66 227; 22 19 495 - 5 66 193; 22 19 523 - 5 66 089)	Sông Bưởi	Cập nhật QH

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	DT đã cho thuê (ha)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc lưu vực	Ghi chú
<b>VI</b>	<b>Huyện Yên Định</b>		<b>3,7</b>	<b>2,5</b>			
27	B4a	Bãi tập kết cát Bãi Bông, xã Quý Lộc, thửa số 500, 580, tờ bản đồ số 36	0,7	0,7	Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 20 259 - 5 58 890; 22 20 186 - 5 58 952; 22 20 159 - 5 58 922; 22 20 249 - 5 58 815; 22 20 259 - 5 58 818; 22 20 255 - 5 58 859)	Sông Mã	Cập nhật QH
28	B6	Bãi tập kết B6: Tam Đa, xã Yên Phong, thửa số 972, 32, 38, 39, tờ bản đồ số 07	0,5	0,5	Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 14 642 - 5 63 266; 22 14 630 - 5 63 312; 22 14 533 - 5 63 277; 22 14 547 - 5 63 232)	Nt	QH-3350
29	B6a	Bãi tập kết cát thôn Phù Hưng, xã Yên Thái, thửa số 02, tờ bản đồ số 01	1,3	0,6	Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 14 103 - 5 64 555; 22 14 012 - 5 64 727; 22 13 959 - 5 64 701; 22 14 009 - 5 64 604; 22 14 030 - 5 64 506)	Nt	QH-2182 (thời hạn thuê đất đến hết 05/2066)
30	B8	Bãi tập kết cát B8 điều chỉnh: thôn Sét, xã Định Hải, thửa số 222, tờ bản đồ số 17	0,2	0,2	Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 13 345 - 5 67 596; 22 13 320 - 5 67 629; 22 13 271 - 5 67 581; 22 13 282 - 5 67 565)	Nt	QH-3350
31	B45	Bãi tập kết cát xã Yên Thái	0,5		Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 13 929 - 5 65 953; 22 13 913 - 5 66 025; 22 13 865 - 5 65 950; 22 13 896 - 5 65 912; 22 13 917 - 5 65 877; 22 13 929 - 5 65 888)		QH-3350
32	B44	Bãi tập kết cát B44: thôn Thạc Quả 1, xã Yên Trường, thửa số 145, tờ bản đồ số 12	0,5	0,5	Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 15 456 - 5 61 079; 22 15 399 - 5 61 117; 22 15 361 - 5 61 054; 22 15 418 - 5 61 015)	Nt	QH-3350 (thời hạn thuê đất đến hết 11/2022)
<b>VII</b>	<b>Huyện Thạch Thành</b>		<b>1,5</b>	<b>1,5</b>			
33	B133	Bãi tập kết cát thôn Phú Thành, xã Thành Hưng, thửa số 285, 333, 286, 314, 260, tờ bản đồ số 11	1,5	1,5	Bờ Tả sông Bưởi; Tọa độ: (X - Y: 22 24 647 - 5 66 038; 22 24 608 - 5 66 061; 22 24 611 - 5 66 066; 22 24 598 - 5 66 078; 22 24 603 - 5 66 087; 22 24 610 - 5 66 121; 22 24 600 - 5 66 126; 22 24 487 - 5 66 007; 22 24 555 - 5 65 921; 22 24 594 - 5 65 950; 22 24 609 - 5 65 969; 22 24 560 - 5 65 988; 22 24 573 - 5 66 005; 22 24 615 - 5 65 977)	Sông Bưởi	QH-2182
<b>VIII</b>	<b>Huyện Thường Xuân</b>		<b>1,577</b>	<b>0,457</b>			

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	DT đã cho thuê (ha)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc lưu vực	Ghi chú
34	B134	Bãi tập kết cát thôn Thông Nhất, xã Xuân Cao, thửa số 215, tờ bản đồ số 28	0,12	0,12	Bờ Hữu sông Đầm; Tọa độ: (X - Y: 21 96 041 - 5 36 853; 21 96 072 - 5 36 864; 21 96 092 - 5 36 838; 21 96 042 - 5 36 826)	Sông Đầm	Cập nhật QH
35	B135	Bãi tập kết cát thôn Xuân Thành, xã Ngọc Phụng, thửa số 61, tờ bản đồ số 06	0,12		Bờ Hữu sông Âm; Tọa độ: (X - Y: 22 05 827 - 5 34 415; 22 05 811 - 5 34 433; 22 05 771 - 5 34 403; 22 05 786 - 5 34 382)	Sông Âm	Bổ sung QH
36	B136	Bãi tập kết cát thôn Quyết Tiến, xã Ngọc Phụng	0,75		Bờ Hữu sông Âm; Tọa độ: (X - Y: 22 06 298 - 5 33 442; 22 06 274 - 5 33 486; 22 06 142 - 5 33 415; 22 06 166 - 5 33 371)	Sông Âm	Bổ sung QH
37	B137	Bãi tập kết cát thôn Trung Tiến, xã Xuân Cao, thửa số 20, tờ bản đồ số 09	0,15		Bờ Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 21 98 469 - 5 38 921; 21 98 468 - 5 38 969; 21 98 437 - 5 38 968; 21 98 437 - 5 38 922)	Sông Chu	Bổ sung QH
38	B138	Bãi tập kết cát thôn Xuân Thắng, xã Xuân Cao	0,1		Bờ Tả sông Đầm; Tọa độ: (X - Y: 21 95 746 - 5 36 390; 21 95 761 - 5 36 414; 21 95 726 - 5 36 432; 21 95 714 - 5 36 414)	Sông Đầm	Bổ sung QH
39	B139	Bãi tập kết cát thôn Hưng Long, xã Ngọc Phụng	0,337	0,337	Bờ Hữu sông Âm; Tọa độ: (X - Y: 2204315 - 537051; 2204236 - 537080; 2204236 - 537051; 2204289 - 537005)	Sông Âm	Cập nhật QH
<b>IX</b>	<b>Huyện Thọ Xuân</b>		<b>7,94</b>	<b>4,96</b>			
40	B50a	Bãi tập kết cát thôn 4 xã Thọ Trường, thửa số 34, 40, tờ bản đồ số 17	0,8		Bờ Tả sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 04 959 - 5 60 279; 22 04 879 - 5 60 314; 22 04 823 - 5 60 232; 22 04 879 - 5 60 197)	Sông Chu	Bổ sung QH
41	B50	Bãi tập kết cát B50: làng Vân Lộ, xã Thọ Nguyên, thửa số 7, tờ bản đồ số 20	0,7	0,7	Bờ Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 06 210 - 5 59 519; 22 06 181 - 5 59 465; 22 06 084 - 5 59 525; 22 06 113 - 5 59 579)	Nt	QH-3350
42	B50b	Bãi tập kết cát Xứ Đông, xã Thọ Hải, thửa số 01, tờ bản đồ số 5	0,75	0,75	Bờ Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 07 086 - 5 49 408; 22 07 163 - 5 49 408; 22 07 171 - 5 49 545; 22 07 140 - 5 49 548)	Nt	Cập nhật QH
43	B14	Bãi tập kết cát B14: xã Thọ Lâm, thửa số 03, tờ bản đồ số 05	0,82		Bờ Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 03 527 - 5 43 357; 22 03 445 - 5 43 408; 22 03 419 - 5 43 353; 22 03 396 - 5 43 253)	Nt	QH-3350
44	B14a	Bãi tập kết cát xã Thọ Lâm, thửa số 02, tờ bản đồ số 05	0,4	0,4	Bờ Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 04 917 - 5 46 321; 22 04 901 - 5 46 426; 22 04 862 - 5 46 418; 22 04	Nt	Cập nhật QH

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	DT đã cho thuê (ha)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc lưu vực	Ghi chú
					880 - 5 46 309)		
45	B15	Bãi tập kết cát B15: Khu 1, thị trấn Thọ Xuân, thửa số 11, 38...46, tờ bản đồ số 03	0,25	0,25	Bờ Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 05 458 - 5 54 254; 22 05 423 - 5 54 299; 22 05 404 - 5 54 279; 22 05 415 - 5 54 260; 22 05 401 - 5 54 245; 22 05 424 - 5 54 213)	Nt	QH-3350
46	B49a	Bãi tập kết cát làng Yên Trường, xã Thọ Lập, thửa số 183, tờ bản đồ số 14	0,4		Bờ Tả sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 07 949 - 5 50 805; 22 07 950 - 5 50 895; 22 07 892 - 5 50 869; 22 07 886 - 5 50 808; 22 07 916 - 5 50 814)	Nt	Bổ sung QH
47	B49b	Bãi tập kết cát thôn 4 xã Xuân Lai, thửa số 43, 44, 45, tờ bản đồ số 15	0,55	0,55	Bờ Tả sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 06 609 - 5 56 057; 22 06 551 - 5 56 126; 22 06 509 - 5 56 090; 22 06 547 - 5 56 034; 22 06 598 - 5 56 010; 22 06 607 - 5 56 016; 22 06 609 - 5 56 057)	Nt	Cập nhật QH
48	B49c	Bãi tập kết cát thôn 1, xã Xuân Bái, thửa số 40, 43, tờ bản đồ số 49	0,48		Bờ Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 21 99 012 - 5 41 214; 21 98 975 - 5 41 259; 21 98 968 - 5 41 250; 21 98 955 - 5 41 264; 21 98 920 - 5 41 281; 21 98 893 - 5 41 239; 21 98 926 - 5 41 231; 21 98 940 - 5 41 210; 21 98 974 - 5 41 208; 21 98 987 - 5 41 191)	Nt	Bổ sung QH
49	B48a	Bãi tập kết cát thôn 2, xã Xuân Thành, thửa số 01, tờ bản đồ số 10 và thửa số 02, tờ bản đồ số 11	1,28	0,8	Bờ Tả sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 06 343 - 5 56 926; 22 06 335 - 5 57 035; 22 06 287 - 5 57 122; 22 06 253 - 5 57 130; 22 06 252 - 5 57 091; 22 06 278 - 5 56 921)	Nt	Cập nhật QH
50	B48d	Bãi tập kết cát xã Thọ Minh, thửa số 277, thửa số 254, ..259, thửa số 265,..276, tờ bản đồ số 13	0,36	0,36	Bờ Tả sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 06 715 - 5 48 127; 22 06 697 - 5 48 199; 22 06 645 - 5 48 197; 22 06 676 - 5 48 117)	Nt	Cập nhật QH
51	B48e	Bãi tập kết cát xã Xuân Lam	0,75	0,75	Bờ Tả sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 04 296 - 5 40 785; 22 04 250 - 5 40 806; 22 04 188 - 5 40 669; 22 04 233 - 5 40 648)	Nt	Cập nhật QH
52	B48f	Bãi tập kết cát thôn 1, xã Xuân Khánh, thửa số 248, tờ bản đồ số 11	0,4	0,4	Bờ Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 03 682 - 5 60 923; 22 03 606 - 5 60 989; 22 03 585 - 5 60 964; 22 03 661 - 5 60 884)	Nt	QH-2182
<b>X</b>	<b>Huyện Hà Trung</b>		<b>1,5</b>	<b>0</b>			



Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	DT đã cho thuê (ha)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc lưu vực	Ghi chú
53	B24b	Bãi tập kết cát thôn 4, xã Hà Ngọc	1,5		Bờ Tả sông Lèn; Tọa độ: (X - Y: 22 09 457 - 5 86 766; 22 09 390 - 5 86 815; 22 09 279 - 5 86 643; 22 09 324 - 5 86 610; 22 09 365 - 5 86 668; 22 09 390 - 5 86 653)	Sông Lèn	QH-2182
<b>XI</b>	<b>Huyện Hậu Lộc</b>		<b>6,16</b>	<b>0,77</b>			
54	B38a	Bãi tập kết cát thôn Nhân Phú, xã Đồng Lộc	1,5	0,77	Bờ Hữu sông Lèn; Tọa độ: (X - Y: 22 10 067 - 5 88 509; 22 09 972 - 5 88 480; 22 09 971 - 5 88 399; 22 09 972 - 5 88 326; 22 10 061 - 5 88 334; 22 10 065 - 5 88 423)	Sông Lèn	QH-2182
55	B38b	Bãi tập kết cát thôn Ngọc Trì, xã Đại Lộc	1,0		Bờ Hữu sông Lèn; Tọa độ: (X - Y: 22 09 941 - 5 87 689; 22 09 897 - 5 87 725; 22 09 793 - 5 87 566; 22 09 838 - 5 87 536)	Nt	QH-2182
56	B38	Bãi tập kết cát B38: thôn Quang Tân, xã Quang Lộc	0,7		Bờ Hữu sông Lèn; Tọa độ: (X - Y: 22 08 209 - 5 94 625; 22 08 145 - 5 94 695; 22 08 104 - 5 94 608; 22 08 173 - 5 94 563)	Nt	QH-3350
57	B37	Bãi tập kết cát B37: thôn Ngoài, Kỳ Sơn, xã Phong Lộc	0,5		Bờ Hữu sông Lèn; Tọa độ: (X - Y: 22 09 740 - 5 92 932; 22 09 699 - 5 92 965; 22 09 671 - 5 93 009; 22 09 629 - 5 92 981; 22 09 703 - 5 92 895)	Nt	QH-3350
58	B37a	Bãi tập kết cát thôn 8 xã Liên Lộc	1,7		Bờ Hữu sông Lèn; Tọa độ: (X - Y: 22 07 127 - 5 96 950; 22 06 877 - 5 97 017; 22 06 864 - 5 96 977; 22 06 916 - 5 96 936; 22 07 090 - 5 96 882)	Nt	QH-2182
59	B37b	Bãi tập kết cát ngoại đê Kiến Long, xã Hưng Lộc	0,76		Bờ Hữu sông Lèn; Tọa độ: (X - Y: 22 07 046 - 5 99 760; 22 07 013 - 5 99 953; 22 06 964 - 5 99 940; 22 07 021 - 5 99 756)	Nt	Bổ sung QH
<b>XII</b>	<b>Huyện Nga Sơn</b>		<b>1,66</b>	<b>1,16</b>			
60	B81b	Bãi tập kết cát thôn Báo Văn, xã Nga Lĩnh	0,81	0,81	Bờ Tả sông Hoạt; Tọa độ: (X - Y: 22 10 452 - 5 96 421; 22 10 430 - 5 96 424; 22 10 357 - 5 96 418; 22 10 265 - 5 96 360; 22 10 311 - 5 96 307; 22 10 385 - 5 96 375)	Sông Hoạt	QH-2182 (thời hạn thuê đất đến hết 01/2063)
61	B81a	Bãi tập kết cát B81a: xóm 1 Hậu Trạch, xã Nga Thạch	0,35	0,35	Bờ Tả sông Lạch Sung; Tọa độ: (X - Y: 22 07 687 - 5 99 533; 22 07 656 - 5 99 555; 22 07 587 - 5 99 498; 22 07 628 - 5 99 470)	Sông Lạch Sung	QH-3350

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	DT đã cho thuê (ha)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc lưu vực	Ghi chú
62	B81c	Bãi tập kết cát thôn Nhân Sơn, xã Nga Phú, thửa 3a, tờ bản đồ số 2	0,5		Bờ Hữu sông Càn; Tọa độ: (X - Y: 22 19 247 - 6 09 147; 22 19 224 - 6 09 228; 22 19 183 - 6 09 263; 22 19 181 - 6 09 151)	Sông Càn	Bổ sung QH
<b>XIII</b>	<b>Huyện Hoàng Hóa</b>		<b>5,07</b>	<b>1,4</b>			
63	B34b	Bãi tập kết cát thôn 8 xã Hoàng Khánh, thửa 242, tờ bản đồ số 18 (Điều chỉnh từ bãi B34b sang)	0,5		Bờ Tả sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 03 552 - 5 79 485; 22 03 545 - 5 79 519; 22 03 444 - 5 79 481; 22 03 474 - 5 79 422)	Sông Mã	QH-2182
64	B34a	Bãi tập kết cát thôn Nghĩa Hưng, xã Hoàng Xuân	0,35	0,35	Bờ Tả sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 02 041 - 5 79 729; 22 01 988 - 5 79 768; 22 01 963 - 5 79 723; 22 02 013 - 5 79 680)	Nt	QH-2182
65	B34c	Bãi tập kết cát thôn 03, xã Hoàng Giang	0,45	0,45	Bờ Tả sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 00 076 - 5 80 137; 22 00 058 - 5 80 201; 21 99 991 - 5 80 182; 22 00 007 - 5 80 121)	Nt	QH-2182
66	B34d	Bãi tập kết cát thôn 4, xã Hoàng Minh, thửa số 01, tờ bản đồ số 03	0,6	0,6	Bờ Tả sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 21 97 126 - 5 85 411; 21 97 147 - 5 85 530; 21 97 097 - 5 85 538; 21 97 072 - 5 85 390)	Nt	QH-2182
67	B34	Bãi tập kết cát B34: xã Hoàng Phượng	0,3		Bờ Tả sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 01 451 - 5 80 036; 22 01 392 - 5 80 049; 22 01 385 - 5 79 998; 22 01 441 - 5 79 984)	Nt	QH-3350
68	B34e	Bãi tập kết cát thôn Thanh Bình, xã Hoàng Xuyên	0,62		Bờ Tả sông Bút; Tọa độ: (X - Y: 21 98 783 - 5 88 735; 21 98 739 - 5 88 769; 21 98 677 - 5 88 748; 21 98 710 - 5 88 668; 21 98 759 - 5 88 693)	Sông Bút	Bổ sung QH
69	B34f	Bãi tập kết cát thôn 5, xã Hoàng Đức	0,7		Bờ Hữu sông Bút; Tọa độ: (X - Y: 21 98 587 - 5 88 541; 21 98 544 - 5 88 669; 21 98 493 - 5 88 661; 21 98 533 - 5 88 531)	Nt	Bổ sung QH
70	B34g	Bãi tập kết cát phố Đức Sơn, thị trấn Bút Sơn, thửa số 0 tờ bản đồ số 01; thửa số 9 tờ bản đồ số 02	0,5		Bờ Hữu sông Bút; Tọa độ: (X - Y: 21 98 158 - 5 89 326; 21 98 135 - 5 89 278; 21 98 055 - 5 89 302; 21 98 077 - 5 89 361)	Nt	Bổ sung QH

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	DT đã cho thuê (ha)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc lưu vực	Ghi chú
71	B34h	Bãi tập kết cát thôn Nhị Hà, xã Hoàng Cát, các thửa (158, 159, 337, 338, 339, 340, 342, 342) tờ bản đồ số 08	1,05		Bờ Hữu sông Tào; Tọa độ: (X - Y: 21 97 496 - 5 85 925; 21 97 450 - 5 85 957; 21 97 360 - 5 85 799; 21 97 413 - 5 85 769)	Sông Tào	Bổ sung QH
<b>XIV</b>	<b>Huyện Thiệu Hóa</b>		<b>4,85</b>	<b>4,60</b>			
72	B33	Bãi tập kết số B33: Hưng Đô, xã Thiệu Đô	1,2547	1,2547	Bờ Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 21 99 096 - 5 70 520; 21 99 040 - 5 70 691; 21 98 964 - 5 70 645; 21 99 012 - 5 70 508; 21 87 557 - 5 94 548)	Nt	QH-3350
73	B33b	Bãi tập kết cát Kiến Hưng, thị trấn Vạn Hà	0,2	0,2	Bờ Tả sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 21 99 267 - 5 71 061; 21 99 230 - 5 71 073; 21 99 214 - 5 71 021; 21 99 248 - 5 71 009)	Nt	QH-2182
74	B26	Bãi tập kết cát B26 xã Thiệu Nguyên	0,65	0,65	Bờ Tả sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 21 98 593 - 5 74 295; 21 98 514 - 5 74 317; 21 98 499 - 5 74 235; 21 98 576 - 5 74 219)	Nt	QH-3350
75	B18	Bãi tập kết cát B18: làng Đồng Minh, xã Thiệu Minh	0,75	0,5	Bờ Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 00 320 - 5 66 952; 22 00 456 - 5 67 014; 22 00 436 - 5 67 060; 22 00 299 - 5 66 997)	Nt	QH-3350
76	B18a	Bãi tập kết thôn Toán Phúc, xã Thiệu Toán	2,0	2,0	Bờ Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 22 02 649 - 5 61 957; 22 02 664 - 5 62 067; 22 02 625 - 5 62 077; 22 02 601 - 5 61 965; 22 02 677 - 5 62 108; 22 02 742 - 5 62 275; 22 02 800 - 5 62 361; 22 02 757 - 5 62 387; 22 02 700 - 5 62 301; 22 02 622 - 5 62 136)	Nt	QH-2182
<b>XV</b>	<b>Thành phố Thanh Hóa</b>		<b>31,733</b>	<b>20,953</b>			
77	B30a	Bãi tập kết cát thôn Sơn Vạn, phường Đông Hải, thửa số 522, tờ bản đồ số 5	3,55	3,55	Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 21 90 682 - 5 85 204; 21 90 679 - 5 85 307; 21 90 667 - 5 85 403; 21 90 619 - 5 85 392; 21 90 621 - 5 85 218; 21 90 621 - 5 85 218; 21 90 619 - 5 85 392; 21 90 416 - 5 85 358; 21 90 346 - 5 85 355; 21 90 373 - 5 85 319; 21 90 449 - 5 85 294)	Sông Mã	QH-2182
78	B30b	Bãi tập kết cát Lễ Môn, phường Đông Hải, thửa số 123, tờ bản đồ số 5 (VT1)	0,8		Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 21 90 322 - 5 85 310; 21 90 318 - 5 85 351; 21 90 243 - 5 85 352; 21 90 136 - 5 85 357; 21 90 132 - 5 85 303; 21 90 254 - 5 85 312)	Nt	QH-2182

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	DT đã cho thuê (ha)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc lưu vực	Ghi chú
79	B30c	Bãi tập kết cát Lẽ Môn, phường Đông Hải (VT2)	1	1	Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 21 89 802 - 5 85 432; 21 89 719 - 5 85 483; 21 89 658 - 5 85 448; 21 89 687 - 5 85 416; 21 89 678 - 5 85 405; 21 89 733 - 5 85 347)	Nt	QH-2182
80	B30d	Bãi tập kết cát Côn Đu, Lẽ Môn, phường Đông Hải, thửa số 250, tờ bản đồ số 5	1	1	Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 21 89 872 - 5 85 402; 21 89 802 - 5 85 432; 21 89 733 - 5 85 347; 21 89 848 - 5 85 304)	Nt	QH-2182
81	B30	Bãi tập kết cát B30: thôn 10, xã Thiệu Dương, các thửa 101, 240, 241, 248, tờ bản đồ số 14	3,81	3,81	Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 21 97 031 - 5 81 867; 21 97 032 - 5 81 914; 21 96 895 - 5 81 933; 21 96 793 - 5 81 925; 21 96 787 - 5 81 861; 21 96 798 - 5 81 852; 21 96 814 - 5 81 873; 21 96 787 - 5 81 845; 21 96 787 - 5 81 939; 21 96 598 - 5 81 936; 21 96 594 - 5 81 786; 21 96 698 - 5 81 790; 21 96 698 - 5 81 836; 21 96 774 - 5 81 836)	Nt	QH-3350
82	B27b	Bãi tập kết cát B27b: xóm 2, xã Hoàng Lý	0,9	0,9	Bờ Tả sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 21 96 748 - 5 82 257; 21 96 731 - 5 82 270; 21 96 648 - 5 82 242; 21 96 594 - 5 82 281; 21 96 518 - 5 82 336; 21 96 456 - 5 82 385; 21 96 414 - 5 82 282 ; 21 96 564 - 5 82 230; 21 96 723 - 5 82 1 82 )	Nt	QH-3350
			1,36	1,36		Nt	
83	B27c	Bãi tập kết cát làng Nguyệt Viên, xã Hoàng Quang	1,76	1,76	Bờ Tả sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 21 90 883 - 5 86 012; 21 90 849 - 5 86 044; 21 90 653 - 5 85 831; 21 90 704 - 5 85 765; 21 90 779 - 5 85 884)	Nt	QH-2182 (thời hạn thuê đất đến hết 02/2024)
84	B27d	Bãi tập kết cát thôn Kiều Tiến, xã Hoàng Đại	5,7	1,05	Bờ Tả sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 21 89 996 - 5 86 015; 21 89 804 - 5 86 211; 21 89 683 - 5 86 305; 21 89 649 - 5 86 369; 21 89 578 - 5 86 323; 21 89 912 - 5 85 923)	Nt	QH-2182
85	B32	Bãi tập kết cát B32: Làng Trảnh, xã Thiệu Khánh, thửa số 217, tờ bản đồ số 02	1,07	1,07	Bờ Hữu sông Chu; Tọa độ: (X - Y: 21 99 146 - 5 78 806; 21 99 108 - 5 78 925; 21 99 051 - 5 78 918; 21 99 019 - 5 78 891; 21 99 082 - 5 78 782)	Nt	QH-3350
86	B27 (VT1)	Bãi tập kết cát B27: Phố Phụng Đình 3, TT Tào Xuyên, thửa số 199, tờ bản đồ số 7a	0,948	0,948	Bờ Tả sông Tào; Tọa độ: (X - Y: 21 96 121 - 5 835 41; 21 96 054 - 5 835 84; 21 96 023 - 5 834 91; 21 96 014 - 5 834 12; 21 96 035 - 5 834 06; 21 96 037 - 5 834 15; 21 96 078 - 5 834 93; 21 96 026 - 5 83 257; 21 96 027 -	Sông Tào	QH-3350

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	DT đã cho thuê (ha)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc lưu vực	Ghi chú
					5 83 288; 21 96 004 - 5 83 300; 21 95 999 - 5 83 231)		
87	B27 (VT2)	Bãi tập kết cát B27 VT2: Phố Phương Đình 3, phường Tào Xuyên, thửa số 15, tờ bản đồ số 06 và thửa 01 tờ bản đồ số 09	0,155	0,155	Bờ Tả sông Tào; Tọa độ: (X - Y: 21 96 087 - 5 839 54; 21 96 083 - 5 839 58; 21 96 014 - 5 838 94; 21 96 038 - 5 838 77)	Sông Tào	Cập nhật QH
88	B27a	Bãi tập kết cát B27a: thôn Giang Cao, Cột Trời, xã Hoàng Lý	7,68	2,35	Bờ Tả sông Tào; Tọa độ: (X - Y: 21 96 242 - 5 82 540; 21 96 074 - 5 82 818; 21 96 049 - 5 83067; 21 95 941 - 5 83064; 21 95 925 - 5 82 875; 21 95 941 - 5 82 803; 21 96 143 - 5 82 471; 21 96 179 - 5 82 477)	Nt	QH-3350
89	B28	Bãi tập kết cát B28: thôn 4, 6 xã Hoàng Lý	0,6	0,6	Bờ Tả sông Tào; Tọa độ: (X - Y: 21 96 273 - 5 83 905; 21 96 252 - 5 83 917; 21 96 255 - 5 83 975; 21 96 206 - 5 83 979; 21 96 200 - 5 83 923; 21 96 205 - 5 83 848; 21 96 235 - 5 83 845; 21 96 246 - 5 83 893; 21 96 268 - 5 83 898)	Nt	QH-3350
90	B28a	Bãi tập kết cát thôn Quan Nội 5, xã Hoàng Anh	0,75	0,75	Bờ Hữu sông Tào; Tọa độ: (X - Y: 21 97 038 - 5 85 228; 21 96 995 - 5 85 257; 21 96 919 - 5 85 146; 21 96 974 - 5 85 134; 21 96 971 - 5 85 129; 21 96 873 - 5 85 149; 21 96 862 - 5 85 078; 21 96 875 - 5 85 075; 21 96 874 - 5 85 040; 21 96 907 - 5 85 033)	Nt	QH-2182
			0,65	0,65			
<b>XVI</b>	<b>Thành phố Sầm Sơn</b>		<b>3,71</b>	<b>3,71</b>			
91	B134	Bãi tập kết cát khu phố Vạn Lợi, phường Quảng Tiến, thửa số 05 tờ bản đồ số 03	1,06	1,06	Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 21 87 564 - 5 94 674; 21 87 533 - 5 94 672; 21 87 471 - 5 94 678; 21 87 476 - 5 94 556; 21 87 557 - 5 94 548)	Sông Mã	QH-2182
92	B135	Bãi tập kết cát thôn Châu Giang, xã Quảng Châu, thửa số 2, 3, tờ bản đồ số 8	2,65	2,65	Bờ Hữu sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 21 87 016 - 5 92 593; 21 86 968 - 5 92 662; 21 86 898 - 5 92 617; 21 86 903 - 5 92 606; 21 86 821 - 5 92 553; 21 86 820 - 5 92 547; 21 86 835 - 5 92 520; 21 86 849 - 5 92 529; 21 86 881 - 5 92 482; 21 87 033 - 5 92 704; 21 87 028 - 5 92 757; 21 86 865 - 5 92 686; 21 86 898 - 5 92 617)	Nt	QH-2182
<b>XVII</b>	<b>Huyện Tĩnh Gia</b>		<b>1,4</b>	<b>0</b>			

Stt	Số hiệu	Địa danh	Diện tích QH (ha)	DT đã cho thuê (ha)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>	Thuộc lưu vực	Ghi chú
93	B140	Bãi tập kết thôn Tân Hải, xã Hải Bình, thửa số (54, 55, 68, 69, 70...) tờ bản đồ số 8	1,4		Bờ Hữu sông Lạch Bạng; Tọa độ: (X - Y: ; 21 46 769 - 5 80 693; 21 46 690 - 5 80 774; 21 46 604 - 5 80 683; 21 46 653 - 5 80 623)	Sông Lạch Bạng	Bổ sung QH
94	B141	Bãi tập kết xã Phú Sơn, tại thửa số 14, tờ bản đồ số 17	2,75		Cạnh hồ Yên Mỹ; Tọa độ: (X - Y: ; 21 46 769 - 5 80 693; 21 46 690 - 5 80 774; 21 46 604 - 5 80 683; 21 46 653 - 5 80 623)		Bổ sung QH
<b>XVIII</b>	<b>Huyện Ngọc Lặc</b>		<b>1,6</b>	<b>0</b>			
95	B142	Bãi tập kết làng Âm, xã Vân Am	0,7		Bờ Tả sông Âm; Tọa độ: (X - Y: 22 16 310 - 5 31 249; 22 16 288 - 5 31 235; 22 16 202 - 5 31 262; 22 16 237 - 5 31 327; 22 16 313 - 5 31 311)	Sông Âm	Bổ sung QH
96	B143	Bãi tập kết làng Đám, xã Vân Am	0,9		Bờ Tả sông Âm; Tọa độ: (X - Y: ; 22 17 654 - 5 31 002; 22 17 658 - 5 31 035; 22 17 526 - 5 31 021; 22 17 475 - 5 31 025; 22 17 470 - 5 30 974; 22 17 525 - 5 30 969; 22 17 629 - 5 30 983)	Sông Âm	Bổ sung QH
<b>Tổng</b>			<b>87,881</b>	<b>48,066</b>			

**Phụ lục 03. Khu vực thu hồi, tận thu cát tại các cửa sông, cửa biển, đường thủy nội địa**

*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2018 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

Stt	Ký hiệu	Vị trí	Cấp kỹ thuật	Phương tiện đi lại	Bề rộng sông đoạn nhỏ nhất: B1(m)	Độ sâu nước: Hct (m)	Độ sâu nạo vét: H(m)	Chiều dài nạo vét: L(m)	Trữ lượng nạo vét (m <sup>3</sup> )	Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>
1	ĐT01	Tuyến sông Lèn kv1: đoạn từ Km18+500 – Km20+300 (Bờ trái xã Nga Thạch, huyện Nga Sơn - Bờ phải xã Hưng Lộc, huyện Hậu Lộc)	IV	Tàu 30-50T	35	2,5	1,43	1800	180.000	(X - Y): 22 07 304-5 99 398; 22 07 205-5 99 396; 22 07 218-5 98 955; 22 07 138-5 98 691; 22 06 973-5 98 578; 22 06 759-5 98 592; 22 06 392-5 98 744; 22 06 357-5 98 664; 22 06 759-5 98 481; 22 06 985-5 98 483; 22 07 176-5 98 612; 22 07 284-5 98 862
2	ĐT02	Tuyến sông Lèn kv2: đoạn từ Km44+600 – Km46+800 (Bờ trái xã Hà Sơn, huyện Hà Trung - Bờ phải xã Châu Lộc, huyện Hậu Lộc)	IV	Tàu 30-50T	35	2,5	1,27	2200	195.000	(X-Y): 22 07 758-5 84 440; 22 07 654-5 84 452; 22 07 624-5 84 118; 22 07 429-5 83 409; 22 07 440-5 83 140; 22 07 393-5 82 837; 22 07 288-5 82 483; 22 07 399- 5 82 460; 22 07 505-5 82 893; 22 07 547-5 83 224; 22 07 524-5 83 389; 22 07 734-5 84 143
3	ĐT03	Tuyến sông Chu: đoạn từ Km 12+200 - Km14+00 (Bờ trái xã Thiệu Phúc - Bờ phải xã Thiệu Vận, huyện Thiệu Hóa)	IV	Tàu 30-50T	35	2,5	1,19	1800	150.000	(X-Y): 21 99 172-5 68 408; 21 98 982-5 68 867; 21 98 926-5 69 248; 21 99 100-5 69 593; 21 99 200-5 69 947; 21 99 215-5 70 183; 21 99 339-5 70 173; 21 99 305-5 69 768; 21 99 122-5 69 364; 21 99 089-5 69 057; 21 99 287-5 68 457

Stt	Ký hiệu	Vị trí	Cấp kỹ thuật	Phương tiện đi lại	Bề rộng sông đoạn nhỏ nhất: Bl(m)	Độ sâu nước: Hct (m)	Độ sâu nạo vét: H(m)	Chiều dài nạo vét: L(m)	Trữ lượng nạo vét (m <sup>3</sup> )	Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>
4	ĐT04	Tuyến sông Lạch Bạng – đảo Hòn Mê: đoạn từ Km0+290 – Km0+390 (Bờ trái xã Hải Thanh - Bờ phải xã Hải Bình, huyện Tĩnh Gia)	I	Tàu ≤1000T	100	5	2,00	100	40.000	(X-Y): 21 46 196-5 82 573; 21 46 255-5 82 496; 21 46 308-5 82 483; 21 46 299-5 82 342; 21 46 095-5 82 330
5	CS01	Cửa Lạch Bạng: đoạn cạn từ Km1+00 – Km2+00 (Bờ trái xã Hải Thanh - Bờ phải xã Hải Bình, huyện Tĩnh Gia)	I	Tàu ≤1000T	100	5	1,75	1000	350.000	(X - Y): 21 47 568 - 5 82 222; 21 47 406 - 5 82 252; 21 47 265 - 5 82 259; 21 47 075 - 5 82 245; 21 46 875 - 5 82 378; 21 46 655 - 5 82 486; 21 46 581 - 5 82 322; 21 46 785 - 5 82 195; 21 47 017 - 5 82 090; 21 47 269 - 5 82 064; 21 47 517 - 5 82 016
6	CS02	Cửa Lạch Ghép: đoạn từ Km0+00 – Km3+00 (Bờ trái xã Quảng Nham, huyện Quảng Xương - Bờ phải xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia)	IV	Tàu 30-50T	35	2,5	2,38	3000	500.000	(X - Y): 21 65 474 - 5 85 500; 21 65 315 - 5 85 314; 21 65 250 - 5 85 427; 21 65 346 - 5 85 075; 21 65 438 - 5 84 819; 21 65 608 - 5 84 5 85; 21 65 810 - 5 84 468; 21 66 027 - 5 84 538; 21 65 990 - 5 84 411; 21 65 852 - 5 84 584; 21 65 637 - 5 84 741; 21 65 498 - 5 84 972; 21 65 422 - 5 85 287



Stt	Ký hiệu	Vị trí	Cấp kỹ thuật	Phương tiện đi lại	Bề rộng sông đoạn nhỏ nhất: B(m)	Độ sâu nước: Hct (m)	Độ sâu nạo vét: H(m)	Chiều dài nạo vét: L(m)	Trữ lượng nạo vét (m <sup>3</sup> )	Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3 <sup>0</sup>
7	CS03	Cửa Lạch Sung: đoạn cạn từ Km4+00 – Km9+00 (Bờ trái xã Nga Tân, huyện Nga Sơn - Bờ phải xã Đa Lộc, huyện Hậu Lộc)	IV	Tàu 30-50T	35	2,5	1,29	5000	450.000	(X - Y): 22 09 201-6 04 686; 22 09 114-6 04 613; 22 09 225-6 04 403; 22 09 258-6 03 997; 22 09 084-6 03 463; 22 08 832-6 03 113; 22 08 279-6 02 797; 22 08 183-6 02 478; 22 08 380-6 01 725; 22 08 430-6 01 347; 22 08 399-6 01 083; 22 08 255-6 00 883; 22 07 739-6 00 632; 22 07 781-6 00 540; 22 08 171-6 00 725; 22 08 401-6 00 916; 22 08 503-6 01 201; 22 08 494-6 01 636; 22 08 295-6 02 457; 22 08 341-6 02 668; 22 08 451-6 02 777; 22 08 950-6 03 048; 22 09 287-6 03 620; 22 09 367-6 04 001; 22 09 346-6 04 390
8	CS04	Cửa Lạch Càn: đoạn cạn từ Km4+00 – Km8+00 (Bờ trái huyện Kim Sơn, Ninh Bình - Bờ phải xã Nga Tân, huyện Nga Sơn)	VI	Thuyền 10T	20	1,8	1,03	4000	165.000	(X - Y): 22 09 902-6 06 798; 22 10 360-6 06 771; 22 11 357-6 06 999; 22 11 697-6 07 160; 22 12 433-6 07 622; 22 12 706-6 07 970; 22 12 834-6 08 369; 22 12 795-6 09 173; 22 12 731-6 09 169; 22 12 757-6 08 404; 22 12 644-6 08 004; 22 12 410-6 07 664; 22 11 979-6 07 362; 22 11 442-6 07 080; 22 10 685-6 06 916; 22 09 870-6 06 898
<b>Tổng</b>									<b>2.030.000</b>	

Số: 564 /BCTĐ-STP

Thanh Hoá, ngày 04 tháng 12 năm 2018

## BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

**Nghị quyết về việc thông qua Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030**

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Thanh hóa

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 7085/SXD-VLXD ngày 27/11/2018 của Sở Xây dựng về việc đề nghị thẩm định dự thảo *Nghị quyết về việc thông qua Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030*. Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

### 1. Về thẩm quyền ban hành:

Theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 12, Nghị định số 58/2016/NĐ-CP về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản thi HĐND tỉnh thông qua quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh. Vì vậy, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về việc thông qua Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 là đúng thẩm quyền.

### 2. Về Căn cứ pháp lý:

Tại căn cứ thứ 3. Đề nghị bỏ các căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP. Bởi đây không phải là các căn cứ trực tiếp để ban hành văn bản.

### 3. Về nội dung:

Theo quy định tại Khoản 4, Điều 11, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP (có hiệu lực ngày 15/01/2017) thì quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh phải đảm bảo các nội dung sau:

"- Điều tra, nghiên cứu, tổng hợp, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và thực trạng hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản trên địa bàn địa phương;

- Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch kỳ trước;

- Xác định phương hướng, mục tiêu thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trong kỳ quy hoạch;

- Thể hiện các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đã được phê duyệt;

- Khoanh định chi tiết khu vực mỏ, loại khoáng sản cần đầu tư thăm dò, khai thác và tiến độ thăm dò, khai thác. Khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm khép góc thể hiện trên bản đồ địa hình hệ tọa độ quốc gia với tỷ lệ thích hợp;

- Xác định quy mô, công suất khai thác, yêu cầu về công nghệ khai thác;

- Giải pháp, tiến độ tổ chức thực hiện quy hoạch."

Dự thảo văn bản chưa thể hiện được các nội dung này. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát điều chỉnh lại cho phù hợp.

#### **5. Về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản:**

Đây không phải là văn bản quy phạm pháp luật. Vì vậy, đề nghị điều chỉnh lại phần căn cứ pháp lý (không in nghiêng) cho phù hợp với quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

#### **6. Kiến nghị:**

Theo quy định của Luật Quy hoạch (có hiệu lực từ ngày 01/01/2019) thì khoáng sản làm vật liệu xây dựng được xác định trong Danh mục quy hoạch ngành quốc gia do Bộ chủ quản lập và Chính phủ phê duyệt. Việc thông qua Nghị quyết này sẽ không còn phù hợp khi Luật Quy hoạch có hiệu lực. Do vậy, đề nghị Sở Xây dựng báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, kính chuyển Sở Xây dựng nghiên cứu, báo cáo UBND tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, XDVB.

**GIÁM ĐỐC**



**Bùi Đình Sơn**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA**  
Số: 160 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 01 năm 2016

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt đề cương nhiệm vụ Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 40/2009/TTLT-BTC-BTNMT ngày 05/3/2009 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với các nhiệm vụ chi thuộc lĩnh vực địa chất, khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09/02/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn xác định mức chi phí cho lập, thẩm định và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu; Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Quyết định số 2176/QĐ-BTNMT ngày 08/11/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Bộ đơn giá các công trình địa chất theo mức lương cơ sở 1.150.000 đồng/tháng;

Căn cứ Quyết định số 2182/2012/QĐ-UBND ngày 13/7/2012 của UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 3350/2007/QĐ-UBND ngày 05/11/2007 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi lòng sông tỉnh Thanh Hóa đến năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 24/3/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Danh mục kế hoạch quy hoạch năm 2015 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 6812/SXD-KVĐT ngày 22 tháng 12 năm 2015; báo cáo kết quả thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 4713/SKHĐT-QH ngày 31 tháng 12 năm 2015,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt đề cương nhiệm vụ Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 với các nội dung chủ yếu sau:**

**1. Tên dự án: Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.**

**2. Cơ quan lập quy hoạch: Sở Xây dựng Thanh Hóa.**

**3. Mục tiêu, yêu cầu của dự án quy hoạch**

#### **3.1. Mục tiêu**

Điều tra sơ bộ về trữ lượng tài nguyên cát, sỏi nhằm khai thác, sử dụng tài nguyên cát, sỏi hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu cát, sỏi làm vật liệu xây dựng; đồng thời, phát triển bền vững ngành công nghiệp vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Đẩy mạnh hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại vào khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng để nâng cao hiệu suất và chất lượng sản phẩm, hạn chế ô nhiễm môi trường.

#### **3.2. Yêu cầu**

Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 đảm bảo nội dung theo quy định tại Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật Khoáng sản; phù hợp với chiến lược khoáng sản, phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp tỉnh và các quy hoạch ngành, lĩnh vực liên quan được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt; bảo đảm an ninh, quốc phòng trên địa bàn.

#### **4. Phạm vi, thời kỳ lập quy hoạch**

- Phạm vi quy hoạch: Các mỏ, điểm mỏ, bãi tập kết cát, sỏi có đủ điều kiện để quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng làm vật liệu xây dựng trên phạm vi toàn tỉnh.

- Thời kỳ quy hoạch: Thời kỳ 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

5. Nội dung đề cương nhiệm vụ Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (có phụ lục kèm theo)

6. Dự toán và nguồn vốn

- Dự toán: Sau khi đề cương nhiệm vụ được phê duyệt, Sở Xây dựng căn cứ nhiệm vụ và các quy định hiện hành, lập dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Nguồn vốn: Từ nguồn sự nghiệp kinh tế dành cho các dự án quy hoạch trong dự toán ngân sách tỉnh.

7. Thời gian thực hiện dự án: 12 tháng, kể từ ngày đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí được phê duyệt.

Điều 2.

1. Sở Xây dựng căn cứ nội dung đề cương nhiệm vụ được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm triển khai thực hiện các bước tiếp theo, bảo đảm đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Các ngành, đơn vị liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, có trách nhiệm giải quyết các công việc liên quan đến ngành mình, đơn vị mình; đồng thời, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và tạo điều kiện cho chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án bảo đảm chất lượng, đúng thời gian quy định.

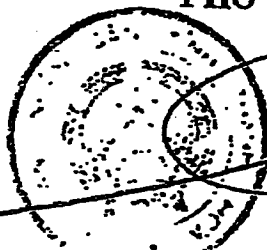
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

## ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ

Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 17/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

### Phần mở đầu

#### 1. Sự cần thiết phải lập quy hoạch

#### 2. Căn cứ pháp lý lập quy hoạch

#### 3. Mục tiêu, yêu cầu

##### 3.1. Mục tiêu

Điều tra sơ bộ về trữ lượng tài nguyên cát, sỏi nhằm khai thác, sử dụng tài nguyên cát, sỏi hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu cát, sỏi làm vật liệu xây dựng; đồng thời, phát triển bền vững ngành công nghiệp vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Đẩy mạnh hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại vào khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng để nâng cao hiệu suất và chất lượng sản phẩm, hạn chế ô nhiễm môi trường.

##### 3.2. Yêu cầu

Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 đảm bảo nội dung theo quy định tại Nghị định 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật Khoáng sản, phù hợp với chiến lược khoáng sản, phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp tỉnh và các quy hoạch ngành, lĩnh vực liên quan được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt; bảo đảm an ninh, quốc phòng trên địa bàn.

#### 4. Phạm vi, thời kỳ lập quy hoạch

- Phạm vi quy hoạch: Các mỏ, điểm mỏ, bãi tập kết cát, sỏi có đủ điều kiện để quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng làm vật liệu xây dựng trên phạm vi toàn tỉnh.

- Thời kỳ quy hoạch: Thời kỳ 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

### Phần thứ nhất

## ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH THANH HÓA

### I. Đánh giá điều kiện tự nhiên

- Vị trí địa lý

- Phân tích, đánh giá các yếu tố về điều kiện tự nhiên; phân tích các yếu tố, nguồn lực phát triển tác động tới khai thác, sử dụng tài nguyên cát, sỏi.

## **II. Đánh giá điều kiện kinh tế - xã hội**

1. Về kinh tế: Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế; thu nhập bình quân/người; giá trị xuất khẩu;...

2. Về văn hóa, xã hội:

3. Hiện trạng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng: Đánh giá hiện trạng kết nối hạ tầng giao thông tới các mỏ, điểm mỏ và bãi tập kết cát, sỏi.

**III. Đánh giá tổng hợp điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội tác động đến hoạt động thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi**

1. Thuận lợi

2. Khó khăn

## **Phần thứ hai**

### **ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN CÁT, SỎI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

**I. Đánh giá thực trạng hoạt động thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh đến năm 2015**

**1. Thực trạng hoạt động thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi**

- Đánh giá về tình hình cấp phép khai thác cát, sỏi.

- Đánh giá về tình hình hoạt động khai thác cát, sỏi.

- Đánh giá nhu cầu cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tại các địa phương.

**2. Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động khai thác tài nguyên cát, sỏi**

- Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động khai thác tài nguyên cát, sỏi đến môi trường, dòng chảy và dân cư xung quanh khu vực các mỏ, bãi tập kết.

- Rà soát, đánh giá tác động, ảnh hưởng của việc khai thác cát, tập kết cát trong kỳ quy hoạch trước đến hệ thống đê điều và các công trình phòng chống lụt bão.

## **II. Đánh giá về tình hình thực hiện quy hoạch**

1. Đánh giá chung kết quả thực hiện quy hoạch kỳ trước: Nêu khái quát các kết quả đạt được và so sánh với các chỉ tiêu trong quy hoạch được duyệt.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3. Bài học kinh nghiệm



### **Phần thứ ba**

## **QUY HOẠCH KHẢO SÁT, THĂM DÒ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN CÁT, SỎI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG TỈNH THANH HÓA ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

**I. Vai trò, vị trí của khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng và bối cảnh tác động**

**1. Vai trò, vị trí của khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi**

Luận chứng vai trò, vị trí của khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi trong phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng cũng như đối với toàn bộ nền kinh tế của tỉnh.

**2. Bối cảnh tác động.**

- Bối cảnh trong nước và thế giới có tác động đến hoạt động khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi của tỉnh trong giai đoạn tới; trong đó, tập trung vào các yếu tố thị trường, công nghệ khai thác, ...

- Bối cảnh tác động trong tỉnh: Tình hình phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

**II. Quan điểm, mục tiêu phát triển**

**1. Quan điểm phát triển**

**2. Mục tiêu phát triển**

- Mục tiêu tổng quát

- Mục tiêu cụ thể

**III. Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.**

**1. Lựa chọn phương án phát triển**

- Dự báo nhu cầu sử dụng cát, sỏi làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh.

- Dự báo tiến bộ khoa học, công nghệ trong hoạt động khai thác.

- Luận chứng, lựa chọn phương án phát triển khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh trên cơ sở tận dụng tối ưu các thế mạnh và cơ hội của tỉnh; đồng thời, khắc phục những hạn chế.

**2. Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng**

- Cập nhật, bổ sung các mỏ, điểm mỏ mới có đủ điều kiện quy hoạch.

- Kế hoạch khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng.

- Đề xuất các khu vực trọng điểm phát triển khai thác cát, sỏi.

- Xác định quy mô, công suất khai thác, yêu cầu về công nghệ khai thác.
- Quy hoạch khu vực lập bãi tập kết cát, sỏi.
- Khoanh định khu vực cấm, tạm cấm khai thác cát, sỏi trên địa bàn tỉnh.

**IV. Danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư, phân bổ, quy mô và tiến độ đầu tư.**

#### **Phần thứ tư**

#### **CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

1. Giải pháp về cơ chế, chính sách.
2. Giải pháp phát triển khoa học công nghệ
3. Giải pháp bảo vệ môi trường.
4. Giải pháp về công tác quản lý, cải cách thủ tục hành chính

#### **KẾT LUẬN KIẾN NGHỊ**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HOÁ**

Số: 360 /QĐ - UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hoá, ngày 28 tháng 01 năm 2016

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt dự toán kinh phí lập Quy hoạch khảo sát, thăm dò,  
khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi lòng sông tỉnh Thanh Hóa  
đến năm 2025, tầm nhìn đến 2030.**

### **CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước (Sửa đổi) ngày 16 tháng 12 năm 2002; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về việc: "Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước"; Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính về việc: "Hướng dẫn Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước";

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về: "Lập, phê duyệt và quản lý Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội"; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về việc: "Điều chỉnh bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ";

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09/02/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc: "Hướng dẫn xác định mức chi phí cho lập, thẩm định và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu"; Thông tư liên tịch số 40/2009/TTLT-BTC-BTNMT ngày 05/3/2009 của Bộ tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc: "Hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với các nhiệm vụ chi thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản"; Quyết định số 2176/QĐ-BTNMT ngày 08/11/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc: "Ban hành Bộ đơn giá các công trình địa chất theo mức lương cơ sở 1.150.000 đồng/tháng";

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa: Quyết định số 2182/2012/QĐ-UBND ngày 13/7/2012 về việc: "Điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 3350/2007/QĐ-UBND ngày 05/11/2007 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi lòng sông tỉnh Thanh Hóa đến năm 2015"; Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 24/3/2015 về việc phê duyệt danh mục kế hoạch quy hoạch năm 2015 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa"; Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 14/1/2016 về việc: "Phê duyệt Đề cương nhiệm vụ Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi lòng sông tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến 2030";

Xét đề nghị của Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa tại Công văn số 306/STC-HCSN ngày 25/01/2016 về việc: "Thẩm định dự toán kinh phí lập Quy hoạch

khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi lòng sông tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến 2030",

### QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán kinh phí lập Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi lòng sông tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến 2030 để chủ đầu tư và các ngành, các đơn vị có liên quan thực hiện; với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tổng dự toán kinh phí: 4.827.172.000,0 đồng (Bốn tỷ, tám trăm hai mươi bảy triệu, một trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

*(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)*

2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn sự nghiệp kinh tế dành cho các dự án quy hoạch trong dự toán ngân sách tỉnh.

3. Tổ chức thực hiện: Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp dự toán kinh phí bổ sung của dự án quy hoạch vào nguồn sự nghiệp kinh tế dành cho các dự án quy hoạch, báo cáo UBND tỉnh xem xét, phê duyệt giao kế hoạch kinh phí cho chủ đầu tư thực hiện, đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 2. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, các ngành và đơn vị có liên quan căn cứ vào nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm tổ chức thực hiện, đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

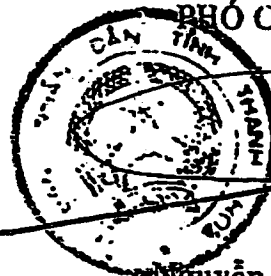
Chánh Văn phòng UBND tỉnh Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT. KTTT Thn201618 (15).

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

Phụ lục 01:

DỰ TOÁN LẬP QUẢN HOẠCH KHẢO SÁT, THĂM DÒ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN CÁT, SỎI LÒNG SÔNG  
 TRONG QUẢN LÝ THANH HÓA ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN 2030

(Kèm theo Quyết định số 360 /QĐ-UBND ngày 28/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

$$Q=G*H1*H2*H3*Qn \times K \times 50\% = 850*1,0*1,4*1,6*0,12*1,33*50\% = 108,528$$

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Nội dung công việc	Đơn giá	Mức chi phí tối đa (%)	Thành tiền	Ghi chú
A	Chi phí đo đạc khảo sát điểm mỏ, bãi tập kết cát, sỏi (Phụ lục 2)			4.690.983.000	
B	Chi phí lập đồ án quy hoạch theo Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT (I+II+III)	108.528.000	100	108.528.000	
I	Chi phí cho công việc chuẩn bị đề cương, nhiệm vụ và dự toán	108.528.000	2,50	2.713.200	
1	Chi phí xây dựng đề cương, nhiệm vụ	108.528.000	1,50	1.627.920	
2	Chi phí lập dự toán theo đề cương, nhiệm vụ	108.528.000	1,00	1.085.280	
II	Chi phí xây dựng quy hoạch	108.528.000	84,00	91.163.520	
1	Chi phí thu thập, xử lý số liệu, dữ liệu ban đầu	108.528.000	7,00	7.596.960	
2	Chi phí thu thập bổ sung về số liệu, tư liệu theo yêu cầu quy hoạch	108.528.000	4,00	4.341.120	
3	Chi phí khảo sát thực địa	108.528.000	20,00	21.705.600	
4	Chi phí thiết kế quy hoạch	108.528.000	53,00	57.519.840	
4.1	Phân tích, đánh giá vai trò vị trí của ngành	108.528.000	1,00	1.085.280	
4.2	Phân tích, dự báo tiến bộ khoa học, công nghệ và phát triển ngành của khu vực, của tỉnh	108.528.000	3,00	3.255.840	
4.3	Phân tích đánh giá hiện trạng phát triển và phân bố của ngành	108.528.000	4,00	4.341.120	
4.4	Nghiên cứu mục tiêu và quan điểm phát triển ngành	108.528.000	3,00	3.255.840	
4.5	Nghiên cứu, đề xuất các phương án phát triển	108.528.000	6,00	6.511.680	
4.6	Nghiên cứu các giải pháp thực hiện mục tiêu	108.528.000	20,00	21.705.600	
	a) Luận chứng các phương án phát triển	108.528.000	5,00	5.426.400	
	b) Xây dựng các phương án phát triển, đào tạo nguồn nhân lực	108.528.000	1,00	1.085.280	
	c) Xây dựng các phương án và giải pháp phát triển khoa học công nghệ	108.528.000	1,00	1.085.280	
	d) Xây dựng các phương án và giải pháp bảo vệ môi trường	108.528.000	1,50	1.627.920	
	đ) Xây dựng các phương án, tính toán nhu cầu và đảm bảo vốn đầu tư	108.528.000	4,00	4.341.120	
	e) Xây dựng các chương trình dự án đầu tư trọng điểm	108.528.000	1,50	1.627.920	
	g) Xây dựng phương án tổ chức lãnh thổ	108.528.000	3,00	3.255.840	
	h) Xác định các giải pháp về cơ chế, chính sách và đề xuất các phương án thực hiện	108.528.000	3,00	3.255.840	
4.7	Xây dựng báo cáo tổng hợp về hệ thống các báo cáo liên quan	108.528.000	8,00	8.682.240	
	a) Xây dựng báo cáo đề dẫn	108.528.000	1,00	1.085.280	

			Tối đa (%)		
	b) Xây dựng báo cáo tổng hợp	108.528.000	6,00	6.511.680	
	c) Xây dựng các báo cáo tóm tắt	108.528.000	0,60	651.168	
	d) Xây dựng văn bản trình thẩm định	108.528.000	0,20	217.056	
	d) Xây dựng văn bản trình phê duyệt dự án quy hoạch	108.528.000	0,20	217.056	
4.8	Xây dựng hệ thống bản đồ quy hoạch	108.528.000	8,00	8.682.240	
III	Chi phí khác	108.528.000	13,50	14.651.280	
1	Chi phí quản lý dự án	108.528.000	4,00	4.341.120	
2	Chi phí thẩm định đề cương, nhiệm vụ và dự toán	108.528.000	1,50	1.627.920	
3	Chi phí thẩm định quy hoạch	108.528.000	4,50	4.883.760	
4	Chi phí công bố quy hoạch	108.528.000	3,50	3.798.480	
C	Thuế giá trị gia tăng (I+II)*10%	93.876.720	10,00	9.387.672	
D	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán (A+B+C+D)*0,38%	4.808.898.672	0,0038	18.273.815	Thông tư 19/2011/TT-BTC
	<b>Tổng (A+B+C+D):</b>			<b>4.827.172.487</b>	
	<b>Làm tròn số:</b>			<b>4.827.172.000</b>	

*Handwritten signature*

Phụ lục 02:

DỰ TOÁN LẬP QUY HOẠCH KHẢO SÁT, THĂM ĐÒ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN CÁT, SỎI LÒNG SÔNG

TỈNH THANH HÓA ĐẾN NĂM 2025 ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030  
(Kèm theo Quyết định số : 360 /QĐ-UBND ngày 28/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

I. Cơ sở lập dự toán

- \* Thông tư liên tịch số 40/2009/TTLT-BTC-BTNMT ngày 05/3/2009 của Bộ tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường về Hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với các nhiệm vụ chi thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.
- \* Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/2/2011 của Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước.
- \* Quyết định số 2176/QĐ-BTNMT ngày 08/11/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Bộ đơn giá các công trình địa chất theo mức lương cơ sở 1.150.000 đồng/tháng.
- \* Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

II. Dự toán chi tiết

175 mô cát: trong đó 103 mô khó khăn loại III: 26 mô mới, 77 mô cũ;

72 mô khó khăn loại IV: 42 mô mới, 30 mô cũ

149 mô tập kết cát : trong đó 106 mô khó khăn loại III: 30 mô mới, 76 mô cũ

33 mô khó khăn loại IV: 21 mô mới, 12 mô cũ

Mô mới: Khó khăn loại III: 26+30=56 mô Điểm:184+210

Khó khăn loại IV: 42+21=63 mô

Điểm:

Mô cũ: Khó khăn loại III: 77+76=153 mô Điểm:622+574

Khó khăn loại IV: 30+12=42 mô

Điểm:

296+162

714+168

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Nội dung công việc	Khối lượng	Đơn giá			Thành tiền		
			Chi phí trực tiếp	Chi phí chung	Phụ cấp khu vực	Chi phí trực tiếp	Chi phí chung	Phụ cấp khu vực
	Đo mới công trình và đưa vào bản đồ	852						
1	Khó khăn loại III	394	1.218.680	304.670	22.005	480.159.942	120.039.986	8.669.894
2	Khó khăn loại IV	458	1.675.875	418.969	30.298	767.550.832	191.887.708	13.876.519
	Đo 80% các công trình đã có quy hoạch và đưa vào bản đồ							
1	Khó khăn loại III (1196x80%)	957	1.218.680	304.670	22.005	1.166.276.814	291.569.204	21.058.601
2	Khó khăn loại IV (382x80%)	306	1.675.875	418.969	30.298	512.817.805	128.204.451	9.271.212
	<b>Tổng cộng:</b>					<b>2.926.805.393</b>	<b>731.701.348</b>	<b>52.876.226</b>

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ THÀNH KHẢO SÁT

Stt	Nội dung công việc	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ký hiệu	Ghi chú
1	Chi phí trực tiếp			2.926.805.393	T	
2	Chi phí chung			731.701.348	P	

*(Handwritten signature)*

4	Chi phí lập phương án kỹ thuật (4.89%)	0.0488	2.926.805.393	142.626.103		
5	Chi phí lập báo cáo tổng kết khảo sát (7.93%)	0.0714	3.122.509.722	222.947.194	$Bc = (T+P+Pc+Nv)*7.93%$	Thông tư liên tịch số 40/2009/TTLT-BTC-BTNMT
	Giá trị dự toán trước thuế			4.077.158.265	$Gtt = T+P+Pc+Nv+Bc$	
6	Thuế giá trị gia tăng (10%)	0.1000	4.077.158.265	407.715.826	$VAT = Gtt*10%$	
7	Chi phí dự phòng (10%)	0.1000	4.484.874.091		$Gdp = (Gtt+VAT)*5%$	
	<b>Tổng:</b>			4.484.874.091	$G = Gtt+VAT+Gdp$	
8	Chi phí thu thập tài liệu, bản đồ và vận chuyển cán bộ			14.070.000	<b>Gk</b>	
-	Thu thập tài liệu	21,00		0		
-	Mua bản đồ địa hình huyện tỷ lệ 1/10.000	21,00	670.000	14.070.000		(21 huyện)
-	Chi phí vận chuyển cán bộ và thiết bị	21,00		0		
9	Chi phí trong quá trình lựa chọn nhà thầu			8.567.013	<b>Gltnt</b>	
-	Chi phí lập HSMT (0.1%)	0.0010	2.926.805.393	2.926.805	$=T*0.1%$	
-	Chi phí thẩm định HSMT (0.05%)	0.0005	2.926.805.393	1.463.403	$=T*0.05%$	
-	Chi phí đánh giá HSDT (0.05%)	0.0005	2.926.805.393	1.463.403	$=T*0.05%$	
-	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (0.05%)	0.0005	2.926.805.393	1.463.403	$=T*0.05%$	Điều 9 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP
-	Chi phí giải quyết kiến nghị của nhà thầu (0.02%)	0.0002	2.926.805.393	1.000.000	$=T*0.02%$	
-	Chi phí đăng tải thông tin về đấu thầu	1.0000	250.000	250.000		
10	Chi phí thẩm định, quản lý			183.472.122	$Gql = Td + Ql + Tt$	
-	Chi phí thẩm định, xét duyệt, kiểm tra, nghiệm thu (1.5%)	0.0150	4.077.158.265	61.157.374	$Td = Gtt*1.5%$	Thông tư liên tịch số 40/2009/TTLT-BTC-BTNMT
-	Chi phí quản lý (3%)	0.0300	4.077.158.265	122.314.748	$Ql = Gtt*5%$	
	<b>Tổng cộng:</b>			4.690.983.227	$Gks = G + Gk + Gltnt + Gql$	
	<b>Làm tròn số:</b>			4.690.983.000		

*Handwritten signature*





**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA**

Số: *47* /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do Hạnh phúc**

*Thanh Hóa, ngày 04 tháng 01 năm 2018*

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc thành lập Hội đồng thẩm định dự án "Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030"

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BXD-BVN ngày 16/11/2015 của Bộ Xây dựng – Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, UBND cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh về các lĩnh vực nhà nước thuộc ngành xây dựng;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 7096/SXD-VLXD ngày 19/12/2017 về việc đề nghị phê duyệt danh sách Hội đồng thẩm định dự án "Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030",

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng thẩm định dự án "Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030"; gồm những Ông (Bà) có tên sau đây:

1. Ông Nguyễn Đức Quyền - Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh: Chủ tịch Hội đồng;

2. Ông Lê Ngọc Thanh - Phó Giám đốc Sở Xây dựng: Ủy viên Thường trực Hội đồng;

3. Ông Lê Huy Việt - Phó Chủ tịch Hội quy hoạch Thanh Hóa: Ủy viên phân biện 1;

4. Ông Trịnh Xuân Cam - Nguyên đoàn trưởng Đoàn địa chất 306: Ủy viên phân biện 2;
5. Ông Lê Trọng Hân - Phó Giám đốc Sở Công thương: Ủy viên;
6. Ông Nguyễn Minh Châu - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Ủy viên;
7. Ông Vũ Thái Sơn - Phó Giám đốc Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch: Ủy viên;
8. Ông Nguyễn Trọng Hải - Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn: Ủy viên;
9. Ông Lương Tất Thắng - Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư: Ủy viên;
10. Ông Lê Văn Diện - Phó Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh: Ủy viên
11. Ông Nguyễn Trường Tam - Trưởng phòng Quản lý VLXD, Sở Xây dựng: Ủy viên thư ký.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng: Tổ chức thẩm định Dự án “Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030”, theo đúng quy định hiện hành; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thẩm định dự án;

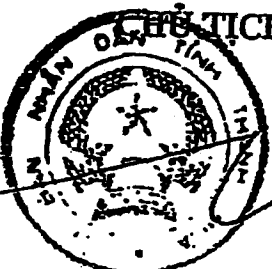
Điều 3. Hội đồng thẩm định Dự án “Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030”, làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ;

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và đầu tư, Công thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan và các Ông (Bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN.

  
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Xứng

**Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG**

**BỘ CÔNG THƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **6365** /BCT-CNNg  
V/v góp ý Dự thảo “Quy hoạch  
thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật  
liệu xây dựng thông thường tỉnh  
Thanh Hóa đến năm 2025, định  
hướng đến năm 2035”

Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2017

SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA	
<b>ĐẾN</b>	Số: .....
	Ngày: .....
Chuyển: .....	
Lưu hồ sơ số: .....	

VLXD  
Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa

Trả lời Công văn số 3604/SXD-VLXD ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa liên quan đến góp ý Dự thảo “Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035”, Bộ Công Thương có ý kiến như sau:

1. Việc tỉnh Thanh Hóa tiến hành lập “Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035” là cần thiết và phù hợp với Điều 11 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

2. Về cơ bản, Bộ Công Thương thống nhất với nội dung của bản Dự thảo “Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035”. Tuy nhiên, đề nghị Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa xem xét chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung sau:

- Bổ sung các số liệu cụ thể về kết quả thực hiện công tác thăm dò, sản lượng khai thác, chế biến hàng năm và nhu cầu sử dụng thực tế, so sánh với mục tiêu đã đề ra của kỳ quy hoạch trước làm cơ sở đề ra những mục tiêu cho kỳ quy hoạch tiếp theo;

- Bổ sung việc khoanh định chi tiết khu vực mỏ, loại khoáng sản cần đầu tư khai thác và tiến độ khai thác theo đúng quy định tại Điểm d, Khoản 3, Điều 13 của Luật Khoáng sản 2010;

- Xác định quy mô, công suất khai thác, yêu cầu về công nghệ khai thác theo đúng quy định tại Điểm đ, Khoản 3, Điều 13 của Luật Khoáng sản 2010;

- Về nguyên tắc, quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản trên địa bàn Tỉnh cần căn cứ vào quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản trên phạm vi cả nước. Để đảm bảo sự thống nhất

giữa quy hoạch toàn quốc và quy hoạch của địa phương, đề nghị UBND Tỉnh khi xem xét, phê duyệt Quy hoạch khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn Tỉnh cần lưu ý đối với những điểm mỏ nhỏ đã được điều tra đánh giá địa chất và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt trữ lượng mà không nằm trong các quy hoạch Trung ương và đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố thì được xem xét đưa vào quy hoạch khoáng sản của Tỉnh; tuy nhiên, cũng có một số điểm mỏ mới được phát hiện chưa được điều tra đánh giá địa chất thì có thể ghi nhận điểm mỏ đó trong quy hoạch khoáng sản của Tỉnh, nhưng phải có kiến nghị với các Bộ ngành liên quan xem xét hoặc triển khai các công tác địa chất tiếp theo.

Trên đây là ý kiến của Bộ Công Thương về Dự thảo "Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035", đề nghị Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa xem xét chỉnh sửa, bổ sung trước khi trình UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Thứ trưởng Đỗ Thắng Hải (để b/c);
- Lưu: VT, CNNg (2).

**TL. BỘ TRƯỞNG**  
**KT. VỤ TRƯỞNG VỤ CÔNG NGHIỆP NẶNG**  
**PHÓ VỤ TRƯỞNG**



**Nguyễn Ngọc Thành**

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
TỔNG CỤC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN  
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2449 /ĐCKS-KS

V/v góp ý kiến Quy hoạch thăm dò, khai thác,  
cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường  
tỉnh Thanh Hóa

Hà Nội, ngày 07/11/2017

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	
ĐẾN	
Số: 2449	.....
Ngày: 07/11/2017	.....
Họ tên: .....	
Đơn vị: .....	

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa

Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam nhận được Công văn số 3604/SXD-VLXD ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa về việc xin ý kiến tham gia Báo cáo Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 (kèm theo Báo cáo thuyết minh và Bản đồ quy hoạch). Về việc này, sau khi kiểm tra, xem xét các tài liệu liên quan, thực hiện chỉ đạo của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam có ý kiến như sau:

1. Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 được lập nhằm thay thế Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi lòng sông tỉnh Thanh Hóa đến năm 2015 được Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số 3350/2007/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2007 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch 2007), được điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 2182/2012/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2012 là hợp lý, phù hợp với quy định của Luật khoáng sản 2010.

2. Báo cáo quy hoạch đã thu thập, tổng hợp đánh giá chung về điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa. Sơ bộ đánh giá hiện trạng công tác thăm dò, khai thác theo Quy hoạch 2007. Theo đó, đã quy hoạch 105 khu vực thăm dò, khai thác cát, sỏi và 108 bãi tập kết. Đến nay, Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã cấp 24 Giấy phép khai thác với công suất (năm 2016) là 770.038m<sup>3</sup>/năm và 49 khu vực bến bãi tập kết cát, sỏi với diện tích là 40,32 ha.

3. Trên cơ sở dự báo cân đối nhu cầu sử dụng khoáng sản cát, sỏi của tỉnh Thanh Hóa trong kỳ quy hoạch, đã đề xuất số lượng các mỏ khoáng sản được điều chỉnh như sau: Loại ra khỏi quy hoạch 49 khu vực do khai thác hết trữ lượng hoặc việc khai thác gây sạt lở, ảnh hưởng đến an toàn đê điều, lòng hồ,... và 31 bãi tập kết không đủ điều kiện an toàn. Chuyển tiếp quy hoạch 66 khu vực, bổ sung mới 50 khu vực. Như vậy, trong giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 quy hoạch 112 khu vực cát, sỏi với diện tích sử dụng đất khoảng 592,69 ha, trữ lượng và tài nguyên dự báo khoảng 14,266 triệu m<sup>3</sup>. Ngoài ra, quy hoạch 122 khu vực bãi tập kết với diện tích sử dụng đất khoảng 110 ha.

4. Căn cứ quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định pháp luật khác có liên quan, Quy hoạch cần bổ sung, hoàn chỉnh một số nội dung như sau:

- Về bổ cục của Quy hoạch cần bổ sung, hoàn chỉnh theo các nội dung quy định tại Điều 11 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ.

- Bổ sung nội dung khái quát về đặc điểm địa chất phân bố khoáng sản cát sỏi lòng sông tỉnh Thanh Hóa. Công tác đánh giá tiềm năng cát, sỏi trên địa bàn tỉnh theo các tài liệu địa chất đã có.

- Nội dung Quy hoạch cần đánh giá chi tiết hiện trạng công tác thăm dò, khai thác theo Quy hoạch 2007. Đánh giá công tác quản lý nhà nước về khoáng sản trong giai đoạn quy hoạch, làm rõ những kết quả đạt được, phân tích sâu những tồn tại hạn chế, đề xuất hướng khắc phục trong kỳ quy hoạch; các giải pháp kiểm tra, giám sát nhằm ngăn ngừa hoạt động khai thác khoáng sản làm sạt lở bờ, bãi sông, đường giao thông, mất đất canh tác,...

- Các khu vực mỏ dự kiến đưa vào quy hoạch phải xây dựng tiến độ thăm dò, khai thác theo giai đoạn. Diện tích khu mỏ phải được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm khếp góc thể hiện trên bản đồ địa hình với tỷ lệ thích hợp.

- Việc quy hoạch khai thác cát, sỏi lòng sông dễ gây ra tác động rất lớn đến tình trạng biến đổi dòng chảy tự nhiên, sạt lở bờ bãi, đê điều, cầu cống; ảnh hưởng đến giao thông thủy, ô nhiễm môi trường... Vì vậy, Quy hoạch cần làm rõ cơ sở khoa học, sự cần thiết phải khai thác để đảm bảo hiệu quả của quy hoạch. Trên cơ sở xem xét nhu cầu về cát, sỏi cho xây dựng của địa phương, cần xem xét, giảm bớt số lượng mỏ thuộc khu vực miền núi (như cầu không lớn) hoặc đưa vào quy hoạch khu vực dự trữ khoáng sản cát, sỏi của Tỉnh để chuẩn bị nguyên liệu cho giai đoạn sau.

- Cần khoanh định các khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản theo quy định tại Điều 28 Luật khoáng sản.

- Bổ sung nội dung về công tác bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản, công tác ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường; kết quả công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản cát, sỏi từ khi thực hiện theo quy định cho đến nay.

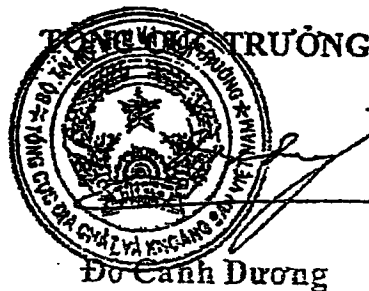
- Khoáng sản làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa ngoài cát sỏi, còn khoáng sản sét làm gạch ngói, đá xây dựng, vật liệu san lấp... do đó, đề nghị nghiên cứu lập một Quy hoạch chung cho các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường nhằm tiết kiệm ngân sách, thống nhất quản lý chung, đảm bảo hiệu quả trong quản lý, sử dụng khoáng sản.

- Bản đồ quy hoạch cần lập với tỷ lệ thích hợp, thể hiện đầy đủ các thông tin cần thiết về vị trí, số hiệu điểm mỏ, diện tích sử dụng đất, tài nguyên dự báo; khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản. Ngoài ra, nên loại bỏ bớt một số chi tiết như tên địa danh xóm, xã... nhằm làm nổi bật nội dung chính là quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản.

Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam đề nghị Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện lại Báo cáo quy hoạch trước khi trình phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Nguyễn Linh Ngọc (để báo cáo);
- UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở TNMT tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, KS (Ngh.05).



**BỘ XÂY DỰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1861/BXD-VLXD

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2017

V/v góp ý Quy hoạch thăm dò, khai thác  
cát sỏi làm VLXD thông thường tỉnh  
Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng  
đến năm 2035

SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA	
ĐẾN	Số: 4863
	Ngày: 16/8/17
Chuyển:	.....
Hóa	.....
Lưu hồ sơ số:	.....

VLXD, Ban VĐT

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Thanh

Bộ Xây dựng nhận công văn số 3604/SXD-VLXD ngày 06/7/2017 của Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa đề nghị cho ý kiến về Quy hoạch thăm dò, khai thác cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035. Sau khi nghiên cứu, Bộ Xây dựng có ý kiến như sau:

**1. Bổ sung các nội dung cần thiết và căn cứ pháp lý**

Quy hoạch thăm dò, khai thác cát sỏi phải gắn kết chặt chẽ, đồng bộ và phù hợp với các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh, quy hoạch phát triển du lịch, xây dựng, đô thị, hạ tầng, giao thông để đảm bảo không chồng chéo giữa các quy hoạch.

Xác định rõ vai trò vị trí Quy hoạch thăm dò, khai thác cát sỏi đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 so với các ngành khác. Đồng thời, việc thăm dò, khai thác cát sỏi trên địa bàn tỉnh phải phù hợp với các quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng tỉnh.

Bổ sung: Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 09/6/2017 của Chính phủ tại phiên họp thường kỳ tháng 5 năm 2017, trong đó đưa ra các giải pháp khắc phục tình trạng khan hiếm cát xây dựng ở một số địa phương, giải pháp sản xuất vật liệu thay thế cát tự nhiên; văn bản số 269/TB-VPCP ngày 15/6/2017 của Văn phòng Chính phủ Thông báo Kết luận của Phó Thủ tướng thường trực Trương Hòa Bình tại cuộc họp đánh giá công tác quản lý nhà nước đối với tài nguyên cát, sỏi.

**2. Nội dung nghiên cứu**

Các nội dung lập quy hoạch cần bám sát các quy định tại Khoản 3, Điều 20, Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ và Điều 11, Nghị định 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản. Ngoài ra những nội dung đã đánh giá trong phần hiện trạng quy hoạch, đề nghị bổ sung một số nội dung sau:

Bổ sung nội dung đánh giá công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động khoáng sản (công tác quản lý, cấp phép theo quy hoạch đã phê duyệt, việc ban hành các quy định, quy chế quản lý hoạt động khai thác cát sỏi trên địa bàn, việc thanh tra, kiểm tra định kỳ sau khi cấp phép và công tác bảo vệ môi trường).



### 3. Dự báo cung cầu cát sỏi xây dựng

Bổ sung đánh giá xu hướng sử dụng các loại vật liệu thay thế, tính toán xác định nguồn vật liệu thay thế có trên địa bàn (như cát nghiền, tro xỉ nhiệt điện, đất cát thải từ khai thác mỏ quặng...) có khả năng thay thế cát tự nhiên. Trên cơ sở đó tính toán lựa chọn nhu cầu khai thác cát sỏi xây dựng hợp lý, cụ thể như:

Theo Quy hoạch điện VII điều chỉnh, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa có Nhà máy Nhiệt điện Nghi Sơn 1 công suất 600 MW đang hoạt động. Dự kiến 2019, Nhà máy Nhiệt điện Nghi Sơn 2 công suất 1.200 MW đi vào hoạt động, Nhiệt điện Công Thanh công suất 600 MW. Khi các nhà máy đi vào hoạt động thì lượng tro xỉ sẽ thải ra hàng triệu tấn, do đó việc sử dụng tro, xỉ thay thế cát tự nhiên trên địa bàn là cần thiết.

Tỉnh Thanh Hóa có nguồn đá vôi có thể tận dụng làm cát nghiền, do đó cần tính toán sử dụng cát nghiền để thay thế cát tự nhiên, tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên khoáng sản, giảm bớt áp lực nhu cầu cát xây dựng.

### 4. Quan điểm và mục tiêu quy hoạch.

Bổ sung quan điểm: Quy hoạch thăm dò, khai thác cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường phải sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, sử dụng tối đa nguồn vật liệu thay thế cát tự nhiên, không sử dụng cát tự nhiên cho san lấp.

Bổ sung một số mục tiêu cụ thể:

Số liệu cụ thể việc giảm nhu cầu sử dụng cát tự nhiên, tăng cường khuyến khích sử dụng cát nghiền, vật liệu thay thế theo các mốc thời gian từng năm 2020, 2025, 2030 và 2035. Bổ sung bảng cân đối cung cầu cho từng chủng loại cát tự nhiên và vật liệu thay thế.

### 5. Định hướng quy hoạch

Cát xây dựng: Đề nghị tổ chức sắp xếp lại các khu vực khai thác cát có quy mô nhỏ lẻ, manh mún, tác động tới môi trường, thực hiện đấu giá công khai các mỏ cát xây dựng.

Cát nghiền từ đá xây dựng: Rà soát những cơ sở khai thác đá xây dựng hiện có, khuyến khích các cơ sở khai thác, chế biến đá xây dựng tận dụng nguồn đá mặt thay thế cát tự nhiên cho sản xuất vữa và sản xuất gạch không nung, đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản.

Cát san lấp và vật liệu thay thế: Không quy hoạch mới các điểm khai thác cát dùng cho san lấp, phải sử dụng những loại vật liệu phế thải tro xỉ sẵn có từ nhà máy nhiệt điện thay thế nhu cầu cát làm vật liệu san lấp. Tính toán bổ sung khối lượng đất đá thải từ các cơ sở khai thác chế biến quặng, vật liệu thải từ các cơ sở công nghiệp thay cho nhu cầu cát tự nhiên làm vật liệu san lấp.

## 6. Các giải pháp và tổ chức thực hiện quy hoạch

Bổ sung các giải pháp và tổ chức thực hiện theo yêu cầu của Bộ Xây dựng tại văn bản số 1421/BXD-VLXD ngày 22/6/2017 đề nghị các địa phương tính toán cân đối cung cầu cát xây dựng và vật liệu san lấp, sử dụng vật liệu thay thế có sẵn tại địa phương, hạn chế sử dụng cát tự nhiên dùng để san lấp, sử dụng cát tự nhiên có hiệu quả, tiết kiệm đặc biệt sử dụng cát nghiền nhân tạo cho bê tông và vữa xây trát thay thế cát tự nhiên; sử dụng các vật liệu khác thay thế cát sông làm vật liệu san lấp.

Trên đây là ý kiến của Bộ Xây dựng về Quy hoạch thăm dò, khai thác cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035, đề nghị Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa nghiên cứu hoàn thiện./.

### *Nơi nhận:*

- Như trên;
- UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, VLXD (3).

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG



Bùi Phạm Khánh





Ký bởi Sở Giao  
thông vận tải (M)  
Giờ ký: 2017.07.27  
09:33:15 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HOÁ  
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 262/SGTVT-QLGT

V/v tham gia ý kiến về Dự thảo  
Quy hoạch thăm dò, khai thác  
cát, sỏi làm vật liệu xây dựng  
thông thường tỉnh Thanh Hóa  
đến năm 2025 định hướng đến  
năm 2035

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 19 tháng 7 năm 2017

Kính gửi: Sở Xây dựng.

Sở Giao thông vận tải nhận được Công văn số 3605/SXD-VLXD ngày 06/7/2017 của Sở Xây dựng về việc tham vấn ý kiến về Dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 định hướng đến năm 2035 (kèm theo hồ sơ).

Sau khi nghiên cứu Dự thảo quy hoạch, Sở GTVT có ý kiến như sau:

1. Phần căn cứ pháp lý lập Quy hoạch trong thuyết minh đề nghị bổ sung:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa số 48/2014/QH13 ngày 17/6/2014;

- Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT về hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

- Quyết định số 1339/2012/QĐ-UBND ngày 09/5/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Ban hành quy định về trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt quy hoạch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Bổ sung mạng lưới giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa vào Điểm 4.1, Mục II, Phần I (hiện trạng mạng lưới giao thông) để đánh tổng hợp điều kiện tự nhiên và kinh tế, xã hội tác động đến hoạt động thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi. Cụ thể:

"Đường thủy trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa có 30 tuyến sông, kênh, 02 lòng hồ với tổng chiều dài 1.889km, trong đó có 26-tuyến sông, kênh có thể khai thác để phục vụ giao thông vận tải đường thủy với chiều dài 1.170 km, hiện tại đã công bố và đưa vào khai thác, quản lý và bảo trì 21 tuyến đường thủy nội địa với chiều dài 697,5 km; trong đó có 8 tuyến đường thủy nội địa quốc gia có chiều dài 213km và 13 tuyến đường thủy nội địa địa phương có chiều dài 484,5km.

Các tuyến đường thủy nội địa quốc gia có luồng chạy tàu tương đối ổn định, khai thác vận tải tốt, phục vụ hữu ích cho giao thông vận tải đường thủy nội địa trong và ngoài tỉnh; các tuyến đường thủy nội địa địa phương nối liền vào các tuyến đường thủy nội địa quốc gia tạo thành mạng lưới giao thông

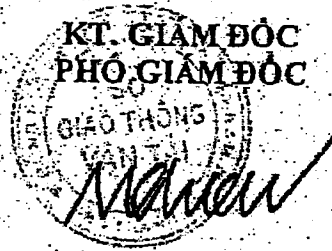
đường thủy liên hoàn, kết nối được giữa các vùng miền trên địa bàn tỉnh và giữa tỉnh Thanh Hóa với các tỉnh phía Bắc như Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình, Hải Phòng, Quảng Ninh”.

3. Để thống nhất số liệu điều tra quy hoạch các ngành đã thực hiện theo Quyết định số 4064/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa với nội dung lập quy hoạch đến năm 2025 định hướng đến năm 2030; đồng thời phù hợp với nội dung tầm nhìn đến năm 2030 trong dự thảo quy hoạch đề nghị điều chỉnh Dự án Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 định hướng đến năm 2035 thành đến năm 2025 định hướng đến năm 2030.

Sở Giao thông vận tải tham gia ý kiến như trên, đề nghị Sở Xây dựng xem xét, tổng hợp/.

Nơi nhận: *VT*

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Lưu: VT, QLGT (c).



Nguyễn Văn Khiên



Ký bởi Sở Giao  
thông vận tải (M)  
Giờ ký: 2018.04.18  
16:20:56 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HOÁ  
**SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Số: **1226**/SGTVT - QLGT

V/v cung cấp thông tin, số liệu đường  
thủy nội địa trên địa bàn tỉnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày **16** tháng 4 năm 2018

Kính gửi: Sở Xây dựng Thanh Hóa

Sở GTVT nhận được Văn bản số 1745/CĐTND-KTKT ngày 10/4/2018 của Sở Xây dựng về việc cung cấp thông tin, số liệu để làm cơ sở bổ sung, hoàn chỉnh quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác cát sỏi làm VLXD tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Sau khi xem xét, rà soát các nội dung có liên quan, Sở GTVT cung cấp các thông tin, như sau:

1. Về hiện trạng và quy hoạch đường thủy nội địa

a) Về hiện trạng: Thanh Hóa là tỉnh có hệ thống giao thông đa dạng gồm đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt, đường không và đường biển. Trong đó đường thủy có 26 tuyến sông, kênh, lòng hồ có thể khai thác để phục vụ giao thông vận tải đường thủy với chiều dài 1.170 km. Hiện tại, đã công bố và đưa vào khai thác, quản lý và bảo trì 21 tuyến đường thủy nội địa (ĐTND) với chiều dài 697,5 km (8 tuyến quốc gia có chiều dài 213km và 13 tuyến địa phương có chiều dài 484,5km). Hệ thống sông, kênh trên địa bàn tỉnh được phân bố đều trên địa bàn tỉnh, gồm 4 hệ thống sông chính là hệ thống Sông Mã, Sông Yên, Sông Hoạt và Sông Bạng; có 6 cửa sông chính đổ ra Biển Đông gồm Lạch Càn, Lạch Sung, Lạch Trường, Lạch Hới, Lạch Ghép và Lạch Bạng, các cửa sông này đều là điểm quan trọng của giao thông đường thủy và là nơi có các âu tránh trú bão.

b) Về quy hoạch

- Quy hoạch phát triển GTVT đường thủy nội địa đến năm 2020 của tỉnh Thanh hóa được Chủ tịch UBND tỉnh đã phê duyệt tại Quyết định số 69/QĐ-CT ngày 07/01/2004. Năm 2017 cùng với điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3227/QĐ-UBND ngày 29/8/2017.

- Hiện nay, Sở GTVT đã điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải ĐTND tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Các tuyến đề nghị đưa vào quy hoạch nạo vét

Các tuyến sông, kênh trên địa bàn tỉnh chủ yếu nhỏ, hẹp, độ dốc tự nhiên cao; hàng năm vào mùa mưa bão, lượng nước đổ vào các sông chính kéo theo đất, cát, đá làm bồi lắng lòng sông, nhất là tại các cửa sông nên giao thông thủy gặp khó khăn; đề nghị đưa vào quy hoạch nạo vét các cửa sông, tuyến đường thủy nội

địa thường xuyên bị bồi lắng và khối lượng dự kiến, như sau:

a) Nạo vét tại các cửa sông

- Cửa lạch Ghép đoạn cạn từ Km0+00- Km3+00, chiều dài 3km; hiện tại là cấp kỹ thuật cấp IV ( $B_L=35m$ ,  $H_{CT}=2,5m$ ) ; chiều dài 3km; khối lượng nạo vét khoảng 500.000m<sup>3</sup>

- Cửa lạch Bạng đoạn cạn từ Km1+00- Km2+00, chiều dài 1km, hiện tại là cấp kỹ thuật cấp I ( $B_L=100m$ ,  $H_{CT}=5,0m$ ); khối lượng khoảng 300.000m<sup>3</sup>.

- Cửa lạch Trường đoạn cạn từ Km 1+00- Km 5+00, chiều dài khoảng 4km, hiện tại là cấp kỹ thuật cấp IV ( $B_L=35m$ ,  $H_{CT}=2,5m$ ); khối lượng khoảng 600.000m<sup>3</sup>.

- Cửa lạch Sung đoạn cạn từ Km 4+00-Km 9+00, chiều dài khoảng 5km, hiện tại là cấp kỹ thuật cấp IV ( $B_L=35m$ ,  $H_{CT}=2,5m$ ); khối lượng khoảng 250.000m<sup>3</sup>.

- Cửa lạch Càn đoạn cạn từ Km 4+00-Km 8+00, chiều dài khoảng 4km, hiện tại là cấp kỹ thuật VI ( $B_L=20m$ ,  $H_{CT}=1,8m$ ); khối lượng khoảng 150.000 m<sup>3</sup>.

b) Nạo vét một số tuyến trên tuyến đường thủy nội địa

- Tuyến sông Lèn cấp IV ( $B_L=35m$ ,  $H_{CT}=2,5m$ ) đoạn cạn từ Km 18+500-Km 20+300; chiều dài khoảng 1,8km; khối lượng khoảng 100.000 m<sup>3</sup>

- Tuyến sông Lèn cấp IV ( $B_L=35m$ ,  $H_{CT}=2,5m$ ) đoạn cạn từ Km 44+600-Km 46+800; chiều dài khoảng 2,2km; khối lượng khoảng 150.000 m<sup>3</sup>

- Tuyến kênh nhà Lê (sông Nhò) cấp VI ( $B_L=20m$ ,  $H_{CT}=1,8m$ ) chiều dài 25km, khối lượng nạo vét khoảng 300.000m<sup>3</sup>.

- Tuyến sông Chu cấp IV ( $B_L=35m$ ,  $H_{CT}=2,5m$ ) đoạn cạn từ Km 12+200-Km 14+00; chiều dài 1,8km; khối lượng khoảng 100.000 m<sup>3</sup>.

- Tuyến sông Mã cấp IV ( $B_L=35m$ ,  $H_{CT}=2,5m$ ) đoạn cạn (Thác Nghè) thanh thải dải đá ngầm đoạn từ Km 46+00- Km 49+500; chiều dài 3,5km; khối lượng khoảng 300.000 m<sup>3</sup>;

- Tuyến sông Lạch Bạng – đảo Hòn Mê thanh thải dải đá ngầm đoạn ngầm đoạn Km 0+350-Km 0+370, chiều dài khoảng 20m, khối 300m<sup>3</sup>.

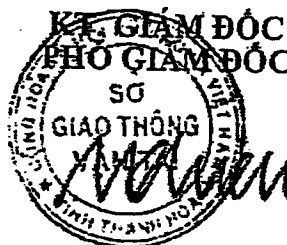
Sở GTVT cung cấp các thông tin trên đề nghị Sở Xây dựng xem xét tổng hợp đưa vào quy hoạch theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Giám đốc Sở (b/c);

- Lưu: VT, QLGT (v.Tam2b).



Nguyễn Văn Khiên

UBND TỈNH THANH HÓA  
SỞ CÔNG THƯƠNG

Số: 1685/SCT-MĐT

V/v tham gia ý kiến về dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 24 tháng 7 năm 2017

SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA	
ĐẾN	Số: .....
	Ngày: .....
Chuyển:	.....
	Hồ sơ số: .....

Kính gửi: Sở Xây dựng Thanh Hóa

Sở Công Thương nhận được Công văn số 3605/SXD-VLXD ngày 06/7/2017 của Sở Xây dựng về việc tham vấn ý kiến về dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035; sau khi nghiên cứu, Sở Công Thương có ý kiến như sau:

1. Dự thảo báo cáo Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 được Sở Xây dựng phối hợp với đơn vị tư vấn lập đã cơ bản khái quát được sự cần thiết, hiện trạng khai thác, chế biến và sử dụng cát, sỏi làm VLXD thông thường trên địa bàn tỉnh; đồng thời, đã đánh giá, dự báo được nhu cầu trong thời gian tới và đề xuất phương án quy hoạch thăm dò, khai thác nhằm đảm bảo nhu cầu sử dụng một cách hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản cát, sỏi trên địa bàn tỉnh. Nhìn chung, các nội dung báo cáo quy hoạch phù hợp với đề cương nhiệm vụ được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 14/01/2016. Vì vậy, Sở Công Thương cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo quy hoạch do Sở Xây dựng lập.

2. Một số nội dung đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện:

- Về phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội: Đề nghị phân tích, đánh giá về tài nguyên khoáng sản của tỉnh; trong đó, tập trung đánh giá các nguồn tài nguyên khoáng sản (cát, sỏi, đá) là yếu tố, nguồn lực phát triển tác động tới việc khai thác, sử dụng tài nguyên cát, sỏi (hoặc có thể thay thế cát, sỏi tự nhiên).

- Về đánh giá hiện trạng thăm dò, khai thác và sử dụng cát, sỏi trên địa bàn tỉnh:

+ Các số liệu đánh giá không trùng khớp, chẳng hạn như: Tại trang 20, số giấy phép được cấp đến thời điểm hiện tại là 25 giấy phép, với tổng công suất khai thác khoảng 816.538 m<sup>3</sup>/năm nhưng tại trang 21 và trang 35, con số này lần lượt là cấp 22 giấy phép với tổng công suất khoảng 778.038 m<sup>3</sup>/năm. Đề nghị làm việc với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan để có số liệu chính xác về tình hình cấp phép, công suất khai thác và nhu cầu sử



dụng tại thời điểm lập quy hoạch (hoặc hết năm 2016), khu vực nào đủ, khu vực nào thiếu,... để có cơ sở phân tích, đánh giá, đề xuất phương án quy hoạch.

+ Đề nghị bổ sung các nội dung về đánh giá hiện trạng kết cấu hạ tầng giao thông tới các mô và ảnh hưởng của việc khai thác mỏ đến kết cấu hạ tầng.

- Về phương án quy hoạch:

+ Đề đề xuất được phương án quy hoạch phù hợp, công tác dự báo nhu cầu chính xác là hết sức quan trọng. Tuy nhiên, công tác dự báo nhu cầu sử dụng cát, sỏi trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới chưa thuyết phục do chưa có số liệu biện chứng. Đề nghị cần bám sát Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XVIII và Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 872/QĐ-TTg ngày 17/6/2015 và tốc độ phát triển cát, sỏi xây dựng trong thời gian qua cũng như các yếu tố khác để đưa ra dự báo nhu cầu sử dụng cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới một cách thuyết phục hơn.

+ Theo dự thảo quy hoạch, dự báo nhu cầu sử dụng từ nay đến năm 2025 khoảng 35,6 triệu m<sup>3</sup> cát, sỏi nhưng phương án quy hoạch chỉ đề xuất đưa vào quy hoạch khai thác 112 mỏ cát, sỏi có tổng trữ lượng khoảng 14,3 triệu m<sup>3</sup> và kế hoạch phát triển cát nghiền đến năm 2025 khoảng 2,5 triệu m<sup>3</sup>. Như vậy, tổng nguồn cung đến năm 2025 khoảng 17 triệu m<sup>3</sup>, mới đáp ứng được khoảng 50% nhu cầu, sẽ xảy ra tình trạng thiếu hụt cát, sỏi làm VLXD thông thường như hiện nay. Đề nghị nghiên cứu lại.

- Ý kiến khác:

Báo cáo quy hoạch chưa đánh được giá tổng quan nguồn tài nguyên cát, sỏi trên địa bàn tỉnh như thế nào (trong đó, cát sỏi lòng sông có khoảng bao nhiêu?), kỳ quy hoạch này đưa vào khai thác, sử dụng bao nhiêu? Đề nghị nghiên cứu, làm rõ.

Đề nghị Sở Xây dựng nghiên cứu chỉ đạo đơn vị tư vấn hoàn chỉnh dự thảo quy hoạch./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (b/c);
- Lưu: VT, MĐT.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Trọng Hân

UBND TỈNH THANH HÓA  
SỞ CÔNG THƯƠNG

Số: 726 /SCT-MĐT

V/v cung cấp thông tin về hồ  
chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh  
Thanh Hóa



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 11 tháng 4 năm 2018

SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA	
ĐẾN	Số: 2004
	Ngày: 12/4/18
Chuyển: .....	
Sở Xây dựng Thanh Hóa	
Lưu hồ sơ số: .....	

Kính gửi: Sở Xây dựng Thanh Hóa

Sở Công Thương nhận được Văn bản số 1646/SXD-VLXD ngày 05/4/2018 của Sở Xây dựng về việc đề nghị giúp cung cấp thông tin, số liệu để làm cơ sở bổ sung, hoàn chỉnh Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác cát sỏi làm VLXD tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (gọi tắt là quy hoạch cát, sỏi); sau khi tổng hợp, Sở Công Thương cung cấp thông tin về các hồ thủy điện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa như sau:

*(Chi tiết theo biểu mẫu gửi kèm).*

Về đánh giá khả năng nạo vét nguồn nguyên liệu cát: Đề nghị Sở Xây dựng chỉ đạo đơn vị tư vấn lập quy hoạch cát, sỏi phối hợp với các chủ đầu tư dự án thủy điện và đơn vị lập quy hoạch thủy điện để tiến hành khảo sát, đánh giá và đề xuất vị trí, diện tích quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi cụ thể, tránh ảnh hưởng đến việc khảo sát, xây dựng và vận hành các dự án thủy điện.

Sở Công Thương cung cấp thông tin như trên để Sở Xây dựng làm cơ sở chỉ đạo đơn vị tư vấn bổ sung, hoàn chỉnh quy hoạch cát, sỏi./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để B/C);
- Lưu: VT, MĐT.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



*(Handwritten signature)*  
Lê Trọng Hân

**THÔNG TIN VỀ CÁC HỒ CHỨA THUY ĐIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA**  
(Kèm liên công văn số 726 /SCT-MDT ngày 14/2018 của Sở Công Thương Thanh Hóa)

TT	Thông tin về dự án/Tên dự án	TD Trung Sơn	TD Thành Sơn	TD Hải Xuân	TD Bá Thước I	TD Bá Thước II	TD Cẩm Thủy I	TD Cẩm Định	TD Xuân Minh	TD Đập Bái Thượng	TD Đám Cây	TD Trí Nang	TD Trung Xuân (đám Lò)	TD Sông Âm	TD bậc thang Sông Luông			
															TD Mường Mìn Xi Sơn Thủy và Mường Mìn, huyện Quan Sơn	TD Sơn Điện: Xi Sơn Điện, huyện Quan Sơn	TD Nam Động 1: Xi Nam Động, huyện Quan Hóa	TD Nam Động 2: Xi Nam Động, huyện Quan Hóa
1	Vị trí xây dựng công trình	Trên sông Mít, xã Trung Sơn, huyện Quan Hoá	Trên sông Mít, xã Thành Sơn, H.Quan Hóa	Trên sông Mít, xã Thành Xuân và Hải Xuân, huyện Quan Hoá	Trên sông Mít, xã Thiết Kế, huyện Bá Thước	Trên sông Mít, xã Điền Lư và Lương Ngoại, huyện Bá Thước	Trên sông Mít, xã Cẩm Lương và Cẩm Thịnh, huyện Cẩm Thủy	Trên sông Chu, xã Xuân Mỹ, huyện Thường Xuân	Trên sông Chu, xã Xuân Thường Xuân	Hồ lưu Đập Bái Thượng, sông Chu, xã Thọ Thanh, huyện Thường Xuân	Đập phụ Đám Cây hồ Cẩm Định, xã Lương Sơn, huyện Thường Xuân	Suối Hải, xã Trí Nang, huyện Lang Chánh,	Sông Lò, xã Trung Xuân, huyện Quan Sơn	Sông Âm, xã Tam Văn, huyện Lang Chánh,	TD Mường Mìn Xi Sơn Thủy và Mường Mìn, huyện Quan Sơn	TD Sơn Điện: Xi Sơn Điện, huyện Quan Sơn	TD Nam Động 1: Xi Nam Động, huyện Quan Hóa	TD Nam Động 2: Xi Nam Động, huyện Quan Hóa
2	Chủ đầu tư dự án; đơn vị tư vấn lập quy hoạch	Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn (thuộc tập đoàn EVN) Nội	Tổ hợp các nhà đầu tư, đại diện là Cty TNHH Hà Thanh Thanh Hóa	Công ty CP đầu tư xây dựng điện Hải Xuân	Công ty CP Thủy điện Hoàng Anh-Thanh Hoá	Công ty CP Thủy điện Hoàng Anh-Thanh Hoá	Công ty CP Đầu tư xây dựng hạ tầng và giao thông (Intracom)	Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Phát triển năng lượng Vinaconex	Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Phát triển năng lượng Vinaconex	Công ty CP Thủy điện Bái Thượng	Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Bắc Miền Trung	Công ty CP Đầu tư phát triển Thủy điện Trí Nang	Công ty TNHH Thanh Bình	Công ty CP Đầu tư sáng tạo Việt Nam	Bộ Công Thương phê duyệt quy hoạch theo Quyết định số 3202A/QĐ-BCT ngày 17/8/2017. Đơn vị lập tư vấn quy hoạch: Công ty Đăng Mã Kông			
3	Các thông số hồ chứa																	
-	Diện tích lưu vực đón tuyến đập (km <sup>2</sup> )	14.660	14.707	14.975	16.370	17.150	18.790	5.938	6.315	638	5.938	38	1001	246	512	873	1.025	1.055
-	Lưu lượng bình quân năm (m <sup>3</sup> /s)	235	237	244,1	325,47	337	340	109	113,9	114,8	89	1,39	28,01	8,91				
-	Mức nước dâng bình thường (m)	160	89	80	54	41	25,5	110	27,5	17,2	110	252	76	181	268	190	150	125
-	Mức nước chết (m)	150	89	78,5	53	40	25,5	73	27	16	73	251	74	179				
-	Dung tích toàn bộ (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )	348,5	4,7	63,65	16,96	44,18	10,99	1450	8,1	4,6	1450	0,128	2,29	4,06				
-	Dung tích hữu ích (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )	112	0	7,73	3,26	12,68	0	793,7	0,7	0,45	793,7	0,024	0,84	0,521				
-	Diện tích mặt hồ tại MNDBT (ha)	1.313	120	619	355	1022	300,15	3.079	191,9	47,5	3.079	4,03		26,56				
4	Về khả năng nạp vớt lòng hồ lấy nguyên liệu cát	Đã tích nước phát điện	Đang thí công xây dựng; Chủ đầu tư đã có phương án nạp vớt.	Đang thí công xây dựng; Chủ đầu tư đã có phương án nạp vớt.	Đã tích nước phát điện	Đã tích nước phát điện	Đang thí công xây dựng; Chủ đầu tư đã có phương án nạp vớt	Đã tích nước phát điện	Đang thí công xây dựng; Đã nghị tư vấn lập quy hoạch cát, sỏi làm việc cụ thể với Chủ đầu tư dự án thủy điện	Đã đi vào hoạt động	Đã đi vào hoạt động	Đang thí công xây dựng; không có nguyên liệu cát	Đang chuẩn bị thí công; đã nghị tư vấn lập quy hoạch cát, sỏi làm việc cụ thể với Chủ đầu tư dự án thủy điện	Đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư xây dựng.	Đã nghị đơn vị tư vấn lập quy hoạch cát, sỏi phải hợp với đơn vị lập quy hoạch thủy điện để nghiên cứu, khảo sát đánh giá cụ thể.			



**UBND TỈNH THANH HÓA  
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1876** /SVHTTDL-DSVH

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 7 năm 2017

V/v tham gia ý kiến về dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, định hướng đến năm 2035.

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hoá

Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch nhận được văn bản số 3605/SXD-VLXD ngày 06/7/2017 của Sở Xây dựng về việc Tham vấn ý kiến về dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, định hướng đến năm 2035. Sau khi nghiên cứu, xem xét hồ sơ, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tham có ý kiến như sau:

1. Trong *Dự thảo thuyết minh* Dự án Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hoá đến năm 2015, định hướng đến năm 2035: Phần mở đầu, mục II: Các căn cứ pháp lý lập Quy hoạch: đề nghị bổ sung thêm Luật Di sản văn hoá ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hoá ngày 18/9/2009; Nghị định 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hoá và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hoá.

2. Theo thống kê, Thanh Hoá có 1535 di tích được kiểm kê bảo vệ, trong đó có 822 di tích được xếp hạng các cấp. Các di tích được xếp hạng trên địa bàn tỉnh từ trước năm 1995 trở về trước không có bản đồ chi tiết và mốc giới trên bản đồ địa chính. Các di tích xếp hạng từ 1995 đến năm 2011 chỉ có bản đồ khoanh vùng bảo vệ di tích theo bản đồ giải thửa của địa phương.

Do đó, trong 121 mô, bãi tập kết dự kiến đưa vào quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 (*bảng số 11: Tổng hợp danh sách các vị trí mỏ cát, sỏi được quy hoạch kỳ này - Dự thảo Thuyết minh* Dự án Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hoá đến năm 2015, định hướng đến năm 2035), Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch không thống nhất đưa vào quy hoạch đối với vị trí, địa điểm bãi tập kết cát phường Hàm Rồng: Vị trí này thuộc Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và Phát huy giá trị Khu di tích lịch sử - văn hoá Hàm Rồng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Dự án bảo tồn, tôn tạo công viên Khảo cổ Hàm Rồng tại Quyết định số 396/QĐ-TTg ngày 05/3/2013.

Đối với các mô, bãi tập kết:

- Tại số thứ tự 14, số hiệu B66 bãi tập kết bến Mỗ, thị trấn Cẩm Thủy, huyện Cẩm Thủy, khu vực này có di tích *Địa điểm Bến Cửa Hà* được xếp hạng di tích cấp tỉnh năm 2015.

- Tại số thứ tự 19, số ký hiệu bãi B67 thôn Phong Ý, xã Cẩm Phong, Cẩm Thủy, khu vực này có *Thăng cảnh Động Cửa Hà* được xếp hạng di tích cấp tỉnh năm 2011.

- Tại số thứ tự 22, số hiệu bãi B46 bãi tập kết cát B46 xóm Bình, xã Vĩnh Hùng, Vĩnh Lộc, khu vực này có di tích *Chùa Báo Ân* được xếp hạng di tích cấp tỉnh năm 2011.

- Tại Số thứ tự 66, số ký hiệu bãi B24d Bãi tập kết cát thôn Ngọc Sơn, xã Hà Sơn, huyện Hà Trung, khu vực này có *Cụm di tích – Thăng cảnh Hàn Sơn* được xếp hạng cấp tỉnh năm 1992 và *Cụm di tích thăng cảnh Phong Mục* xã Châu Lộc, huyện Hậu Lộc được xếp hạng di tích cấp tỉnh năm 1994.

- Tại số thứ tự 74, số hiệu bãi B81 Bãi tập kết cát thôn Báo Văn, xã Nga Lĩnh, Nga Sơn, khu vực này có di tích *Chùa Vân Lôi* được xếp hạng di tích cấp tỉnh năm 2007.

- Tại Số thứ tự 110, số ký hiệu bãi B27c bãi tập kết cát làng Nguyệt Viên, xã Hoàng Quang, thành phố Thanh Hoá, khu vực này có di tích *Nghè làng Nguyệt Viên* xếp hạng cấp tỉnh năm 1996 và di tích *Đình Vĩnh Trị* xếp hạng di tích cấp tỉnh năm 2010.

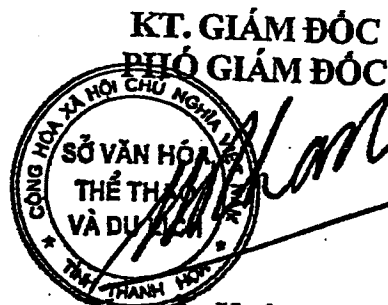
- Tại số thứ tự 121, số ký hiệu bãi B141 bãi tập kết cát thôn Yên Châu, xã Hải Châu, huyện Tĩnh Gia, khu vực này có di tích *Bến Phà Ghép – địa điểm Thanh niên xung phong* được xếp hạng di tích Quốc gia năm 1995.

Đề nghị Sở Xây dựng chỉ đạo đơn vị tư vấn phối hợp với các cấp chính quyền địa phương rà soát, kiểm tra lại các vị trí mỏ, bãi tập kết cát, sỏi nói trên nhằm không làm ảnh hưởng đến các khu vực khoanh vùng bảo vệ, cảnh quan của di tích, cập nhật, bổ sung dự thảo Quy hoạch.

Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch trân trọng có ý kiến.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Giám đốc Sở VH-TT-DL (để B/c);
- Lưu VT, DSVH (SN).





Ký bởi Sở Kế hoạch  
và Đầu tư  
Giờ ký: 21/07/2017  
09:48:45  
Lý do: Phát hành

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA  
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *Y 13* /SKHĐT-QH

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 7 năm 2017

V/v góp ý về dự thảo Quy hoạch  
thăm dò, khai thác cát, sỏi làm  
vật liệu xây dựng thông thường  
tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025,  
định hướng đến năm 2030.

Kính gửi: Sở Xây dựng Thanh Hóa.

Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được Công văn số 3605/SXD-VLXD ngày 06/7/2017 của Sở Xây dựng về việc tham vấn ý kiến về dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; sau khi nghiên cứu dự thảo, căn cứ các quy định hiện hành và tình hình thực tế, Sở Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

**1. Nhận xét chung**

Báo cáo Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã cơ bản phù hợp với đề cương nhiệm vụ được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 14/01/2015. Báo cáo đã khái quát đặc điểm tự nhiên, hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng hoạt động thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi trên địa bàn tỉnh; dự báo nhu cầu sử dụng cát, sỏi và xây dựng phương án quy hoạch đến năm 2025. Tuy nhiên, một số nội dung trong báo cáo chưa đầy đủ theo đề cương nhiệm vụ, nhiều nội dung còn chung chung, chưa có số liệu cụ thể để đánh giá khai thác tài nguyên cát sỏi hiện tại đã hợp lý, hiệu quả và ảnh hưởng của hoạt động khai thác cát, sỏi đến môi trường, dân sinh kinh tế,...

**2. Các nội dung cụ thể**

- Về căn cứ pháp lý lập quy hoạch: Khai thác cát, sỏi là vấn đề bức xúc hiện nay nên đề nghị cập nhật, bổ sung các văn bản mới, các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ như: Chỉ thị 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường hiệu lực thi hành chính sách, pháp luật về khoáng sản; Thông báo số 161/TB-VPCP ngày 24/3/2017 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Phó Thủ tướng thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình, Trưởng Ban Chỉ đạo 138/CP tại Hội nghị về phòng, chống vi phạm pháp luật trong hoạt động khai thác cát, sỏi; đồng thời, cập nhật Quyết định số 2324/QĐ-UBND ngày 03/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035; quy hoạch đê điều; quy hoạch giao thông đường thủy nội địa,....

- Về hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội: Dự thảo Báo cáo mới đánh giá hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2015, đề nghị bổ sung đánh giá hiện trạng đến hết năm 2016.

- Về đánh giá hiện trạng hoạt động thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh (trang 20 - 28):

+ Đề nghị thống nhất số liệu về số lượng giấy phép đã cấp phép khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng và cấp phép cho thuê bãi tập kết cát, sỏi trên địa bàn giữa thuyết minh và bảng biểu. Cụ thể: số lượng giấy phép đã cấp phép khai thác cát, sỏi tại bảng biểu số 01 là 26 giấy phép, thuyết minh (trang 20) là 25 giấy phép; số lượng giấy phép đã cấp phép cho thuê bãi tập kết tại bảng biểu số 02 là 45 giấy phép, thuyết minh (trang 21) là 49 giấy phép.

+ Bổ sung đánh giá ảnh hưởng của hoạt động khai thác cát, sỏi đến môi trường, đến dân cư xung quanh khu vực các mỏ, bãi tập kết.

+ Đánh giá về tình hình thực hiện quy hoạch kỳ trước: Nội dung đánh giá, phân tích còn chung chung, mới đánh số lượng giấy phép đã cấp phép khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng và cấp phép cho thuê bãi tập kết cát, sỏi; đề nghị đánh giá rõ hơn kết quả thực hiện quy hoạch.

+ Đề nghị bổ sung đánh giá tồn tại, hạn chế, nguyên nhân của những tồn tại hạn chế trong hoạt động thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông.

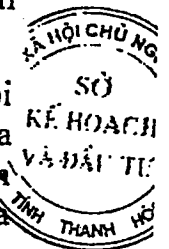
- Về quan điểm phát triển (trang 31 - 32): đề nghị tập trung vào một số nội dung chính như: phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, các quy hoạch ngành, lĩnh vực có liên quan; khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững; quan điểm về sử dụng khoa học công nghệ trong hoạt động khai thác cát, sỏi; trong mối quan hệ với các ngành có liên quan như an toàn đê, hồ đập.

- Về mục tiêu phát triển (trang 32 - 33):

+ Mục tiêu tổng quát: Dự thảo đưa ra nhiều mục tiêu (4 mục tiêu), đề nghị nghiên cứu đưa ra mục tiêu tổng quát căn hướng đến.

+ Mục tiêu cụ thể (trang 33): Các nội dung nêu trong dự thảo chủ yếu là đề cương nhiệm vụ, như: "... bổ sung, cập nhật các mỏ, bãi tập kết mới đủ điều kiện vào quy hoạch", "Khoanh định chi tiết vị trí mỏ, bãi tập kết cát...", "Xác định quy mô, công suất khai thác, yêu cầu về công nghệ khai thác", đề nghị nghiên cứu xây dựng các chỉ tiêu cụ thể; đồng thời, đề nghị chuyển nội dung "đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch kỳ trước" vào phần đánh giá hiện trạng hoạt động thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi.

- Về quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030: Dự thảo báo cáo mới xây dựng quy hoạch đến năm 2025, đề nghị bổ sung nội dung định hướng khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng đến năm 2030.



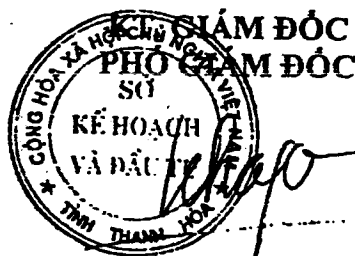
- Đề nghị bổ sung nội dung tổ chức thực hiện, trong đó phân công nhiệm vụ các ngành, đơn vị liên quan và các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch.

- Về nội dung khác: Đề nghị bổ sung bản đồ quy hoạch theo quy định; thống nhất số liệu về dự báo nhu cầu sử dụng cát, sỏi giai đoạn 2017 - 2025 giữa các phần trong dự thảo (trang 34, dự báo nhu cầu là 35,2 triệu m<sup>3</sup>; trang 167, dự báo nhu cầu là 32,8).

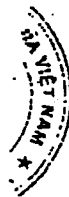
Đề nghị Sở Xây dựng nghiên cứu hoàn chỉnh dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, QH.



Lê Ngọc Hợp





**QUẬN KHU 4  
BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Số: *2398*/BCH-TM

Thanh Hoá, ngày 20 tháng 7 năm 2017

V/v tham gia ý kiến về dự thảo  
Quy hoạch thăm dò, khai thác cát,  
sỏi làm vật liệu xây dựng thông  
thường tỉnh Thanh Hóa đến năm  
2025, định hướng đến năm 2035.

SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA	
ĐẾN	Số: .....
	Ngày: .....
	Chuyên: .....

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa

Bộ CHQS Thanh Hoá nhận được Công văn số 3605/SXD-VLXD ngày 06/7/2017 của Sở Xây dựng Thanh Hoá về việc tham vấn ý kiến về dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 (kèm theo hồ sơ dự thảo Quy hoạch).

Sau khi nghiên cứu nội dung hồ sơ, căn cứ tình hình thực tế. Bộ CHQS Thanh Hóa có ý kiến như sau:

Cơ bản thống nhất với dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035. Tuy nhiên; căn cứ vào tính chất nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, Bộ CHQS Thanh Hóa đề nghị:

Các khu vực tác chiến phòng thủ; khu vực phòng chống bão lụt, tìm kiếm cứu hộ - cứu nạn đã được bố trí trên địa bàn các huyện, thị, thành để phục vụ nhiệm vụ huấn luyện, diễn tập khu vực phòng thủ, luyện tập và thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm, cứu hộ - cứu nạn; địa hình các khu vực này có thể điều chỉnh theo giai đoạn cho sát với tình hình thực tế theo hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh Quân khu 4. Do đó đề nghị sở Xây dựng tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các ngành khi tiến hành thăm dò, khai thác trên từng khu vực cụ thể cần phối hợp với Bộ CHQS Thanh Hóa cùng kiểm tra khảo sát thực địa, xem xét có liên quan ảnh hưởng gì đến lĩnh vực quân sự, quốc phòng để đi đến thống nhất theo quy định tại Quyết định số 13/2012/QĐ-TTg ngày 23/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng trong khu vực phòng thủ.

Bộ CHQS Thanh Hóa có ý kiến tham gia để Sở Xây dựng Thanh Hóa tổng hợp báo cáo UBND tỉnh/. *Luoth*

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, TaH; H03. *ball*

**KT. CHỈ HUY TRƯỞNG  
PHÓ CHỈ HUY TRƯỞNG**



Đại tá Lê Văn Diện

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HOÁ  
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **2197** /SNN&PTNT-ĐĐ  
V/v tham gia ý kiến về dự thảo Quy  
hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm  
vật liệu xây dựng thông thường tỉnh  
Thanh Hóa đến năm 2025, định  
- hướng đến năm 2035.

Thanh Hoá, ngày **26** tháng 7 năm 2017

Kính gửi: Sở Xây dựng Thanh Hóa.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được Công văn số 3605/SXD-VLXD ngày 06/7/2017 của Sở Xây dựng đề nghị tham gia ý kiến về dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 (kèm theo hồ sơ). Sau khi xem xét hồ sơ, Sở Nông nghiệp và PTNT có ý kiến như sau:

- Về các căn cứ pháp lý lập quy hoạch, đề nghị cập nhật, bổ sung Luật Đê điều.
- Về nội dung đánh giá thực trạng hoạt động thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh trong quy hoạch kỳ trước, đề nghị đánh giá cụ thể về tình hình khai thác cát, sỏi; ảnh hưởng của hoạt động khai thác cát, sỏi đến môi trường, dòng chảy và dân cư xung quanh khu vực các mỏ, bãi tập kết cát, sỏi; rà soát, đánh giá tác động, ảnh hưởng của việc khai thác, tập kết và vận chuyển cát đến dòng chảy, các công trình thủy lợi, hệ thống đê điều, công trình bảo vệ bờ làm cơ sở để loại bỏ các mỏ, bãi tập kết cát, sỏi không đủ điều kiện vào quy hoạch kỳ này.

- Về các vị trí mỏ, bãi tập kết cát, sỏi được bổ sung vào quy hoạch kỳ này, đề nghị phải có đánh giá tác động, ảnh hưởng của việc khai thác, tập kết và vận chuyển cát, sỏi đến dòng chảy, ổn định bờ sông, các công trình thủy lợi, hệ thống đê điều và công trình bảo vệ bờ.

- Bổ sung nội dung đề xuất các khu vực trọng điểm phát triển khai thác cát, sỏi; khoanh định khu vực cấm, tạm cấm khai thác cát, sỏi trên địa bàn tỉnh vào quy hoạch theo Đề cương nhiệm vụ quy hoạch được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 14/01/2016.

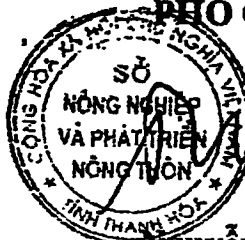
- Về hồ sơ bản vẽ: Đề nghị bổ sung các bản vẽ sơ đồ quy hoạch khai thác sử dụng cát sỏi lòng sông cho từng khu vực; thể hiện đầy đủ vị trí các công trình giao thông, thủy lợi, đê điều và công trình bảo vệ bờ khu vực lân cận vào bản vẽ chi tiết các mỏ, bãi tập kết cát trong quy hoạch kỳ này.

Đề nghị Sở Xây dựng tổng hợp, hoàn chỉnh quy hoạch./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (b.cáo);
- Lưu: VT, ĐĐ.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trọng Hải

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA  
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *1041* /SNN&PTNT-TL

Thanh Hoá, ngày *17* tháng 4 năm 2018

V/v cung cấp thông tin, số liệu để làm cơ sở bổ sung, hoàn chỉnh Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác cát sỏi làm VLXD tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Kính gửi: Sở Xây dựng

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được Công văn số 1645/SXD-VLXD ngày 05/4/2018 của Sở Xây dựng về việc đề nghị giúp cung cấp thông tin, số liệu để làm cơ sở bổ sung, hoàn chỉnh Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác cát sỏi làm VLXD tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, Sau khi xem xét, Sở Nông nghiệp và PTNT cung cấp một số thông tin, số liệu như sau:

1. Nội dung đánh giá tác động của việc khai thác, tập kết cát sỏi làm ảnh hưởng đến các công trình đê điều, sạt lở bờ, hạ thấp mực nước lòng sông

Hiện nay, trên thượng nguồn sông Chu có 05 hồ chứa: Hòa Na, Đông Vãn, Cửa Đạt, Xuân Minh và đập Bái Thượng; trên thượng nguồn sông Mã có 06 hồ chứa: Trung Sơn, Thành Sơn, Hồi Xuân, Bá Thước 1, Bá Thước 2 và Cẩm Thủy 1.

Theo kết quả của Đề tài “Nghiên cứu đánh giá tác động của các hồ chứa thượng nguồn đến biến động lòng dẫn hạ du, cửa sông ven biển hệ thống sông Mã và đề xuất giải pháp hạn chế tác động bất lợi nhằm phát triển bền vững” do Phòng Thí nghiệm trọng điểm Quốc gia về động lực học sông biển thực hiện năm 2016, việc xây dựng các hồ chứa ở thượng nguồn sông Chu, sông Mã làm bùn cát của sông lắng đọng lại trong hồ chứa, dẫn đến mất cân bằng bùn cát ở hạ du, tổng lượng bùn cát đổ ra các cửa sông sau khi các hồ đi vào hoạt động đã giảm đi khoảng 40% trung bình năm. Dòng chảy thiếu bùn cát sẽ đào xói lòng dẫn hạ lưu để lấy lại trạng thái cân bằng vận chuyển bùn cát, dẫn đến biến dạng lòng sông ở hạ du với đặc thù xói sạt lở kéo dài theo không gian và thời gian. Xói lở làm lòng sông hạ lưu bị hạ thấp kéo theo sạt lở hai bờ sông mạnh làm mất ổn định cho bản thân công trình thủy điện và các công trình ven sông như cầu, bến cảng, cống, trạm bơm, đặc biệt là hệ thống đê điều. Trên tuyến sông Chu, đáy sông biến động mạnh, mức độ hạ thấp mặt cắt lớn nhất là 3,33 m và ít nhất là 0,16 m; một số mặt cắt có sự biến đổi mạnh, lòng sông hạ thấp liên tục trung bình 0,45 m/năm. Trên tuyến sông Mã, lòng sông có xu thế hạ thấp dần, mức độ hạ thấp phổ biến đạt trên 1m, có một số đoạn lòng sông bị hạ thấp tới trên 3m như đoạn (phả Hoàn-hè Định Tân, kè Vĩnh An); đặc biệt tại khu vực

hạ lưu trạm bơm Hoàng Khánh, cao độ đáy sông bị hạ thấp tới 5,08m. Đối với khu vực bờ biển Sầm Sơn (dài khoảng 3km từ Cửa Hới đến núi Trường Lệ) có xu thế bị xói liên tục từ năm 2000- 2014; mức độ xói lở lớn nhất xảy ra ở đoạn 500m đầu tiên ngay sát cửa sông Mã, bờ biển từ năm 2000 đến 2014 bị lấn sâu vào trong đất liền khoảng 100-150m. Theo dự báo trong những năm tới, do lòng dẫn bị xói hạ thấp, trên tuyến sông Mã có 14 vị trí công trình đê kè có nguy cơ sạt trượt, mất ổn định; 13 vị trí đoạn bờ có nguy cơ sạt lở mới; 17 công trình lấy nước có nguy cơ bị ảnh hưởng. Trên tuyến sông Chu có 14 vị trí công trình kè có nguy cơ sạt trượt, mất ổn định; 9 vị trí đoạn bờ có nguy cơ sạt lở mới; 8 công trình lấy nước có nguy cơ bị ảnh hưởng.

Như vậy, chỉ riêng việc các hồ chứa ở thượng nguồn đi vào hoạt động đã gây ra tác động lớn đến việc xói lở, hạ thấp lòng sông; sạt lở bờ sông, bờ biển; sạt trượt, mất ổn định công trình đê điều, thủy lợi. Các hoạt động khai thác, tập kết cát sỏi trên hệ thống sông Mã sẽ càng làm gia tăng các tác động tiêu cực trên. Vì vậy, Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị Sở Xây dựng báo cáo UBND tỉnh không bổ sung vào quy hoạch và cấp phép khai thác các mỏ cát mới ở lòng sông Chu, sông Mã.

## 2. Danh sách các hồ thủy lợi đang quản lý

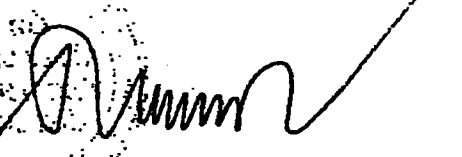
Trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa có 610 hồ chứa, trong đó có 45 hồ chứa do 02 Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi quản lý còn lại là 565 hồ chứa do UBND các huyện, thị xã quản lý mà trực tiếp là UBND các xã, thôn, các Hợp tác xã quản lý, vận hành, Sở Nông nghiệp và PTNT cung cấp danh sách 45 hồ chứa do 02 Công ty quản lý.

(Có chi tiết danh sách 45 hồ chứa do 02 Công ty quản lý kèm theo)./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Lưu VT, TL.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Trọng Hải**



**UBND TỈNH THANH HOÁ  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3737/STNMT-TNKS

Thanh Hoá, ngày 18 tháng 7 năm 2017

V/v Tham gia ý kiến về dự thảo quy hoạch  
thăm dò, khai thác cát, sỏi làm VLXD  
thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm  
2025, định hướng đến năm 2035.

Kính gửi: Sở Xây dựng

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Văn bản số 3605/SXD-VLXD ngày 06/7/2017 của Sở Xây dựng đề nghị tham gia ý kiến về dự thảo quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm VLXD thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035.

Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

Về bố cục: Dự án được lập gồm 01 bản thuyết minh 173 trang và 01 tập bản vẽ đã thể hiện tương đối rõ và đầy đủ các yếu tố cần thiết của một dự án quy hoạch.

Về nội dung: Báo cáo đã nêu được sự cần thiết và các căn cứ pháp lý để thực hiện việc lập dự án quy hoạch. Đã nêu khái quát được hiện trạng khai thác, chế biến, khoáng sản cát, sỏi làm VLXD thông thường và đánh giá, dự báo nhu cầu về khoáng sản cát, sỏi làm VLXD trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới. Về cơ bản nội dung thuyết minh Dự án đảm bảo yêu cầu của một Dự án quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản làm VLXD.

Các bản vẽ và phụ lục kèm theo: Các bản vẽ cơ bản đáp ứng được yêu cầu của một báo cáo quy hoạch khoáng sản cát, sỏi làm VLXD. Đã thể hiện tương đối đầy đủ các yếu tố cần thiết, phù hợp với quy định của Luật Khoáng sản về khoanh định các khu vực mỏ thuộc quy hoạch.

Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung và giải trình một số nội dung sau:

- Tại trang 1 Phần mở đầu: Bộ Nghị định 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 do đã hết hạn; Các quyết định số 3350/2007/QĐ-UBND ngày 05/11/2007, Quyết định số 2182/QĐ-UBND ngày 13/7/2012 của UBND tỉnh không phải là căn cứ pháp lý để lập quy hoạch;

- Tại trang 2, phần mục tiêu: Tại mục tiêu thứ nhất nên sửa lại cụm từ: "Điều tra sơ bộ về trữ lượng tài nguyên cát, sỏi..." sửa lại là "Thống kê, đánh giá sơ bộ về trữ lượng, tài nguyên cát, sỏi..."; Mục tiêu thứ 3 cần nêu rõ các khu vực được quy hoạch được thể hiện trên nền bản đồ địa hình có tỷ lệ cụ thể trong khoảng nào, hệ tọa độ VN2000 múi chiếu mấy độ;



- Trang 18: Mục khó khăn: Cần xem lại một số khó khăn được tác giả nêu không hợp lý, cụ thể như: các khó khăn được nêu tại các gạch đầu dòng 1, 2, 3 và 5.

- Trang 20: Cần xem lại sông Hoạt có cát hay không; Số lượng Giấy phép khai thác cát thay đổi theo thời gian vì vậy tác giả cần nêu rõ tổng số giấy phép được cấp đến thời điểm tháng/năm nào, số giấy phép còn hạn là bao nhiêu, công suất được cấp phép khai thác đến thời điểm quy hoạch là bao nhiêu; Tại trang 21 lại nêu đến nay đã cấp cho 22 đơn vị không thống nhất với số liệu đã nêu tại trang 20, cần xem lại;

- Trang 34: Số liệu về nhu cầu sử dụng cát, sỏi làm VLXD đến năm 2025 là 33,2 hay 35,6 triệu m<sup>3</sup> cần thống nhất;

- Trang 37: Xem lại quy mô các cơ sở sản xuất cát nghiền không nhỏ hơn 50.000 m<sup>3</sup>/năm đối với khu vực miền xuôi và 30.000 m<sup>3</sup>/năm đối với khu vực miền núi. Đây là quy mô công suất khai thác đá làm VLXD thông thường (sản phẩm là đá 1x2, 2x4, đá hộc...), không phải quy mô công suất của cát nghiền từ đá. Hiện nay chưa có đơn vị nào sản xuất ra cát nghiền từ đá với công suất như trên.

- Trang 47- Bảng số 03: Lý do đưa ra khỏi quy hoạch một số mỏ do hết trữ lượng là chưa chính xác vì có nhiều mỏ chưa khai thác không thể nói là do hết trữ lượng, do vậy đề nghị đưa lý do cho phù hợp thực tế;

- Trang 50- Bảng số 05: Đề nghị xem lại trữ lượng và tài nguyên dự báo mỏ 20 xã Vĩnh Hòa và mỏ 21 xã Vĩnh Khang, huyện Vĩnh Lộc cho phù hợp với thực tế; Đối với mỏ cát số 32 và 33 xã Vĩnh Quang đề nghị tham khảo ý kiến của UBND huyện Vĩnh Lộc; Mỏ cát số 15 xã Vĩnh Hùng trước đây UBND tỉnh đã cấp phép nhưng đã thu hồi do có nguy cơ gây sạt lở. Mỏ cát số 14 xã Thiệu Minh, huyện Thiệu Hóa và mỏ cát số 15 xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hóa cần xem lại ý kiến của Chi cục đê điều và Phòng chống lụt bão; Mỏ cát số 01 xã Thiệu Khánh, thành phố Thanh Hóa nằm gần Nhà máy nước do vậy đề nghị không đưa vào quy hoạch;

- Đối với các mỏ dự kiến cập nhật vào quy hoạch (trừ các mỏ đã được UBND tỉnh cấp phép khai thác), đề nghị Sở Xây dựng cần kiểm tra, khảo sát thực tế để đánh giá cụ thể hiện trạng về tài nguyên cát, sỏi tại các mỏ trên cho chính xác. Lý do, các mỏ trên có thể thay đổi trữ lượng do hoạt động bồi lắng hoặc tác động của dòng chảy gây xói mòn hoặc do hoạt động khai thác cát trái phép dẫn đến trữ lượng cát đến thời điểm quy hoạch có thể không còn như đã nêu trong quy hoạch trước đây.

- Trang 60- Bảng số 09: Đối với các điểm mỏ cát thuộc chi, lưu của sông Chu, sông Mã (như khu vực sông Lò, sông Luông, sông Đản, sông Âm...), các suối có đủ điều kiện khai thác thuộc các huyện Miền Núi, đề nghị Sở Xây dựng làm việc lại với các huyện để quy hoạch các điểm mỏ mới cho phù hợp với thực tế vì

năm 2015, các huyện đã có các báo cáo đề xuất cấp phép các điểm mỏ trên địa bàn trong đó: Quan Hóa đề xuất 22 điểm, Lang Chánh 12 điểm, Như Thanh 10 điểm...

- Các điểm mỏ được rà soát đưa vào quy hoạch phải xin ý kiến các đơn vị liên quan để đảm bảo không thuộc khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản theo quy định của Luật Khoáng sản;

- Kế hoạch cấp phép các mỏ phải được phân thành nhiều giai đoạn để đảm bảo sử dụng tiết kiệm tài nguyên giảm thiểu tác động cộng hưởng của các mỏ khai thác đồng thời đến hệ thống đê điều, lòng sông và các vấn đề xã hội khác.

Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Sở Xây dựng tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh./

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD Sở (b/cáo);
- Lưu: VT, KS.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Minh Châu



UBND TỈNH THANH HOÁ  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2120 /STNMT-TNKS

V/v Cung cấp thông tin về công tác cấp  
phép hoạt động khoáng sản đối với các mỏ  
cát, tập kết, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Thanh Hoá ngày 18/4/2018

ĐẾN	Số: 2150
	Ngày: 18/4/18
Chuyển:	.....
Thanh Hóa:	.....
Lưu hồ sơ số:	.....

Kính gửi: Sở Xây dựng

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được văn bản số 1744/SXD-VLXD ngày 10/4/2018 của Sở Xây dựng đề nghị cung cấp thông tin về công tác cấp phép hoạt động khoáng sản đối với các mỏ cát và hoạt động tập kết, kinh doanh cát trên địa bàn tỉnh.

Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp các thông tin như sau:

1. Số mỏ cát có Giấy phép khai thác đang còn hiệu lực: 29 (Diện tích mỏ, công suất khai thác thể hiện tại Phụ lục 1).
2. Số mỏ cát có Giấy phép khai thác hết hạn, có sản lượng khai thác năm 2016, 2017: 08 (Danh sách thể hiện tại Phụ lục 2).
3. Sản lượng khai thác cát năm 2016 là 736.370 m<sup>3</sup>, năm 2017 là 533.456 m<sup>3</sup> (Danh sách thể hiện tại Phụ lục 1, 2).
4. Số lượng bãi tập kết cát: 86 (Danh sách thể hiện tại Phụ lục 4).
5. Về danh mục các điểm mỏ sỏi, cát lẫn sỏi có đủ điều kiện để bổ sung quy hoạch: Đơn vị lập quy hoạch có trách nhiệm khảo sát, xem xét để bổ sung; Sở Tài nguyên và môi trường không tham gia nội dung trên.

Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp các thông tin như trên, đề nghị Sở Xây dựng tổng hợp hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (b/c);
- Lưu: VT, KS.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Minh Châu



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN HOÀNG HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **987**/UBND-KT&HT

Hoàng Hóa, ngày **24** tháng 7 năm 2017

V/v Tham gia ý kiến về dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, định hướng đến năm 2035.

<b>SỞ XÂY DỰNG THANH HOÁ</b>	
<b>ĐẾN</b>	Số: .....
	Ngày: .....
Chuyển: .....	
Lưu hồ sơ số: .....	

*VL*

Kính gửi: Sở Xây dựng Thanh Hoá.

UBND huyện Hoàng Hóa nhận được văn ban số 3605/SXD-VI XI) ngày 06/7/2017 của Sở Xây dựng Thanh Hoá, kèm theo hồ sơ dự thảo về Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, định hướng đến năm 2035.

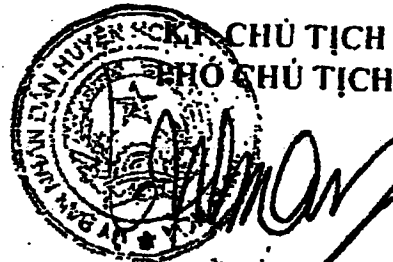
Theo hồ sơ dự thảo trên địa bàn huyện không quy hoạch các mỏ cát, sỏi và Quy hoạch 9 bãi tập kết cát, sỏi ở các xã Hoàng Khánh, Hoàng Xuân, Hoàng Giang; Hoàng Minh, Hoàng Phương, Hoàng Xuyên, Hoàng Đức, thị trấn Bút Sơn, Hoàng Cát.

Sau khi nghiên cứu nội dung hồ sơ Dự thảo trên. UBND huyện Hoàng Hóa thống nhất với bố cục và nội dung của dự thảo về "Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, định hướng đến năm 2035"

Trên đây là ý kiến tham gia của UBND huyện Hoàng Hóa, đề nghị Sở Xây dựng xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận: *VL*

- Như kính gửi (B/c);
- Phòng KT&HT;
- Lưu VT.



Lê Văn Nhuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN HOÀNG HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 481 /UBND-TNMT  
V/v tham gia ý kiến về số  
lượng mỏ, bãi tập kết cát được  
quy hoạch (lần 2) trên địa bàn  
huyện Hoàng Hóa

Hoàng Hoá, ngày 11 tháng 4 năm 2018

<b>SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA</b>	
<b>ĐẾN</b>	Số: .....
	Ngày: .....
	Chuyển: .....
	Lưu hồ sơ số: .....

 Kính gửi: Sở Xây dựng Thanh Hóa


Thực hiện Công văn số 1356/SXD-VLXD ngày 21/3/2018 của Sở Xây dựng về việc đề nghị tham gia ý kiến về số lượng các mỏ, bãi tập kết cát được quy hoạch (lần 2) trên địa bàn huyện Hoàng Hóa.

Sau khi rà soát số lượng và vị trí từng bãi theo phụ lục gửi kèm. UBND huyện có ý kiến như sau:

- Về mỏ cát: Trên địa bàn huyện không bổ sung quy hoạch
- Về bãi tập kết: Thống nhất số lượng bãi tập kết trên địa bàn huyện bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 tỉnh Thanh Hóa là 09 bãi với tổng diện tích quy hoạch 5,07 ha; có tọa độ các bãi như phụ lục gửi kèm Công văn số 1356/SXD-VLXD ngày 21/3/2018.

UBND huyện báo cáo Sở Xây dựng tổng hợp xem xét trình UBND tỉnh phê duyệt làm cơ sở thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên (để tổng hợp);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện (để báo cáo);
- Phòng: Tài nguyên và Môi trường; Kinh tế và Hạ tầng huyện;
- Lưu: VT. 

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đình Tuy**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUAN SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 456 /UBND – KT&HT

Quan Sơn, ngày tháng 7 năm 2017

Về việc tham vấn ý kiến Về dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 định hướng đến năm 2035.

*VLXD*

SỞ XÂY DỰNG THANH HOÁ	
ĐẾN	Số: 432
	Ngày: 24/2/17
Chuyển:	.....
Lưu hồ sơ số:	.....

Kính gửi: Sở Xây dựng Thanh Hóa.

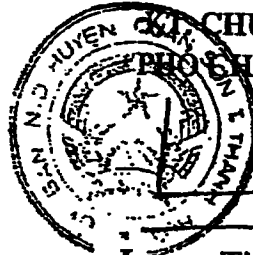
Thực hiện Công văn số 3605/SXD-VLXD ngày 06/7/2017 của sở Xây dựng Thanh Hóa Về việc tham vấn ý kiến về dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác Cát, Sỏi làm vật liệu thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến đến năm 2035.

Sau khi nghiên cứu nội dung Quy hoạch thăm dò, khai thác Cát, Sỏi làm vật liệu thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến đến năm 2035 của Sở xây dựng, UBND huyện Quan Sơn thống nhất với các nội dung dung Quy hoạch.

UBND huyện Quan Sơn báo cáo Sở xây dựng tổng hợp, báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, KT&HT.



*[Signature]*  
Lương Tiên Thành

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUAN SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 231/UBND-KT&HT  
Về việc tham gia ý kiến về số lượng các  
mỏ, bãi tập kết cát được quy hoạch.

Quan Sơn, ngày 10 tháng 4 năm 2018

Kính gửi: Sở Xây dựng Thanh Hóa.

Thực hiện công văn số 1356/SXD-VLXD ngày 21/3/2018 của sở Xây dựng Thanh Hóa Về việc tham gia ý kiến về số lượng các mỏ, bãi tập kết cát được quy hoạch.

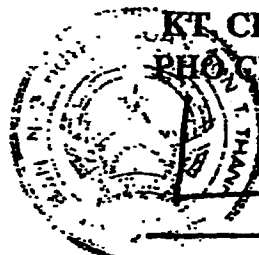
Sau khi nghiên cứu nội dung văn bản và nhu cầu khai thác cát, sỏi trong thời gian tới, UBND huyện Quan Sơn đề nghị bổ sung vào Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 định hướng đến năm 2035 như sau:

TT	Địa danh	DT quy hoạch (ha)	Dự báo trữ lượng (m <sup>3</sup> )	Vị trí, tọa độ	Ghi chú
1	Điểm khai thác cát bản La, Trung Xuân	0,4	3.000	Bờ tả sông Lò: (X-Y: 2248747.2700-506885.3100; 2248680.3000-506975.2600	Sông Lò
2	Điểm khai thác cát bản Na Nghiu, xã Sơn Điện	0,3	2.700	Bờ hữu sông Luông: (X-Y: 2242866.2900-476956.700; 2242713.500-476895.4000	Sông Luông
3	Điểm khai thác cát bản Na Lộc, xã Sơn Điện	0,3	2.500	Bờ hữu sông Luông: (X-Y: 2242953.0600-478626.2600; 2242791.8100-478584.1800	Sông Luông

UBND huyện Quan Sơn báo cáo Sở xây dựng tổng hợp./

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT UBND huyện (B/c);
- Trang TT điện tử huyện;
- Lưu:VT, KT&HT.



**KT CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lương Tiến Thành



Ký bởi: Ủy ban Nhân dân huyện Quan  
Hóa  
Email: quanhoa@thanhhoa.gov.vn  
Cơ quan: Tỉnh Thanh Hóa  
Thời gian ký: 21.07.2017 14:21:23 +07:00

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUAN HOA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: ~~507~~ /UBND-KT&HT

Quan Hóa, ngày 17 tháng 7 năm 2017

V/v Tham vấn ý kiến về dự thảo  
Thảo quy trình thăm dò, khai thác cát,  
sồi làm vật liệu xây dựng thông thường  
tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định  
hướng đến năm 2035.

Kính gửi: Sở Xây dựng Thanh Hóa.

Thực hiện công văn số: 3605/SXD – VLXD ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Giám đốc Sở xây dựng Thanh Hóa về việc tham gia ý kiến về dự thảo quy trình thăm dò, khai thác cát, sồi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035.

UBND huyện Quan Hóa nghiên cứu về dự thảo quy trình thăm dò, khai thác cát, sồi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035; UBND huyện Quan Hóa đồng ý với dự thảo quy trình thăm dò, khai thác cát, sồi làm vật liệu xây dựng thông thường của Sở Xây dựng Thanh Hóa và không có ý kiến khác.

Vậy UBND huyện Quan Hóa báo cáo Sở xây dựng Thanh Hóa để xem xét triển khai, thực hiện các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KT&HT.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Văn Ca

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUAN HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: 263 /UBND-KT&HT  
V/v tham gia ý kiến số lượng các  
mỏ, bãi tập kết cát được quy hoạch.

Quan Hoá, ngày 10 tháng 4 năm 2018

SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA	
<b>ĐẾN</b>	Số: ...../918.....
	Ngày: ...../04/18.....
	Chuyên: .....
	Lưu hồ sơ số: .....

Kính gửi: Sở Xây dựng Thanh Hóa

Thực hiện Văn bản số 1356/SXD-VLXD ngày 21/3/2018 của Sở Xây dựng Thanh Hóa về việc đề nghị tham gia ý kiến về số lượng các mỏ, bãi tập kết cát được quy hoạch (lần 2).

Ủy ban nhân dân huyện Quan Hóa đã nghiên cứu văn bản và tình hình thực tế các mỏ cát, sỏi và bãi tập kết bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 theo danh sách tổng hợp tại Văn bản số 1356/SXD-VLXD ngày 21/3/2018 của Sở Xây dựng Thanh Hóa, Ủy ban nhân dân huyện Quan Hóa đồng ý với Quy hoạch của Sở Xây dựng và không có ý kiến khác.

Ủy ban nhân dân huyện Quan Hóa Báo Sở Xây dựng Thanh Hóa để tổng hợp và triển khai các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KT&HT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hà Văn Ca

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÁ THƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 913/UBND-KT&HT  
V/v Tham gia ý kiến về dự thảo QH  
thăm dò khai thác cát sỏi làm  
VLXD thông thường tỉnh TH đến  
năm 2025 định hướng đến năm  
2035.

Bá Thước, ngày 19 tháng 7 năm 2017.

Kính gửi: Sở Xây Dựng Thanh Hóa.

Thực hiện Công văn số 3605/SXD-VLXD ngày 06/7/2017 của sở Xây dựng Thanh Hóa về việc tham vấn ý kiến về dự thảo QH thăm dò khai thác cát sỏi làm VLXD thông thường tỉnh TH đến năm 2025 định hướng đến năm 2035.

Ủy ban nhân dân huyện Bá Thước có ý kiến như sau:

Thông nhất dự thảo QH thăm dò khai thác cát sỏi làm VLXD thông thường tỉnh TH đến năm 2025 định hướng đến năm 2035.

UBND huyện Bá Thước có ý kiến nêu trên về sở Xây dựng để thực hiện các bước tiếp theo. *mm*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VP (K 03 bản) *mm*

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH  
*mm*  
W/ô Minh Khoa

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÀ TRUNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**Số: 1245/UBND-TNMT**

*Hà Trung, ngày 20 tháng 3 năm 2017*

V/v tham gia ý kiến về dự thảo quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035.

**Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa.**

Thực hiện Công văn số 3605/SXD-VLXD ngày 06/7/2017 của Sở Xây dựng về việc tham gia ý kiến về dự thảo quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 (có hồ sơ kèm theo).

Sau khi xem xét hồ sơ dự thảo quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035; căn cứ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt. UBND huyện Hà Trung có ý kiến như sau:

Theo hồ sơ dự thảo quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035. Trên địa bàn huyện Hà Trung có 06 bãi tập kết.

1. Đối với bãi tập kết tại thôn 4, xã Hà Phú, diện tích 0,45 ha:

- Vị trí này nằm trong quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi lòng sông tỉnh Thanh Hóa đến năm 2015 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3350/2007/QĐ-UBND ngày 05/11/2007.

- Qua kiểm tra có một phần diện tích nằm trong diện tích đất ở, đất trồng cây lâu năm đã được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho hộ gia đình cá nhân và một phần diện tích đất trạm thủy nông Hà Trung quản lý. Vì vậy đề nghị Sở Xây dựng điều chỉnh lại vị trí này, diện tích 3.159,97 m<sup>2</sup> gồm các điểm tọa độ (X-Y: 2210470-593632; X-Y: 2210499-593663; X-Y: 2210503-593674; X-Y: 2210513-593703; X-Y: 2210506-593706; X-Y: 2210508-593716; X-Y: 2210488-593722; X-Y: 2210442-593649).

2. Đối với bãi tập kết tại làng Chuế Cầu xã Hà Lâm, diện tích 2,15 ha:

- Vị trí này đã được UBND tỉnh đưa vào quy hoạch làm bãi tập kết (bãi B24a bãi Chuế Cầu, xã Hà Lâm) theo Quyết định số 3350/2007/QĐ-UBND ngày 05/11/2007 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi lòng sông tỉnh Thanh Hóa đến năm 2015.

- Công ty TNHH Đức Cường được UBND tỉnh thuê đất làm bãi tập kết cát và vật liệu xây dựng theo Quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 19/01/2012, thời hạn thuê đất 50 năm, diện tích 18.756,3 m<sup>2</sup>. Hiện nay công ty chưa đưa đất vào sử dụng do chưa thực hiện xong việc bồi thường GPMB.

3. Đối với bãi tập kết tại khu Bão Ván, xã Hà Hải, diện tích 0,8 ha:

- Vị trí này đã được UBND tỉnh đưa vào quy hoạch làm bãi tập kết theo Quyết định số 2182/2012/QĐ-UBND ngày 13/7/2012 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 3350/2007/QĐ-UBND ngày 05/11/2007 về việc phê duyệt quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi lòng sông tỉnh Thanh Hóa đến năm 2015.



- Công ty TNHH dịch vụ thương mại Vũ Bảo được UBND tỉnh cho thuê đất làm bãi tập kết cát và VLXD tại vị trí trên theo Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 05/02/2013, thời hạn thuê đất 50 năm, diện tích 8000 m<sup>2</sup>. Công ty vẫn đang hoạt động trên diện tích được thuê đất.

4. Đối với bãi Nghè, xã Hà Ngọc:

- Vị trí này, đã được UBND tỉnh đưa vào quy hoạch làm bãi tập kết theo Quyết định số 2182/2012/QĐ-UBND ngày 13/7/2012 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 3350/2007/QĐ-UBND ngày 05/11/2007 về việc phê duyệt quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi lòng sông tỉnh Thanh Hóa đến năm 2015.

- Trước đây, công ty xây dựng và thương mại Thanh Hóa được UBND tỉnh đồng ý chủ trương cho sử dụng đất ngắn hạn khu đất bãi Nghè, xã Hà Ngọc, huyện Hà Trung để làm bãi tập kết, trung chuyển cát phục vụ dự án trọng điểm huyện Hà Trung theo Công văn số 3439/UBND-CN ngày 16/4/2015, được chia làm 02 đợt (đợt 01 từ ngày 20/4/2015-15/5/2015; đợt 02 từ ngày 15/11/2015-31/12/2015), với diện tích 0,51 ha. Đã hết thời hạn tập kết kể từ ngày 01/01/2016. Hiện nay chưa có tổ chức, cá nhân nào thuê tại vị trí này.

5. Đối với bãi tập kết tại tiểu khu 2, thị trấn Hà Trung, diện tích 0,39 ha:

- Phần diện tích 0,15 ha đã được UBND tỉnh cho công ty TNHH Thịn Thuận thuê đất làm bãi trung chuyển vật liệu xây dựng tại thị trấn Hà Trung theo Quyết định số 5586/QĐ-UBND ngày 31/12/2015, thời hạn thuê đất 50 năm. Công ty đang hoạt động trên diện tích được thuê đất.

- Phần diện tích mở rộng 0,24 ha, một phần diện tích 823,6 m<sup>2</sup> là đất hộ gia đình quản lý, hiện trạng đã xây dựng nhà. Phần diện tích còn lại 1.576,4 m<sup>2</sup> là đất bằng chưa sử dụng, đất giao thông do UBND thị trấn Hà Trung quản lý. Vị trí này được quy hoạch cụm cảng sông Lèn huyện Hà Trung theo Quyết định số 228/QĐ-CT ngày 19/01/2004 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

6. Đối với bãi tập kết tại thôn Ngọc Sơn, xã Hà Sơn, diện tích 0,8 ha:

- Vị trí thuộc các thửa số 63, 79, 80, 111, tờ bản đồ số 40 (bản đồ địa chính xã Hà Sơn tỷ lệ 1/2000, đã đạc năm 2014). Nguồn gốc và hiện trạng là đất hoang bằng do UBND xã Hà Sơn quản lý. Theo quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Hà Trung đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4472/QĐ-UBND ngày 13/12/2013, vị trí này được quy hoạch là đất chưa sử dụng.

Từ những căn cứ trên, UBND huyện thống nhất với dự thảo quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035. Đồng thời, đề nghị Sở Xây dựng điều chỉnh vị trí bãi tập kết cát tại thôn 4, xã Hà Phú theo như ý kiến của UBND huyện Hà Trung.

Nơi nhận: *E*

- Như trên;

- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

  
Nguyễn Văn Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN VINH LỘC**

Số: 311 /UBND-KTHT

V/v tham vấn ý kiến về Dự thảo  
Quy hoạch thăm dò, khai thác cát,  
sôi làm vật liệu xây dựng thông  
thường tỉnh Thanh Hóa đến năm  
2025, định hướng đến năm 2035.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Vinh Lộc, ngày 25 tháng 7 năm 2017

SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA	
ĐẾN	Số: 445
	Ngày: 28/7/17
Chuyên:	
Lưu hồ sơ số:	
YOH HN VH I X C U A X O S	

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện Công văn số 3605/SXD-VLXD ngày 06/7/2017 của Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa về việc tham vấn ý kiến về Dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sôi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035.

Sau khi nghiên cứu nội dung Dự thảo, UBND huyện Vinh Lộc tham gia ý kiến cụ thể như sau:

UBND huyện cơ bản thống nhất với nội dung Dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sôi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035

Đề nghị Sở Xây dựng nghiên cứu, xem xét một số nội dung sau:

- Tại Bảng số 05: Danh sách mỏ cát thuộc Quy hoạch-3350 đủ điều kiện tiếp tục đưa vào quy hoạch (trang 51)

+ Số thứ tự 20, 21 quy hoạch mỏ số 14 (xóm Nam, xã Vinh Hùng), mỏ số 15: Xóm Bình, xã Vinh Hùng đề nghị sở kiểm tra, đánh giá lại trữ lượng cát tại 02 mỏ này, nếu đủ điều kiện, trữ lượng thì tiếp tục đưa vào quy hoạch

+ Số thứ tự 25, 26 quy hoạch Mỏ cát số 32 thôn Cẩm Hoàng và Mỏ cát số 33 thôn Tiến Ích II, xã Vinh Quang đề nghị không đưa vào quy hoạch vì hiện tại hai khu mỏ này không có bãi tập kết cát.

- Tại Bảng số 06: Danh sách bãi tập kết thuộc Quy hoạch-3350, quy hoạch -2182 đủ điều kiện tiếp tục quy hoạch (trang 53)

+ Số thứ tự 14, quy hoạch Bãi tập kết cát B20 thôn 4, làng Hang, xã Vinh An, thửa số 699, 790, tờ bản đồ số 8. Hiện tại vị trí này thuộc khu vực ngoại đê, dễ đến sạt lở, không đảm bảo an toàn. Vì vậy quy hoạch Bãi tập kết cát tại vị trí này là không phù hợp.

+ Số thứ tự 16, quy hoạch Bãi tập kết cát B46 xóm Bình, xã Vinh Hùng, thửa 267, tờ bản đồ số 22. Hiện tại xã Vinh Hùng đã có một bãi tập kết cát là B46a thôn Sóc Sơn, xã Vinh Hùng, thửa 1211, tờ bản đồ số 16. Vì vậy quy hoạch Bãi tập kết cát tại vị trí này là không phù hợp, lãng phí một phần quỹ đất.

+ Số thứ tự 17, quy hoạch Bãi tập kết cát B46a thôn Sóc Sơn, xã Vĩnh Hùng, thửa 1211, tờ bản đồ 16 (điều chỉnh bãi B46a sang). Bãi tập kết cát này được quy hoạch với diện tích là 0,35ha. Đề nghị chỉnh sửa lại diện tích.

- Tại Bảng số 10: Danh sách Bãi tập kết cát, sỏi bổ sung mới vào quy hoạch (trang 62).

+ Số thứ tự 10, quy hoạch Bãi tập kết cát thôn Cổ Điệp, xã Vĩnh Phúc, tại thửa 432, 445, 445a, 456, 474, 473, tờ bản đồ số 12. Hiện tại vị trí này đã được UBND tỉnh Thanh Hóa cấp phép cho Doanh nghiệp tư nhân Đồng Tuấn sử dụng diện tích đất 1.200m<sup>2</sup> để xây dựng Khu kinh doanh vật liệu xây dựng, thương mại tổng hợp. Vì vậy quy hoạch bãi tập kết cát tại vị trí này là không phù hợp.

+ Số thứ tự 9, quy hoạch Bãi tập kết cát thôn 6, xã Vĩnh Khang, thửa số 331, tờ bản đồ số 8, vị trí này không phù hợp do: hiện tại hệ thống giao thông đi vào xã Vĩnh Khang đang tận dụng đê sông Bưởi và đê sông Mã để làm đường giao thông, vì vậy khi quy hoạch Bãi tập kết cát tại xã Vĩnh Khang, các phương tiện khi vào vận chuyển cát sẽ ảnh hưởng đến kết cấu, mặt của đê. Đề nghị Sở Xây dựng nghiên cứu vị trí khác.

- Tại Bảng số 11: Tổng hợp danh sách các vị trí mỏ cát, sỏi được quy hoạch kỳ này (trang 83).

Nội dung tham gia của huyện Vĩnh Lộc giống nội dung trên.

UBND huyện Vĩnh Lộc tham gia ý kiến đề Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh ban hành theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND huyện (để B/c);
- Lưu: VT, KTHT.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*Lê Văn Thao*

Lê Văn Thao

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SẦM SƠN**

Số: 2285/UBND-QLĐT

V/v tham gia ý kiến về dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Sầm Sơn, ngày 27 tháng 7 năm 2017

SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA	
ĐẾN	Số: 4959
	Ngày: 28/7/17
Chuyển: .....	
Lưu hồ sơ số: .....	

Kính gửi: Sở Xây dựng Thanh Hóa

VLXD  
Ngày 11/7/2017, UBND thành phố Sầm Sơn nhận Công văn số 3605/SXD-VLXD ngày 06/7/2017 của Sở Xây dựng V/v tham vấn ý kiến về dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035. Sau khi nghiên cứu, UBND thành phố Sầm Sơn có ý kiến như sau:

Cơ bản thống nhất với dự thảo dự án Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035. Tuy nhiên, xin được đính chính thị xã Sầm Sơn nay là thành phố Sầm Sơn và thôn Châu Giang, xã Quảng Châu nay là Khu phố Châu Giang, phường Quảng Châu.

UBND thành phố Sầm Sơn có ý kiến như trên, đề nghị Sở Xây dựng tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch UBND thành phố (để b/c);
- Lưu: VP, QLĐT

KT. CHỦ TỊCH  
CHỦ TỊCH  
  
Phạm Văn Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1494/UBND-TN&MT  
V/v Tham gia ý kiến về dự thảo Quy  
hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm  
vật liệu xây dựng thông thường đến  
năm 2025, định hướng đến năm 2035

Yên Định, ngày 18 tháng 7 năm 2017

<b>SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA</b>	
<b>ĐẾN</b>	Số: 4421
	Ngày: 29/7/17
Chuyển: .....	
Lưu hồ sơ số: .....	

V LXD Kính gửi: Sở Xây dựng Thanh Hóa

UBND huyện Yên Định nhận được Công văn số 3605/SXD-VLXD ngày 06/7/2017 của Sở Xây dựng Thanh Hóa về việc tham gia ý kiến về dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035. Sau khi xem xét hồ sơ và hiện trạng các mỏ, bãi tập kết. UBND huyện Yên Định tham gia ý kiến về các mỏ, bãi tập kết cát trên địa bàn huyện Yên Định như sau:

**1. Về Quy hoạch thăm dò, khai thác các mỏ cát, sỏi**  
- Đề nghị Quy hoạch thăm dò, khai thác các mỏ cát, sỏi:  
+ Mỏ số 41, Bãi Bồng, xã Quý Lộc, với diện tích 7,0 ha.  
+ Mỏ số 50, Làng Tam Đa, xã Yên Phong, với diện tích 4,2 ha.  
+ Mỏ số 51, 52, xã Yên Phong, xã Yên Thái với diện tích 8,8 ha.  
+ Mỏ số 54, Làng Chiềng, xã Định Hải, với diện tích 9,0 ha, giảm diện tích 1,0 ha so với mỏ được cấp phép khai thác hiện nay (nối từ điểm số 3 đến điểm số 5, bỏ qua điểm số 4), với lý do phần diện tích này gần khu dân cư thôn Trịnh Điện, xã Định Hải

- Đề nghị không Quy hoạch thăm dò, khai thác các mỏ cát:  
+ Mỏ số 44, thôn 2, xã Quý Lộc, vì khu vực này hiện nay không có cát.  
+ Mỏ số 11, Làng Mỹ Lộc, xã Định Tiến, vì khu vực này không có cát.

**2. Về Quy hoạch các Bãi tập kết cát, sỏi**

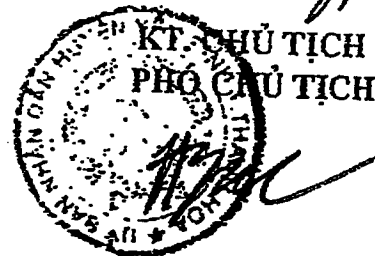
- Đề nghị Quy hoạch các Bãi tập kết cát, sỏi gồm:  
+ Bãi tập kết cát, sỏi B4a, Bãi Bồng, xã Quý Lộc (giáp mỏ số 41)  
+ Bãi tập kết cát, sỏi B6, Làng Tam Đa, xã Yên Phong  
+ Bãi tập kết cát, sỏi B6a, thôn Phù Hưng, xã Yên Thái  
+ Bãi tập kết cát, sỏi B8, Làng Sét thôn, xã Định Hải

- Đề nghị không Quy hoạch các Bãi tập kết cát, sỏi gồm:  
+ Bãi tập kết cát, sỏi B44, thôn Thạc Quả 1, xã Yên Trường  
+ Bãi tập kết cát, sỏi B6B, thôn Phù Hưng 3, xã Yên Thái  
+ Bãi tập kết cát, sỏi B19, Làng Yên thôn, xã Định Tiến  
+ Bãi tập kết cát, sỏi B4, thôn 2, xã Quý Lộc.

Vậy đề nghị Sở Xây dựng Thanh Hóa tổng hợp báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND huyện; (Để B/c)
- Lưu: VT, TN&MT.



Hoàng Văn Phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 554 /UBND-TN&MT  
V/v Tham gia ý kiến về dự thảo  
Quy hoạch thăm dò, khai thác  
cát, sỏi làm vật liệu xây dựng  
thông thường đến năm 2025,  
định hướng đến năm 2030

Yên Định, ngày 02 tháng 4 năm 2018

SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA	
ĐẾN	Số: 1915
	Ngày: 10/4/18
Chuyên: .....	
Lưu hồ sơ số: .....	

Kính gửi: Sở Xây dựng Thanh Hóa

UBND huyện Yên Định nhận được Công văn số 1356/SXD-VLXD ngày 21/03/2018 của Sở Xây dựng Thanh Hóa về việc tham gia ý kiến phê duyệt đề cương, nhiệm vụ dự án Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Sau khi xem xét hồ sơ và hiện trạng các mỏ, bãi tập kết. UBND huyện Yên Định tham gia ý kiến về các mỏ, bãi tập kết cát trên địa bàn huyện Yên Định như sau:

1. Về Quy hoạch thăm dò, khai thác các mỏ cát, sỏi: Đề nghị Quy hoạch thăm dò, khai thác các mỏ cát, sỏi như sau:

- + Mỏ số 41, Bãi Bồng, xã Quý Lộc, với diện tích 7,0 ha.
- + Mỏ số 50, Làng Tam Đa, xã Yên Phong, với diện tích 4,2 ha.
- + Mỏ số 51, 52, xã Yên Phong, xã Yên Thái với diện tích 8,8 ha.
- + Mỏ số 20, xã Vĩnh Khang, huyện Vĩnh Lộc và xã Yên Thái, huyện Yên Định với diện tích 7,0 ha (trong đó: Diện tích thuộc địa giới hành chính 364 xã Yên Thái, huyện Yên Định là 4,0 ha)

+ Mỏ số 54, Làng Chiềng, xã Định Hải, với diện tích 9,0 ha, giảm diện tích 1,0 ha so với mỏ được cấp phép khai thác hiện nay (nối từ điểm số 3 đến điểm số 5, bỏ qua điểm số 4), với lý do phần diện tích này gần khu dân cư thôn Trinh Điện, xã Định Hải

2. Về Quy hoạch các Bãi tập kết cát, sỏi

- Đề nghị Quy hoạch các Bãi tập kết cát, sỏi gồm:

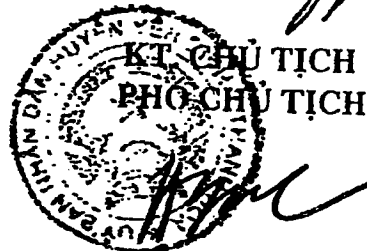
- + Bãi tập kết cát, sỏi B4a, Bãi Bồng, xã Quý Lộc, diện tích 0,6 ha.
- + Bãi tập kết cát, sỏi B6, Làng Tam Đa, xã Yên Phong, diện tích 0,5 ha.
- + Bãi tập kết cát, sỏi B6a, thôn Phù Hưng, xã Yên Thái, diện tích 1,3 ha.
- + Bãi tập kết cát, sỏi B8, Làng Sét thôn, xã Định Hải, diện tích 0,50 ha.

- Đề nghị không Quy hoạch Bãi tập kết cát, sỏi B44, thôn Thạc Quả 1, xã Yên Trường

Vậy đề nghị Sở Xây dựng Thanh Hóa tổng hợp báo cáo UBND tỉnh./

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND huyện: (Để B/C)
- Lưu: VT, TN&MT



Hoàng Văn Phúc

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠCH THÀNH**

Số: ~~873~~/UBND-KTHT

V/v tham gia ý kiến đối với dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035.

VLXD

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thạch Thành, ngày 28 tháng 7 năm 2017

SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA

ĐẾN Số: 4596  
Ngày: 05/8/17

Chuyển: .....

Lưu hồ sơ số: .....

Kính gửi: Sở Xây dựng Thanh Hóa

UBND huyện Thạch Thành nhận được Công văn số 3605/SXD-VLXD ngày 06/7/2017 của Sở Xây dựng Thanh Hóa về việc tham vấn ý kiến về dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035.

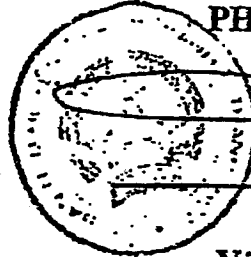
Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035, UBND huyện Thạch Thành thống nhất với các nội dung trong dự thảo Quy hoạch.

UBND huyện Thạch báo cáo Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP,KTHT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vũ Ngọc Dương

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2838 /UBND-QLĐT

V/v tham gia góp ý về dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035.

Thanh Hóa, ngày 27 tháng 07 năm 2017

SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA

ĐẾN Số: 4595  
Ngày: 02/8/17

Chuyên: .....

Hóa hồ sơ số: .....

Kính gửi: Sở xây dựng tỉnh Thanh Hóa

Ngày 18/07/2017 UBND thành phố Thanh Hóa nhận được công văn số 3605/SXD-VLXD ngày 06/07/2017 của Sở xây dựng tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi nghiên cứu nội dung của dự thảo thuyết minh dự án: Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035. Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa có ý kiến như sau:

Thông nhất với nội dung và bố cục của dự thảo thuyết minh dự án: Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035.

Trên đây là ý kiến tham gia của UBND thành phố Thanh Hóa gửi Sở xây dựng/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố;
- Lưu VP, QLĐT (2. Anh)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Tú



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THANH HÓA**

Số: 1213 /UBND - QLĐT  
V/v tham gia ý kiến về số lượng các  
mỏ, bãi tập kết cát được quy hoạch  
(lần 2)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA, Ngày 12/14/18 tháng 04 năm 2018

ĐẾN	Số: <u>205</u>
	Ngày: <u>12/14/18</u>
Chuyển:	.....
Lưu hồ sơ số:	.....

Kính gửi : Sở Xây dựng Thanh Hóa

Ủy ban nhân dân thành phố Thanh Hóa nhận được Văn bản số 1356/SXD-VLXD ngày 21/03/2018 của Sở Xây dựng Thanh Hóa về việc đề nghị tham gia ý kiến về số lượng các mỏ, bãi tập kết cát được quy hoạch (lần 2).

Sau khi nghiên cứu nội dung văn bản kèm theo phụ lục tổng hợp danh sách các mỏ cát, sỏi và bãi tập kết bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố có ý kiến như sau:


1. UBND thành phố cơ bản thống nhất vị trí 03 mỏ cát, 16 bãi tập kết cát được quy hoạch kèm theo Văn bản số 1356/SXD-VLXD ngày 21/03/2018 (trong đó 16 bãi tập kết cát phù hợp, 01 bãi tập kết cát 30a tại phường Hàm Rồng được UBND tỉnh cho Công ty TNHH Thủy Sơn thuê nhưng đã hết hạn từ ngày 10/02/2018, mặt khắc bãi tập kết này hoạt động nằm trong khu Di tích lịch sử Văn hóa Hàm Rồng, cử tri phường Hàm Rồng và các phường, xã lân cận nhiều năm qua đã có ý kiến về việc hoạt động của bãi gây ô nhiễm môi trường, mất an toàn giao thông trong khu vực, gây hư hại hệ thống đường giao thông nên việc để bãi 30a nằm trong quy hoạch bãi tập kết cát là không còn phù hợp.

Tuy nhiên việc khai thác cát phải đúng quy hoạch, đáp ứng được các yêu cầu về bảo vệ môi trường, chống sạt lở lòng sông... Thực hiện đúng theo chỉ đạo tại Thông báo số 14/TB-VPCP ngày 09/01/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc Thông báo Kết luận của Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng tại Hội nghị toàn quốc về vật liệu xây dựng năm 2017; Chỉ thị số 18/CT-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về tăng cường công tác quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả cát, sỏi trong thi công các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

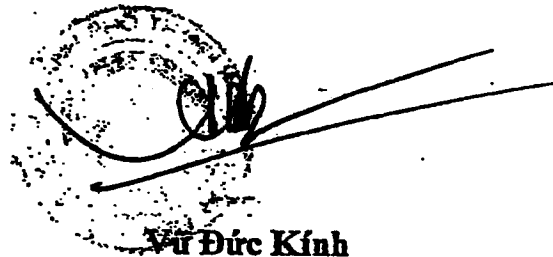
2. Để đảm bảo môi trường, chống sạt lở lòng sông... ảnh hưởng trực tiếp đến các công trình hiện hữu, tài sản, tính mạng của nhân dân. UBND thành phố đề nghị Sở Xây dựng Thanh Hóa nghiên cứu tham mưu, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về lộ trình dừng xem xét, thực hiện quy hoạch, cấp giấy phép quy hoạch, khai thác các mỏ cát trên địa bàn thành phố, chỉ xem xét việc gia hạn cho thuê đất các bãi tập kết vật liệu và có hình thức quản lý chặt chẽ, đúng quy định.

Trên đây là một số nội dung Ủy ban nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia ý kiến gửi Sở Xây dựng Thanh Hóa tổng hợp, tham mưu báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa xem xét Quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên; 
- Chủ tịch, các PCT UBND TP (b/c);
- Phòng QLĐT, TN&MT (t/h);
- Lưu VP(Đức).

**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Vũ Đức Kính**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGA SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 488 /UBND-KT&HT

Nga Sơn, ngày 19 tháng 7 năm 2017

V/v: Tham vấn ý kiến về dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035.

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện Công văn số 3605/SXD-VLXD ngày 06/7/2017 của Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa về việc tham vấn ý kiến về dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035.

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo đề án của Sở Xây dựng. Ủy ban nhân dân huyện Nga Sơn thống nhất các nội dung trong dự thảo đề án.

Vậy Ủy ban nhân dân huyện Nga Sơn tham gia ý kiến theo yêu cầu của Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa/.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Sở XD - VLXD (b/c);
- Lưu: VT, KT&HT /s/

**KT. CHỦ TỊCH**  
**TRƯỞNG CHỦ TỊCH**  
  
**Trần Ngọc Quyết**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGÀ SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 88 /UBND-KT&HT

Nga Sơn, ngày 04 tháng 4 năm 2018

Về việc tham gia ý kiến về số lượng các mỏ, bãi tập kết cát được quy hoạch.

Kính gửi: Sở Xây dựng Thanh Hóa.


Thực hiện Công văn số 1356/SXD-VLXD ngày 21/3/2018 của Sở Xây dựng Thanh Hóa về việc đề nghị tham gia ý kiến về số lượng các mỏ, bãi tập kết cát được quy hoạch (lần 2).

Sau khi nghiên cứu nội dung, UBND huyện Nga Sơn thống nhất các nội dung số lượng quy hoạch bãi tập kết cát trên địa bàn huyện Nga Sơn.

Vậy UBND huyện Nga Sơn tham gia ý kiến theo yêu cầu của Sở xây dựng Thanh Hóa.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Sở XD-VLXD (b/c);
- Lưu: VT, KT&HT.

**CHỦ TỊCH**  
  
**Trần Ngọc Quyết**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN THƯỜNG XUÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 073/UBND-KTHT

Thường Xuân, ngày 17 tháng 7 năm 2017.

V/v tham gia ý kiến về dự thảo  
Quy hoạch thăm dò, khai thác cát,  
sỏi làm vật liệu xây dựng thông  
thường tỉnh Thanh Hóa đến năm  
2025, định hướng đến năm 2035.

SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA	
ĐẾN	Số: 4207
	Ngày: 20/7/17
Thuyền: .....	
Lưu hồ sơ số: .....	

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa.

UBND huyện Thường Xuân nhận được công văn số: 3605/SXD-VLXD ngày 06/7/2017 của Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa về việc tham vấn ý kiến về dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035.

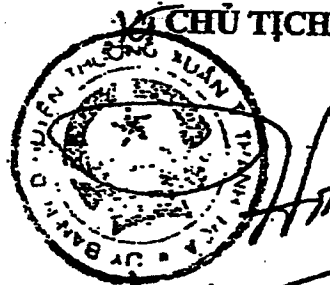
Sau khi nghiên cứu các nội dung trong dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035; UBND huyện Thường Xuân thống nhất với các nội dung trong dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035;

Tuy nhiên đề nghị Sở Xây dựng đình chỉ lại diện tích quy hoạch bãi tập kết cát tại thôn Hưng Long, xã Ngọc Phụng, huyện Thường Xuân là 0,3ha (theo dự thảo đang đề 0,03ha) theo đúng diện tích các Sở, ban ngành đã khảo sát.

Trên đây là ý kiến đóng góp của UBND huyện Thường Xuân, đề nghị Sở Xây dựng tổng hợp ý kiến và hướng dẫn chỉ đạo địa phương thực hiện tốt công tác quản lý quy hoạch khai thác cát, sỏi làm vật liệu thông thường trên địa bàn.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT; KTHT.



PHÓ CHỦ TỊCH  
Đỗ Văn Hoàn

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM THỦY**

Số: 814 /UBND-KTHT

V/v: Tham vấn ý kiến dự thảo  
QH thăm dò khai thác cát sỏi  
làm VLXD thông thường.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cẩm Thủy, ngày 17 tháng 7 năm 2017

Kính gửi: Sở Xây dựng Thanh Hóa.

UBND huyện Cẩm Thủy nhận được văn bản số 3605/SXD-VLXD ngày 06/7/2017 của Sở Xây dựng Thanh Hóa về việc tham vấn ý kiến dự thảo quy hoạch thăm dò khai thác cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 định hướng đến năm 2035. Sau khi nghiên cứu dự thảo UBND huyện Cẩm Thủy xin tham gia như sau:

1. Về quy hoạch mỏ cát sỏi.

Đề nghị xem xét đưa khỏi danh sách các mỏ cát sỏi sau khi rà soát đủ điều kiện tiếp tục quy hoạch:

- Mỏ 116: làng Xanh xã Cẩm Bình.
- Mỏ 117: Làng Chợ xã Cẩm Bình;
- Mỏ 118: Làng Chén xã Cẩm Thạch;
- Mỏ 120: Bãi Gò Khai xã Cẩm Lương;
- Mỏ 121: Bãi làng Trện xã Cẩm Thành;
- Mỏ 122: Bãi làng Nâm xã Cẩm Thành;
- Mỏ 123: Bãi nổi làng Bèo xã Cẩm Thành;
- Mỏ 124: bãi Vọ làng Bèo xã Cẩm Thành.

(08 mỏ trên nằm trong vùng lòng hồ thủy điện Cẩm Thủy 1)

2. Về quy hoạch bãi tập kết.

Đề nghị xem xét đưa ra khỏi danh sách các bãi tập kết cát được đưa vào quy hoạch giai đoạn 2025 đến 2035.

- Bãi số 77: Thôn Phông Khánh xã Cẩm Thành.

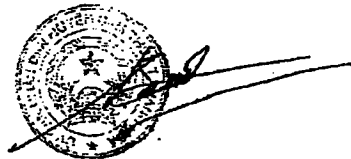
(lý do nằm trong vùng lòng hồ thủy điện Cẩm Thủy 1 và hạ lưu thủy điện Bá Thước 2. không có mỏ cát sỏi nên không bố trí bãi tập kết).

UBND huyện Cẩm Thủy, xin tham gia những nội dung trên đề nghị Sở Xây dựng xem xét./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VP; KTHT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Mai Thị Hà**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM THỦY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 423 /UBND-KTHT

*Cẩm Thủy, ngày 26 tháng 4 năm 2018*

V/v cung cấp danh sách các hồ  
thủy lợi được sử dụng cung cấp  
nước tưới tiêu và các mỏ cát,  
sỏi làm vật liệu xây dựng

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện Công văn số: 1638/SXD-VLXD, ngày 05/04/2018 của Sở Xây  
dựng tỉnh Thanh Hóa về việc: Cung cấp thông tin, số liệu để làm cơ sở bổ sung,  
hoàn chỉnh quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác cát sỏi làm VLXD tỉnh  
Thanh Hóa đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2030.

UBND huyện Cẩm Thủy báo cáo số liệu để làm cơ sở bổ sung, hoàn  
chỉnh quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác cát sỏi làm VLXD tỉnh Thanh Hóa  
đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2030 như sau:

- Số lượng hồ thủy lợi được sử dụng cung cấp nước tưới tiêu trên địa bàn  
quản lý gồm: 43 hồ (Có danh sách kèm theo).

- Số lượng các mỏ cát, sỏi làm VLXD gồm: 11 mỏ, trong đó có 06 mỏ đã  
được cấp phép khai thác, còn 05 mỏ chưa được cấp phép khai thác (Có danh  
sách kèm theo).

UBND huyện Cẩm Thủy báo cáo danh sách các hồ thủy lợi và các mỏ cát,  
sỏi trên địa bàn huyện để Sở tổng hợp.

**Nơi nhận :**

- Như trên;
- Chủ tịch UBND huyện (Báo cáo);
- Lưu VT, KTHT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Mai Thị Hà**

**DANH SÁCH CÁC MỎ CÁT, SỎI QUY HOẠCH THẨM DÒ, KHAI THÁC ĐẾN NĂM 2025,  
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

*(Kèm theo Công văn số: 423/UBND-KTHT của UBND huyện Cẩm Thủy)*

**Mỏ cát, sỏi:**

Stt	Số hiệu mỏ	Địa danh	Quyết định phê duyệt kết quả thẩm dò	Diện tích QH (ha)	Đã cấp Phép (ha)	Trữ lượng và TN dự báo (m <sup>3</sup> )	Độ dày thân cát (m)	Vị trí, Tọa độ VN-2000, múi chiếu 3°	Ghi chú
Tổng				45,93	24,82	473.890			
1	34	Mỏ cát số 34: thôn Trại Hà, xã Cẩm Tân	Số 2612/QĐ-UBND ngày 10/8/2011 của UBND tỉnh Thanh Hóa	3,2	Chưa được cấp phép khai thác	47.604	1,49	Bên Tả, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 24 887 - 5 58 368; 22 24 806 - 5 58 490; 22 24 782 - 5 58 348; 22 24 717 - 5 58 161; 22 24 831 - 5 58 132)	Sông Mã
2	47	Mỏ cát số 47: thôn Phú Xuân, xã Cẩm Tân	Số 2613/QĐ-UBND ngày 10/08/2011 và Số 1203/QĐ-UBND ngày 05/4/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa	2,75	2,75	21.470	0,78	Bên Tả, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 24 830 - 5 57 991; 22 24 808 - 5 57 994; 22 24 739 - 5 57 865; 22 24 692 - 5 57 813; 22 24 611 - 5 57 569; 22 24 669 - 5 57 553; 22 24 710 - 5 57 673; 22 24 732 - 5 57 668)	Sông Mã
3	45	Mỏ cát số 45: làng Mới, xã Cẩm Vân	Số 2611/QĐ-UBND ngày 10/08/2011 của UBND tỉnh Thanh Hóa	4,88	4,88	62.971	1,29	Bên Hữu, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 24 183 - 5 59 268; 22 24 023 - 5 59 317; 22 23 880 - 5 59 257; 22 23 834 - 5 59 075; 22 23 866 - 5 59 061; 22 23 989 - 5 59 154; 22 24 155 - 5 59 159)	Sông Mã



4	46	Mỏ cát số 46: thôn Vân Trại, xã Cẩm Vân	Số 2610/QĐ-UBND ngày 10/08/2011 của UBND tỉnh Thanh Hóa	4,06	4,06	43.262	1,07	Bên Hữu, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 24 483 - 5 58 944; 22 24 449 - 5 59 006; 22 24 326 - 5 59 166; 22 24 231 - 5 59 088; 22 24 424 - 5 58 796)	Sông Mã
5	105	Mỏ cát số 105: làng Song, xã Cẩm Ngọc	Số 3421/QĐ-UBND ngày 14/10/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa	4	Chưa được cấp phép khai thác	56.440	1,41	Bên Tả, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 30 735 - 5 53 260; 22 30 716 - 5 53 305; 22*30 272 - 5 53 112; 22 29 958 - 5 53 128; 22 29 955 - 5 53 078; 22 30 275 - 5 53 061)	Sông Mã
6	106	Mỏ cát số 106: Thôn 100, xã Cẩm Yên	Số 3422/QĐ-UBND ngày 14/10/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa	4	Chưa được cấp phép khai thác	57.357	1,43	Bên Hữu, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 31 461 - 5 53 530; 22 31 457 - 5 53 586; 22 31 276 - 5 53 566; 22 31 011 - 5 53 471; 22 30 847 - 5 53 332; 22 30 849 - 5 53 269; 22 31 044 - 5 53 413; 22 31 289 - 5 53 509)	Sông Mã
7	111A	Mỏ cát số 111A: Khu 3, Thị trấn Cẩm Thủy	Số 2497/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	3,22	3,22	27.000	0,84	Bên Hữu, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 36 850 - 5 49 558; 22 36 683 - 5 49 702; 22 36 709 - 5 49 761; 22 36 651 - 5 49 787; 22 36 629 - 5 49 727; 22 36 592 - 5 49 808; 22 36 574 - 5 49 746; 22 36 499 - 5 49 780; 22 36 481 - 5 49 708; 22 36 624 - 5 49 569; 22 36 764 - 5 49 448)	Sông Mã
	111B	Mỏ cát số 111B: Khu 3, Thị trấn Cẩm Thủy	Số 2498/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	2,48	2,48	20.631	0,83		
8	112	Mỏ cát số 112: thôn Phú Lai, xã Cẩm Giang	Số 2882/QĐ-UBND ngày 06/9/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa	5	Chưa được cấp phép khai	27.268	0,55	Mỏ giữa dòng, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 36 776 - 5 46 828; 22 36 701 - 5 46 915; 22 36 530 - 5 46 971; 22 36 346 - 5 46 995; 22 36 402 - 5 46 895; 22 36 529 - 5 46 804; 22 36 745 - 5 46 776)	Sông Mã

					thác				
9	115	Mỏ cát số 115: thôn Bình Hòa 2, xã Cẩm Bình	Số 1005/QĐ-UBND ngày 12/4/2012 của UBND tỉnh Thanh Hóa	7,43	7,43	49.887	0,67	Mỏ giữa dòng, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 39 345 - 5 45 191; 22 39 275 - 5 45 394; 2*2 39 141 - 5 45 578; 22 39 068 - 5 45 626; 22 39 020 - 5 45 551; 22 39 146 - 5 45 356; 22 39 256 - 5 45 013; 22 39 297 - 5 45 027)	Sông Mã
10	107	Mỏ cát số 107: Làng Sóng, xã Cẩm Ngọc		2,77	Chưa được cấp phép khai thác	31.000	1,12	Bên Tả, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 32 382 - 5 52 847; 22 32 199- 5 53 183; 22 32 134-5 53 126; 22 32 330- 5 52 812)	Sông Mã
11	108	Mỏ cát số 108: xã Cẩm Sơn; xã Cẩm Yên		2,14	Chưa được cấp phép khai thác	29.000	1,36	Bên Hữu, sông Mã; Tọa độ: (X - Y: 22 32 996 - 5 52 081; 22 32 724 - 5 52 286; 22 32 684 - 5 52 261; 22 32 771 - 5 52 143; 22 32 971 - 5 52 057)	Sông Mã

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGỌC LẶC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**Số 932 /UBND – KT-HT**  
V/v tham gia ý kiến về dự thảo  
Quy hoạch thăm dò khai thác cát,  
sỏi làm vật liệu xây dựng thông  
thường, tỉnh Thanh Hóa đến năm  
2025, định hướng đến năm 2035

*Ngọc Lặc, ngày 17 tháng 7 năm 2017*

Kính gửi : Sở Xây dựng Thanh Hóa

Ngày 11 tháng 7 năm 2017, UBND huyện Ngọc Lặc nhận được Công văn số 3605/SXD - VLXD ngày 06/7/2017 của Sở Xây dựng Thanh Hóa về việc tham gia ý kiến về dự thảo Quy hoạch thăm dò khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035.

Sau khi xem xét UBND huyện Ngọc Lặc có ý kiến như sau:

Thông nhất các nội dung dự thảo Quy hoạch thăm dò khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035,

Rất mong được sự quan tâm của Sở Xây dựng Thanh Hóa./.

*Nơi nhận:*

- Như K/gửi;
- Lưu VP – KTHT;
- In 04 bản.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Phạm Công Cúc*

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGỌC LẶC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **430** /UBND-TNMT

Ngọc Lặc, ngày **04** tháng **9** năm 2018

V/v tham gia ý kiến về số lượng các mỏ, bãi tập kết cát được quy hoạch (lần 2).

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hoá.

Thực hiện văn bản số 1356/SXD-VLXD ngày 21/3/2018 của Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hoá v/v đề nghị tham gia ý kiến về số lượng các mỏ, bãi tập kết cát được quy hoạch (lần 2). UBND huyện Ngọc Lặc có ý kiến như sau:

- Đề nghị bổ sung:

+ 02 điểm mỏ cát nhỏ lẻ tại xã Phùng Minh, xã Phúc Thịnh đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương cấp phép khai thác tại Công văn số 3138/UBND-CN ngày 27/3/2018 v/v Tổng Công ty CP Hợp Lực đề nghị chấp thuận chủ trương cấp phép khai thác các điểm mỏ cát nhỏ lẻ và thuê đất làm bãi tập kết cát trên sông Âm và sông Chu, đoạn qua các huyện Ngọc Lặc, Thọ Xuân và Thường Xuân (điểm cát số 4 tại xã Phùng Minh có tọa độ X - Y: 2206583.66 - 533685.42; 2206584.62 - 533711.57; 2206471.45 - 533719.91; 2206470.19 - 533693.27; Điểm cát số 5 tại xã Phúc Thịnh có tọa độ X-Y: 2203922.99 - 538158.36; 2203915.94 - 538222.91; 2203877.30 - 538265.21; 2203859.78 - 538244.59; 2203891.49 - 538208.43; 2203896.80 - 538154.32; bãi tập kết tại xã Phúc Thịnh có tọa độ X-Y: 2204201 - 539202; 2204273 - 539280; 2204237 - 539310; 2204166 - 539237).

+ 02 điểm mỏ cát nhỏ lẻ trên sông Âm, đoạn qua xã Vân Am, huyện Ngọc Lặc mà Công ty TNHH MTV Sơn Phương đang xin cấp phép khai thác, vị trí các điểm mỏ, bãi tập kết đã được Sở Tài nguyên và MT chủ trì phối hợp với các ngành liên quan kiểm tra, đề nghị Sở Xây dựng tổng hợp ý kiến của các ngành.

- Tại số hiệu mỏ 192 (mỏ cát làng Thượng, xã Phùng Minh) đề nghị bổ sung thêm địa danh làng Mũi theo quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 6/2/2018 của UBND tỉnh v/v điều chỉnh một số nội dung trong giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 406/GP-UBND ngày 07/11/2016.

- Tại số hiệu mỏ 195 (mỏ cát làng Cốc, xã Phùng Minh VT2) theo giấy phép khai thác khoáng sản số 414/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa thì thiếu điểm góc 14 có tọa độ (2205752,534598).

UBND huyện Ngọc Lặc đề nghị Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hoá tổng hợp ý kiến để hoàn thiện "Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi VLXD tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030".

Nơi nhận: **NS**

- Như trên;
- Lưu VT, TNMT;
- In: bản.



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN MƯỜNG LÁT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 128 /UBND-KTHT  
V/v tham vấn ý kiến về dự thảo  
Quy hoạch thăm dò, khai thác cát,  
sỏi làm vật liệu xây dựng thông  
thường tỉnh Thanh Hóa đến năm  
2025, định hướng đến năm 2035.

Mường Lát, ngày 29 tháng 9 năm 2017

SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA	
ĐẾN	Số: <u>5934</u>
	Ngày: <u>05.10.17</u>
Chuyển:	.....
Lưu hồ sơ số:	.....

*[Handwritten mark]*

Kính gửi: Sở xây dựng Thanh Hóa

Thực hiện Công văn số: 3605/SXD-VLXD ngày 6 tháng 7 năm 2017 của Sở xây dựng tỉnh Thanh Hóa về việc tham vấn ý kiến về dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035.

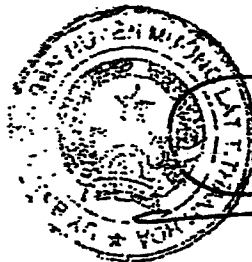
Ủy ban nhân dân huyện Mường Lát đã tổ chức, triển khai, lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các cơ quan, ban, ngành có liên quan tham gia ý kiến vào về nội dung Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035, do Sở xây dựng Thanh Hóa lập. Sau khi nghiên cứu, nội dung dự thảo và tổng hợp các ý kiến của các cơ quan, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện Mường Lát, thống nhất với các nội dung Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035.

Ủy ban nhân dân huyện Mường Lát tham gia một số, ý kiến như trên. *[Handwritten mark]*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT.

**CHỦ TỊCH**



*[Handwritten signature]*  
**Cao Văn Cường**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN TỈNH GIA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2059/UBND-TNMT

Tỉnh Gia, ngày 21 tháng 8 năm 2017

V/v tham gia ý kiến về Dự thảo quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035.

Kính gửi: Sở Xây dựng Thanh Hóa.

Thực hiện công văn số 3605/SXD-VLXD ngày 06/7/2017 của Sở Xây dựng về việc tham vấn ý kiến về Dự thảo quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035.

Sau khi xem xét nội dung dự thảo gửi kèm theo công văn, UBND huyện Tỉnh Gia có ý kiến như sau:

Cơ bản thống nhất với nội dung quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 do Sở Xây dựng dự thảo gửi kèm theo công văn số 3605/SXD-VLXD ngày 06/7/2017. Tuy nhiên, đề nghị Sở Xây dựng xem xét bổ sung vào quy hoạch mỏ cát và các bãi tập kết cát trên địa bàn huyện Tỉnh Gia. Cụ thể: đề nghị bổ sung vào quy hoạch mỏ cát hồ Yên Mỹ thuộc địa phận huyện Tỉnh Gia, huyện Như Thanh với tổng diện tích khoảng 34 ha; đồng thời bổ sung vào quy hoạch 02 bãi tập kết cát tại xã Phú Sơn, huyện Tỉnh Gia, vị trí cụ thể như sau:

- Vị trí 1: thuộc thửa đất số 14, tờ bản đồ số 17, Bản đồ Địa chính xã Phú Sơn đo vẽ năm 1998, diện tích 27.505 m<sup>2</sup>;

- Vị trí 2: thuộc thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22, Bản đồ Địa chính xã Phú Sơn đo vẽ năm 1998, diện tích 11.808 m<sup>2</sup>.

Trên đây là ý kiến tham gia của UBND huyện Tỉnh Gia về Dự thảo quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 làm cơ sở để Sở Xây dựng xem xét, tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Chủ tịch UBND huyện (B/c);
- Lưu VT, TNMT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đạm Văn Nhiệm



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỌ XUÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Số: 1252/UBND - TNMT**

*Thọ Xuân, ngày 02 tháng 10 năm 2017.*

V/v Tham gia ý kiến dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, định hướng đến 2035.

**Kính gửi: Sở Xây dựng Thanh Hoá.**

Thực hiện công văn số: 3605/SXD-VLXD ngày 06/7/2017 của Sở Xây dựng Thanh Hoá về việc Tham vấn ý kiến dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, định hướng đến 2035. Sau khi xem xét hồ sơ UBND huyện Thọ Xuân xin tham gia ý kiến cụ thể sau:

Về cơ bản thống nhất dự thảo quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, định hướng đến 2035 do Sở Xây dựng Thanh Hoá lập. Tuy nhiên căn cứ vào tình hình thực tế của huyện, UBND huyện xin điều chỉnh một số nội dung sau.

1. Tại biểu 03, phần VIII, mục 44, đề nghị không đưa ra ngoài quy Hoạch mỏ số 11 xã Xuân Lai vì Tại xã Xuân Lai có mỏ số 11A đã tổ chức đấu giá và được công nhận tại Quyết định số 2572/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

2. Tại biểu 05, phần V, đề nghị đưa ra ngoài quy hoạch các Mỏ số 27 Phố Đầm xã Xuân Thiên, Mỏ số 29, Thôn 4 xã Phú Yên, Mỏ số 16, Thôn 1 xã Xuân Khánh vì các mỏ này không còn trữ lượng và ảnh hưởng đến đề điều, đất sản xuất của nhân dân.

3. Tại biểu 06, phần VI, đề nghị đưa ra ngoài quy hoạch bãi tập kết B 49, Khu 4 Thịn trấn Thọ Xuân và Bãi B48, thôn 8 xã Phú Yên vì tại 02 đơn vị này không có mỏ.

4. Tại biểu số 10, phần VI, đề nghị không bổ sung bãi tập kết B48c xã Xuân Tín, B48b, thôn Liên Phố, xã Thọ Nguyên.

Trên đây là các nội dung UBND huyện Thọ Xuân tham gia ý kiến dự thảo quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, định hướng đến 2035. Đề nghị Sở Xây dựng Thanh Hoá xem xét điều chỉnh.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND huyện (B/cáo);
- Lưu VP, TNMT.



**Lê Huy Hoàng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN THIỆU HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1433/UBND-KTHT  
Về việc tham gia ý kiến về dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035.

Thiệu Hóa, ngày 19 tháng 10 năm 2017

<b>SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA</b>	
<b>ĐẾN</b>	Số: ..... 6271 .....
	Ngày: ..... 23/10/17 .....
Chuyển:	.....
Lưu hồ sơ số:	.....

Kính gửi: Sở Xây dựng Thanh Hóa

Thực hiện Công văn số 3605/SXD-VLXD ngày 06/7/2017 của Sở Xây dựng Về việc tham gia ý kiến về dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035.

Sau khi nghiên cứu, UBND huyện Thiệu Hóa tham gia ý kiến như sau:

1. Cơ bản thống nhất với các nội dung Dự thảo.
2. Đối với địa bàn huyện Thiệu Hóa, UBND huyện đề nghị chỉnh sửa một số nội dung sau:

2.1. Đối với mỏ cát được đưa vào quy hoạch thăm dò đến năm 2025:

Theo dự thảo Quy hoạch, trên địa bàn huyện có 12 mỏ cát. Sau khi lấy ý kiến của từng địa phương, UBND huyện đề nghị chi quy hoạch như sau:

TT	Địa danh	Diện tích (ha)	Đã cấp phép (ha)	Ghi chú	Lý do
1	Thiệu Tân (mỏ 02)	20	20	Chỉ quy hoạch đến hết thời hạn cấp phép 2026	Ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp
2	Thiệu Đò (mỏ 03)	7,7	7,7		
	Thiệu Châu (mỏ 03)	1,3			
3	Vạn Hà, Thiệu Nguyên (mỏ 04)	23,3	23,3	Chỉ quy hoạch đến hết thời hạn cấp phép 2024	Mỏ gần đê, ảnh hưởng đến đê điều
4	Vạn Hà (mỏ 04a)	3,27	0	Đưa ra khỏi quy hoạch	Đã hết trữ lượng
5	Thiệu Nguyên (mỏ 05)	21,9	21,9	Chỉ quy hoạch đến hết thời hạn cấp phép 2025	Trữ lượng ít, thương xuyên vi phạm
6	Lam Vỹ, Thiệu Vũ	5,6	5,6	Đưa ra khỏi quy hoạch	Trữ lượng gần hết, chỉ khai thác theo GP đã cấp
7	Chấn Xuyên 2, Thiệu Ngọc	15			
8	Đồng Bào, Thiệu Minh (mỏ 13)	1,5		Đưa ra khỏi quy hoạch	Trữ lượng ít, ảnh hưởng đến 2 kê chân đê



9	Toán Thọ, Thiệu Toán	29,6			
10	Phòng Nhuệ, Thiệu Thịnh	15	15		
11	Đương Phong, Thiệu Thịnh	19,8			
12	Quang Trung 3, Thiệu Tiến	6,2			
13	Nhân cao, Thiệu Quang	4,0			Bổ sung

2.2. Quy hoạch bãi tập kết cát sỏi:

Theo dự thảo Quy hoạch, trên địa bàn huyện có 15 bãi tập kết cát. Sau khi lấy ý kiến của từng địa phương, UBND huyện đề nghị chỉ quy hoạch 07 bãi tập kết cát.

TT	Số hiệu bãi	Địa danh	DT QH (ha)	DT đã cho thuê (ha)	Đề nghị	Lý do
1	B33a	Thôn 1, xã Thiệu Tân	0,7		Đưa ra khỏi quy hoạch	
2	B33	Hung Đô, Thiệu Đô	1,38			
3	B33b	Kiến Hưng, TT Vạn Hà	0,2	0,2	Chỉ quy hoạch đến hết thời hạn cho thuê đất 2026	
4	B26	Thiệu Nguyên	0,65	0,65	Chỉ quy hoạch đến hết thời hạn cho thuê đất 2026	
5	B26a	Thôn Nguyên Tân, Thiệu Nguyên	1,5		Đưa ra khỏi quy hoạch	
6	B26b	Thôn Mật Phúc, Thiệu Phúc	0,45		Đưa ra khỏi quy hoạch	Ảnh hưởng đến đất sản xuất nông nghiệp
7	B17	Thôn Lam Vỹ, Thiệu Vỹ	0,5		Đưa ra khỏi quy hoạch	Trữ lượng mỏ cát gần hết
8	B26a	Thôn Chấn Xuyên 2, Thiệu Ngọc	1,5		Đưa ra khỏi quy hoạch	Đã có bãi Thiệu Toán
9	B18	Thôn Đông Minh, Thiệu Minh	0,5			
10	B18a	Thôn Toán Phúc, Thiệu Toán	2,0	2,0		
11	B35	Thôn 10, Thiệu Quang	0,5			
12	B51	Thôn Đông Tâm, xã Thiệu Tâm	0,09		Đưa ra khỏi quy hoạch	Nằm sát chân đê, ảnh hưởng đến đê điều. Không phù hợp QH chung đô thị Hậu Hiền
13	B51a	Thôn Nam Bằng 1, Thiệu Hợp	0,2			
14	B51b	Thôn Lạc Đô, Thiệu Vạn	0,5		Đưa ra khỏi quy hoạch	
15	B51c	Thôn Lạc Đô, Thiệu Vạn	1,52			

Trên đây là Văn bản tham gia ý kiến về dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT, KTHT.



**Lê Xuân Đào**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN HẬU LỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 831 /UBND-TNMT

Hậu Lộc, ngày 31 tháng 8 năm 2017

V/v Tham vấn ý kiến dự thảo "Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 định hướng đến năm 2035"

SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA	
ĐẾN	Số: .....
	Ngày: .....
Chuyên:	.....
Hồ sơ số:	.....

V.L.XD

Kính gửi: Sở Xây dựng Thanh Hóa

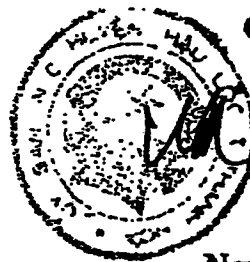
UBND huyện Hậu Lộc nhận Văn bản số 3605/SXD – VLXD ngày 06/7/2017 về việc tham vấn ý kiến về dự thảo "Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 định hướng đến năm 2035". Sau khi nghiên cứu nội dung "dự thảo", trên cơ sở nội dung làm việc của huyện Hậu Lộc với đoàn Quy hoạch.

Trên cơ sở quy hoạch sử dụng đất huyện Hậu Lộc đến năm 2020, các vị trí điểm quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 định hướng đến năm 2035 trên địa bàn huyện Hậu Lộc; UBND huyện Hậu Lộc thống nhất với nội dung của bản dự thảo quy hoạch. UBND huyện cũng thống nhất quy hoạch các vị trí bãi tập kết cát trên địa bàn huyện Hậu Lộc như dự thảo đã đề xuất.

Trên đây là ý kiến của UBND huyện Hậu Lộc về Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 định hướng đến năm 2035" báo cáo Sở xây dựng để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh phê duyệt/.

Nơi nhận:

- Sở TNMT TN&MT (để B/c);
- Phòng TNMT, KIHT;
- UBND các xã, Thị trấn;
- Lưu VT, TNMT



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Luận

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN LANG CHÁNH  
Số: 78/BC-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Lang Chánh, ngày 16 tháng 4 năm 2018

**BÁO CÁO**

Về việc cung cấp thông tin số liệu để làm cơ sở bổ sung, hoàn chỉnh quy hoạch khảo sát, tham dò khai thác cát sỏi làm vật liệu xây dựng trên địa bàn huyện Lang Chánh

SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA	
Số: 2215	ĐẾN
Ngày: 19/4/18	hoàn chỉnh quy
	Chuyên:
	Lưu hồ sơ số:

Thực hiện theo công văn số 1638/SXD- VLXD ngày 5/4/2018 của Sở Xây dựng Thanh Hóa về việc đề nghị giúp cung cấp thông tin số liệu để làm cơ sở bổ sung, hoàn chỉnh quy hoạch khảo sát, tham dò khai thác cát sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến 2030. UBND huyện Báo cáo như sau:

1. Về các hồ thủy lợi trên địa bàn huyện để phục vụ thủy lợi:

1.	Hồ Lý ải	Xã Giao An	3,5 ha
2.	Hồ Chua mon	Xã Đông Lương	5,2 ha
3.	Hồ Chiềng khạt	Xã Đông Lương	3,5 ha
4.	Hồ BQL rừng Phòng hộ	Phố 2 Thị trấn Lang Chánh	1,0 ha
5.	Hồ Lâm Danh	Xã Lâm Phú	5,3 ha
6.	Hồ Nà Cuông thôn Tân Lập	Xã Tân Phúc	2,5 ha
7.	Hồ Làng Bượn	Xã Tân Phúc	2,6 ha
8.	Hồ Thôn Tân Thành	Xã Tân Phúc	0,43ha

2. Các thủy điện trên địa bàn huyện.

\* Thủy điện Trí Năng tại xã Trí nang huyện Lang Chánh: Với công suất 3,4 MW. Hiện đang thi công đạt khoảng 80% khối lượng.

\* Thủy điện sông Âm tại xã Tam Văn huyện Lang Chánh. Công suất 12MW. Hiện mới GPMB giai đoạn 1 do đó chưa đi vào thi công.

Khi 02 thủy điện trên đi vào hoạt động có thể khai thác cát tận thu hàng năm do bồi lắng.

3. Các mỏ cát đã được cấp phép đang hoạt động trên địa bàn:

- Công ty TNHH khai thác khoáng sản và dịch vụ thương mại Chí Dũng – Địa chỉ tổ 2 Phố 1 thị trấn Lang Chánh. Được UBND tỉnh cấp phép khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Tân Phúc và xã Quang Hiến. ( Quyết định số 2348/QĐ-UBND ngày 04/7/2016 của UBND tỉnh ). Diện tích mỏ 0,9 ha. Trong đó tại điểm mỏ xã Quang Hiến là 0,25 ha; Tại điểm mỏ xã Tân Phúc là 0,65 ha. Trữ lượng khai thác 7.374 m<sup>3</sup>.

- Hợp tác xã dịch vụ tổng hợp Chung Nghĩa- Địa chỉ Tổ 2 phố 2 Thị trấn Lang Chánh. Được UBND tỉnh cấp phép khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Giao An và Tam Văn ( Quyết định số 3785/QĐ-UBND

ngày 5/10/2017). Diện tích mỏ 0,67 ha. Trong đó tại điểm mỏ xã Tam Văn 0,32 ha, Tại điểm mỏ xã Giao An là 0,35 ha. Trữ lượng 14.652 m<sup>3</sup>.

Trên đây là báo cáo cung cấp số liệu của UBND huyện Kinh đề nghị Sở Xây dựng xem xét, tổng hợp/.

**Nơi nhận:**

- Sở Xây dựng;
- Lưu: VT, TNMT.



**Ý KIẾN THAM GIA CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**PHIẾU NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ**  
**DỰ ÁN QUY HOẠCH KHẢO SÁT, THĂM DÒ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG**  
**TÀI NGUYÊN CÁT, SÔI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG TỈNH THANH HÓA**  
**ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030.**  
**(Lần 2, sau khi họp hội đồng).**

1. *Họ và tên: Trịnh Xuân Cam.*
2. *Học hàm học vị: Kỹ sư Địa Chất thăm dò.*
3. *Nơi công tác: Nguyên Đoàn trưởng đoàn Địa Chất 306, LĐCTB.*
4. *Chức danh trong hội đồng: ủy viên phản biện hai.*

Sau khi nghiên cứu hồ sơ dự án quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (đã được chỉnh sửa bổ sung theo kết luận của chủ tịch hội đồng) người đọc có nhận xét như sau:

**5.1 Nhận xét chung:**

Nhìn chung nội dung và hình thức trình bày dự án quy hoạch khảo sát thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 do đơn vị tư vấn là công ty cổ phần Không Gian Vàng thực hiện, chủ đầu tư là Sở Xây Dựng, tỉnh Thanh Hóa, phù hợp với công tác lập quy hoạch theo quy định hiện hành.

Dự án quy hoạch đã trình bày được những nội dung chính về sự cần thiết phải lập quy hoạch; tổng quan về đặc điểm địa lý tự nhiên, dự báo về tình hình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, đánh giá hiện trạng hoạt động thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa; thực hiện công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản cát sỏi trên địa bàn tỉnh; đánh giá về tình hình thực hiện quy hoạch kỳ trước và tổng hợp dự báo về nhu cầu sử dụng tài nguyên cát sỏi làm VLXD đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, từ cơ sở trên đề xuất lập quy hoạch và đưa ra các giải pháp thực hiện phù hợp.

**5.2 Những nội dung đã chỉnh sửa, bổ sung theo kết luận của chủ tịch hội đồng:**

- Đã cập nhật và bổ sung số liệu về kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa trong quy hoạch đến tháng 12 năm 2017.
- Đã phối hợp với các sở, ngành liên quan cập nhật bổ sung các loại số liệu chính xác liên quan đến công tác lập quy hoạch.
- Ngoài cát lòng sông đã tiến hành khảo sát bổ sung cát ven biển, cát cửa sông cửa biển, cát nạo vét khơi thông đường thủy nội địa ở một số tuyến sông chính, cát lòng hồ thủy lợi, lòng hồ thủy điện và đã xác định được 102 km bờ biển thuộc 6 huyện ven biển hiện tại không đưa vào quy hoạch được vì thuộc vùng cấm hoạt

ong khoáng sản; hoặc không phù hợp với khai thác cát hoặc không đủ điều kiện khai thác. (Thuộc cát bị nhiễm mặn).

Cát thuộc lòng hồ thủy điện (12 hồ) quy hoạch được 9,88 triệu m<sup>3</sup>. Cát nạo vét khai thông dòng thủy nội địa 1 triệu m<sup>3</sup> trên 5 tuyến sông với chiều dài 54,3km. Cát nạo vét cửa sông cửa biển 1,8 triệu m<sup>3</sup> trên 5 cửa sông cần nạo vét với chiều dài khoảng 17km (thuộc cát nhiễm mặn). Vì vậy tổng thể quy hoạch xác định được 24,83 triệu m<sup>3</sup> cát và 0,78 triệu m<sup>3</sup> sỏi trong đó có 1,8 triệu m<sup>3</sup> cát nhiễm mặn; nguồn cát được bổ sung vào quy hoạch khá nhiều.

### **5.3 Những nội dung còn tồn tại:**

- Cát là khoáng sản được tái tạo vì vậy trong quy hoạch cần được bổ sung thêm trữ lượng cát bồi lắng hàng năm và cho cả kỳ thực hiện quy hoạch trên các lưu vực sông chính và các hồ thủy điện để tăng thêm trữ lượng cát.

- Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, tại phần mở đầu: mục tiêu, yêu cầu không nên dùng cụm từ "cát, sỏi lòng sông" vì trữ lượng huy động vào quy hoạch là từ cát sỏi lòng sông, cát sỏi cửa sông, cửa biển, cát sỏi lòng hồ thủy điện và nạo vét khai thông đường thủy nội bộ.

- Trong phần thuyết minh quy hoạch cần được kiểm tra sửa lại những sai sót trong công tác đánh máy. In ấn ví dụ tọa độ VN 20000, múi chiếu 30 hoặc câu thiếu chữ hoặc trùng lặp.

### **5.4, kết luận và kiến nghị:**

Dự án quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (đã được chỉnh sửa bổ sung theo kết luận của chủ tịch hội đồng) đạt được yêu cầu theo quy định hiện hành đối với công tác quy hoạch ngành, lĩnh vực cấp tỉnh. Kính đề nghị hội đồng thông qua dự án quy hoạch và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Ngày 25 tháng 6 năm 2018.

Người đọc và nhận xét



**KSDC Trịnh Xuân Cam**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN NHẬN XÉT**

**DỰ ÁN: QUY HOẠCH KHẢO SÁT, THĂM DÒ, KHAI THÁC VÀ  
SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN CÁT, SỎI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG TỈNH  
THANH HÓA ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030  
CỦA ỦY VIÊN PHẢN BIỆN**

1. Họ và tên người nhận xét: Lê Huy Việt
2. Học hàm, học vị, chức vụ công tác: Thạc sỹ - Kỹ sư Xây dựng, UVBCHTW Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam; Phó Chủ tịch Hội Quy hoạch phát triển đô thị Thanh Hóa; Nguyên Phó Viện trưởng Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa.
3. Nơi công tác: Hội Quy hoạch phát triển đô thị Thanh Hóa, số 747 - Đường Bà Triệu, thành phố Thanh Hóa, 0913 239989, [vietlehuy@gmail.com](mailto:vietlehuy@gmail.com).
4. Tên dự án: Dự án Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.
5. Nhận xét về nội dung báo cáo:
  - 5.1. Những nội dung đạt yêu cầu:

Dự thảo thuyết minh Dự án Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 do Sở Xây dựng Thanh Hóa làm chủ đầu tư và đơn vị tư vấn lập Quy hoạch là Công ty cổ phần đầu tư Không Gian Vàng; Báo cáo thuyết minh dự án Quy hoạch gồm phần mở đầu; các phần I,II,III,IV và V có 191 trang và Tập bản vẽ gồm bản đồ quy hoạch tổng-thể phân bố các vị trí Mỏ, bãi tập kết cát tỷ lệ 1/250.000 và quy hoạch cụ thể các Mỏ khai thác và các Bãi tập kết cát tỷ lệ 1/5.000 trên địa bàn toàn tỉnh.

Dự thảo Thuyết minh Dự án Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 đã được thể hiện tương đối đầy đủ các nội dung cơ bản cụ thể là:

Phần mở đầu: Tác giả đã nêu được sự cần thiết lập quy hoạch (tr.1), thống kê đầy đủ các căn cứ pháp lý lập quy hoạch (tr.1,2); sơ bộ nêu lên mục tiêu, yêu cầu, phạm vi, thời kỳ lập quy hoạch (tr.3)

Phần I: Đánh giá khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa (tr.4-tr.22), trên cơ sở các số liệu mà tác giả thu thập tổng hợp của các báo cáo, dự án Quy hoạch, kế hoạch của Tỉnh, huyện có liên quan đã và đang thực hiện, tác giả đã nêu tương đối đầy đủ về điều kiện tự nhiên, địa hình địa mạo; về hiện trạng kinh tế - xã hội gồm về kinh tế, về văn hóa, hạ tầng xã hội, về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật; đánh giá tổng hợp điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội tác động đến

hoạt động thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi gồm thuận lợi và khó khăn.

Phần II: Đánh giá hiện trạng hoạt động, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (tr.23-tr.27) tác giả cũng đã nêu khá đầy đủ về thực trạng hoạt động, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm VLXD trên địa bàn toàn tỉnh về công nghệ khai thác, về số lượng mỏ và bãi tập kết cát có phép, số mỏ cát khai thác không phép, tình trạng sử dụng bừa bãi không quản lý được các chủng loại cát như cát bê tông, cát xây trát, cát san nền, san lấp...; về ảnh hưởng của hoạt động khai thác tài nguyên cát, sỏi ảnh hưởng đến mục đích sử dụng tài nguyên cát trong lĩnh vực xây dựng, đến tác động môi trường, đến an ninh trật tự và đến an toàn hệ thống đê điều; và đánh giá về tình hình thực hiện của các cơ quan quản lý, các tổ chức đơn vị, cá nhân khai thác sử dụng tài nguyên cát theo quy hoạch đã được duyệt;

Phần III: Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (tr.28-tr.184) đây là phần quan trọng có tính chất quyết định cho nội dung Quy hoạch mới vì vậy tác giả đã bám sát các tiêu chí trong đề cương nhiệm vụ để giải quyết vấn đề bao gồm về vai trò, vị trí của khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm VLXD và bối cảnh tác động; về quan điểm, mục tiêu phát triển; về quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, trong nội dung quy hoạch đã đề cập đến lựa chọn phương án phát triển trên cơ sở dự báo nhu cầu sử dụng cát, sỏi làm VLXD, dự báo tiên bộ khoa học, công nghệ trong hoạt động khai thác và phương án quy hoạch phát triển khai thác sử dụng tài nguyên cát, sỏi cho các giai đoạn từ nay đến 2025 và từ 2026-2030; về nội dung quy hoạch tác giả đã rà soát các mỏ và bãi tập kết đã được quy hoạch trước đây để loại bỏ các mỏ và BTK không đủ điều kiện tiếp tục đưa vào quy hoạch mới; cập nhật các mỏ và BTK đã được cấp phép nhưng chưa có trong quy hoạch và bổ sung các vị trí mỏ và BTK mới vào quy hoạch; tổng hợp quy hoạch mới về số lượng mỏ, BTK sau khi rà soát, loại bỏ, cập nhật, bổ sung cho giai đoạn đến năm 2025 và từ 2026-2030.

Phần IV: Các giải pháp thực hiện (tr.185-tr.189) Tác giả đã nêu 5 giải pháp tổ chức thực hiện Quy hoạch đó là giải pháp về cơ chế, chính sách; giải pháp về phát triển khoa học công nghệ; giải pháp về bảo vệ môi trường; giải pháp về công tác cải cách hành chính và giải pháp tổ chức thực hiện;

Phần V: Kết luận và kiến nghị (tr.190) tác giả cũng đề cập đến một số nội dung liên quan đến kết luận và kiến nghị để quy hoạch có tính khả thi;

Phần tài liệu tham khảo tác giả có nêu tổng số 09 tài liệu liên quan được đề cập đến tại tr.191;

Về tập bản vẽ kèm theo tác giả đã căn cứ các số liệu khảo sát của đơn vị khảo sát để xác định các mỏ, các bãi tập kết theo vị trí, tọa độ với những số liệu cơ bản sơ bộ của phạm vi diện tích mỏ, trữ lượng dự kiến khai thác của các mỏ cát lòng sông và bãi tập kết cát nằm dọc theo hai bên bờ sông của các hệ thống sông Mã, sông Chu và sông đào trên địa bàn tỉnh là số liệu được cập nhật, tính toán trong quá trình lập quy

hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Có thể đánh giá Nội dung và cấu trúc của báo cáo dự án Dự án Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 đã cơ bản phù hợp với Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP, ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản, và các văn bản pháp lý của Chính phủ, Bộ ngành Trung ương và tỉnh Thanh Hóa có liên quan, đồng thời thể hiện đúng theo nội dung đề cương nhiệm vụ đã được phê duyệt tại quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 14/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

## 5.2. Những nội dung chưa đạt yêu cầu, cần được chỉnh sửa, bổ sung:

Về phần Mở đầu: Về sự cần thiết (tr.1) cần lập luận một cách sâu sắc đối với những nội dung có liên quan đến việc phải lập Quy hoạch thay thế cho quy hoạch đã lập năm 2007, phần này cần viết lại cho gọn và đúng; về tên gọi của Quy hoạch nên bỏ từ "sỏi" vì trong thực tế chỉ sử dụng các mỏ cát, bãi tập kết cát lòng sông thuộc các hệ thống sông của Tỉnh Thanh Hóa mà thôi; về mục tiêu, yêu cầu (tr.3) đang viết theo đúng nội dung của Đề cương nhiệm vụ quy hoạch tác giả cần mở rộng, làm rõ mục tiêu, yêu cầu cho phù hợp với công tác quy hoạch mới; về phạm vi quy hoạch nên nói rõ các mỏ cát lòng sông trên các hệ thống sông thuộc địa bàn tỉnh; còn các mỏ cát ven dọc bờ biển thì thế nào.

Về phần I: Đánh giá khái quát về điều kiện tự nhiên, tình hình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa theo tôi về tiêu đề nên bỏ cụm từ "Đánh giá khái quát", về vị trí địa lý (tr.4) nên viết lại cho gọn và bổ sung "Thanh Hóa cách Hà Nội 153 km, cách thành phố Hồ Chí Minh 1560 km", về điều kiện khí hậu (tr.4), đặc điểm thủy văn (tr.5,6,7) cần ghi nguồn trích dẫn số liệu; cần bổ sung việc phân tích các yếu tố nguồn lực phát triển tác động đến khai thác, sử dụng tài nguyên cát cụ thể hơn theo yêu cầu của nhiệm vụ như phân bố dân cư, phân bố và phát triển đô thị, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, khu kinh tế...; về Hiện trạng kinh tế - xã hội (tr.9-20) gồm tăng trưởng và quy mô kinh tế, hiện trạng các ngành kinh tế, hiện trạng văn hóa, hạ tầng xã hội, hiện trạng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật tác giả đang sử dụng số liệu từ năm 2015 về trước và có ước số liệu năm 2016, tôi đề nghị phải cập nhật số liệu 2016 và số liệu ước năm 2017 của Cục Thống kê Thanh Hóa để phản ánh đúng thực trạng bức tranh của nền kinh tế - xã hội Thanh Hóa hiện nay, riêng đối với mục hiện trạng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật cần bổ sung số liệu và đánh giá đầy đủ về số lượng, chất lượng của việc kết nối hạ tầng giao thông đến các mỏ, điểm mỏ và bãi tập kết cát làm vật liệu xây dựng; về Đánh giá tổng hợp điều kiện tự nhiên & kinh tế, xã hội tác động đến hoạt động thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi (tr.21-22) về thuận lợi viết chưa rõ nội dung thuận lợi cần đi sâu theo các ý: "1. Vị trí của tỉnh trong khu vực phát triển, 2. Số lượng, trữ lượng tài nguyên, vị trí các mỏ, bãi tập kết cát (số liệu dự báo tiềm năng tác giả đưa ra có vẻ chưa đúng), 3. Cơ sở hạ tầng xã hội & hạ tầng kỹ thuật, 4. Điều kiện phát triển kinh tế - xã hội". về khó khăn cũng cần nêu rõ hơn về đầu tư công nghệ khai thác cát, về quản lý nhà nước trong khai thác sử dụng cát làm VLXD, về sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước với chính quyền địa phương, doanh nghiệp, tư nhân khai thác sử dụng cát có phép, không phép dẫn đến nạn cát tặc, đặc biệt là phải nêu khó khăn cần

tháo gỡ đó là công tác điều tra cơ bản thông qua việc khảo sát thăm dò đánh giá cấp trữ lượng, chất lượng, phân loại các mỏ cát trên địa bàn tỉnh bằng nguồn vốn ngân sách trong những năm qua chưa được thực hiện đây là nguyên nhân dẫn đến khó khăn lớn nhất trong quản lý khai thác, sử dụng khoáng sản tài nguyên cát nói chung và cát làm vật liệu xây dựng nói riêng và cũng là nguyên nhân làm thất thoát thu ngân sách rất lớn từ nguồn thu của khoáng sản tài nguyên cát.

Về Phần II: Đánh giá hiện trạng hoạt động thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm VLXD trên địa bàn Tỉnh; về Đánh giá thực trạng hoạt động thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm VLXD trên địa bàn tỉnh đến năm 2015, Tác giả chưa bám theo đề cương nhiệm vụ để đánh giá đó là: Đánh giá về tình hình cấp phép khai thác cát (số lượng mỏ được cấp phép/tổng số mỏ, thuận lợi khó khăn trong cấp phép, nguyên nhân số mỏ chưa được cấp phép...); Đánh giá về tình hình hoạt động khai thác cát bao gồm công nghệ, khai thác, cung ứng cho người tiêu dùng nêu mặt tích cực, mặt tiêu cực diễn ra trên mỏ có phép và mỏ không phép; Đánh giá nhu cầu cát làm VLXD tại các địa phương như cát bê tông, cát làm vữa xây trát, cát san nền, san lấp... các số liệu trên phải được trích dẫn nguồn tư liệu cung cấp, cách tính nhu cầu sử dụng cát từ đâu; Tác giả lưu ý không cần nêu kết quả công tác đầu giá quyền khai thác khoáng sản cát (tr.24) vì không thuộc nội dung phải đề cập trong quy hoạch này; Về đánh giá ảnh hưởng của hoạt động của hoạt động khai thác tài nguyên cát cần cụ thể hơn về số liệu đã bị ảnh hưởng trong kỳ quy hoạch, ở đây tác giả đang nêu theo nguyên lý chung chung; Về đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch kỳ trước (tr.25) tác giả cần phân tích đánh giá kỹ hơn việc thực hiện quy hoạch đó là vì sao chỉ 31/105 mỏ được cấp phép, số mỏ chưa được cấp phép có bị khai thác không trữ lượng khi cấp phép so với số lượng khai thác thực tế thế nào; 52/108 bãi tập kết được sử dụng, số bãi còn lại vì sao không được sử dụng, đánh giá chất lượng quy hoạch và những bất cập đối với quy hoạch được duyệt, việc quản lý mỏ và bãi tập kết trước, trong và sau quy hoạch được duyệt (đánh giá tồn tại, hạn chế và nguyên nhân), tác giả cũng chưa đề cập đến bài học kinh nghiệm.

Về Phần III: Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm VLXD tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Về vai trò, vị trí của khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi cần bổ sung nội dung của nó trong sự nghiệp phát triển công nghiệp VLXD và đóng góp cho nền kinh tế của tỉnh; về Bối cảnh tác động trong nước và thế giới có tác động đến hoạt động khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi đề nghị tác giả tập trung nêu thông qua chính sách hội nhập quốc tế, tỉnh Thanh Hóa là khu vực xúc tiến, kêu gọi, thu hút đầu tư vào nhiều lĩnh vực quan trọng như phát triển công nghiệp, giao thông, đặc biệt là phát triển đô thị tại các thành phố, thị xã, thị trấn và đô thị mới là môi trường thuận lợi cho các nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước đầu tư vào Thanh Hóa đó chính là yếu tố quan trọng để phát triển công nghiệp VLXD và khai thác sử dụng có hiệu quả khoáng sản tài nguyên cát làm VLXD. Về mục B. Quy hoạch (tr.32), I. Lựa chọn phương án phát triển, để lựa chọn phương án phát triển thì công tác dự báo là cực kỳ quan trọng vậy dự báo dựa trên số liệu nào đề nghị tác giả trích dẫn nguồn dự báo để có căn cứ lập quy hoạch đáp ứng yêu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên cát làm VLXD một cách hợp lý, theo tôi cũng không thể luận chứng dự báo từ nay đến năm 2030 nhu cầu cát, sỏi tăng trưởng thuận (5-8%/năm) với tăng trưởng bình quân kinh tế-xã hội trên địa bàn tỉnh

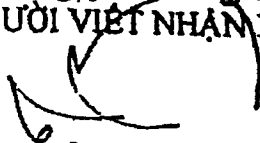
là 6,5% được; vì nếu theo cách tính này đến năm 2025 tình chúng ta thiếu khoảng 13,7 triệu m<sup>3</sup> cát, do đó phải bổ sung bằng cát nghiền nhân tạo (trên 50% so với yêu cầu) và từ năm 2026 – 2030 không có cát tự nhiên mà phải sử dụng cát nghiền nhân tạo 100% để làm VLXD là không khả thi và nếu theo số liệu đánh giá hiện trạng năm 2016 doanh nghiệp khai thác theo giấy phép chỉ đạt 875 nghìn m<sup>3</sup>, nhưng tổng nhu cầu sử dụng cát là 2,8 triệu m<sup>3</sup> vậy 2 triệu m<sup>3</sup> cát không phép khai thác ở mỏ nào và nếu lượng cát tiêu thụ như vậy của các năm trước đây như thế liệu dự báo trữ lượng các mỏ theo quy hoạch đã duyệt có chính xác không, vì vậy theo tôi cần phải cần chỉnh lại dự báo cho phù hợp và đặc biệt không thể tính chuyện đến năm 2025 là không còn cát tự nhiên sử dụng cho VLXD; về Công nghệ khai thác cũng cần dự báo cho phù hợp với dự báo tài nguyên cát và nên đề xuất phương án khai thác sử dụng tài nguyên cát, bãi tập kết cát hàng năm ở mức độ nào là hợp lý để đảm bảo cả về hiện đại hóa công nghệ khai thác cả đầu tư hạ tầng bến bãi, giao thông và đảm bảo môi trường, không làm ảnh hưởng đến sạt lở hệ thống đê điều, thay đổi dòng chảy của sông; về phương án quy hoạch cũng cần điều chỉnh lại cho hợp lý; về mục II. Quy hoạch (tr.37) mục 1. Rà soát quy hoạch cần tổng kết từ khi quy hoạch được duyệt đến nay đã khai thác sử dụng được bao nhiêu m<sup>3</sup> cát so với tổng trữ lượng tài nguyên dự báo làm căn cứ cho việc lập quy hoạch mới, căn cứ số liệu khảo sát đánh giá sơ bộ về diện tích và trữ lượng mỏ để lập quy hoạch là phù hợp, tuy nhiên cần kiểm tra lại việc khảo sát các mỏ này đưa ra số liệu dự báo trữ lượng đã đạt được độ chính xác là bao nhiêu %. Và cần đánh giá trữ lượng tài nguyên được bổ sung tái tạo hàng năm sau khai thác mỏ là bao nhiêu; trong quy hoạch cần đưa phạm vi cung ứng cát làm VLXD của các mỏ và bãi tập kết cát phục vụ công trình xây dựng cho hợp lý, tránh chồng chéo, bất hợp lý trong khai thác vận chuyển cát đến công trình xây dựng. về mục IV. Kế hoạch khai thác cũng cần điều chỉnh lại cho hợp lý so với đề xuất luận chứng ở các mục nói trên;

Về Phần IV. Các giải pháp thực hiện: về giải pháp khoa học công nghệ cần bổ sung nội dung “kiên quyết xóa bỏ công nghệ lạc hậu hiện đang sử dụng trong khai thác cát”; về giải pháp tổ chức thực hiện cần bổ sung vai trò, trách nhiệm của Công an tỉnh;

Trong báo cáo còn vấp một số lỗi chính tả đề nghị tác giả xem xét trước khi in ấn giao nộp sản phẩm.

6. Kết luận và đề nghị : Có thể nói báo cáo Dự án Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 được tác giả nghiên cứu tương đối đầy đủ trong khảo sát điều tra, đánh giá, đề xuất quy hoạch và giải pháp tổ chức thực hiện, tôi đồng ý thông qua Quy hoạch này sau khi Tư vấn chỉnh sửa, bổ sung một số đề nghị nêu tại mục 5.2./.

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 01 năm 2018  
NGƯỜI VIẾT NHẬN XÉT



ThS. KSXD Lê Huy Việt

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN NHẬN XÉT**

**DỰ ÁN: QUY HOẠCH KHẢO SÁT, THĂM DÒ, KHAI THÁC VÀ  
SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN CÁT, SỎI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG TỈNH  
THANH HÓA ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030 (đã được chỉnh  
sửa, bổ sung hoàn chỉnh theo kết luận của Hội đồng thẩm định ngày 04/4/2018)  
CỦA ỦY VIÊN PHẢN BIỆN**

1. Họ và tên người nhận xét: Lê Huy Việt
2. Học hàm, học vị, chức vụ công tác: Thạc sĩ - Kỹ sư Xây dựng, UVBCHTW Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam; Phó Chủ tịch Hội Quy hoạch phát triển đô thị Thanh Hóa; Nguyên Phó Viện trưởng Viện Quy hoạch – Kiến trúc Thanh Hóa.
3. Nơi công tác: Hội Quy hoạch phát triển đô thị Thanh Hóa, số 747 - Đường Bà Triệu, thành phố Thanh Hóa, 0913 239989, [vietlehuy@gmail.com](mailto:vietlehuy@gmail.com).
4. Tên dự án: Dự án Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.
5. Nhận xét về nội dung Dự án Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030

**5.1. Những nội dung đạt yêu cầu:**

Hồ sơ “Dự án Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030” sau khi chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện để trình duyệt gồm có Thuyết minh dự án có 173 trang và Tập bản vẽ gồm bản đồ quy hoạch tổng thể phân bố các vị trí Mỏ, bãi tập kết cát tỷ lệ 1/250.000 và quy hoạch cụ thể các Mỏ khai thác và các Bãi tập kết cát tỷ lệ 1/5.000 trên địa bàn toàn tỉnh kèm theo.

Về cơ bản Tác giả đã hiệu chỉnh, chỉnh sửa, bổ sung trên cơ sở các ý kiến tham gia của các Bộ, các Sở, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị, thành phố liên quan và thành viên Hội đồng thẩm định của tỉnh Thanh Hóa, đặc biệt đã hoàn chỉnh về nội dung thuyết minh dự án và bản vẽ theo đúng kết luận của Đ/c Nguyễn Đức Quyền Phó chủ tịch thường trực UBND tỉnh Thanh Hóa - Chủ tịch Hội đồng thẩm định dự án quy hoạch hợp ngày 04/4/2018.

**5.2. Những nội dung cần được xem xét chỉnh sửa, bổ sung:**

Về phần Mở đầu: mục II. Các căn cứ pháp lý lập quy hoạch (tr.1) cần sắp xếp các văn bản pháp luật theo thứ tự thời gian ban hành; mục III. Mục tiêu, yêu cầu (tr.3) chỉnh sửa lại cho đúng “hệ tọa độ VN-2000, múi chiếu 3<sup>0</sup>” thay cho đã viết hệ toạ độ VN20000, múi chiếu 30;

Về phần I: Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa; Mục 3. Đặc điểm địa hình, địa mạo (tr.8) tại dòng Vùng ven biển (tr.9) nên chỉnh sửa lại là “gồm 6 huyện, thành phố” thay cho cụm từ “thị xã” vì Sầm Sơn đã được công nhận là thành phố năm 2017; theo đó tại mục III. Đánh giá... (tr.17) cũng chỉnh sửa lại là “các huyện, thành phố.”

Về Phần II: Đánh giá hiện trạng hoạt động thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm VLXD trên địa bàn Tỉnh; về mục tồn tại và hạn chế (tr.25) đề nghị bổ sung thêm ý “Đã làm thất thoát nguồn thu thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường hàng chục tỷ đồng hàng năm do khai thác trái phép, khai thác không phép với số lượng cát rất lớn (cấp phép mỏ khai thác cát mới đạt 25% so với nhu cầu sử dụng cát trong xây dựng hàng năm)”

Về Phần III: Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm VLXD tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Tại mục B. Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm VLXD, mục nhỏ 1. Dự báo nhu cầu sử dụng cát, sỏi làm VLXD trên địa bàn tỉnh (tr.33) cần xem lại nội dung kết luận của dự báo (tr.35): “Tổng nhu cầu sử dụng cát, sỏi làm VLXD đến năm 2025 khoảng 26.790.000 m<sup>3</sup>; Trữ lượng quy hoạch 13,34 triệu m<sup>3</sup> ; Khối lượng còn thiếu 13,45 triệu m<sup>3</sup> phải thay thế bằng cát nhân tạo và theo đó kết luận để đảm bảo nhu cầu cát làm VLXD thì giai đoạn 2026-2030 phải thay thế hoàn toàn cát tự nhiên bằng cát nghiền và các loại vật liệu thay thế khác” như vậy không phù hợp với quy luật sản sinh tự nhiên của các mỏ cát, đồng thời không đúng với số liệu Quy hoạch (tr.37) tại mục 4. tổng hợp kết quả quy hoạch kỳ này tổng trữ lượng là 24,83 triệu m<sup>3</sup>; và không phù hợp với Mục III. Kế hoạch khai thác cát, sỏi làm VLXD (tr.43), đề nghị tác giả chỉnh nội dung kết luận phần dự báo lại cho phù hợp với số liệu Quy hoạch và kế hoạch.

Trong báo cáo còn vấp một số lỗi chính tả đề nghị tác giả xem xét trước khi in ấn giao nộp sản phẩm.

6. Kết luận và đề nghị : Đề nghị tác giả điều chỉnh, bổ sung một số nội dung đề nghị tại mục 5.2 cho Báo cáo Dự án Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trước khi báo cáo UBND tỉnh thông qua Quy hoạch./.

Thanh Hóa, ngày 28 tháng 6 năm 2018

NGƯỜI VIẾT NHẬN XÉT



ThS. KSXD Lê Huy Việt

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**NHẬN XÉT DỰ ÁN QUY HOẠCH KHẢO SÁT, THĂM DÒ, KHAI THÁC VÀ  
SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN CÁT SỎI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG TỈNH  
THANH HÓA ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030.**

1. *Chủ đầu tư: Sở Xây dựng Thanh Hóa.*
2. *Đơn vị tư vấn: Công ty CP Đầu tư không gian vàng*
3. *Người nhận xét: Nguyễn Minh Châu- Phó Giám đốc- Sở TNMT Thanh Hóa- Ủy viên Hội đồng*

**4. Nội dung nhận xét:**

**a. Những vấn đề đạt được:**

Trang bìa và phụ bìa đề nghị bỏ cụm từ “Dự thảo”; trang phụ bìa đề nghị đơn vị tư vấn và chủ đầu tư ký tên đóng dấu theo quy định.

Về bố cục: Dự án được lập gồm 01 bản thuyết minh 191 trang và 01 tập bản vẽ đã thể hiện tương đối rõ và đầy đủ các yếu tố cần thiết của một dự án quy hoạch.

Về nội dung: Báo cáo đã nêu được sự cần thiết và các căn cứ pháp lý để thực hiện việc lập dự án quy hoạch. Đã nêu khái quát được hiện trạng khai thác, chế biến, khoáng sản cát, sỏi làm VLXD thông thường và đánh giá, dự báo nhu cầu về khoáng sản cát, sỏi làm VLXD trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới. Về cơ bản nội dung thuyết minh Dự án đảm bảo yêu cầu của một Dự án quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản làm VLXD.

Các bản vẽ và phụ lục kèm theo: Các bản vẽ cơ bản đáp ứng được yêu cầu của một báo cáo quy hoạch khoáng sản cát, sỏi làm VLXD. Đã thể hiện tương đối đầy đủ các yếu tố cần thiết, phù hợp với quy định của Luật Khoáng sản về khoanh định các khu vực mỏ thuộc quy hoạch.

**b. Những vấn đề cần bổ sung và chỉnh sửa:**

**I. Phần thuyết minh.**

**Phần mở đầu:**

- Về số lượng mỏ, bãi tập kết theo Quyết định số 3350/QĐ-UBND ngày 05/11/2007 và Quyết định số 2182/QĐ-UBND ngày 13/7/2012 là không đúng (số lượng mỏ phải là 140 mỏ, số lượng bãi tập kết là 109 bãi).

- Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 đã hết hiệu lực đề nghị thay bằng Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016.

- Căn cứ pháp lý đề nghị bổ sung Quyết định phê duyệt khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản tỉnh Thanh Hóa đã được phê duyệt.

- Tại trang 2, phần mục tiêu: Tại mục tiêu thứ nhất nên sửa lại cụm từ: “Điều tra sơ bộ về trữ lượng tài nguyên cát, sỏi..” sửa lại là “Thống kê, đánh giá sơ bộ về trữ



lượng, tài nguyên cát, sỏi...”; Mục tiêu thứ 3 cần nêu rõ các khu vực được quy hoạch được thể hiện trên nền bản đồ địa hình có tỷ lệ cụ thể trong khoảng nào, hệ tọa độ VN2000 múi chiếu mấy độ;

**Phần I:** Đánh giá khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế- xã hội tỉnh Thanh Hóa.

- Mục Điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế, xã hội: đề nghị bổ sung nguồn trích dẫn số liệu (cơ quan cung cấp số liệu)

- Điều kiện khí hậu đề nghị bổ sung và nêu rõ tháng 3 đến tháng 5 và tháng 9 đến tháng 12 là mùa gì?

- Tại trang 18: Mục khó khăn: Cần xem lại một số khó khăn được tác giả nêu không hợp lý, cụ thể như: các khó khăn được nêu tại các gạch đầu dòng 1, 2, 3 và 5.

**Phần II:** Đánh giá hiện trạng hoạt động thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm VLXD trên địa bàn tỉnh.

- Trang 23: Cần xem lại sông Hoạt có cát hay không;

- Trang 26: Lý do đưa ra khỏi quy hoạch một số mỏ do hết trữ lượng là chưa chính xác vì có nhiều mỏ chưa khai thác không thể nói là do hết trữ lượng, do vậy đề nghị đưa lý do cho phù hợp thực tế;

**Phần III:** Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm VLXD tỉnh Thanh Hóa năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Phụ lục 01: Các mỏ đưa vào quy hoạch đề nghị xem xét lại địa giới hành chính cho phù hợp với thực tế như: mỏ cát số 20 thuộc xã Vĩnh Khang, huyện Vĩnh Lộc và xã Yên Thái, huyện Yên Định, không phải thuộc xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc; các mỏ cát cần phải lấy ý kiến tham gia của địa phương vì khu vực mỏ liên quan đến cảnh quan, môi trường, có sở hạ tầng kỹ thuật và có nguy cơ gây sạt lở bờ, bãi sông như (mỏ cát số 113 xã Cẩm Giang, huyện Cẩm Thủy; UBND huyện Cẩm Thủy, UBND xã Cẩm Giang không đồng ý cấp phép vì nếu khai thác có khả năng gây sạt lở bãi sông ảnh hưởng đến đất sản xuất nông nghiệp của nhân dân...); Cột ghi chú đề nghị bổ sung thông tin mỏ đã cấp phép, mỏ đã được chấp thuận chủ trương cho lập hồ sơ cấp phép. Cần xem xét một số mỏ có điều kiện khai thác thuận lợi có thể bổ sung vào quy hoạch như mỏ cát số 26 xã Quý Lộc, huyện Yên Định và xã Vĩnh Ninh, huyện Vĩnh Lộc...

- Phụ lục 07: Đề nghị xem lại nội dung đề nghị đưa mỏ ra khỏi quy hoạch với lý do mỏ hết trữ lượng là không hợp lý vì đa số các mỏ này là chưa cấp phép khai thác và thực tế trữ lượng vẫn còn như: mỏ cát số 66 xã Thiệu Quang, huyện Thiệu Hóa đã chấp thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Miền Trung lập hồ sơ cấp phép khai thác; mỏ cát số 32 xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Lộc đang xem xét chuyển đổi vị trí khai thác cho HTX Xây dựng Thành Công; mỏ cát số 26 xã Vĩnh Ninh, huyện Vĩnh Lộc và xã Quý Lộc, huyện Yên Định là cồn nổi lớn giữa dòng sông...

- Kế hoạch cấp phép các mỏ phải được phân thành nhiều giai đoạn để đảm bảo sử dụng tiết kiệm tài nguyên giảm thiểu tác động cộng hưởng của các mỏ khai thác đồng thời đến hệ thống đê điều, lòng sông và các vấn đề xã hội khác.

## **II. Phân bản vẽ:**

Đề nghị sử dụng nền bản đồ địa chính trên nền bản đồ địa giới hành chính 364 để thể hiện chính xác ranh giới mỏ giữa các xã, huyện.

## **5. Kết luận:**

Đề nghị Sở Xây dựng chỉ đạo đơn vị tư vấn chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến nhận xét đã nêu trên;

Ngày 26 tháng 02 năm 2018

Người đọc và viết nhận xét

**Nguyễn Minh Châu**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN NHẬN XÉT**

**Dự án “Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm VLXD thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035”**

**Chủ đầu tư: Sở Xây dựng**

**Đơn vị lập dự án: Công ty cổ phần Đầu tư không gian vàng**

**Người nhận xét: Nguyễn Minh Châu;**

**Nơi công tác: Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa;**

**Chức vụ công tác: Phó Giám đốc Sở;**

**Chức danh trong hội đồng thẩm định: Ủy viên.**

Được thành lập theo Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 04/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập hội đồng thẩm định dự án “Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm VLXD thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035”

**I. Nội dung nhận xét:**

Về bố cục: Dự án được lập gồm 01 bản thuyết minh 55 trang kèm theo 08 phụ lục danh sách các mỏ và 01 tập bản vẽ đã thể hiện tương đối rõ và đầy đủ các yếu tố cần thiết của một dự án quy hoạch.

Về nội dung: Báo cáo đã nêu được sự cần thiết và các căn cứ pháp lý để thực hiện việc lập dự án quy hoạch. Đã nêu khái quát được hiện trạng khai thác, chế biến khoáng sản cát, sỏi làm VLXD thông thường và đánh giá, dự báo nhu cầu về khoáng sản cát, sỏi làm VLXD trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới. Về cơ bản nội dung thuyết minh Dự án đảm bảo yêu cầu của một Dự án quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản làm VLXD.

Các bản vẽ và phụ lục kèm theo: Các bản vẽ cơ bản đáp ứng được yêu cầu của một báo cáo quy hoạch khoáng sản cát, sỏi làm VLXD. Đã thể hiện tương đối đầy đủ các yếu tố cần thiết, phù hợp với quy định của Luật Khoáng sản về khoanh định các khu vực mỏ thuộc quy hoạch.

**II. Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung và giải trình một số nội dung sau:**

- Tại trang 1 Phần mở đầu: Bổ Nghị định 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 do đã hết hạn; Bổ sung Quyết định phê duyệt khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

**Phần I: Điều kiện tự nhiên, kinh tế- xã hội tỉnh Thanh Hóa.**

- Tại trang 19: Mục khó khăn: Cần xem lại một số khó khăn tác giả nêu không hợp lý, cụ thể như:

+ Một số tổ chức khai thác còn thiếu vốn, thiếu công nghệ và thiết bị tiên tiến trong thăm dò để tăng trữ lượng chuẩn bị tài nguyên đưa vào khai thác

+ Một số doanh nghiệp do hạn chế về năng lực, không đủ điều kiện tham gia đầu tư "chế biến sâu", chủ yếu bán cát thô;

- Đề nghị đưa thêm khó khăn về công tác quản lý tàu, thuyền tham gia khai thác cát khi chưa được đăng kiểm, đăng ký.

#### **Phần II: Đánh giá hiện trạng...**

- Thực trạng hoạt động thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi: Đơn vị nêu tổng sản lượng khai thác cát năm 2016 đạt 736.370 m<sup>3</sup>; năm 2017 đạt 533.456 m<sup>3</sup> (tính theo công suất khai thác của các mỏ) là chưa sát với thực tế. Đề nghị đơn vị tư vấn lấy số liệu tại các cơ quan thuế, đồng thời đánh giá đúng thực trạng khai thác thực tế của các đơn vị (thực tế các đơn vị khai thác với trữ lượng có thể lớn hơn nhiều so với số liệu nêu trên).

- Kết quả thực hiện công tác đấu giá đề nghị sửa lại Quyết định số 98/2016/QĐ-UBND ngày 08/01/2016 bằng Quyết định số 3029/2017/QĐ-UBND ngày 17/8/2017.

- Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động khai thác tài nguyên cát, sỏi: Ảnh hưởng đến hệ thống hạ tầng giao thông, đường sạt lún đây không phải là nguyên nhân chính của hoạt động khai thác cát, sỏi. Việc khai thác cát sỏi có chăng chỉ ảnh hưởng đến hệ thống đê điều, bãi bồi, kè sông.

- Tồn tại, hạn chế cần xem lại các tồn tại hạn chế mà đơn vị tư vấn đã đưa ra, cụ thể như:

+ Công tác triển khai, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản... đây là nội dung đã được UBND tỉnh, các ngành, các cấp thường xuyên thực hiện (hàng năm Sở Tài nguyên và Môi trường đều tổ chức các đợt tập huấn về công tác tài nguyên và môi trường cho cán bộ công chức phòng TNMT các huyện, công chức địa chính cấp xã)

+ Việc cấp phép khai thác còn ở quy mô nhỏ: Do đặc thù mỏ cát trên địa bàn tỉnh nằm rải rác, không tập trung, trữ lượng ít.

- Bài học kinh nghiệm: Đề nghị bỏ cụm từ "quy trình, thủ tục xin cấp phép khai thác...khá rườm rà, mất nhiều thời gian" vì hiện nay việc cấp phép khai thác cát thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

**Phần III: Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm VLXD tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.**

- Trang 28, không sử dụng cụm từ "chức năng" đối với cát mà thay bằng cụm từ "công dụng" và đề nghị bổ sung công dụng của sỏi trong xây dựng

- Dự báo nhu cầu sử dụng cát, sỏi làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh đề nghị dự báo khối lượng sỏi sử dụng trong xây dựng và cát nhiễm mặn đủ tiêu chuẩn có thể sử dụng trong san lấp mặt bằng.

V

- Đối với khu vực lòng hồ thủy điện, thủy lợi đề nghị bổ sung ý kiến tham gia của đơn vị quản lý lòng hồ để thuận tiện trong công tác cấp phép sau này.

- Trong báo cáo vẫn không đề cập đến vấn đề sử dụng sỏi trong xây dựng, chưa quy hoạch tách riêng được mỏ cát, mỏ sỏi, mỏ cát sỏi, mỏ sỏi cát theo ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch Thường trực Nguyễn Đức Quyền.

Phần phụ lục kèm theo:

- Phụ lục 01: Danh sách các mỏ cát, sỏi thuộc khu vực các hệ thống sông chính đưa vào quy hoạch đề nghị xem lại: Suối sim, suối cholo, sông Luông, sông Âm, sông Hón Cây, Suối Ngàn, sông Đăn, sông Bưởi, sông Lạch Bạng, Khe Hao Hao không phải là sông chính và thiếu sông Lò.

Đề nghị tách các mỏ thuộc 02 sông chính: sông Mã, sông Chu thành 01 phụ lục. Các mỏ thuộc sông nhánh, suối. Khu vực sông Lạch Bạng, Khe Hao Hao đề nghị đưa vào khu vực nạo vét có thể tận thu cát

- Phụ lục 04: Danh sách các mỏ đã được cấp phép đề nghị rà soát, bổ sung

- Phụ lục số 06: Đề nghị tách thành 02 phụ lục: Phụ lục các mỏ đưa ra khỏi quy hoạch và phụ lục các bãi tập kết đưa ra khỏi quy hoạch (nếu có lý do)

Lý do đưa ra khỏi quy hoạch một số mỏ do hết trữ lượng là chưa chính xác vì có nhiều mỏ chưa khai thác không thể nói là do hết trữ lượng, do vậy đề nghị đưa lý do cho phù hợp thực tế;

Nhận xét khác: Các điểm mỏ, bãi tập kết khi được rà soát đưa vào quy hoạch phải xin ý kiến các đơn vị liên quan để đảm bảo không thuộc khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản theo quy định của Luật Khoáng sản;

- Kế hoạch cấp phép các mỏ phải được phân thành nhiều giai đoạn để đảm bảo sử dụng tiết kiệm tài nguyên, sử dụng tài nguyên lâu dài, giảm thiểu tác động cộng hưởng của các mỏ khai thác đồng thời đến hệ thống đê điều, lòng sông và các vấn đề xã hội khác.

## II. Kết luận và kiến nghị:

Từ những nội dung nhận xét nêu trên, người đọc chưa đồng ý thông qua báo cáo. Đề nghị đơn vị tư vấn nghiên cứu bổ sung, chỉnh sửa hoàn thiện lại báo cáo.

NGƯỜI VIẾT NHẬN XÉT  
ỦY VIÊN

  
Nguyễn Minh Châu  
Phó Giám đốc Sở TN&MT

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ**

**Dự án “Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030”.**

1. Họ và tên: Nguyễn Trọng Hải.
2. Học hàm, học vị: Thạc Sĩ xây dựng công trình thủy.
3. Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT.
4. Chức danh trong Hội đồng thẩm định: Ủy viên.

(Quyết định 47/QĐ-UBND ngày 04/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thành lập Hội đồng thẩm định dự án “Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030”).

**5. Nhận xét nội dung dự án điều chỉnh Quy hoạch**

**5.1. Nhận xét chung:** Hồ sơ dự án quy hoạch gồm có: Dự thảo thuyết minh và Hồ sơ bản vẽ.

Dự thảo thuyết minh “Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030”, do Công ty Cổ phần đầu tư Không Gian Vàng lập năm 2017 (sau đây gọi tắt là Thuyết minh), có kết cấu, bố cục và nội dung đáp ứng cơ bản theo Đề cương nhiệm vụ lập Quy hoạch đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 14/01/2016.

**5.2. Những nội dung đạt yêu cầu:**

- Về hình thức: Thuyết minh được trình bày hợp lý, bố cục đầy đủ các chương, mục rõ ràng.

- Về nội dung: Thuyết minh đã nêu được sự cần thiết phải lập quy hoạch và xác định được mục tiêu, yêu cầu Quy hoạch; đã đánh giá thực trạng hoạt động thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi trên địa bàn tỉnh; rà soát quy hoạch kỳ trước để loại bỏ các mỏ, bãi tập kết cát, sỏi không đủ điều kiện tiếp tục quy hoạch; dự báo nhu cầu sử dụng cát, sỏi trên địa bàn tỉnh trong các giai đoạn từ nay đến 2025 và từ 2026-2030; từ đó đề xuất các vị trí mỏ, bãi tập kết mới có khả năng đáp ứng các điều kiện để đưa vào quy hoạch,...

**5.3. Những nội dung chưa đạt yêu cầu cần chỉnh sửa, bổ sung:**

**5.3.1. Nội dung Thuyết minh:**

- *Mục 3. Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động khai thác tài nguyên cát, sỏi (trang 24):* Nội dung đánh giá đang còn sơ sài, chung chung, chưa đánh giá được ảnh hưởng của hoạt động khai thác tài nguyên cát, sỏi đến môi trường, dòng chảy, dân cư xung quanh khu vực các mỏ, bãi tập kết cát; chưa đánh giá tác động, ảnh hưởng của việc khai thác cát, tập kết cát trong kỳ quy hoạch kỳ trước đến hệ thống đê điều và các công trình phòng chống lụt bão. Đặc biệt, đánh giá tính hiệu quả kinh tế của các mỏ, bãi tập kết cát, sỏi đã được cấp phép và những hư hỏng của công trình đê điều do các mỏ, bãi tập kết trong quá trình hoạt động gây ra để làm

cơ sở đề nghị UBND tỉnh xem xét. Vì vậy, chưa đáp ứng được các yêu cầu của đề cương nhiệm vụ đã được phê duyệt.

- *Mục II. Đánh giá về tình hình thực hiện quy hoạch kỳ trước (trang 25):* Chưa thực hiện đúng đề cương. Đề nghị thực hiện theo đúng bố cục, nội dung của đề cương nhiệm vụ đã được phê duyệt.

- *Mục b. Các vị trí đủ điều kiện để tiếp tục quy hoạch (trang 37):* Được thể hiện tại phụ lục số 09 và 10, đề nghị bổ sung thêm cột với nội dung “Lý do tiếp tục quy hoạch (sạt lở bờ ?; khoảng cách an toàn từ điểm gần nhất đến chân các công trình giao thông, đê điều, thủy lợi ?; ảnh hưởng môi trường khu vực dân cư ?; đường vận chuyển cát, sỏi ?...)”.

- *Mục 3. Bổ sung các vị trí mới vào quy hoạch (trang 37-38):* Được thể hiện tại phụ lục số 13 và 14, đề nghị bổ sung thêm cột với nội dung “Lý do đưa vào quy hoạch (sạt lở bờ ?; khoảng cách an toàn từ điểm gần nhất đến chân các công trình giao thông, đê điều, thủy lợi ?; ảnh hưởng môi trường khu vực dân cư ?; đường vận chuyển cát, sỏi ?...)”.

- *Mục VII: Khoanh định khu vực cấm, tạm cấm khai thác (trang 180-184):* Đề nghị rà soát thêm các đoạn lòng sông, bãi sông ngoài phạm vi các mỏ, bãi tập kết đã nêu mà ở đó các công trình đê điều, thủy lợi, giao thông... có nguy cơ mất an toàn để khoanh định khu vực cấm, tạm cấm khai thác; bổ sung tọa độ các khu vực cấm, tạm cấm.

Để đảm bảo các mỏ, bãi tập kết cát, sỏi được đưa vào quy hoạch kỳ này đúng, sát thực tế và có tính khả thi, đề nghị Sở Xây dựng (chủ đầu tư) và các ngành có liên quan thành lập đoàn công tác đi kiểm tra thực tế, đánh giá cụ thể các vị trí mỏ, bãi tập kết cát, sỏi đã được đơn vị tư vấn lựa chọn để có cơ sở xem xét quyết định.

### 5.3.2. Tập bản vẽ quy hoạch:

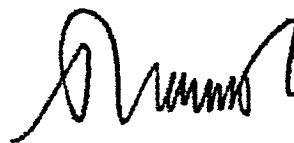
- Đối với các bản vẽ quy hoạch khai thác cát, sỏi tổng thể từng huyện: Thể hiện quá nhỏ, không thể quan sát được. Đề nghị thể hiện bản vẽ sơ đồ quy hoạch khai thác sử dụng cát sỏi lòng sông cho từng khu vực (1 huyện có thể gồm nhiều bản vẽ khu vực ghép lại);

- Đối với bản vẽ thể hiện các mỏ, bãi tập kết cát: Đề nghị thể hiện không gian đủ rộng và đầy đủ vị trí các công trình giao thông, thủy lợi, đê điều và công trình bảo vệ bờ khu vực lân cận vào bản vẽ (ghi chú ký hiệu rõ ràng). Trích xuất thêm khu vực mỏ ra một khung hình khác để thể hiện.

Đề nghị chủ đầu tư, đơn vị tư vấn xem xét chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ./

Thanh Hóa, ngày 31 tháng 01 năm 2018.

Người tham gia ý kiến  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Trọng Hải

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ**

Dự án "Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030".

SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA	
ĐẾN	Số: 3947
	Ngày: 29/6/16
Chuyên: PTNT	
Lưu hồ sơ số: .....	

Họ và tên: Nguyễn Trọng Hải.

2. Học hàm, học vị: Thạc Sĩ xây dựng công trình thủy.

3. Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT.

4. Chức danh trong Hội đồng thẩm định: Ủy viên.

(Quyết định 47/QĐ-UBND ngày 04/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thành lập Hội đồng thẩm định dự án "Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030").

5. Nhận xét nội dung dự án điều chỉnh Quy hoạch

5.1. Nhận xét chung: Hồ sơ dự án quy hoạch gồm có: Thuyết minh và Hồ sơ bản vẽ.

Thuyết minh "Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030", do Công ty Cổ phần đầu tư Không Gian Vàng lập năm 2017 (sau đây gọi tắt là Thuyết minh), có kết cấu, bố cục và nội dung đáp ứng cơ bản theo Đề cương nhiệm vụ lập Quy hoạch đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 14/01/2016.

5.2. Những nội dung đạt yêu cầu:

- Về hình thức: Thuyết minh được trình bày hợp lý, bố cục đầy đủ các chương, mục rõ ràng.

- Về nội dung: Thuyết minh đã nêu được sự cần thiết phải lập quy hoạch và xác định được mục tiêu, yêu cầu Quy hoạch; đã đánh giá thực trạng hoạt động thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi trên địa bàn tỉnh; rà soát quy hoạch kỳ trước để loại bỏ các mỏ, bãi tập kết cát, sỏi không đủ điều kiện tiếp tục quy hoạch; dự báo nhu cầu sử dụng cát, sỏi trên địa bàn tỉnh trong các giai đoạn từ nay đến 2025 và từ 2026-2030; từ đó đề xuất các vị trí mỏ, bãi tập kết mới có khả năng đáp ứng các điều kiện để đưa vào quy hoạch,...

5.3. Những nội dung chưa đạt yêu cầu cần chỉnh sửa, bổ sung:

5.3.1. Nội dung Thuyết minh:

- Mục 3. Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động khai thác tài nguyên cát, sỏi (trang 23): Nội dung đánh giá đang còn sơ sài, chung chung, chưa đánh giá được ảnh hưởng của hoạt động khai thác tài nguyên cát, sỏi đến môi trường, dòng chảy, dân cư xung quanh khu vực các mỏ, bãi tập kết cát; chưa đánh giá tác động, ảnh hưởng của việc khai thác cát, tập kết cát trong kỳ quy hoạch kỳ trước đến hệ thống đê điều và các công trình phòng chống lụt bão. Đặc biệt, đánh giá tính hiệu quả kinh tế của các mỏ, bãi tập kết cát, sỏi đã được cấp phép và những hư hỏng của công trình đê điều do các mỏ, bãi tập kết trong quá trình hoạt động gây ra để làm



cơ sở đề nghị UBND tỉnh xem xét. Vì vậy, chưa đáp ứng được các yêu cầu của đề cương nhiệm vụ đã được phê duyệt.

- *Tại mục 1.2; mục 1.3; mục 1.4 (trang 39):* Được thể hiện tại phụ lục số 01, 02, đề nghị tách riêng thành các phụ lục thành phần theo các mục 1.2; 1.3; 1.4. Nêu rõ lý do bổ sung các vị trí mới đủ điều kiện vào quy hoạch, các vị trí đủ điều kiện tiếp tục quy hoạch.

Để đảm bảo các mỏ, bãi tập kết cát, sỏi được đưa vào quy hoạch kỳ này đúng, sát thực tế và có tính khả thi, đề nghị Sở Xây dựng (chủ đầu tư) và các ngành có liên quan thành lập đoàn công tác đi kiểm tra thực tế, đánh giá cụ thể các vị trí mỏ, bãi tập kết cát, sỏi đã được đơn vị tư vấn lựa chọn để có cơ sở xem xét quyết định.

### **5.3.2. Tập bản vẽ quy hoạch:**

- Đối với các bản vẽ quy hoạch khai thác cát, sỏi tổng thể từng huyện: Thể hiện quá nhỏ, không thể quan sát được. Đề nghị thể hiện bản vẽ sơ đồ quy hoạch khai thác sử dụng cát sỏi lòng sông cho từng khu vực (1 huyện có thể gồm nhiều bản vẽ khu vực ghép lại);

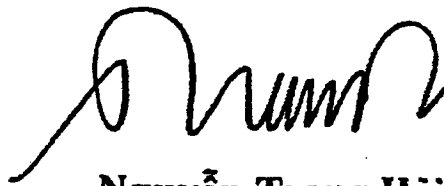
- Đối với bản vẽ thể hiện các mỏ, bãi tập kết cát: Đề nghị thể hiện không gian đủ rộng và đầy đủ vị trí các công trình giao thông, thủy lợi, đê điều và công trình bảo vệ bờ khu vực lân cận vào bản vẽ, ghi chú ký hiệu rõ ràng (đặc biệt là các mỏ, bãi tập kết cát ở các huyện đồng bằng, ven biển). Trích xuất thêm khu vực mỏ ra một khung hình khác để thể hiện.

Đề nghị chủ đầu tư, đơn vị tư vấn xem xét chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ./.

*Thanh Hóa, ngày 28 tháng 6 năm 2018.*

**Người tham gia ý kiến**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*



**Nguyễn Trọng Hải**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**Ý KIẾN THẨM ĐỊNH**

**Hồ sơ Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030**

1. **Họ và tên:** Lê Trọng Hân
2. **Học hàm, học vị:** Thạc sỹ
3. **Nơi công tác:** Sở Công Thương Thanh Hoá
4. **Chức danh trong hội đồng:** Ủy viên
5. **Ý kiến thẩm định:**

Sau khi nghiên cứu về dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035, tôi có ý kiến như sau:

1. Dự thảo báo cáo Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 được Sở Xây dựng phối hợp với đơn vị tư vấn lập đã cơ bản khái quát được sự cần thiết, hiện trạng khai thác, chế biến và sử dụng cát, sỏi làm VLXD thông thường trên địa bàn tỉnh; đồng thời, đã đánh giá, dự báo được nhu cầu trong thời gian tới và đề xuất phương án quy hoạch thăm dò, khai thác nhằm đảm bảo nhu cầu sử dụng một cách hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản cát, sỏi trên địa bàn tỉnh. Nhìn chung, các nội dung báo cáo quy hoạch phù hợp với đề cương nhiệm vụ được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 14/01/2016. Vì vậy, tôi cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo quy hoạch do Sở Xây dựng lập.

2. Một số nội dung đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện:

- Về phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội: Đề nghị phân tích, đánh giá về tài nguyên khoáng sản của tỉnh; trong đó, tập trung đánh giá các nguồn tài nguyên khoáng sản (cát, sỏi, đá) là yếu tố, nguồn lực phát triển tác động tới việc khai thác, sử dụng tài nguyên cát, sỏi (hoặc có thể thay thế cát, sỏi tự nhiên).

- Về đánh giá hiện trạng thăm dò, khai thác và sử dụng cát, sỏi trên địa bàn tỉnh:

+ Nội dung đánh giá kết quả thực hiện công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản cát, sỏi trên địa bàn tỉnh rất chung chung, chưa có số liệu cụ thể (chẳng hạn như: Số lượng mỏ đưa ra đấu giá, số lượng mỏ tổ chức đấu giá thành công, số tiền trúng đấu giá,...).

+ Đối với nội dung đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch kỳ trước: Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá về công tác thăm dò khoáng sản cát, sỏi và làm

rõ nguyên nhân tại sao số lượng mỏ được cấp phép khai thác lại rất thấp so với quy hoạch (25/105 mỏ).

- Về phương án quy hoạch:

Hiện nay, trên dòng sông Mã đã được quy hoạch 07 bậc thang thủy điện (trong đó, đã cấp phép đầu tư xây dựng 06 dự án), trên sông Lò đã chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng 03 dự án thủy điện và trên sông Luông cũng đã được Bộ Công Thương phê duyệt quy hoạch xây dựng 04 bậc thang thủy điện. Các dự án thủy điện trên đều có hồ chứa.

Tuy nhiên, hầu hết các mỏ cát sỏi và bãi tập kết dự kiến đưa vào quy hoạch nằm trên sông Mã, sông Luông và sông Lò đều thuộc khu vực lòng hồ các dự án thủy điện nêu trên.

Theo quy định tại Điều 6, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, các hoạt động khai thác cát trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước hồ thủy điện sẽ ảnh hưởng đến sự ổn định, an toàn hồ chứa là hành vi bị cấm.

Vì vậy, đề nghị đơn vị tư vấn lập quy hoạch cát, sỏi làm việc cụ thể với các chủ đầu tư dự án thủy điện (hoặc đơn vị tư vấn lập quy hoạch bậc thang thủy điện trên sông Mã, sông Luông và sông Lò) để làm rõ các khu vực mỏ, bãi tập kết có nằm trong hành lang bảo vệ nguồn nước hoặc có nằm trong phạm vi ranh giới đất đã giao để thực hiện các dự án thủy điện không. Từ đó, có đề xuất quy hoạch cho phù hợp, không ảnh hưởng đến các dự án thủy điện.

- Ý kiến khác:

+ Báo cáo quy hoạch chưa đánh giá tổng quan nguồn tài nguyên cát, sỏi trên địa bàn tỉnh như thế nào (trong đó, theo các tài liệu nguyên thủy, tiềm năng cát, sỏi lòng sông trên địa bàn tỉnh có khoảng bao nhiêu? Số liệu khảo sát trong quá trình lập quy hoạch là bao nhiêu? Tiềm năng vật liệu thay thế cát, sỏi lòng sông bằng nguyên liệu gì?).

+ Về số liệu: Đề nghị làm rõ, thống nhất các số liệu tại các Phần, Mục, chẳng hạn như: Tại trang 23 (phần đánh giá hiện trạng), tổng trữ lượng được cấp phép là 8.945.782 m<sup>3</sup> nhưng tại trang 36 (phần quy hoạch), trữ lượng đã cấp phép là 7.004.368 m<sup>3</sup>.

## **6. Kết luận, kiến nghị**

Đồng ý thông qua sau khi chỉnh sửa, bổ sung./.

Thanh Hoá, ngày tháng 02 năm 2018

**ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG**

**Lê Trọng Hân**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KWĐT, VLXD

**PHIẾU NHẬN XÉT (lần 2)**

Hồ sơ Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030

1. Họ và tên: Lê Trọng Hân
2. Học hàm, học vị: Thạc sỹ
3. Nơi công tác: Sở Công Thương Thanh Hoá
4. Chức danh trong hội đồng: Ủy viên
5. Ý kiến thẩm định:

SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA	
ĐẾN	Số: ..... 9/158
	Ngày: ..... 22/12/16
Chuyên: .....	
Lưu hồ sơ số: .....	

Sau khi nghiên cứu về dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, tôi có ý kiến như sau:

1. Dự thảo báo cáo Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 được Sở Xây dựng phối hợp với đơn vị tư vấn lập đã cơ bản khái quát được sự cần thiết, hiện trạng khai thác, chế biến và sử dụng cát, sỏi làm VLXD thông thường trên địa bàn tỉnh; đồng thời, đã đánh giá, dự báo được nhu cầu trong thời gian tới và đề xuất phương án quy hoạch thăm dò, khai thác nhằm đảm bảo nhu cầu sử dụng một cách hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản cát, sỏi trên địa bàn tỉnh. ~~Nhìn chung, các nội dung báo cáo quy hoạch phù hợp với đề cương~~ nhiệm vụ được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 14/01/2016. Vì vậy, tôi cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo quy hoạch do Sở Xây dựng lập.

2. Một số nội dung đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện:

- Về đánh giá hiện trạng thăm dò, khai thác và sử dụng cát, sỏi trên địa bàn tỉnh:

+ Nội dung đánh giá kết quả thực hiện công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản cát, sỏi trên địa bàn tỉnh rất chung chung, chưa có số liệu cụ thể (chẳng hạn như: Số lượng mỏ đưa ra đấu giá, số lượng mỏ tổ chức đấu giá thành công, số tiền trúng đấu giá,...).

+ Đối với nội dung đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch kỳ trước: Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá về: Trữ lượng đã được cấp phép khai thác; Sản lượng khai thác thực tế, so sánh với công suất cấp phép; nhu cầu sử dụng cát, sỏi hàng năm và cả giai đoạn.

- Về phương án quy hoạch:

Theo khảo sát, đánh giá của đơn vị tư vấn lập quy hoạch thì có 23 điểm mỏ cát, sỏi nằm trong lòng hồ các dự án thủy điện có tiềm năng và đề xuất đưa

ào kế hoạch khai thác, sử dụng giai đoạn đến năm 2025. Hầu hết các điểm mỏ  
át trên đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương cho các đơn vị được nạo vét,  
hơi thông dòng chảy và có tận thu cát, sỏi.

Theo quy định tại Điều 6, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015  
quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, hoạt động khai thác cát, sỏi  
trong lòng hồ có thể làm suy giảm chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước, gây  
sạt lở bờ sông, hồ chứa là hành vi bị cấm.

Vi vậy, đề nghị không đưa vào quy hoạch các điểm mỏ trên, mà chỉ cho  
phép khai thác, nạo vét tận thu trong quá trình xây dựng các dự án thủy điện.

## **6. Kết luận, kiến nghị**

Đồng ý thông qua sau khi chỉnh sửa, bổ sung./.

*Thanh Hoá, ngày 03 tháng 7 năm 2018*

**ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG**



**Lê Trọng Hân**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 31 tháng 01 năm 2018

**BẢN NHẬN XÉT**

Dự án: Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

ĐẾN	Số: 240
	Ngày: 01/02/18
	Chuyển: .....
	Lưu hồ sơ số: .....

Họ và tên: Vũ Thái Sơn

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Nơi công tác: Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chức danh trong Hội đồng: Ủy viên

Sau khi nghiên cứu hồ sơ, tài liệu có liên quan đến dự án và căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, tôi có một số ý kiến nhận xét như sau:

**1. Nhận xét chung:**

Cơ bản thống nhất với hồ sơ Dự án Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

**2. Những nội dung cần nghiên cứu chỉnh sửa:**

+ Không thống nhất đưa vào "Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" (tại Phụ lục 2: Tổng hợp danh sách các bãi tập kết cát, sỏi dự kiến đưa vào quy hoạch thăm dò, khai thác đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035) đối với vị trí, địa điểm bãi tập kết cát B30a phường Hàm Rồng: Vị trí này thuộc Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và Phát huy giá trị Khu di tích lịch sử - văn hoá Hàm Rồng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Dự án bảo tồn, tôn tạo công viên Khảo cổ Hàm Rồng tại Quyết định số 396/QĐ-TTg ngày 05/3/2013.

+ Đối với các mỏ, bãi tập kết:

- Bãi tập kết cát B66 bến Mỏ, thị trấn Cẩm Thủy, huyện Cẩm Thủy: Khu vực này có di tích Địa điểm Bến Cửa Hà được xếp hạng di tích cấp tỉnh năm 2015.

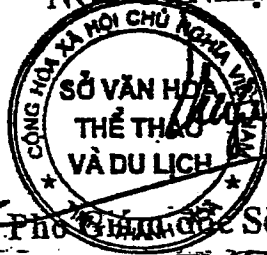
- Bãi tập kết cát B46 xóm Bình, xã Vinh Hùng, huyện Vĩnh Lộc: Khu vực này có di tích Chùa Báo Ân được xếp hạng di tích cấp tỉnh năm 2011.

- Bãi tập kết cát B81b thôn Báo Văn, xã Nga Lĩnh, huyện Nga Sơn: Khu vực này có di tích *Chùa Vân Lôi* được xếp hạng di tích cấp tỉnh năm 2007.

- Bãi tập kết cát B27c làng Nguyệt Viên, xã Hoàng Quang, thành phố Thanh Hoá: Khu vực này có di tích *Nghè làng Nguyệt Viên* xếp hạng cấp tỉnh năm 1996 và di tích *Đình Vĩnh Trị* xếp hạng di tích cấp tỉnh năm 2010.

Đề nghị Sở Xây dựng chỉ đạo đơn vị tư vấn phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch và các cấp chính quyền địa phương kiểm tra lại các vị trí mỏ, bãi tập kết cát, sỏi nói trên nhằm không làm ảnh hưởng đến các khu vực khoanh vùng bảo vệ, cảnh quan của di tích; để bổ sung, hoàn chỉnh danh sách các điểm mỏ, bãi tập kết cát, sỏi đủ điều kiện quy hoạch tại các địa phương và hồ sơ dự án “Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”

NGƯỜI NHẬN XÉT



Phó Giám đốc Sở VH-TT-DL  
Vũ Thái Sơn

Thanh Hoá, ngày 26 tháng 6 năm 2018

**BẢN NHẬN XÉT**

SỞ XÂY DỰNG THANH HOÁ	
ĐẾN SỐ: 2882	27/6/18
"Dự án Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030"	
Lưu hồ sơ số: .....	

Dự án: Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030

Họ và tên: Vũ Thái Sơn

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Nơi công tác: Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chức danh trong Hội đồng: Ủy viên

Sau khi nghiên cứu hồ sơ, tài liệu có liên quan đến dự án và căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, tôi có một số ý kiến nhận xét như sau:

**1. Nhận xét chung:**

Cơ bản thống nhất với hồ sơ Dự án Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

**2. Những nội dung cần nghiên cứu chỉnh sửa:**

+ Tại trang 48, số thứ tự 14, Mục II: huyện Vĩnh Lộc; phần B: Bãi tập kết cát thuộc khu vực cấm, tạm cấm thuộc Danh sách mô, bãi tập kết thuộc khu vực cấm, tạm cấm: Lý do cấm, tạm cấm là khu vực này có di tích lịch sử văn hoá chùa Báo Ân, không phải là di tích Động Cửa Hà (thuộc huyện Cẩm Thủy).

+ Không thống nhất đưa vào "Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030" (tại Phụ lục 2: Tổng hợp danh sách các bãi tập kết cát, sỏi dự kiến đưa vào quy hoạch thăm dò, khai thác đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030) đối với vị trí, địa điểm bãi tập kết cát B30a phường Hàm Rồng: Vị trí này thuộc Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và Phát huy giá trị Khu di tích lịch sử - văn hoá Hàm Rồng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Dự án bảo tồn, tôn tạo công viên Khảo cổ Hàm Rồng tại Quyết định số 196/QĐ-TTg ngày 05/3/2013



+ Đối với các mỏ, bãi tập kết:

- Bãi tập kết cát B66 bên Mỏ, thị trấn Cẩm Thủy, huyện Cẩm Thủy: Khu vực này có di tích *Địa điểm Bến Cửa Hà* được xếp hạng di tích cấp tỉnh năm 2015.
- Bãi tập kết cát B81b thôn Báo Văn, xã Nga Lĩnh, huyện Nga Sơn: Khu vực này có di tích *Chùa Vân Lỗi* được xếp hạng di tích cấp tỉnh năm 2007.
- Bãi tập kết cát B27c làng Nguyệt Viên, xã Hoằng Quang, thành phố Thanh Hoá: Khu vực này có di tích *Nghè làng Nguyệt Viên* xếp hạng cấp tỉnh năm 1996 và di tích *Đình Vĩnh Trị* xếp hạng di tích cấp tỉnh năm 2010.

Đề nghị Sở Xây dựng chỉ đạo đơn vị tư vấn phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch và các cấp chính quyền địa phương kiểm tra lại các vị trí mỏ, bãi tập kết cát, sỏi nói trên nhằm không làm ảnh hưởng đến các khu vực khoanh vùng bảo vệ, cảnh quan của di tích; để bổ sung, hoàn chỉnh danh sách các điểm mỏ, bãi tập kết cát, sỏi đủ điều kiện quy hoạch tại các địa phương và hồ sơ dự án “Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030”.

NGƯỜI NHẬN XÉT

  
Phó Giám đốc Sở VHTTDL  
Vũ Thái Sơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 01 tháng 02 năm 2018

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Kính gửi: Sở Xây dựng

Số: 919

Ngày: 12/02/18

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại văn bản số Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 04/01/2018 về thành lập Hội đồng thẩm định dự án Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; sau khi nghiên cứu nội dung đề nghị của Sở Xây dựng tại văn bản số 365/SXD-VLXD ngày 18/01/2018 và hồ sơ dự án gửi kèm theo, căn cứ các quy định hiện hành có liên quan và tình hình thực tế, tôi xin có một số ý kiến như sau:

Dự án cơ bản bám sát đề cương nhiệm vụ Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 04/01/2016. Tuy nhiên, để nội dung dự án được đầy đủ các nội dung, đề nghị Sở Xây dựng nghiên cứu, bổ sung một số nội dung sau:

- Về mục tiêu lập quy hoạch (trang 3, thuyết minh dự án): Đề nghị bổ sung thêm mục tiêu giảm nhu cầu sử dụng cát tự nhiên, sử dụng tối đa nguồn vật liệu thay thế cát tự nhiên; bổ sung mục tiêu không quy hoạch các mỏ khai thác cát dùng cho san lấp vào mục tiêu cụ thể tại trang 32, thuyết minh dự án.

- Về thời kỳ lập quy hoạch (trang 3, thuyết minh dự án): Đề nghị thời kỳ lập quy hoạch: 2018-2025, tầm nhìn đến năm 2030 vì hiện nay đã làm năm 2018 và phù hợp với nội dung phân tích trong thuyết minh dự án (thuyết minh dự án đánh giá, dự báo nhu cầu cát sỏi làm vật liệu xây dựng kể từ năm 2018).

- Tại phần dự báo nhu cầu sử dụng cát, sỏi làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh (trang 32): Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá về dự báo nhu cầu thực tế về cát, sỏi cho từng vùng, miền làm cơ sở lập quy hoạch, cấp phép vị trí các mỏ khoáng sản cát, sỏi phù hợp với yêu cầu thực tế của từng vùng, miền; phân tích dự báo nhu cầu thực tế về bãi tập kết cát; làm rõ cơ sở xác định nhu cầu sử dụng cát, sỏi làm VLXD đến năm 2025 khoảng 26,7 triệu m<sup>3</sup> và giai đoạn 2026-2030 khoảng 25 triệu m<sup>3</sup>; tính toán khối lượng đất đá thải từ các cơ sở khai thác chế biến quặng, vật liệu thải từ các cơ sở công nghiệp làm cơ sở thay thế nhu cầu cát tự nhiên giai đoạn từ nay đến 2025 và giai đoạn 2026-2030.

- Tại phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng tại (trang 36, thuyết minh dự án):

+ Giai đoạn từ nay đến năm 2025: Xác định số liệu nhu cầu sử dụng cát, sỏi xây dựng còn thiếu khoảng 19,7 triệu m<sup>3</sup> mâu thuẫn với nội dung thuyết minh tại trang 33 (khối lượng còn thiếu khoảng 13,7 triệu m<sup>3</sup>); đồng thời, theo thuyết minh dự án thì kế hoạch sử dụng cát sỏi, xây dựng từ nay đến năm 2025

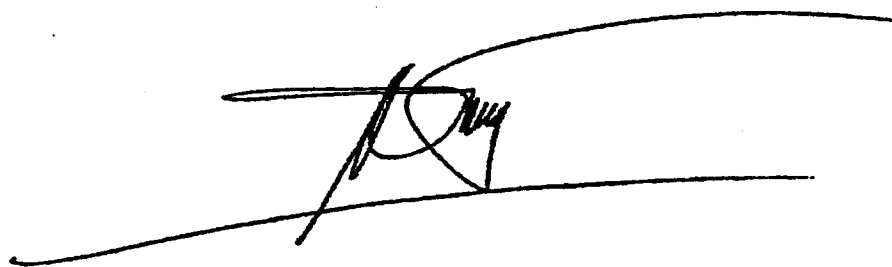
hoảng 3,7 triệu m<sup>3</sup>, còn lại khoảng 16 triệu m<sup>3</sup> phát triển sản xuất cát nghiền từ đá tại các khu vực có sẵn nguồn nguyên liệu để cung cấp cho thị trường. Tuy nhiên, dự án chưa quy hoạch cụ thể về phát triển nghiền cát đến năm 2025. Mặt khác, không thống nhất với số liệu tại phân tổng hợp kết quả quy hoạch kỳ này (trang 38, thuyết minh dự án) xác định quy hoạch kỳ này 107 mô cát, sỏi với trữ lượng khoảng hơn 13 triệu m<sup>3</sup>.

+ Giai đoạn từ năm 2026-2030: Xác định số liệu nhu cầu sử dụng cát, sỏi xây dựng còn thiếu khoảng 19,7 triệu m<sup>3</sup>, trong đó cấp phép mới cát, sỏi tự nhiên khoảng 2,3 triệu m<sup>3</sup> mâu thuẫn với nội dung thuyết minh tại trang 33 (giai đoạn này phải thay thế hoàn toàn cát tự nhiên bằng cát nghiền và các loại vật liệu thay thế khác); đồng thời, dự án quy hoạch về phát triển nghiền cát giai đoạn này chưa cụ thể nên chưa đủ cơ sở khẳng định quy hoạch giai đoạn này là phù hợp.

- Bổ sung các văn bản thỏa thuận của chính quyền địa phương nơi quy hoạch các mỏ, bãi tập kết cát, sỏi.

- Bổ sung bản đồ tổng thể quy hoạch theo như nội dung công việc thực hiện lập quy hoạch đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 360/QĐ-UBND ngày 28/01/2016, trong đó cần lưu ý bản đồ phải thể hiện đầy đủ các thông tin về vị trí mỏ, khoanh vùng khu vực cấm khai thác để thuận lợi trong công tác theo dõi và triển khai thực hiện quy hoạch.

Đề nghị Sở Xây dựng nghiên cứu, bổ sung hoàn chỉnh dự án./.



**Lương Tất Thắng**  
**Ủy viên Hội đồng thẩm định**  
**Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 28 tháng 6 năm 2018

SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA

Kính gửi: Sở Xây dựng

Số: 4/002

Ngày: 22/7/11

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 04/01/2018 về thành lập Hội đồng thẩm định dự án Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; sau khi nghiên cứu nội dung đề nghị của Sở Xây dựng tại văn bản số 3142/SXD-KVĐT ngày 14/6/2018 và hồ sơ dự án gửi kèm theo, căn cứ các quy định hiện hành có liên quan và tình hình thực tế, tôi xin có một số ý kiến như sau:

Dự án cơ bản đã được Sở Xây dựng hoàn chỉnh các nội dung theo kết luận của Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh, Chủ tịch Hội đồng thẩm định Nguyễn Đức Quyền tại hội nghị thẩm định quy hoạch ngày 04/4/2018. Riêng nội dung về quy hoạch về vật liệu sỏi làm vật liệu xây dựng chưa được Sở Xây dựng làm rõ; đồng thời, theo quy định tại Điều 5, Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 thì cấp tỉnh không có dự án quy hoạch trên; theo quy định tại Phụ lục II, Luật Quy hoạch thì dự án không nằm trong danh mục các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành và theo quy định tại Phụ lục III, Luật Quy hoạch thì các nội dung quy định liên quan đến quy hoạch của Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 cần phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với Luật Quy hoạch mới. Mặt khác, hiện nay Chính phủ chưa ban hành Nghị định hướng dẫn Luật Quy hoạch, do đó đề nghị Sở Xây dựng có văn bản xin ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước khi trình phê duyệt.

Đề nghị Sở Xây dựng nghiên cứu, bổ sung hoàn chỉnh dự án./.

  
Lương Tấn Thăng

Ủy viên Hội đồng thẩm định  
Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư

**QUÂN KHU 4  
BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Thanh Hoá, ngày tháng 01 năm 2018

V/v tham gia ý kiến về dự án Quy hoạch, khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

<b>SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA</b>	
<b>ĐẾN</b>	Số: ..... 828 .....
	Ngày: .. 05/02/18 .....
Chuyển: .....	
Lưu hồ sơ số: .....	

Kính gửi: Sở Xây dựng

Nhận được Công văn số 0365/SXD-VLXD ngày 18/01/2018 của Sở Xây dựng Thanh Hoá về việc xin ý kiến thành viên Hội đồng thẩm định Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 (kèm theo hồ sơ, dự thảo Quy hoạch).

Sau khi nghiên cứu nội dung, căn cứ quy định của pháp luật và tình hình thực tế, tôi có ý kiến như sau:

Cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Quy hoạch do Sở Xây dựng cung cấp. Tuy nhiên; căn cứ vào tính chất nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, tôi có ý kiến đề nghị:

Các khu vực tác chiến phòng thủ; khu vực phòng chống bão lụt, tìm kiếm cứu hộ - cứu nạn đã được bố trí trên địa bàn các huyện, thị, thành để phục vụ nhiệm vụ quân sự, quốc phòng và thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm, cứu hộ - cứu nạn...

Địa hình các khu vực có thể điều chỉnh cho sát với tình hình thực tế theo hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh Quân khu 4. Do đó đề nghị Sở Xây dựng tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các ngành khi tiến hành khảo sát, thăm dò trên từng khu vực cụ thể, nhất là các huyện tuyến biển cần phối hợp với Bộ CHQS tỉnh cùng kiểm tra khảo sát thực địa, xem xét có liên quan ảnh hưởng gì đến lĩnh vực quân sự, quốc phòng để đi đến thống nhất theo quy định tại Quyết định số 13/2012/QĐ-TTg ngày 23/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng trong khu vực phòng thủ; Công văn số 9338/BQP-TM ngày 23/9/2016 của Bộ Quốc phòng về việc phối hợp thực hiện nhiệm vụ kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng.

Đề nghị Sở Xây dựng Thanh Hóa tổng hợp báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định xem xét./.

**ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG**



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**NHẬN XÉT DỰ ÁN QUY HOẠCH KHẢO SÁT, THĂM DÒ, KHAI THÁC VÀ  
SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN CÁT SỎI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG TỈNH  
THANH HÓA ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030.**

1. Chủ đầu tư: Sở Xây dựng Thanh Hóa.

2. Đơn vị tư vấn: Công ty CP Đầu tư không gian vàng

3. Người nhận xét: Nguyễn Trường Tam- TP. QLVLXD-Sở Xây dựng- Ủy viên Hội đồng

4. Nội dung nhận xét:

Quy hoạch đã nêu được hiện trạng khai thác, chế biến, khoáng sản cát, sỏi làm VLXD thông thường và đánh giá, dự báo nhu cầu về khoáng sản cát, sỏi làm VLXD trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

Cần chỉnh sửa, bổ sung các nội dung sau:

**A. Phần Thuyết minh.**

- Tại phần Mở đầu:

+ Mục I. Sự cần thiết lập quy hoạch: Một số nội dung thể hiện dưới dạng văn nói, đề nghị chỉnh sửa lại;

+ Mục II. Các căn cứ pháp lý lập quy hoạch: Đề nghị sửa lại ngày ban hành Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12, là ngày 17/11/2010;

- Tại phần I, mục I, điểm 1. Vị trí địa lý: Thuyết minh nêu “Diện tích tự nhiên (tỉnh Thanh Hóa): 11.129,48 km<sup>2</sup>”; đề nghị sửa lại là “Diện tích tự nhiên: 11.129,48 km<sup>2</sup>”;

- Tại phần II, mục 3. Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động khai thác tài nguyên cát, sỏi:

+ Nội dung thể hiện dưới dạng văn nói, đề nghị chỉnh sửa lại;

+ Thuyết minh nêu “Sản phẩm cát chủ yếu là cát vàng, mô đun độ nhỏ khá lớn” là không đúng; đề nghị sửa lại là “Sản phẩm cát chủ yếu là cát vàng, mô đun độ lớn khá nhỏ”;

- Tại phần III, mục A, điểm 2.2. Mục tiêu cụ thể: Thuyết minh nêu là “Bổ sung, cập nhật các mỏ, bãi tập kết mới vào quy hoạch” là chưa đủ; đề nghị sửa lại là “Bổ sung, cập nhật các mỏ, bãi tập kết mới đủ điều kiện vào quy hoạch”;

- Phần Phụ lục: Thể hiện là “Phụ lục 02: Danh sách BTK cát, sỏi được quy hoạch tại QĐ-2182/2012” là chưa đúng; đề nghị sửa lại là “Phụ lục 04: Danh sách BTK cát, sỏi được quy hoạch tại QĐ-2182/2012”;

- Tại phần III, mục VII. Khoanh định khu vực cấm, tạm cấm khai thác cát sỏi trên địa bàn: Thuyết minh thể hiện “Danh sách các khu vực cấm và tạm cấm hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh” chưa đầy đủ; đề nghị bổ sung, chỉnh sửa lại (Bao gồm 64 vị trí cấm hoạt động khoáng sản, trong đó có 22 khu vực mỏ và 42 khu vực bãi tập kết (36 BTK thuộc QH-3350, 06 BTK thuộc QH-2182);

- Các mỏ cát, bãi tập kết trong quy hoạch cũ, nếu không được tiếp tục được quy hoạch phải nêu rõ lý do, có hồ sơ căn cứ cụ thể.

- Thuyết minh sai nhiều lỗi chính tả, một số nội dung thể hiện dưới dạng văn nói; đề nghị rà soát, chỉnh sửa.

### **B. Phần Bản vẽ:**

- Đối tượng quy hoạch là các mỏ cát và bãi tập kết cát thuộc các tuyến sông trên địa bàn các huyện; do đó bản đồ tổng thể huyện nên tập trung chủ yếu ở các dòng có sông liên quan và loại bỏ bớt các công trình, yếu tố không cần thiết, để nổi bật lên các đối tượng cần quy hoạch;

- Tại Bản đồ các huyện: Yêu cầu bổ sung nội dung tổng hợp các mỏ, bãi có trên địa bàn, thể hiện cụ thể diện tích, số lượng, trữ lượng,..

- Bản vẽ các mỏ, bãi cát cần chỉnh sửa, bổ sung:

+ Bổ sung giá trị các đường đồng mức; Rà soát, bổ sung đầy đủ các đường đồng mức còn thiếu hoặc bị đứt; loại bỏ các nét thừa trên bản đồ;

+ Bổ sung cụ thể ký hiệu, số hiệu các mỏ cát, bãi tập kết cát được quy hoạch;

+ Ghi chú các mỏ đã được cấp phép trên bản đồ.

### **5. Kiến nghị:**

Đề nghị Ban Quy Hoạch chỉ đạo đơn vị tư vấn chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến nhận xét đã nêu trên./.

Thanh Hóa, ngày tháng 02 năm 2018

**NGƯỜI NHẬN XÉT**

**Nguyễn Trường Tam**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**PHIẾU NHẬN XÉT DỰ ÁN “QUY HOẠCH KHẢO SÁT, THĂM DÒ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN CÁT SỎI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG TỈNH THANH HÓA ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030”.**  
**(lần 2)**

1. Chủ đầu tư: Sở Xây dựng Thanh Hóa.
2. Đơn vị tư vấn: Công ty CP Đầu tư không gian vàng
3. Người nhận xét: Nguyễn Trường Tam – Trưởng phòng Quản lý vật liệu xây dựng- Sở Xây dựng- Ủy viên thư ký;

**4. Nội dung nhận xét:**

Quy hoạch đã nêu được hiện trạng khai thác, chế biến, khoáng sản cát, sỏi làm VLXD thông thường và đánh giá, dự báo nhu cầu về khoáng sản cát, sỏi làm VLXD trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

Cần chỉnh sửa, bổ sung các nội dung sau:

**A. Phần Thuyết minh.**

**Mục II. Quy hoạch cát, sỏi làm VLXD tỉnh Thanh Hóa.**

- Bổ sung thêm nội dung tính toán khối lượng bồi lắng hằng năm đối với các mỏ được quy hoạch cát, sỏi làm VLXD;

- Các khu vực có thể nạo vét, gồm: Làm rõ cơ sở pháp lý (các văn bản chấp thuận của cơ quan liên quan) đối với việc thu hồi cát tại: 12 khu vực lòng hồ thủy điện; 05 cửa sông và 05 tuyến sông;

- Mục 4. Tổng hợp kết quả quy hoạch kỳ này: Đề nghị bổ sung, tách riêng số lượng, diện tích, trữ lượng đối với mỏ cát làm vật liệu xây dựng thông thường và mỏ cát san lấp;

Trong đó: Đối với mỏ cát làm vật liệu xây dựng thông thường phải làm rõ số lượng, trữ lượng, tỷ lệ thu hồi sỏi làm VLXD;

- Phụ lục số 1: Tổng hợp danh sách các mỏ cát, sỏi thuộc các hệ thống sông chính đưa vào quy hoạch thăm dò, khai thác đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Thiếu phụ lục danh sách 12 hồ thủy điện, 05 cửa sông và 05 tuyến sông có thu hồi cát;

- Trang 46, Các khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản: Thiếu danh sách 20 mỏ cát thuộc hệ thống sông Lèn đã đưa vào khu vực cấm hoạt động khoáng sản tại Quyết định số 3350/2007/QĐ-UBND ngày 05/11/2007 của UBND tỉnh; và đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp danh sách các khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản;



## **B. Phần Bản vẽ:**

Hầu hết các bản vẽ tỷ lệ 1/5.000 chưa thể hiện được:

- Ranh giới giữa Tỉnh, huyện, xã, thôn (xóm, bản);
- Tên địa giới hành chính xã, thôn (xóm, bản);
- Tên các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng giao thông;
- Ký hiệu nền các sông, suối không thống nhất;
- Một số bản đồ tỷ lệ 1/5.000, nhưng không đúng tỷ lệ như: Mỏ 188(xã Yên Thắng, Lang Chánh); Bãi B64 (xã Cẩm Ngọc, Cẩm Thủy); mỏ 194(xã Phùng Minh, Ngọc Lặc);
- Các bản vẽ khu vực quy hoạch trong lòng hồ thủy điện, đề nghị bổ sung lý trình khu vực khoanh định mỏ cát; diện tích quy hoạch chiếm hết toàn bộ lòng hồ là không đúng thực tế;
- Bản vẽ các mỏ có tọa độ khép góc VN 2000 không thống nhất với tọa độ đã được cấp phép, gồm:
  - + Mỏ 47 (xã Cẩm Tân, huyện Cẩm Thủy) với Giấy phép thăm dò số 424/GP-UBND ngày 13/11/2017, địa hình không đúng thực tế;
  - + Mỏ 18 (xã Vĩnh Hòa, Vĩnh Lộc) với Giấy phép số 148/GP-UBND ngày 26/4/2014;
  - + Mỏ 41 (xã Quý Lộc, Yên Định) với Giấy phép số 423/GP-UBND ngày 10/11/2017;
  - + Mỏ 50 (xã Yên Phong, Yên Định) với Giấy phép số 472/GP-UBND ngày 28/12/2017;
  - + Mỏ 54 (xã Định Hải, Yên Định) với Giấy phép số 30/GP-UBND ngày 8/4/2013;
  - + Mỏ 02 (xã Thiệu Tân, Thiệu Hóa) với Giấy phép số 136/GP-UBND ngày 13/4/2017;
  - + Mỏ 09 (xã Thiệu Ngọc, Thiệu Hóa) với Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 16/01/2017;
  - + Mỏ 202 (xã Ngọc Phụng, Thường Xuân) với Giấy phép số 15/GP-UBND ngày 15/01/2018;
  - + Mỏ 10 (xã Thọ Trường, Thọ Xuân) với Giấy phép số 234/GP-UBND ngày 07/6/2017;
  - + Mỏ 20 (xã Thọ Hải, Thọ Xuân) với Giấy phép số 295/GP-UBND ngày 24/7/2017;
  - + Mỏ 25 (xã Xuân Lam, xã Thọ Lâm, Thọ Xuân) với Giấy phép số 255/GP-UBND ngày 23/6/2017;

+ Mỏ 28 (xã Thọ Lập, xã Xuân Tin, Thọ Xuân) với Giấy phép số 145/GP-UBND ngày 23/4/2014;

+ Mỏ 11A (xã Xuân Lai, Thọ Xuân) với Giấy phép số 329/GP-UBND ngày 24/8/2017 (sai tại điểm khép góc số 6);

- Mỏ TDD-VT3 (lòng hồ thủy điện Thành Sơn) diện tích quy hoạch khoanh vào chân núi;

- Mỏ 160h, 160i (xã Hội Xuân, Quan Hóa) diện tích quy hoạch chiếm hết toàn bộ lòng sông Mã, không đúng thực tế;

- Mỏ 178, 179 (xã Thiết Ống, Bá Thước) đã hết trữ lượng khai thác;

- Bãi B31 và B30 (Thiệu Dương, tp Thanh Hóa) giáp ranh nhau nên đề nghị ghép thành 01 bãi;

- Bãi B30b và B30c (Phường Đông Hải, tp Thanh Hóa) giáp ranh nhau nên đề nghị ghép thành 01 bãi;

- Bãi B135 và B136 (xã Quảng Châu, tp Sầm Sơn) giáp ranh nhau nên đề nghị ghép thành 01 bãi (địa hình đo vẽ trên bản đồ không giống thực tế);

- Điều chỉnh lại diện tích bãi B45 (xã Yên Thái, Yên Định): Từ 3.000 m<sup>2</sup> lên 5.000 m<sup>2</sup>;

- Bổ sung thêm bản đồ nạo vét 05 tuyến sông, gồm:

+ Sông Lèn (km18+500-km20+300);

+ Sông Lèn (km44+600-km46+800), xem lại lý trình của tuyến sông này;

+ Kênh nhà Lê (km44+600-km46+800), xem lại lý trình của tuyến sông

này;

+ Sông Mã (km46+00-km49+500);

+ Sông Lạch Bạng (km0+350-km0+370);

Kiểm tra lại toàn bộ chiều dài các tuyến nạo vét các tuyến sông (lý trình không thống nhất với chiều dài nạo vét) VD: Sông Lạch Bạng (km0+350-km0+370), chiều dài 20 km;

#### **5. Kiến nghị:**

Đề nghị Ban Quy Hoạch chỉ đạo đơn vị tư vấn chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến nhận xét đã nêu trên./.

Thanh Hóa, ngày 27 tháng 6 năm 2018

**NGƯỜI NHẬN XÉT**



**Nguyễn Trường Tam**

TỈNH ỦY THANH HOÁ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 589-KL/TU

Thanh Hoá, ngày

15 tháng 11 năm 2018

ĐẾN

Số: ..... 2448

Ngày: ..... 22/11/18

Chuyên: .....

Lưu số: .....

.....

**KẾT LUẬN**

**CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

về Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030

Tại Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 07 và 08/11/2018, sau khi nghe Ban Cán sự đảng UBND tỉnh báo cáo, xin ý kiến về Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Tờ trình số 203/TTr-BCS ngày 30/10/2018); Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thảo luận và thống nhất kết luận:

1. Thống nhất chủ trương đề Ủy ban nhân dân tỉnh quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, theo đề nghị của Ban Cán sự đảng UBND tỉnh tại Tờ trình số 203/TTr-BCS ngày 30/10/2018; trong đó phải bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh các nội dung sau đây:

- Ban Cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố có các mỏ cát, sỏi dự kiến đưa vào quy hoạch khẩn trương tổ chức lấy ý kiến của nhân dân địa phương trong khu vực bị ảnh hưởng bởi việc khai thác mỏ cát, sỏi, bảo đảm khách quan, báo cáo UBND tỉnh để làm cơ sở quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác.

- Chỉ đạo các ngành chức năng và các đơn vị liên quan căn cứ vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, tính toán, xác định nhu cầu khai thác cát, sỏi để hoàn chỉnh quy hoạch theo hướng chỉ cung cấp đủ nhu cầu làm vật liệu xây dựng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Đối với các huyện miền núi chỉ cung cấp lượng cát, sỏi đủ nhu cầu làm vật liệu xây dựng ở địa phương; không đưa vào quy hoạch các mỏ cát, sỏi trong khu vực thường xuyên xảy ra lũ ống, lũ quét, đặc biệt là các khu vực vừa xảy ra đợt lũ ống, lũ quét trong tháng 8 năm 2018.

- Chỉ đạo các cơ quan chức năng rà soát, đánh giá sự tác động của việc khai thác các mỏ cát, sỏi dự kiến đưa vào quy hoạch đối với các con sông trên địa bàn tỉnh; nếu có nguy cơ làm biến đổi dòng chảy, sạt lở bờ sông, sạt lở kè, đê sông thì không đưa vào quy hoạch.

- Kiểm tra, đánh giá tất cả các mỏ cát, sỏi, bãi tập kết vật liệu dự kiến đưa vào quy hoạch, nếu mỏ cát, sỏi, bãi tập kết vật liệu nào có vàng sa khoáng thì không đưa vào quy hoạch.

- Đối với các mỏ cát, sỏi ở khu vực cửa sông, cửa biển, thì phải rà soát, đánh giá sự tác động của việc khai thác đến dòng chảy, nguy cơ làm sạt lở ở khu vực cửa sông, cửa biển để cân nhắc đưa vào quy hoạch hoặc không đưa vào quy hoạch.

- Về quản lý khai thác, tập kết cát, sỏi:

+ Thống nhất chủ trương tiếp tục thực hiện đấu giá, cấp quyền khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh; tuy nhiên phải rà soát, tính toán hiệu quả kinh tế trước khi cấp quyền khai thác, nếu các mỏ cát, sỏi có hiệu quả kinh tế không cao, trong quá trình khai thác, vận chuyển làm hư hỏng các tuyến đường giao thông, ảnh hưởng đến môi trường thì không cấp phép khai thác.

+ Quản lý chặt chẽ việc khai thác, tập kết cát, sỏi, bảo đảm không ảnh hưởng đến dòng chảy, làm sạt lở trên các dòng sông, ảnh hưởng đến các công trình đê điều, thủy lợi, hạ tầng, dân dụng...

+ Trong quá trình cấp phép, khai thác, kinh doanh các mỏ cát, sỏi ở khu vực cửa sông, cửa biển, bị nhiễm mặn, yêu cầu chủ đầu tư phải thông báo đến các tổ chức, cá nhân sử dụng về chất lượng, việc nhiễm mặn của cát, sỏi để sử dụng hợp lý, không ảnh hưởng đến chất lượng các công trình, không gây hậu quả về kinh tế.

+ Nghiên cứu cơ chế tạo điều kiện cho các doanh nghiệp sản xuất cát nhân tạo, từng bước giảm dần và tiến tới thay thế một phần cát tự nhiên.

2. Giao Ban Cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh hoàn chỉnh Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; báo cáo Thường trực HĐND tỉnh.

3. Giao Đảng đoàn HĐND tỉnh lãnh đạo Thường trực HĐND tỉnh chỉ đạo các ban chức năng của HĐND tỉnh thẩm tra kỹ quy hoạch nêu trên, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

Đảng đoàn HĐND tỉnh, Ban cán sự đảng UBND tỉnh và các đơn vị liên quan thực hiện Kết luận này./.

**Nơi nhận:**

- Đảng đoàn HĐND tỉnh;
- Ban Cán sự đảng UBND tỉnh;
- Các đồng chí Thường vụ Tỉnh ủy;
- Các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và MT, Sở Tài chính;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



**Đỗ Trọng Hưng**

UBND TỈNH THANH HOÁ  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *H69* /STNMT-TNKS

V/V Tham gia ý kiến các khu vực dự kiến đưa vào Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm VLXD tỉnh Thanh Hóa.

Thanh Hoá, ngày *26* tháng *11* năm *2018*

Kính gửi: Sở Xây dựng

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Công văn số 6759/SXD-KVDT ngày 13/11/2018 của Sở Xây dựng, đề nghị tham gia ý kiến về các khu vực dự kiến quy hoạch khai thác cát, sỏi thuộc phạm vi các lòng hồ thủy lợi, thủy điện và khu vực cửa sông, cửa biển để đưa vào Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm VLXD tỉnh Thanh Hóa.

Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

- Đề nghị bổ sung các khu vực:

Hồ Khe Sanh, xã Trúc Lâm, hồ Khe Miếu, xã Nguyên Bình, huyện Tĩnh Gia, hồ Mậu Lâm, xã Mậu Lâm, huyện Như Thanh. Lý do: UBND tỉnh đã cho phép thu hồi cát từ quá trình nạo vét lòng hồ, các Chủ đầu tư đang thực hiện.

Khu vực lòng sông Chu, thượng lưu đập Bái Thượng, xã Xuân Bái, huyện Thọ Xuân (Công ty TNHH MTV Sông Chu thường xuyên nạo vét để khơi thông dòng chảy, phục vụ sản xuất nông nghiệp).

Khu vực cửa sông Đơ, phường Trường Sơn và xã Quảng Vinh, thành phố Sầm Sơn mà Công ty TNHH Tập đoàn Bất động sản Đông Á đang được UBND tỉnh cho phép thu hồi cát trong quá trình nạo vét, khơi thông luồng lạch.

Khu vực tuyến luồng hàng hải từ Cửa Hới đến Cảng Lê Môn. Lý do: Khu vực này bị cát, đất bồi lắng, cần phải nạo vét để khơi thông, phương tiện ra vào cảng Lê Môn thuận lợi.

- Đề nghị Sở Xây dựng tham vấn ý kiến của Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa, Công ty TNHH MTV Sông Chu để khoanh định những khu vực có cát tại các hồ thủy lợi, tuyến luồng hàng hải do các cơ quan này quản lý vào Quy hoạch.

- Về thăm dò, khai thác: Việc khai thác cát, sỏi trong phạm vi lòng hồ thủy lợi, thủy điện, tuyến luồng hàng hải, đường thủy nội địa, cửa sông, cửa biển phải đảm bảo các điều kiện theo quy định và tùy theo từng thời điểm (chỉ thực hiện với mục tiêu chính không phải là khai thác khoáng sản), vì vậy đề nghị Sở Xây dựng đưa điều kiện này vào Quy hoạch.

Đề nghị Sở Xây dựng xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
  - Giám đốc Sở (Mtc);
  - Lưu: VT, KSM
- G. Hưng 36-15*

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÒNG GIÁM ĐỐC



UBND TỈNH THANH HÓA  
SỞ CÔNG THƯƠNG

Số: 2935 /SCT-MĐT

V/v tham gia ý kiến về các khu vực  
dự kiến quy hoạch khai thác cát, sỏi  
thuộc phạm vi lòng hồ thủy điện.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 26 tháng 11 năm 2018

SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA	
ĐẾN	Số: .....
	Ngày: .....
	Chức vụ: .....
	Lưu hồ sơ số: .....

Ban KVĐT, VLXD

Kính gửi: Sở Xây dựng Thanh Hóa

Sở Công Thương nhận được Công văn số 6759/SXD-KVĐT ngày 13/11/2018 của Sở Xây dựng về việc xin ý kiến các đơn vị về các khu vực dự kiến quy hoạch khai thác cát, sỏi thuộc phạm vi lòng hồ thủy lợi, thủy điện và khu vực cửa sông, cửa biển; sau khi nghiên cứu, Sở Công Thương có ý kiến như sau:

Theo Phụ lục Danh sách các khu vực mỏ cát, sỏi thuộc phạm vi các lòng hồ thủy điện, thủy lợi do Sở Xây dựng gửi kèm để xin ý kiến (Phụ lục 01), có 16 mỏ cát, sỏi nằm trong phạm vi lòng hồ thủy điện; trong đó, 07 mỏ nằm trong phạm vi lòng hồ các dự án thủy điện trên sông Mã, 03 mỏ thuộc phạm vi lòng hồ các dự án thủy điện trên sông Lò, 03 mỏ thuộc phạm vi lòng hồ các dự án thủy điện sông Luồng, 03 mỏ thuộc phạm vi lòng hồ các dự án thủy điện trên sông Chu, có ký hiệu cụ thể như sau: TĐ01, TĐ02, TĐ03, TĐ04, TĐ05, TĐ06, TĐ07, TĐ08, TĐ09, TĐ10.

Theo quy định tại Điều 6, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, hoạt động khai thác cát, sỏi trong lòng hồ có thể làm suy giảm chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước, gây sạt lở bờ sông, hồ chứa là hành vi bị cấm. Vì vậy, Sở Công Thương đề nghị không đưa vào quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm VLXD tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 đối với 16 mỏ cát, sỏi thuộc phạm vi lòng hồ các dự án thủy điện (từ TĐ01 ÷ TĐ10) nêu trên.

Đề nghị Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để B/C);
- Lưu: VT, MĐT.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Trọng Hân



Ký bởi Sở Giao  
thông vận tải (M)  
Giờ ký:  
28/11/2018  
13:34:03

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HOÁ  
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: **4470**SGTVT - QLGT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 23 tháng 11 năm 2018

V/v tham gia ý về khu vực dự kiến  
quy hoạch khai thác cát, sỏi thuộc  
phạm vi lòng hồ thủy lợi, thủy điện  
và khu vực cửa sông, cửa biển

Kính gửi: Sở Xây dựng

Sở GTVT nhận được Văn bản số 6759/SXD-KVĐT ngày 13/11/2018 của Sở Xây dựng về việc tham gia ý về kh vực dự kiến quy hoạch khai thác cát, sỏi thuộc phạm vi lòng hồ thủy lợi, thủy điện và khu vực cửa sông, cửa biển. Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có liên quan, Sở GTVT tham gia một số ý kiến, như sau:

1. Để tăng cường công tác quản lý nhà nước, đảm bảo các quy định của pháp luật; phục vụ nhu cầu sử dụng vật liệu xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, Sở GTVT thống nhất việc lập quy hoạch khai thác cát, sỏi thuộc phạm vi các lòng hồ thủy lợi, thủy điện và khu vực cửa sông, cửa biển do Sở Xây dựng chủ trì.

2. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai lập quy hoạch Sở GTVT tham gia một số nội dung có liên quan đến lĩnh vực giao thông vận tải như sau:

- Đối với việc lập quy hoạch khai thác cát, sỏi, khoáng sản tại khu vực lòng hồ chứa thủy điện, thủy lợi, cửa biển, cửa sông đề nghị trong thuyết minh, tính toán cập nhật nêu rõ các yêu cầu quy định trong việc bảo vệ lòng, bờ, bãi sông, hoạt động giao thông đường thủy, như: Tuân thủ quy định về hành lang bảo vệ hồ chứa, bảo vệ công trình, bảo đảm an toàn hồ chứa, an toàn tuyệt đối cho đập và các hạng mục công trình gắn liền với hồ chứa; chỉ khai thác phân trữ lượng do bồi lắng và phải gắn với yêu cầu nạo vét, phòng, chống, bồi lắng lòng hồ; không ảnh hưởng đến chức năng, nhiệm vụ của hồ chứa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; không ảnh hưởng đến các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước của hồ chứa; không làm ảnh hưởng đến việc hoạt động giao thông đường thủy nội địa, kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong phạm vi khu vực khai thác và các quy định khác có liên quan.

- Nghiên cứu, tính toán đối với các trường hợp quy hoạch khai thác cát, sỏi kết hợp với việc khơi thông dòng chảy, tăng khả năng thoát lũ, bảo đảm chức năng của nguồn nước; cập nhật hồ sơ thể hiện cao độ trước và sau khai thác (chiều rộng, dài, sâu) đối với các vị trí có liên quan đến tuyến luồng đường thủy nội địa; khảo sát bổ sung thêm các tọa độ các công trình (đập thủy điện, công

trình giao thông, đề điều...) có liên quan để theo dõi giám sát, xử lý và không ảnh hưởng bởi các vị trí quy hoạch mỏ vật liệu trên.

- Sau khi quy hoạch phê duyệt đề nghị Sở Xây dựng chủ trì với các ngành đơn vị liên quan có phương án triển khai cắm mốc để xác định vị trí nạo vét, đắp đất hoặc khai thác tài nguyên và công bố theo quy định; việc tổ chức khai thác thực hiện theo quy định của nhà nước và tuân thủ các quy định của ngành GTVT như: chấp thuận phương án đảm bảo giao thông đường thủy nội địa theo quy định tại Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ GTVT quy định về quản lý đường thủy nội địa; cắm mốc giới, báo hiệu đường thủy nội địa, biển thông báo thông tin trên thực địa và bàn giao cho đơn vị có liên quan quản lý theo quy định; quy định về việc ứng dụng công nghệ để giám sát quá trình khai thác tài nguyên cát, sỏi trong phạm vi quy hoạch; các đơn vị được cấp phép khai thác khoáng sản cam kết đảm bảo các phương tiện tham gia khai thác phải không thuê hoặc ký hợp đồng với các phương tiện sử dụng trong hoạt động khai thác, vận chuyển cát, sỏi chưa có đăng ký, đăng kiểm.

Trên đây là ý kiến của Sở GTVT đề nghị Sở Xây dựng xem xét, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận: *MU*

- Như trên;
- Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, QLGT (Tám 2b).

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
SỞ  
GIAO THÔNG VÀ  
VẬN TẢI  
TỈNH THÁI MIỀN BẮC



*Nguyễn Văn Khiên*

Nguyễn Văn Khiên



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HOÁ  
**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SNN&PTNT-ĐĐ  
V/v tham gia ý kiến về các khu vực dự  
kiến quy hoạch khai thác cát, sỏi thuộc  
phạm vi lòng hồ thủy lợi và khu vực  
cửa sông, cửa biển.

Thanh Hoá, ngày tháng 11 năm 2018

Kính gửi: Sở Xây dựng Thanh Hóa.

Sở Nông nghiệp và PTNT nhận được Công văn số 5759/SXD-KVĐT ngày 13/11/2018 của Sở Xây dựng về việc xin ý kiến các đơn vị về các khu vực dự kiến quy hoạch khai thác cát, sỏi thuộc phạm vi lòng hồ thủy lợi, thủy điện và khu vực cửa sông, cửa biển (kèm theo danh sách các khu vực dự kiến quy hoạch). Sau khi xem xét, Sở Nông nghiệp và PTNT có ý kiến như sau:

1. Đối với dự kiến quy hoạch khai thác cát trong các lòng hồ thủy lợi:

- Hồ Yên Mỹ: Hiện nay, nhà máy nước sạch hồ Quế Sơn và nhà máy nước sạch Bình Minh đang sử dụng nguồn nước thô từ hồ Yên Mỹ, để cấp nước cho Khu Kinh tế Nghi Sơn với công suất 120.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Để đảm bảo nguồn nước sạch cung cấp cho 2 nhà máy, đề nghị không quy hoạch khai thác cát, sỏi thuộc phạm vi lòng hồ Yên Mỹ.

- Hồ Cửa Đạt: Đây là công trình quan trọng cấp Quốc gia (hiện nay do Công ty TNHH một thành viên Sông Chu quản lý, vận hành khai thác), theo quy định của Luật Thủy lợi, công trình sẽ bàn giao về cho Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý, khai thác (dự kiến hoàn thành công tác bàn giao trong tháng 12/2018). Vì vậy, nếu đưa vào quy hoạch khai thác cát, sỏi thuộc phạm vi lòng hồ Cửa Đạt, đề nghị xin ý kiến của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

2. Đối với dự kiến quy hoạch khai thác cát, sỏi ở cửa sông, cửa biển:

Đây là các khu vực rất quan trọng liên quan đến đề điều và thoát lũ, có chế độ thủy văn, thủy lực rất phức tạp. Để không gây ảnh hưởng đến an toàn công trình đề điều, tránh gây sạt lở bờ sông, bờ biển và ổn định của dòng sông, đề nghị Sở Xây dựng chỉ đạo đơn vị tư vấn nghiên cứu, đánh giá cụ thể hiện trạng xói, bồi ở các cửa sông, cửa biển và các tác động của việc khai thác cát đến sự ổn định công trình đề điều, dòng chảy và bờ sông, bờ biển làm cơ sở để quy hoạch.

Sở Nông nghiệp và PTNT có ý kiến như trên để Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Giám đốc Sở (b.cáo);
- Lưu: VT, ĐĐ.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Việt Thái

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÁ THƯỚC**

Số: 1705/UBND - TNMT

V/v tham gia ý kiến về các khu vực dự kiến quy hoạch khai thác cát, sỏi thuộc phạm vi lòng hồ thủy lợi, thủy điện và khu vực cửa sông cửa biển.

*Ban UBND, VLĐ*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bá Thước, ngày 26 tháng 11 năm 2018

SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA	
ĐẾN	Số: ..... 2592
	Ngày: ..... 28/11/18
Chuyển:	.....
Hóa số:	.....

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa

Thực hiện công văn số 6759/SXD-KVDT ngày 13/11/2018 Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa về việc xin ý kiến các đơn vị về các khu vực dự kiến quy hoạch khai thác cát, sỏi thuộc phạm vi lòng hồ thủy lợi, thủy điện và khu vực cửa sông, cửa biển. Sau khi xem xét các vị trí dự kiến quy hoạch khai thác các sỏi trên khu vực lòng hồ thủy điện Bá Thước 2, UBND huyện Bá Thước cơ bản thống nhất với các vị trí và diện tích dự kiến quy hoạch, khai thác cát sỏi thuộc phạm vi lòng hồ thủy điện tại xã Điền Lư, xã Lương Ngoại và xin bổ sung một số vị trí như sau:

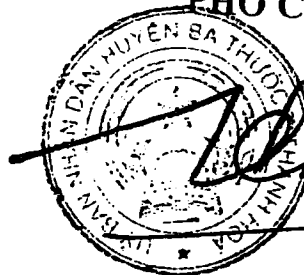
- Xã Ái Thượng 02 điểm tại thôn Mỹ và thôn Chênh: diện tích 10 ha.
- Xã Lâm Xa 01 điểm tại thôn Đám: diện tích 01 ha.
- Xã Tân Lập 01 điểm tại thôn Hồng Sơn: diện tích 04 ha.

UBND huyện Bá Thước báo cáo tham gia ý kiến để Sở Xây dựng tổng hợp báo cáo UBND và HĐND tỉnh. /.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu VT, TNMT (H.10b).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Võ Minh Khoa**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÀ TRUNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số 2420/UBND-KT&HT  
V/v tổ chức lấy ý kiến cộng đồng  
dân cư đối với các mỏ, điểm mỏ cát  
dự kiến đưa vào quy hoạch khảo sát,  
thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên  
cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa  
đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Hà Trung, ngày 26 tháng 11 năm 2018

SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA	
ĐẾN Số: 7683	Ngày: 30/11/18
Chuyển: .....	
Lưu hồ sơ số: .....	

*VLXD, Ban KĐT*  
Kính gửi: Sở Xây dựng Thanh Hóa.

Thực hiện công văn số 14325/UBND-CN ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa v/v tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư đối với các mỏ, điểm mỏ cát dự kiến đưa vào quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Sau khi tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư tại 02 xã nằm trong quy hoạch bãi tập kết cát trên địa bàn, UBND huyện báo cáo như sau:

1. Đối với bãi tập kết tại thôn 4 (thôn Đại Sơn), xã Hà Phú đề nghị bỏ ra khỏi quy hoạch do nhân dân không đồng ý (có báo cáo số 89/BC-UBND ngày 26/11/2018 của UBND xã Hà Phú).

2. Đối với bãi tập kết tại thôn 4 xã Hà Ngọc đề nghị hoàn thiện phê duyệt quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (có biên bản lấy ý kiến nhân dân kèm theo).

Đề nghị Sở Xây dựng xem xét, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh. /s/

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch UBND huyện (b/c);
- Lưu: VT, KTHT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Tiên Dũng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN HOÀNG HÓA**

Số: 1894/UBND-KT&HT

V/v tham gia ý kiến về quy hoạch khai thác cát, sỏi thuộc phạm vi lòng hồ thủy lợi, thủy điện và khu vực cửa sông, cửa biển.

*Ban CVĐT, VL&HT*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hoàng Hóa, ngày 26 tháng 11 năm 2018

SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA	
ĐẾN	Số: ..... 7593 .....
	Ngày: ..... 28/11/18 .....
	Chuyên: .....
	Lưu hồ sơ số: .....

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa.

UBND huyện Hoàng Hóa nhận được Công văn số 6759/SXD-KVĐT ngày 13/11/2018 của Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa về việc xin ý kiến các đơn vị về các khu vực dự kiến quy hoạch khai thác cát, sỏi thuộc phạm vi lòng hồ thủy lợi, thủy điện và khu vực cửa sông, cửa biển.

Sau khi nghiên cứu, UBND huyện Hoàng Hóa có ý kiến như sau:

Thực hiện Công văn số 3142/SXD-KVĐT ngày 14/6/2018 của Sở Xây dựng Thanh Hóa về việc tham vấn ý kiến thành viên Hội đồng thẩm định về dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng không thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 (lần 2).

Ngày 27/6/2018, UBND huyện Hoàng Hóa đã có Công văn số 918/UBND-KT&HT về việc Tham vấn ý kiến về dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng không thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 (lần 2).

Theo đó, trên địa bàn huyện Hoàng Hóa không quy hoạch các mỏ khai thác cát, sỏi.

Đối với vị trí cửa sông Lạch Trường, theo dự thảo quy hoạch có ký hiệu CS03 đoạn từ Km1+00 – Km5+00 (bờ trái xã Hải Lộc, huyện Hậu Lộc; Bờ phải xã Hoàng Trường, huyện Hoàng Hóa). Khu vực phía huyện Hoàng Hóa trữ lượng cát, sỏi ít; mặt khác, đây là khu vực quy hoạch nuôi trồng thủy, hải sản. Do vậy, việc quy hoạch vị trí trên để khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 là không phù hợp.

Trên đây là ý kiến tham gia của UBND huyện Hoàng Hóa, đề nghị Sở Xây dựng xem xét, tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Chủ tịch UBND huyện (b/c);
- Các phòng: TN-MT; KT&HT;
- Lưu VT.

*Châu*



**Nguyễn Đình Tuy**



Ký bởi Ủy ban Nhân dân huyện Mường Lát  
(M)  
Giờ ký: 2018.11.26 14:30:35 +07:00

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN MƯỜNG LÁT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: *1157*/UBND – TNMT

Mường Lát, ngày *26* tháng 11 năm 2018

V/v: Thông tin về quy hoạch  
điểm mỏ cát phục vụ xây dựng.

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa

Thực hiện Công văn số: 14325/UBND – CN ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, về việc tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư đối với các mỏ, điểm mỏ cát dự kiến đưa vào Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu công bố công khai và lấy ý kiến cộng đồng dân cư về các điểm mỏ cát trên địa bàn dự kiến đưa vào quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng làm vật liệu xây dựng. Sau khi công khai, tổ chức lấy ý kiến từ cộng đồng dân cư quanh khu vực điểm mỏ, Ủy ban nhân dân huyện Mường Lát báo cáo như sau:

Các điểm mỏ cát được sở Xây dựng gửi kèm Công văn 14325/UBND – CN ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa thuộc hai xã Quang Chiêu và Tén Tàn huyện Mường Lát và đa số được nhân dân đồng tình ủng hộ bởi tương đối xa khu dân cư và cũng chỉ mang tính khơi dòng chảy bởi đây là lượng cát trôi từ thượng nguồn suối Sim hoặc do bào mòn núi bởi mưa lũ hoặc do việc thi công các tuyến đường tạo nên (thực tế nhiều điểm mỏ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương cho Công ty TNHH thương mại và xây dựng Hùng Lộc và công ty Tây Thành lập thủ tục khai thác). Riêng đối với 02 điểm tại bản Buồn xã Tén Tàn (số hiệu 165 và 166) sát suối Buồn chảy vào sông Mã và gần khu dân cư nên người dân e ngại việc hoạt động sẽ gây ảnh hưởng đến môi trường, nguy cơ sạt lở (thực tế khu vực dân cư là mép đá bờ sông rất vững chắc) cũng như khu vực trên là có kim loại quý (vàng) chứ không đơn thuần là cát, sỏi làm vật liệu xây dựng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TNMT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Bá Diễm

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN THIỆU HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 941 / BC - UBND

Thiệu Hóa, ngày 27 tháng 11 năm 2018

*WCD, Ban CVĐT*

**BÁO CÁO**

**Tổng hợp tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư đối với các mỏ, điểm mỏ cát dự kiến đưa vào quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 địa bàn huyện Thiệu Hóa.**

<b>ĐẾN</b>	Số: .....
	Ngày: .....
	.....

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại công văn số 14325/UBND-CN ngày 13 tháng 11 năm 2018 về việc: Tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư đối với các mỏ, điểm mỏ cát dự kiến đưa vào quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

UBND huyện Thiệu Hóa đã chỉ đạo UBND xã, thị trấn tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư quang khu vực mỏ, điểm mỏ cát dự kiến đưa vào quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát làm vật liệu xây dựng UBND huyện Thiệu Hóa báo cáo tình hình khai thác và sử dụng cát tự nhiên cho công trình trên đại bản trên địa bàn huyện cụ thể như sau:

**1. Tình hình chung:**

Theo quy hoạch tại văn bản số 14325/UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa trên địa bàn huyện Thiệu Hóa được UBND tỉnh đưa vào quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030:

- \* Mỏ khai thác cát là 13 mỏ:
  - 03 mỏ đang hoạt động: mỏ 04 Thị trấn Vạn Hà và Thiệu Nguyên; mỏ 05 xã Thiệu Nguyên; mỏ 08 xã Thiệu Vũ.
  - 01 mỏ đang tạm dừng hoạt động: mỏ 02 chuyển đổi xã Thiệu Tân.
  - 01 mỏ dừng hoạt động: mỏ 03 xã Thiệu Đô đang hoàn tất thủ tục để đóng cửa mỏ.
  - 02 mỏ đang xin gia hạn: mỏ 62 xã Thiệu Thịnh; mỏ 02a xã Thiệu Tân;
  - 06 mỏ đã hết hạn giấy phép khai thác: mỏ 09 Thiệu Vũ; mỏ 15 xã Thiệu Toán; mỏ số 14 Thiệu Minh; mỏ số 63 xã Thiệu Thịnh; mỏ số 66 xã Thiệu Quang; mỏ Quang Trung 3 xã Thiệu Tiến.
- \* Bãi Tập kết: Có 08 bãi;
  - Có 05 bãi đang hoạt động kinh doanh cát; bãi tập kết 18a thôn Toán Phúc xã Thiệu Toán; bãi tập kết 18 làng Đồng Bào xã Thiệu Minh; bãi tập kết 33b Thị trấn Vạn Hà; bãi tập kết 33 xã Thiệu Đô; bãi tập kết B 26 xã Thiệu Nguyên.

- 01 bãi tạm dừng hoạt động ; bãi 51b thôn Lạc Đô xã Thiệu Vận của Công An Phát.

- 02 bãi chưa hồ sơ thuê đất; bãi 51 a thôn Nam Bằng xã Thiệu Hợp; bãi 35 thôn 10 xã Thiệu Quang.

Các xã, thị trấn đã tổ chức lấy ý kiến của cộng đồng dân cư nơi mỏ, điểm mỏ cát dự kiến đưa vào quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát làm vật liệu xây dựng bằng hội nghị mở rộng các đoàn thể, tổ chức chính trị, xã hội cộng đồng dân cư gần các mỏ, điểm mỏ cát bằng văn bản. Tổng hợp có báo cáo về UBND huyện để hợp. *(Danh sách chi tiết có phụ lục kèm theo)*

## 2. Kiến nghị, đề xuất:

- Không mở rộng diện tích khai thác mỏ và không gia hạn thời gian khai thác cho những mỏ không chấp hành nghiêm quy trình khai thác gây sạt lở đất sản xuất của nhân dân và ảnh hưởng đến giao thông và đề điều.

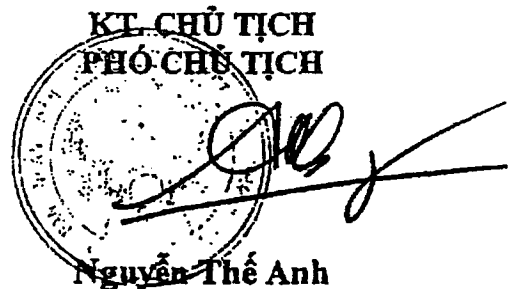
- Cấp phép và cho thuê đất làm bãi tập kết cát cho các Doanh nghiệp đã có mỏ cát tại địa huyện và tạm dừng hoạt động và thu hồi giấy phép kinh doanh cát của các Doanh nghiệp không có nguồn gốc cát cụ thể.

- Đề nghị UBND tỉnh đưa vào kế hoạch thăm dò, xác định trữ lượng để tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản Mỏ số 13 Làng Đồng Minh xã Thiệu Minh. Thay thế mỏ số 14 tại xã do ảnh hưởng kè đê sông Chu. Bổ sung danh sách bãi tập kết tại xã Thiệu Vũ *(Đã được UBND tỉnh cho thuê đất năm 2012 đến nay)*

Trên đây là tổng hợp lấy ý kiến cộng đồng dân cư đối với các mỏ, điểm mỏ cát dự kiến đưa vào quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 địa bàn huyện Thiệu Hóa. . Báo cáo Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c)
- Sở Xây dựng (b/c);
- Chủ tịch UBND huyện; (b/c)
- Lưu: VT, TN&MT.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH  
  
Nguyễn Thế Anh

**Phụ lục 01.**

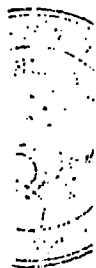
**Tổng hợp lấy ý kiến cộng đồng dân cư đối với các mô điểm mỏ cát dự kiến đưa vào quy khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm VLXD tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn huyện Thiệu Hóa**  
(Kèm theo Báo cáo số 94/BC-UBND ngày 27/11/2018 của UBND huyện Thiệu Hóa)

Stt	Số hiệu	Địa danh	Hình thức lấy ý kiến	Đề xuất, kiến nghị
<b>Huyện Thiệu Hóa</b>				
1	2	Mỏ cát số 02 chuyên đổi: Thôn Xứ Nhân, xã Thiệu Tân	Hội nghị mở rộng các đoàn thể, tổ chức chính trị, xã hội cộng đồng dân cư gần các mỏ, điểm mỏ cát bằng văn bản	Điều chỉnh địa danh: Bãi bồi sông Chu xã Thiệu Tân.
2	3	Mỏ cát số 03: xã Thiệu Đô, Thiệu Châu	Hội nghị mở rộng các đoàn thể, tổ chức chính trị, xã hội cộng đồng dân cư gần các mỏ, điểm mỏ cát bằng văn bản	Đang làm hồ sơ đóng cửa mỏ Không mở rộng diện tích khai thác mỏ và không gia hạn thời gian khai thác cho những mỏ không chấp hành nghiêm quy trình khai thác gây sạt lở đất sản xuất của nhân dân
3	4	Mỏ cát số 04: Thị trấn Vạn Hà, xã Thiệu Nguyên	Hội nghị mở rộng các đoàn thể, tổ chức chính trị, xã hội cộng đồng dân cư gần các mỏ, điểm mỏ cát bằng văn bản	Không mở rộng diện tích khai thác mỏ và không gia hạn thời gian khai thác cho mỏ chưa chấp hành nghiêm quy trình khai thác gây sạt lở đất sản xuất của nhân dân và ảnh hưởng đến giao thông và đề điều
4	5	Mỏ cát số 05: xã Thiệu Nguyên	Hội nghị mở rộng các đoàn thể, tổ chức chính trị, xã hội cộng đồng dân cư gần các mỏ, điểm mỏ cát bằng văn bản	Không mở rộng diện tích khai thác mỏ và không gia hạn thời gian khai thác cho mỏ chưa chấp hành nghiêm quy trình khai thác gây sạt lở đất sản xuất của nhân dân và ảnh hưởng đến giao thông và đề điều
5	8	Mỏ cát số 08: làng Lam Vỹ, xã Thiệu Vũ	Hội nghị mở rộng các đoàn thể, tổ chức chính trị, xã hội cộng đồng dân cư thôn Lam Vỹ và tại xã bằng văn bản	Thống nhất bổ sung quy hoạch của UBND tỉnh
6	9	Mỏ cát số 09: thôn Chân Xuyên 2, xã Thiệu Ngọc	Hội nghị mở rộng các đoàn thể, tổ chức chính trị, xã hội cộng đồng dân cư thôn Chân Xuyên 2 và tại xã bằng văn bản	Thống nhất bổ sung quy hoạch của UBND tỉnh
7	14	Mỏ cát số 14: làng Đồng Bào, xã Thiệu Minh	Hội nghị mở rộng các đoàn thể, tổ chức chính trị, xã hội cộng đồng dân cư gần mỏ cát bằng văn bản	Đề nghị chuyển theo quy hoạch mỏ 13 mà UBND huyện đã đề nghị





Stt	Số hiệu	Địa danh	Hình thức lấy ý kiến	Đề xuất, kiến nghị
8	15	Mỏ cát số 15: thôn Toán Thọ, xã Thiệu Toán	Hội nghị mở rộng các đoàn thể, tổ chức chính trị, xã hội cộng đồng dân cư thôn Toán Ty và tại xã bằng văn bản	Thống nhất bổ sung quy hoạch của UBND tỉnh
9	62	Mỏ cát số 62: Phòng Nhuệ, xã Thiệu Thịnh	Hội nghị mở rộng các đoàn thể, tổ chức chính trị, xã hội cộng đồng dân cư gần mỏ cát bằng văn bản	Thống nhất bổ sung quy hoạch của UBND tỉnh
10	63	Mỏ cát số 63: thôn Đương Phong, xã Thiệu Thịnh	Hội nghị mở rộng các đoàn thể, tổ chức chính trị, xã hội cộng đồng dân cư gần điểm mỏ cát bằng văn bản	Bỏ ngoài quy hoạch do hiện không còn trữ lượng
11	66	Mỏ cát số 66 xã Thiệu Quang	Hội nghị mở rộng các đoàn thể, tổ chức chính trị, xã hội cộng đồng dân cư gần các mỏ, điểm mỏ cát bằng văn bản	Thống nhất bổ sung quy hoạch của UBND tỉnh
12	63a	Mỏ cát thôn Quang Trung 3, xã Thiệu Tiến	Hội nghị mở rộng các đoàn thể, tổ chức chính trị, xã hội cộng đồng dân cư thôn Quan Trung 3 và tại xã bằng văn bản	Thống nhất bổ sung quy hoạch của UBND tỉnh



Phụ lục 02.

Tổng hợp lấy ý kiến cộng đồng dân cư đối với các mỏ điểm mỏ cát dự kiến đưa vào quy khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm VLXD tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn huyện Thiệu Hóa  
(Kèm theo Báo cáo số 941/BC-UBND ngày 27/11/2018 của UBND huyện Thiệu Hóa)

Stt	Số hiệu	Địa danh	Hình thức lấy ý kiến	Đề xuất, kiến nghị
<b>Huyện Thiệu Hóa</b>				
01	B33	Bãi tập kết số B33: Hưng Đô, xã Thiệu Đô	Hội nghị mở rộng các đoàn thể, tổ chức chính trị, xã hội cộng đồng dân cư gần các mỏ, điểm mỏ cát bằng văn bản	Chỉ cấp phép và cho thuê đất trong thời hạn khai thác tại mỏ cát số 05 xã Thiệu Nguyên
02	B33b	Bãi tập kết cát Kiên Hưng, thị trấn Vạn Hà	Hội nghị mở rộng các đoàn thể, tổ chức chính trị, xã hội cộng đồng dân cư gần các mỏ, điểm mỏ cát bằng văn bản	Đề nghị UBND tỉnh xem xét do diện tích nhỏ và sát chân cầu Vạn Hà ảnh hưởng đến giao thông.
03	B26	Bãi tập kết cát B26 xã Thiệu Nguyên	Hội nghị mở rộng các đoàn thể, tổ chức chính trị, xã hội cộng đồng dân cư gần các mỏ, điểm mỏ cát bằng văn bản	Chỉ cấp phép và cho thuê đất trong thời hạn khai thác tại mỏ cát số 02 chuyển đổi xã Thiệu Tân
04	B18	Bãi tập kết cát B18: làng Đồng Minh, xã Thiệu Minh	Hội nghị mở rộng các đoàn thể, tổ chức chính trị, xã hội cộng đồng dân cư gần các mỏ, điểm mỏ cát bằng văn bản	Cấp phép và cho thuê đất làm bãi tập kết cát cho Doanh nghiệp có mỏ cát tại địa huyện hoặc có nguồn gốc cát ổn định
05	B18a	Bãi tập kết thôn Toán Phúc, xã Thiệu Toán	Hội nghị mở rộng các đoàn thể, tổ chức chính trị, xã hội cộng đồng dân cư gần các mỏ, điểm mỏ cát bằng văn bản	Cấp phép và cho thuê đất làm bãi tập kết cát cho Doanh nghiệp có mỏ cát tại địa huyện hoặc có nguồn gốc cát ổn định
06	B35	Bãi tập kết cát B35: thôn 10, xã Thiệu Quang	Hội nghị mở rộng các đoàn thể, tổ chức chính trị, xã hội cộng đồng dân cư gần các mỏ, điểm mỏ cát bằng văn bản	Đề nghị UBND tỉnh xem xét do diện tích nhỏ và gần khu dân cư ảnh hưởng đến môi trường và đề điều
07	B51a	Bãi tập kết cát thôn Nam Bàng 1, xã Thiệu Hợp, thửa 508, tờ BĐ số 13	Hội nghị mở rộng các đoàn thể, tổ chức chính trị, xã hội cộng đồng dân cư gần các mỏ, điểm mỏ cát bằng văn bản	Đề nghị UBND tỉnh xem xét do diện tích nhỏ và gần khu dân cư ảnh hưởng đến môi trường và giao thông
08	B51b	Bãi tập kết cát thôn Lạc Đô, xã Thiệu Vạn	Hội nghị mở rộng các đoàn thể, tổ chức chính trị, xã hội cộng đồng dân cư gần các mỏ, điểm mỏ cát bằng văn bản	Tạm dừng hoạt động và thu hồi cấp phép kinh doanh cát của Doanh nghiệp do không có nguồn gốc cát
09		Bãi tập kết cát của Công ty Trường Sa tại xã Thiệu Vũ	Hội nghị mở rộng các đoàn thể, tổ chức chính trị, xã hội cộng đồng dân cư gần các mỏ, điểm mỏ cát bằng văn bản	Là bãi được UBND tỉnh cấp phép cho Công ty Trường Sa năm 2012. Chỉ cấp phép và cho thuê đất trong thời hạn khai thác tại mỏ cát số 08 xã Thiệu Vũ



Người ký: Ủy ban Nhân  
dân huyện Ngọc Lặc  
Email:  
ngoclac@thanhhoa.gov.v  
n  
Cơ quan: Tỉnh Thanh Hóa  
Thời gian ký: 28.11.2018  
15:59:43 +07:00

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGỌC LẶC**

**Số 1885/UBND - KIHT**

V/v tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư đối với các mỏ, điểm mỏ cát dự kiến đưa vào Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ngọc Lặc, ngày 28 tháng 11 năm 2018

Kính gửi: UBND tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện văn bản số 14325/UBND - CN ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư đối với các mỏ, điểm mỏ cát dự kiến đưa vào Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

UBND huyện đã làm việc với UBND các xã Phùng Minh, Phùng Giáo, Phúc Thịnh và các thôn có liên quan để xác định vị trí các mỏ cát dự kiến đưa vào Quy hoạch theo văn bản chỉ đạo của tỉnh; đồng thời giao UBND các xã, thôn tiến hành họp tham vấn lấy ý kiến cộng đồng dân cư quanh khu vực vị trí mỏ cát.

Sau khi có kết quả họp lấy ý kiến dân cư của các thôn, UBND huyện tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh, với những nội dung sau:

**1. Các mỏ cát thuộc địa bàn xã Phùng Minh:**

- Mỏ cát làng Thượng: Không thống nhất với dự kiến đưa mỏ cát vào Quy hoạch của tỉnh, hiện tại Công ty Bình Mai Anh là Công ty đang khai thác mỏ cát - Theo giấy phép số 406 của UBND tỉnh Thanh Hóa, các hộ dân đề nghị khai thác đúng điểm mỏ, đúng giờ theo quy định và nếu làm hư hỏng các tuyến đường làng trong quá trình khai thác phải có trách nhiệm nâng cấp, sửa chữa.

- Mỏ cát làng Chu: Không thống nhất với dự kiến đưa mỏ cát vào Quy hoạch của tỉnh, đề nghị Công ty đang được cấp phép khai thác mỏ cát khai thác đúng phần quy định cấm mốc điểm mỏ và cần đảm bảo không ảnh hưởng đến bà con nhân dân, xe chở vật liệu khai thác không được đi qua đường dân cư.

- Mỏ cát làng Cốc: Không thống nhất với dự kiến đưa mỏ cát vào Quy hoạch của tỉnh, đề nghị Công ty đang được cấp phép khai thác mỏ cát khai thác đúng phần quy định cấm mốc điểm mỏ và cần đảm bảo không ảnh hưởng đến bà con nhân dân.

**2. Các mỏ cát thuộc địa bàn xã Phúc Thịnh:**

- Mỏ cát làng Miềng: Không thống nhất việc khai thác cát dọc bên sông, làm ảnh hưởng trực tiếp đến các hộ sử dụng diện tích đất xung quanh mỏ khai thác cát.

### 3. Các mỏ cát thuộc địa bàn xã Phùng Giáo:

- Mỏ cát làng Bằng: Không đồng ý đưa mỏ cát làng Bằng vào Quy hoạch diềm các mỏ cát.

- Mỏ cát làng Châm: Không thống nhất đưa mỏ cát làng Châm vào dự kiến Quy hoạch diềm mỏ cát để khảo sát và khai thác do nguy cơ sạt lở và ảnh hưởng đến giao thông đi lại của bà con đoạn qua sông.

UBND huyện Ngọc Lặc kính báo cáo UBND tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Sở Xây dựng (để b/c)
- CT, PCT UBND huyện (để b/c);
- Phòng TN&MT;
- Lưu VT, KT&HT;
- In 06 bản.

**KT, CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phạm Tiến Dũng**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỌ XUÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /UBND-TNMT

V/v Tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư đối với các mỏ, các điểm mỏ cát dự kiến đưa vào Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030

Kính gửi:

*VLXD, Ban QLDT*

- UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Xây dựng Thanh Hóa.

Số: ..... tháng 11 năm 2018.

SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA	
ĐẾN	Số: ..... 2691
	Ngày: ..... 30/11/18
Chuyển:	.....
Lưu hồ sơ số:	.....

Thực hiện Công văn số 14325/UBND-CN ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa V/v Tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư đối với các mỏ, điểm mỏ cát dự kiến đưa vào Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Sau khi tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư tại các xã, thị trấn có mỏ, điểm mỏ cát dự kiến đưa vào Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, UBND huyện Thọ Xuân báo cáo như sau:

- Đối với mỏ cát số 25 tại xã Xuân Lam, Thọ Lâm: nhân dân xã Xuân Lam không đồng ý do việc khai thác mỏ cát số 25 sẽ ảnh hưởng đến đất canh tác và nhà ở của một số hộ dân tại thôn Giao Xá cũng như ảnh hưởng đến tuyến đê chắn lũ của địa phương.

- Đối với mỏ cát số 18 tại xã Xuân Thành, Hạnh Phúc, Xuân Lai: nhân dân xã Hạnh Phúc không đồng ý do việc khai thác cát tại mỏ cát số 18 gây sạt lở đất sản xuất nông nghiệp, có nguy cơ gây sạt lở khu nghĩa địa của xã do khu nghĩa địa rất gần bờ sông Chu.

- Đối với mỏ cát số 17, xã Thọ Nguyên: nhân dân các thôn Liên Phô, Vân Lộ không đồng ý do việc khai thác cát tại mỏ cát số 17 gây sạt lở đất sản xuất nông nghiệp, có nguy cơ gây sạt lở khu nghĩa địa của làng Liên Phô do khu nghĩa địa rất gần bờ sông Chu.

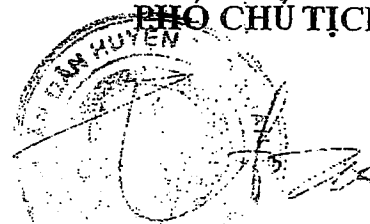
Vậy, UBND huyện Thọ Xuân tổng hợp ý kiến của cộng đồng dân cư, báo cáo Sở Xây dựng và UBND tỉnh xem xét, quyết định./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (B/cáo).
- Lưu: VT, TNMT.

*Ch*

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Huy Hoàng

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN THƯỜNG XUÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1765/UBND-KTHT

Thường Xuân, ngày 20 tháng 11 năm 2018.

V/v tham gia ý kiến về các khu vực dự kiến quy hoạch khai thác cát, sỏi thuộc phạm vi lòng hồ thủy lợi, thủy điện trên địa bàn huyện Thường Xuân.

SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA	
ĐẾN	Số: ..... 2429 .....
	Ngày: ..... 20/11/18 .....
Chuyển:	.....
	Hóa số: .....

Ban KTHT, v.v.v

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa

UBND huyện Thường Xuân nhận được công văn số: 6759/SXD-KVĐT ngày 13/11/2018 của Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa về việc xin ý kiến các đơn vị về các khu vực dự kiến quy hoạch khai thác cát, sỏi thuộc phạm vi lòng hồ thủy lợi, thủy điện và khu vực cửa sông, cửa biển.


Sau khi nghiên cứu các nội dung văn bản, danh sách dự kiến mỏ và bản đồ kèm theo; UBND huyện Thường Xuân hoàn toàn thống nhất với các khu vực dự kiến khai thác cát, sỏi thuộc phạm vi lòng hồ thủy lợi, thủy điện trên địa bàn. Tuy nhiên đề nghị Sở Xây dựng đình chính lại vị trí xây dựng đập, nhà máy thủy điện Cửa Đạt (ký hiệu TĐ09 trong danh sách) từ xã "Xuân Mỹ" sang xã "Vạn Xuân" huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa (vì nay không còn tên địa phận xã Xuân Mỹ, khu vực xã Xuân Mỹ đã sáp nhập vào xã Vạn Xuân).

Trên đây là ý kiến đóng góp của UBND huyện Thường Xuân, đề nghị Sở Xây dựng tổng hợp ý kiến báo cáo UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh theo yêu cầu.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT; KTHT<sub>bag</sub>.

CHỦ TỊCH



*[Handwritten signature]*

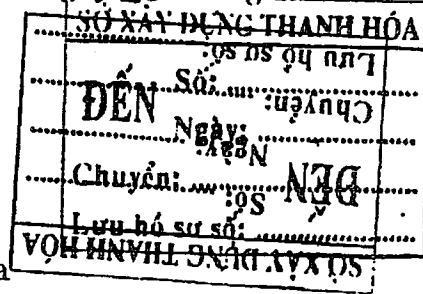
PHÓ CHỦ TỊCH  
*Vì Ngọc Tuấn*

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2784/UBND-TN&MT  
V/v Báo cáo lấy ý kiến cộng đồng dân cư về các điểm mỏ, mỏ cát dự kiến đưa vào Quy hoạch thăm dò, khai thác cát đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn huyện Yên Định

Yên Định, ngày 26 tháng 11 năm 2018



Kính gửi: Sở Xây dựng Thanh Hóa

*VLXD  
Ban KVT*

UBND huyện Yên Định nhận được Công văn số 14325/SXD-VLXD ngày 13/11/2018 của Sở Xây dựng Thanh Hóa về việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư về các điểm mỏ, mỏ cát dự kiến đưa vào Quy hoạch thăm dò, khai thác cát trên địa bàn tỉnh.

Ngày 19/11/2018, Chủ tịch UBND huyện Yên Định đã có Công văn số 2715/UBND-TNMT, chỉ đạo Chủ tịch UBND các xã: Quý Lộc, Yên Phong, Yên Thái, Định Hải là những xã có các điểm mỏ dự kiến đưa vào Quy hoạch thăm dò, khai thác cát, tổ chức Hội nghị lấy ý kiến cộng đồng dân cư về các điểm mỏ, mỏ cát dự kiến đưa vào Quy hoạch thăm dò, khai thác cát đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn. Sau khi tổng hợp ý kiến cộng đồng dân cư. UBND huyện Yên Định báo cáo về lấy ý kiến cộng đồng dân cư về các điểm mỏ, mỏ cát dự kiến đưa vào Quy hoạch thăm dò, khai thác cát đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn huyện Yên Định như sau:

1. Mỏ cát số 41, Bãi Bồng, thôn 11, xã Quý Lộc: Ý kiến của cộng đồng dân cư thôn 11, xã Quý Lộc, đồng ý đưa vào Quy hoạch thăm dò, khai thác cát đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

2. Mỏ cát số 50, xã Yên Phong: Ý kiến của cộng đồng dân cư thôn 3, xã Yên Phong, đồng ý đưa vào Quy hoạch thăm dò, khai thác cát đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030

3. Mỏ cát số 51, Thôn Phù Hưng, xã Yên Thái và xã Yên Phong:

+ Ý kiến của cộng đồng dân cư các thôn 4, xã Yên Phong, đồng ý đưa vào Quy hoạch thăm dò, khai thác cát đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030

+ Ý kiến của cộng đồng dân cư thôn Phù Hưng, xã Yên Thái, không đồng ý đưa vào Quy hoạch thăm dò, khai thác cát đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, vì gần khu dân cư thôn Phù Hưng, xã Yên Thái.

4. Mỏ cát số 52, Thôn Phù Hưng, xã Yên Thái: Ý kiến của cộng đồng dân cư thôn Phù Hưng, xã Yên Thái, không đồng ý đưa vào Quy hoạch thăm dò, khai thác cát đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, vì gần khu dân cư

5. Mỏ cát số 20, Thôn Phù Hưng, xã Yên Thái: Ý kiến của cộng đồng dân cư thôn Phù Hưng, xã Yên Thái, đồng ý đưa vào Quy hoạch thăm dò, khai thác cát đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030

6. Mỏ cát số 54, Thôn Trịnh Điện, xã Định Hải: Ý kiến của cộng đồng dân cư thôn Trịnh Điện, xã Định Hải đồng ý đưa vào Quy hoạch thăm dò, khai thác cát đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Vậy UBND huyện Yên Định báo cáo lấy ý kiến cộng đồng dân cư về các điểm mỏ, mỏ cát dự kiến đưa vào Quy hoạch thăm dò, khai thác cát đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn huyện Yên Định, đề nghị Sở Xây dựng Thanh Hóa tổng hợp báo cáo UBND tỉnh Thanh Hóa./

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh Thanh Hóa; (Đề B/c)
- CT, PCT UBND huyện; (Đề B/c)
- Các phòng, đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT, TN&MT.



**CHỦ TỊCH**

**Lưu Vũ Lâm**





Ký bởi Ủy ban Nhân dân huyện Quan  
Hóa (M)  
Giờ ký: 2018.11.20 10:10:31 +07:00

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUAN HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: *1420*/UBND-KT&HT  
V/v tham gia ý kiến các khu vực dự  
kiến quy hoạch khai thác cát, sỏi  
thuộc phạm vi lòng hồ thủy điện Hồi  
Xuân và thủy điện Thành Sơn.

Quan Hóa, ngày *20* tháng *11* năm *2018*

Kính gửi: Sở Xây dựng Thanh Hóa

Thực hiện Công văn số 6759/SXD-KVĐT ngày 13/11/2018 của Sở Xây dựng V/v xin ý kiến các đơn vị về các khu vực dự kiến quy hoạch khai thác cát, sỏi thuộc phạm vi lòng hồ thủy lợi, thủy điện và khu vực cửa sông, cửa biển.

Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo phòng chức năng kiểm tra thực tế tại các vị trí của lòng hồ thủy điện Hồi Xuân và thủy điện Thành Sơn; qua kiểm tra UBND huyện Quan Hóa có ý kiến như sau:

Đồng ý đề Sở Xây dựng trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Dự án Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm VLXD tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các vị trí của lòng hồ thủy điện Hồi Xuân và thủy điện Thành Sơn.

Ủy ban nhân dân huyện Quan Hóa báo cáo Sở Xây dựng và mong nhận được sự quan tâm chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Sở Xây dựng;
- Lưu: VT, KT&HT.



CHỦ TỊCH

Trương Nho Tự

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUAN HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: 1121/UBND-KT&HT

V/v tham gia ý kiến của cộng đồng dân cư đối với các mỏ, điểm mỏ cát dự kiến đưa vào Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm VLXD.

Quan Hoá, ngày 20 tháng 11 năm 2018

SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA	
ĐẾN	Số: ..... 2958 ..... Ngày: ..... 22/11/18 .....
Chuyển: .....	
Lưu hồ sơ số: .....	

VLXD, Ban VĐT

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa

Thực hiện Công văn số 14325/UBND-CN ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa Về việc tổ chức lấy ý kiến của cộng đồng dân cư đối với các mỏ, điểm mỏ cát dự kiến đưa vào Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm VLXD tỉnh Thanh Hóa đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2013.

Sau khi nhận được Công văn số 14325/UBND-CN của UBND tỉnh, UBND huyện Quan Hóa đã chỉ đạo UBND các xã có các điểm mỏ dự kiến đưa vào Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm VLXD lấy ý kiến cộng đồng dân cư;

Sau khi các xã tổng hợp ý kiến cộng đồng dân cư báo cáo UBND huyện thì cộng đồng dân cư quanh khu vực các mỏ, điểm mỏ cát đều đồng ý đưa vào Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm VLXD tỉnh Thanh Hóa đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2013.

Ủy ban nhân dân huyện Quan Hóa báo cáo UBND tỉnh, Sở Xây dựng Thanh Hóa để tổng hợp và triển khai các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Xây dựng;
- Lưu: VT, KT&HT.

**CHỦ TỊCH**



Trương Nho Tự

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SẦM SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4865 /UBND-TNMT

Sầm Sơn, ngày 28 tháng 11 năm 2018

V/v ý kiến cộng đồng dân cư đối với các bãi tập kết cát dự kiến đưa vào Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Kính gửi: Sở Xây dựng Thanh Hóa.

Thực hiện Công văn số 14325/UBND-CN ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư đối với các bãi tập kết cát dự kiến đưa vào Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Sầm Sơn.

Hiện nay trên địa bàn thành phố, có 03 bãi tập kết cát được UBND tỉnh cấp phép cho thuê bãi tập kết cát, vật liệu xây dựng trên tuyến đê hữu sông Mã gồm: Công ty TNHH Sơn Hoài Hải, địa điểm tập kết: khu phố Tân Lập, phường Quảng Tiến, thành phố Sầm Sơn; Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Thăng Long và Công ty TNHH thương mại tổng hợp Quyết Thắng địa điểm tập kết: khu phố Châu Giang, phường Quảng Châu, thành phố Sầm Sơn.

Sau khi rà soát, UBND thành phố Sầm Sơn báo cáo kết quả như sau:

1. Hai bãi tập kết cát của Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Thăng Long và Công ty TNHH thương mại tổng hợp Quyết Thắng, địa điểm tập kết tại khu phố Châu Giang, phường Quảng Châu, thành phố Sầm Sơn: nằm trong phạm vi nghiên cứu quy hoạch dự án khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí cao cấp và du lịch biển Sầm Sơn của tập đoàn SunGroup. Đề nghị Sở Xây dựng tham mưu cho UBND tỉnh không bổ sung 02 bãi tập kết cát này vào Quy hoạch tập kết vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, do không phù hợp với quy hoạch.

2. Bãi tập kết cát của Công ty TNHH Sơn Hoài Hải, địa điểm tập kết: khu phố Tân Lập, phường Quảng Tiến, thành phố Sầm Sơn:

Sau khi tham vấn ý kiến cộng đồng dân cư khu vực thực hiện dự án, các hộ dân thống nhất và tiếp tục cho công ty TNHH Sơn Hoài Hải kinh doanh và tập kết

cát tại khu phố Tân Lập, phường Quảng Tiến. Đề nghị Sở Xây dựng tham mưu cho UBND tỉnh bổ sung bãi tập kết cát của công ty TNHH Sơn Hoài Hải vào Quy hoạch tập kết vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Sầm Sơn.

UBND thành phố Sầm Sơn kính báo cáo Sở Xây dựng kết quả thực hiện.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- UBND tỉnh;
- TT. Thành ủy; TT. HĐND TP;
- Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- UBND các phường: Quảng Châu, Quảng Tiến;
- Lưu VT, TNMT (chiến).

(b/cáo);



CHỦ TỊCH

Nguyễn Tất Thắng



Ủy ban Nhân dân  
thành phố Thanh Hóa  
Tỉnh Thanh Hóa

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5199 /UBND-TNMT

TP. Thanh Hoá, ngày 27 tháng 11 năm 2018

V/v kết quả tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư đối với các mỏ, điểm mỏ cát dự kiến đưa vào Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Kính gửi: Sở Xây dựng.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Nguyễn Đức Quyền tại văn bản số 14325/UBND-CN ngày 13/11/2018 về việc tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư đối với các mỏ, điểm mỏ cát dự kiến đưa vào Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch).

Ngày 21/11/2018, UBND thành phố Thanh Hóa đã ban hành văn bản số 5118/UBND-TNMT chỉ đạo UBND các phường, xã có mỏ, bãi tập kết phối hợp với Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị, xã hội của phường, xã khẩn trương tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư xung quanh khu vực mỏ, điểm mỏ cát (bãi tập kết cát) trên địa bàn dự kiến đưa vào Quy hoạch.

Căn cứ các báo cáo của UBND các phường, xã về kết quả lấy ý kiến cộng đồng dân cư, UBND thành phố có báo cáo như sau:

Trên địa bàn thành phố Thanh Hóa dự kiến đưa vào Quy hoạch có: 03 mỏ cát và 14 bãi tập kết cát nằm trên địa bàn các phường, xã: Đông Hải, Tào Xuyên, Thiệu Dương, Thiệu Khánh, Hoàng Lý, Hoàng Anh, Hoàng Quang và Hoàng Đại.

Trong đó, có 6 phường, xã thống nhất đưa các mỏ, điểm mỏ vào Quy hoạch gồm: Đông Hải, Tào Xuyên, Thiệu Khánh, Hoàng Lý, Hoàng Anh và Hoàng Quang; 02 xã không thống nhất đưa các mỏ, điểm mỏ vào Quy hoạch gồm: Thiệu Dương và Hoàng Đại.

UBND thành phố Thanh Hóa báo cáo Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/cáo);
- Chủ tịch, các PC UBND t.phố;
- Phòng TNMT tp;
- Lưu: VP. *ly*

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Vũ Đức Kính**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN TỈNH GIA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 3753 /UBND- TNMT  
V/v tham gia ý kiến về các khu vực  
dự kiến quy hoạch khai thác cát, sỏi  
thuộc phạm vi lòng hồ thủy lợi và  
khu vực cửa sông, cửa biển.

Tỉnh Gia, ngày 21 tháng 11 năm 2018

SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA	
ĐẾN	Số: ..... 2493 .....
	Ngày: 23/11/18
Chuyển: .....	
Lưu hồ sơ số: .....	

Ban UVOT, VLOS

Kính gửi: Sở Xây dựng Thanh Hóa

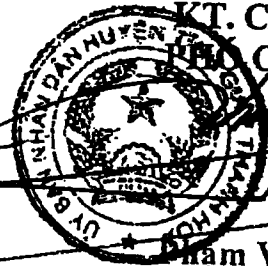
UBND huyện Tĩnh Gia nhận được công văn số 6750/SXD-KVĐT ngày 13/11/2018 của Sở Xây dựng về việc xin ý kiến các đơn vị về các khu vực dự kiến quy hoạch khai thác cát, sỏi thuộc phạm vi lòng hồ thủy lợi, thủy điện và khu vực cửa sông, cửa biển.

Sau khi xem xét nội dung văn bản và hồ sơ bản vẽ các khu vực lòng hồ thủy lợi, cửa sông, cửa biển và đường thủy nội địa gửi kèm theo. UBND huyện Tĩnh Gia thống nhất với các vị trí dự kiến quy hoạch khai thác cát sỏi thuộc phạm vi lòng sông, lòng hồ thủy lợi và khu vực cửa sông, cửa biển trên địa bàn huyện Tĩnh Gia do Sở Xây dựng lập.

UBND huyện Tĩnh Gia đề nghị Sở Xây dựng hoàn thiện trình Hội đồng Nhân dân tỉnh xem xét./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Thường trực Huyện ủy, HĐND (Báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu VT, TNMT.



**KT. CHỦ TỊCH  
HỘI CHỦ TỊCH**

**Nam Văn Nhiệm**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số *1674*/UBND - TNMT  
V/v tổ chức lấy ý kiến cộng đồng  
dân cư đối với các mỏ, điểm mỏ cát  
dự kiến đưa vào qui hoạch khai thác,  
thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên  
cát, sỏi làm vật liệu xây dựng  
trên địa bàn huyện Quảng Xương  
đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030

Quảng Xương, ngày 26 tháng 11 năm 2018

<b>SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA</b>	
<b>ĐẾN</b>	Số: ..... <i>7696</i> .....
	Ngày: ..... <i>20/11/18</i> .....
Chuyên: .....	
Lưu hồ sơ số: .....	

*VVD, Ban TNMT*  
Kính gửi:

- UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Xây dựng Thanh Hóa.

Thực hiện công văn số 14325/UBND-CN ngày 13/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh V/v tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư đối với các mỏ, điểm mỏ cát dự kiến đưa vào qui hoạch khai thác, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, UBND huyện đã chỉ đạo các phòng chuyên môn: Tài nguyên-Môi trường, Kinh tế-hạ tầng và UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện tiến hành kiểm tra, rà soát các khu vực có khoáng sản trên địa bàn huyện, kết quả cụ thể như sau:

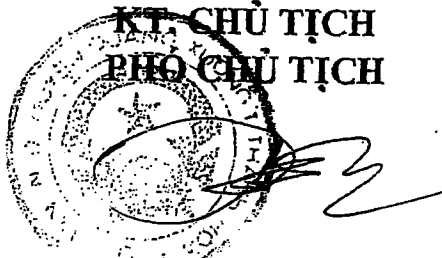
Quảng Xương là huyện đồng bằng ven biển. Hoạt động khoáng sản chủ yếu là tập kết, kinh doanh cát, sỏi, đá tự nhiên phục vụ nhu cầu xây dựng tại địa phương.

Trên địa bàn huyện: Không có mỏ cát tự nhiên; không có mỏ, điểm mỏ cát, sỏi làm vật liệu xây dựng được qui hoạch.

UBND huyện Quảng Xương báo cáo kết quả thực hiện đề UBND tỉnh, Sở Xây dựng biết và tiếp tục quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ tạo điều kiện cho huyện thực hiện ngày càng tốt hơn nhiệm vụ quản lý nhà nước về Tài nguyên khoáng sản trên địa bàn huyện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT H. uỷ, HĐND huyện (để báo cáo);
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND huyện (để b/c);
- Lưu VT, TN-MT, KT-HT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**  
  
Nguyễn Đình Dự

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGÀ SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1213 /UBND-KT&HT

Nga Sơn, ngày 26 tháng 11 năm 2018

Về việc tham gia ý kiến khu vực dự kiến quy hoạch khai thác cát, sỏi thuộc phạm vi lòng hồ thủy lợi, thủy điện và khu vực cửa sông, cửa biển trên địa bàn huyện Nga Sơn.

Kính gửi: Sở Xây dựng Thanh Hóa.

Thực hiện Công văn số 6759/SXD-KVĐT ngày 13/11/2018 của Sở Xây dựng Thanh Hóa về việc xin ý kiến các đơn vị về các khu vực dự kiến quy hoạch khai thác cát, sỏi thuộc phạm vi lòng hồ thủy lợi, thủy điện và khu vực cửa sông, cửa biển.

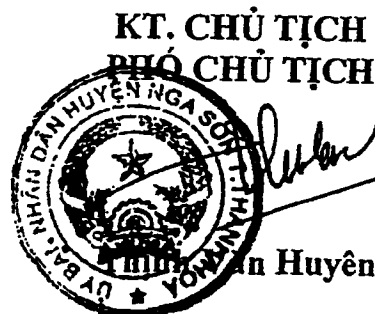
Sau khi lấy ý kiến tham gia của các ban ngành, địa phương, UBND huyện Nga Sơn có ý kiến tham gia về các khu vực dự kiến quy hoạch khai thác cát, sỏi thuộc phạm vi lòng hồ thủy lợi, thủy điện và khu vực cửa sông, cửa biển trên địa bàn huyện Nga Sơn, cụ thể như sau:

Khi tổ chức khai thác cát sỏi tại cửa Lạch Sung thuộc xã Nga Tân, cửa Lạch Càn thuộc xã Nga Tân, Nga Tiến làm thay đổi dòng chảy, tăng sự xói mòn tại vị trí này, đồng thời ảnh hưởng đến môi trường sinh thái nhất là khu vực rừng ngập mặn thuộc các dự án trồng rừng chắn sóng; vùng nuôi trồng thủy sản. Do vậy, để khai thác hiệu quả cát sỏi làm VLXD khu vực cửa sông Lạch Sung thuộc xã Nga Tân cửa Lạch Càn thuộc xã Nga Tân, Nga Tiến cần phải khảo sát có báo cáo khoa học về đánh giá tác động môi trường, đánh giá ảnh hưởng kinh tế đến các dự án trồng rừng chắn sóng và đời sống nhân dân vùng nuôi trồng thủy sản.

Vậy UBND huyện Nga Sơn tham gia ý kiến theo yêu cầu của Sở xây dựng Thanh Hóa.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Phòng KVĐT (b/c);
- Lưu: VT, KT&HT.





**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN HẬU LỘC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1166 /UBND-TNMT

Hậu Lộc, ngày 23 tháng 11 năm 2018

V/v tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư đối với các mỏ, điểm mỏ cát dự kiến đưa vào quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

<b>SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA</b>	
<b>ĐẾN</b>	Số: ..... 2594 .....
	Ngày: ..... 28/11/18 .....
Chuyên: .....	
Lưu hồ sơ số: .....	

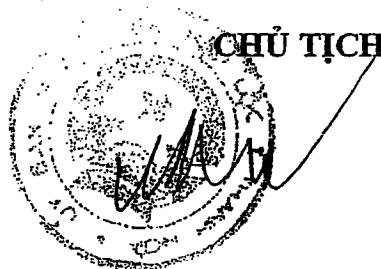
Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa;

Thực hiện công văn số 14325/STNMT-QLĐĐ ngày 13 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư đối với các mỏ, điểm mỏ cát dự kiến đưa vào quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Sau khi tiến hành rà soát, UBND huyện Hậu Lộc báo cáo như sau:

Trên địa bàn huyện không có các mỏ, điểm mỏ cát dự kiến đưa vào quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng Tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Trên đây là báo cáo của UBND huyện Hậu Lộc để Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh./.

**Nơi nhận:**  
-Như kính gửi;  
-Lưu VT, TNMT;



**Nguyễn Văn Luệ**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN NHƯ THANH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 106/VUBND-TNMT

V/v lấy ý kiến cộng đồng dân cư đối với các mỏ, điểm mỏ cát dự kiến đưa vào Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Như Thanh, ngày 27 tháng 11 năm 2018

SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA	
ĐẾN	Số: ..... 7667
	Ngày: ..... 30/11/18
Chuyển: .....	
Lưu hồ sơ số: .....	

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa

Thực hiện công văn số 14352/UBND-CN ngày 13/11/2018 của Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa về việc tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư đối với các mỏ, điểm mỏ cát dự kiến đưa vào Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, UBND huyện Như Thanh chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND các xã, thị trấn rà soát, thống kê các mỏ, điểm mỏ cát dự kiến đưa vào Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng trên địa bàn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Theo kết quả rà soát của UBND các xã, thị trấn và tổng hợp báo cáo của phòng Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn huyện Như Thanh không có các mỏ, điểm mỏ cát dự kiến đưa vào Quy hoạch thăm dò, khai thác trong giai đoạn từ năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

UBND huyện Như Thanh báo cáo kết quả để Sở Xây dựng được biết tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa;
- Chủ tịch, các PCT huyện;
- Phòng TNMT;
- Lưu VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đỗ Phùng Lương**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN NÔNG CỐNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1700 /UBND-TNMT

Nông Cống, ngày 28 tháng 11 năm 2018

V/v tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư đối với các mỏ, điểm mỏ cát dự kiến đưa vào Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030

SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA	
ĐẾN	Số: ..... 1686 ..... Ngày: ..... 20/11/18
Chuyển: .....	
Lưu hồ sơ số: .....	

*W. M. B. B. T.*

Kính gửi: Sở Xây dựng Thanh Hóa

Ngày 13/11/2018 Chủ tịch UBND tỉnh đã có được Công văn số 14325/UBND-CN về việc tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư đối với các mỏ, điểm mỏ cát dự kiến đưa vào Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến Năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, UBND huyện Nông Cống báo cáo kết quả thực hiện như sau:

- Về hồ sơ, tài liệu có liên quan: Đến nay, UBND huyện Nông Cống chưa nhận được sơ đồ, vị trí, tọa độ cụ thể đối với từng mỏ, điểm mỏ cát của Sở Xây dựng chuyển đến để làm cơ sở lấy ý kiến cộng đồng dân cư quanh khu vực mỏ, điểm mỏ cát dự kiến quy hoạch

- Về khảo sát thực tế: Trên địa bàn huyện Nông Cống không có khu vực nào được khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

UBND huyện Nông Cống báo cáo đề Sở Xây dựng tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Chủ tịch UBND huyện (để b/c);
- Lưu VT, Phòng TN&MT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**  
*Nguyễn Văn Tuấn*

Nguyễn Văn Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRIỆU SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3032 /UBND-KTHT

Triệu Sơn, ngày 28 tháng 11 năm 2018

V/v tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư đối với các mỏ, điểm mỏ cát dự kiến đưa vào Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

<b>SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA</b>	
<b>ĐẾN</b>	Số: ..... 2684 .....
	Ngày: ..... 30/11/18 .....
Chuyển:	.....
Lưu hồ sơ số:	.....

VLXD, Ban KTHT

Kính gửi: Sở Xây dựng Thanh Hóa.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại văn bản số 14325/UBND-CN ngày 13/11/2018 về việc tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư đối với các mỏ, điểm mỏ cát dự kiến đưa vào Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Sau khi rà soát UBND huyện Triệu Sơn báo cáo như sau:

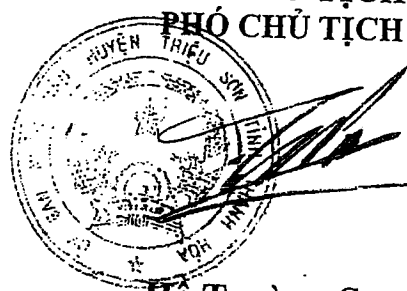
Hiện nay, trên địa bàn huyện Triệu Sơn không có mỏ, điểm mỏ cát nào.

Vậy UBND huyện Triệu Sơn báo cáo để Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh./. *AD*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, KTHT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hồ Trường Sơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BÌM SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2433 /UBND - QLĐT

Bim Sơn, ngày 28 tháng 11 năm 2018

V/v tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư đối với các mỏ, điểm mỏ cát dự kiến đưa vào Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030

SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA	
ĐẾN	Số: ..... 7687 ..... Ngày: ..... 30/11/18 .....
Chuyên: .....	
Lưu hồ sơ số: .....	

VLĐT, Ban QLĐT

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện Công văn số: 14325/UBND-CN ngày của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư đối với các mỏ, điểm mỏ cát dự kiến đưa vào Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; UBND thị xã Bim Sơn báo cáo như sau:

Thị xã Bim Sơn không thuộc phạm vi áp dụng lấy ý kiến cộng đồng dân cư quanh khu vực các mỏ, điểm mỏ cát vì trên địa bàn Thị xã không có các mỏ, điểm mỏ cát dự kiến đưa vào Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

UBND thị xã Bim Sơn báo cáo để Sở Xây dựng Thanh Hóa tổng hợp báo cáo UBND tỉnh Thanh Hóa.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tx (B/c);
- Lưu VP. QLĐT.



Mai Đình Lâm